

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

---

**DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP VIỆT NAM (WB8)**

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**  
**(ESIA)**

**TIỂU DỰ ÁN: SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ**  
**CHỨA NƯỚC NGÒI LÀ 2 – TỈNH TUYÊN QUANG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP VIỆT NAM (WB8)**

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**  
**(ESIA)**

**TIÊU DỰ ÁN: SỬA CHỮA NÂNG CẤP ĐẢM BẢO AN TOÀN**  
**HỒ CHỨA NƯỚC NGỒI LÀ 2 – TỈNH TUYÊN QUANG**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG VIỆN NƯỚC TƯỚI TIÊU VÀ MÔI**  
**TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**TRƯỜNG**

**Tuyên Quang, 2018**

---

## MỤC LỤC

<b>TÓM TẮT .....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN 1 – GIỚI THIỆU.....</b>	<b>4</b>
1.1 Cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động xã hội.....	4
1.2 Cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động môi trường.....	5
1.3 Đối tư vấn.....	5
<b>PHẦN 2 MÔ TẢ TIỂU DỰ ÁN.....</b>	<b>7</b>
2.1 Tổng quan về tiểu dự án.....	7
2.2 Các hạng mục chủ yếu của tiểu dự án.....	9
2.2.1 Các hạng mục chính .....	9
2.2.2 Danh mục nhân lực, máy móc, thiết bị phục vụ thi công.....	11
2.3 Phương pháp và tiến độ thực hiện.....	12
<b>PHẦN 3 - CHÍNH SÁCH VÀ KHUNG LUẬT PHÁP, THỂ CHẾ.....</b>	<b>13</b>
3.1 Các chính sách và quy định của quốc gia về an toàn môi trường và xã hội .....	13
3.1.1 Môi trường.....	13
3.1.2 Các quy định về an toàn đập .....	16
3.1.3 Việc thu hồi đất.....	16
3.1.4 Người dân tộc bản địa/dân tộc thiểu số .....	17
3.2 Những ảnh hưởng của chính sách quốc gia và quy định về các dự án được đề xuất.....	17
<b>PHẦN 4 CÁC ĐẶC ĐIỂM VỀ MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG DỰ ÁN.....</b>	<b>21</b>
4.1 Điều kiện vật lý .....	21
4.2 Môi trường sinh học.....	25
4.3 Môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa.....	26
4.3.1 Dân số .....	26
4.3.2 Kinh tế- xã hội .....	26
4.3.3 Tình hình kinh tế - xã hội của người dân trong vùng dự án: xã Trung Môn .....	27
4.3.4 Sử dụng đất ở xã Trung Môn.....	28
4.3.5 Tiếp cận các dịch vụ cơ bản .....	28
4.3.6 Sức khỏe và chăm sóc y tế.....	28
4.3.7 Giáo dục.....	29

4.3.8 Các cơ sở hạ tầng hiện có .....	29
4.3.9 Tài sản văn hóa .....	29
4.3.10 Giới và vai trò của phụ nữ .....	30
4.3.11 Lao động, việc làm và điều kiện sống .....	30
4.4 Dân tộc thiểu số.....	31
4.5 Các điều kiện nền cơ bản của khu vực thi công.....	31
<b>PHẦN 5 CÁC TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TIỀM TÀNG.....</b>	<b>36</b>
5.1 Lịch sử của tuyến đập và hồ chứa .....	36
5.2 Sàng lọc DTTS .....	36
5.3 Phân tích về giới.....	36
5.4 Các tác động tích cực tới môi trường và xã hội .....	37
5.5 Các tác động tiêu cực tiềm tàng tới môi trường và xã hội .....	38
5.5.1 Giai đoạn trước khi thi công.....	38
5.5.2 Các tác động tiềm tàng trong giai đoạn xây dựng .....	39
5.5.3 Tác động tiềm tàng trong giai đoạn vận hành .....	43
<b>PHẦN 6 – PHÂN TÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN THAY THẾ .....</b>	<b>44</b>
6.1 Không có phương án thay thế .....	44
6.2 Phương án thực hiện dự án.....	45
<b>PHẦN 7 KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMP).....</b>	<b>47</b>
7.1 Các biện pháp giảm thiểu .....	47
7.2 Kế hoạch giám sát môi trường và xã hội (ESMoP) .....	50
7.2.1 Kế hoạch giám sát môi trường.....	50
7.2.2 Kế hoạch giám sát xã hội.....	51
7.2.3 Ước tính đơn giá cho giám sát môi trường, xã hội .....	52
7.2.4 Đào tạo, tăng cường năng lực về quản lý môi trường .....	52
7.2.5 Yêu cầu các báo cáo.....	53
7.3 Tổ chức thực hiện.....	55
7.3.1 Các cơ quan và trách nhiệm.....	55
7.3.2 Đánh giá thực hành quản lý môi trường xã hội hiện tại và năng lực quản lý đập .....	56
7.4 Kinh phí thực hiện ESMP .....	56
<b>PHẦN 8 – THAM VẤN Ý KIẾN CÁC BÊN.....</b>	<b>57</b>
8.1 Mục tiêu của tham vấn cộng đồng .....	57
8.2 Tham vấn đánh giá tác động xã hội .....	57

8.3 Tham vấn đánh giá tác động môi trường .....	58
8.4 Công bố ESIA .....	60
<b>CÁC PHỤ LỤC.....</b>	<b>62</b>
<b>PHỤ LỤC A – MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>62</b>
Phụ lục A1 –BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA KHU VỰC DỰ ÁN.....	62
Phụ lục A2 - KHUNG CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ VÀ QUY ĐỊNH .....	64
Phụ lục A3 – CÁC BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG .....	70
Phụ lục A4- THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (ĐƯỢC ĐÍNH KÈM TRONG HỒ SƠ ĐẦU THẦU VÀ HỢP ĐỒNG THI CÔNG) .....	73
Phụ lục A5 – QUẢN LÝ SÂU HẠI TỔNG HỢP (IPM).....	116
<b>PHỤ LỤC B – XÃ HỘI.....</b>	<b>122</b>
Phụ lục B1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN.....	122
Phụ lục B2: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG .....	124
Phụ lục B3: CHIẾN LƯỢC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG, THAM GIA VÀ TRUYỀN THÔNG.....	128
Phụ lục B4 KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI.....	131
Phụ lục B5- MÔ TẢ HỆ THỐNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI.....	135
Phụ lục B6 - MÔ TẢ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ THỰC HIỆN BAO GỒM TỔ CHỨC, THỂ CHẾ VÀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ .....	139
Phụ lục B7- QUY TRÌNH PHÁT HIỆN CỐ VẬT .....	147
Phụ lục B7- QUY TRÌNH PHÁT HIỆN CỐ VẬT .....	147
Phụ lục B8- ĐỀ CƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP (EPP) CHO HỒ NGỒI LÀ 2.....	148
Phụ lục B9: QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, Mìn, VẬT NỔ .....	156

---

## DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH VẼ

Bảng 1 – Danh sách cán bộ thực hiện báo cáo ESIA .....	5
Bảng 2 – Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình trước và sau dự án.....	10
Bảng 3 - Danh mục dự kiến máy móc, thiết bị phục vụ thi công .....	12
Bảng 4- Lượng mưa tháng, năm các trạm vùng nghiên cứu .....	21
Bảng 5- Mưa gây lũ theo tần suất.....	22
Bảng 6 – Chất lượng nước mặt.....	23
Bảng 7 - Chất lượng nước ngầm .....	24
Bảng 8 – Chất lượng đất.....	25
Bảng 9 – Hiện trạng sử dụng đất tại xã Trung Môn.....	28
Bảng 10 - Các nhóm thu nhập phân theo giới (%) .....	30
Bảng 11 - Tự đánh giá mức sống .....	31
Bảng 12 – Vật liệu đào và đắp.....	41
Bảng 13 – Tóm tắt các biện pháp giảm thiểu .....	48
Bảng 14 – Kế hoạch giám sát môi trường .....	50
Bảng 15 - Giám sát xã hội trong giai đoạn xây dựng .....	51
Bảng 16 - Giám sát xã hội trong giai đoạn vận hành .....	51
Bảng 17 - Dự toán kinh phí giám sát môi trường, cho giai đoạn thi công .....	52
Bảng 18 - Chi phí thực hiện đào tạo tăng cường năng lực .....	52
Bảng 19 - Các loại báo cáo giám sát môi trường, xã hội.....	53
Hình 1 – Vị trí TDA .....	7
Hình 2: Đỉnh đập bong troc và sạt lở bên vai trái .....	8
Hình 3: Tràn xả lũ.....	8
Hình 4 – Mặt bằng TDA.....	9
Hình 5 – Mặt cắt ngang điển hình của đập.....	10
Hình 6 – Bình đồ khu vực dự án.....	11
Hình 7 – Hiện trạng của tuyến đập.....	32
Hình 8 – Hiện trạng của tràn xả lũ .....	33
Hình 9: Tràn xả lũ, dốc nước và kênh hạ lưu.....	33
Hình 10 – Cống lấy nước.....	33
Hình 11 – Nuôi cá lồng trong hồ .....	34
Hình 12 – Tuyến số 1 .....	34
Hình 13 – Điểm bắt đầu và kết thúc của tuyến đường quản lý .....	35
Hình 14 – Bãi đổ thải .....	35
Hình 15 – Mỏ đất đắp .....	35
Hình 16- Hình ảnh về nhà và đất bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất .....	38
Hình 17 – Cảnh quan đặc trưng của tuyến vận chuyên thứ 2 .....	40
Hình 18 - Hình ảnh hiện trạng mái thượng lưu .....	44
Hình 19 – Kênh sau tràn xả lũ .....	45

---

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BAH	Bị ảnh hưởng
BOD	Nhu cầu oxy sinh học
CPO	Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (thuộc Bộ NN&PTNT)
CSC	Tư vấn giám sát xây dựng hiện trường
CSEP	Hợp đồng Kế hoạch môi trường cụ thể
DO	Nhu cầu oxy
DTTS	Dân tộc thiểu số
EIA	Đánh giá tác động môi trường
ESIA	Đánh giá tác động môi trường xã hội
ECOP	Quy định hành động môi trường
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
ESMP	Kế hoạch Quản lý môi trường xã hội
ESMoF	Kế hoạch giám sát môi trường xã hội
ESMF	Khung Quản lý môi trường và xã hội
GOV	Chính phủ Việt Nam
IMC	Công ty quản lý thủy nông
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
OP	Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới
PPC	Hội đồng nhân dân tỉnh
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn quốc gia
RAP	Kế hoạch tái định cư
RPF	Khung chính sách tái định cư
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TNMT	Sở Tài nguyên & Môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDA	Tiểu Dự án
VLXD	Vật liệu xây dựng
UBND	Ủy ban nhân dân
WB	Ngân hàng Thế giới
WUO	Tổ chức dùng nước

## TÓM TẮT

1. “*Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2*” là một trong các tiêu dự án được xem xét thực hiện trong năm đầu của dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập Việt Nam (DRSIP) được Ngân hàng Thế giới hỗ trợ. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) này được chuẩn bị tuân thủ theo Chính sách an toàn của WB và Luật bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

2. **Bối cảnh:** Hồ chứa nước Ngòi Là 2 thuộc xã Trung Môn cách Thành Phố Tuyên Quang 7km về phía Nam, hồ được xây dựng từ năm 1973. Hồ có diện tích lưu vực 16,7 km<sup>2</sup>, dung tích hồ chứa 3,24x10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>. Cụm công trình đầu mối và các công trình phụ trợ của hồ chứa nước Ngòi Là 2 gồm các hạng mục sau:

- **Đập:** Đập được xây dựng bằng đất đồng chất với chiều cao 15m, chiều dài 556 m. Đỉnh đập ở cao độ 44,5m; chiều rộng 3,5m;
- **Tràn xả lũ:** chiều rộng Btr = 5,0m; kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm; nối tiếp bằng dốc nước và tiêu năng bằng bể;
- **Công lấy nước:** bố trí tại vai phải đập bằng bê tông cốt thép. Hình thức công là công hộp có tháp van điều khiển phía thượng lưu;
- **Đường quản lý vận hành:** (i) Đường đi hồ Ngòi Là 2 từ Quốc lộ 2: Mới được đầu tư xây dựng bằng đá dăm thâm nhập nhựa; Bmặt đường = 3,5m; chiều dài L = 2430m; (ii) Đường từ hồ Ngòi Là 1 đi hồ Ngòi Là 2: Đường đất, chiều dài từ hồ Ngòi Là 2 đến đường cấp phối qua hồ Ngòi Là 1 L = 1,8km. Độ dốc đường tương đối lớn, mùa mưa đi lại rất khó khăn.

3. Do thời gian sử dụng đã lâu, đập đất đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn và cần được sửa chữa, nâng cấp. Các vấn đề được ghi nhận là sạt lở, rò rỉ nước. Đặc biệt là tình trạng sạt lở nghiêm trọng ở mặt đập thượng lưu trong khi chân đập hạ lưu bị rò nước do nước từ lòng hồ thấm qua thân và chân đập. Tràn xả lũ được gia cố BTCT đã bị sạt lở và các hạng mục tiêu thoát nước đã bị hư hại. Kênh dẫn thượng lưu cong không đủ năng lực dẫn nước xả lũ. Công lấy nước hiện vẫn vận hành bằng tay, cửa vận hành và cửa sửa chữa đều không kín nước, bị rò rỉ rất nhiều. Mặc dù đã được gia cố một số chỗ hư hỏng, nhưng nhiều hạng mục của công trình xuống cấp, khả năng điều tiết và tích nước của hồ thấp. Theo chính sách an toàn đập của Ngân hàng, sự an toàn của công trình trong trường hợp lũ tối đa có thể (Possible Maximum Flood-PMF) cần được xem xét.

4. **Đề xuất nâng cấp sửa chữa:** Các hạng mục được đề xuất nâng cấp sửa chữa bao gồm: (i) xử lý thấm thân và nền đập, xử lý xói lở cục bộ; (ii) gia cố mái thượng lưu bằng bê tông và đá xây, trồng cỏ và bổ sung các rãnh thoát nước ở hạ lưu; (iii) thay thế van và gioăng của công lấy nước; (iv) mở rộng tràn từ 5 m lên 17 m để đảm bảo an toàn cho đập chính kể cả trong trường hợp lũ cao nhất có thể và xây cầu qua tràn; nạo vét đoạn kênh từ sau tràn xả lũ tới trạm bơm Đồng Khoán, gia cố đá xây 2 đoạn với tổng chiều dài khoảng 300, để tránh sạt lở do việc mở rộng tràn xả lũ làm tăng lưu lượng nước qua tràn và (v) nâng cấp 1,8 km đường quản lý, đi lại. Mục đích chính của TDA là: (i) Đảm bảo an toàn hồ chứa trong quá trình khai thác thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tính an toàn đối với người và CSHT khu vực hạ lưu; (ii) Đảm bảo mục tiêu thiết kế ban đầu tưới ổn định cho 1,054 ha diện tích sản xuất lúa 2 vụ và 6,11 ha rau màu thuộc khu tưới hiện tại thuộc các xã Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn; các phường Ý La, Tân Hà, Hưng Thành thuộc Thành phố Tuyên Quang; và (iii) Đảm bảo cung cấp nước cho 15ha nuôi trồng thủy sản.



5. **Kết quả sàng lọc môi trường và xã hội:** Dựa trên sàng lọc môi trường, xã hội, TDA không nằm trong hoặc nằm gần các khu vực lưu trú tự nhiên đặc biệt và không có các loài hiếm và bị đe dọa trong khu vực. Không có các khu vực, kiến trúc, di tích văn hóa, tín ngưỡng, lịch sử đặc biệt trong và ở khu vực xung quanh với công trường thi công. Với vấn đề người dân tộc thiểu số, 95% người dân sống tại xã Trung Môn là người Kinh, là nhóm dân tộc chủ yếu trong cấu trúc dân cư của Việt Nam. Không có người DTTS bị ảnh hưởng bởi TDA cũng như có mặt trong khu vực TDA. Đập có chiều cao 15m và dung tích của hồ là hơn 3 triệu m<sup>3</sup> được xếp loại đập lớn theo chính sách an toàn đập của Ngân hàng và do đó một kế hoạch an toàn đập cần được đệ trình để xem xét bởi các chuyên gia.

6. **Các tác động môi trường và xã hội:** Các tác động tiềm tàng của tiểu dự án phần lớn mang tính tích cực. Dự kiến các cộng đồng sẽ được hưởng lợi từ các tác động sau: (i) cung cấp nguồn nước đảm bảo và ổn định, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống người dân địa phương; (ii) nâng cao an toàn đập nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân ở hạ lưu đập. Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án sẽ có một số tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro về môi trường tự nhiên và xã hội liên quan tới: (i) thu hồi đất và GPMB, mất thảm phủ thực vật và cây cối do việc bị chặt hạ; (ii) nguy cơ đối với vật liệu nổ có thể còn sót lại tại công trường từ chiến tranh; (iii) nguy cơ an toàn đối với công nhân và cộng đồng địa phương liên quan tới các hoạt động thi công, vận hành các máy móc, phương tiện thi công; (iv) các tác động thi công phổ biến khác như phát sinh khói, bụi, chất thải, nước thải, làm hư hại hệ thống đường bộ của địa phương. Vấn đề cần lưu ý nhất trong giai đoạn vận hành là nguy cơ ngập lụt ở hạ lưu tràn xả lũ sau khi tràn được mở rộng.

7. **Các biện pháp giảm thiểu:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng kể trên. Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và Kế hoạch quản lý môi trường xã hội (ESMP) đã được chuẩn bị. RAP ước tính 3.340.580.513 VNĐ (tương đương 159.072,7 USD) được chi trả cho các hộ bị ảnh hưởng. Khoản kinh phí 988.711.000 VNĐ (tương đương 45.942 USD) được sử dụng để rà phá bom mìn trên diện tích rộng 20,6 ha đất dọc đường được nâng cấp và khu vực bên vai trái tràn xả lũ, vị trí tràn sẽ được mở rộng sang trước khi tiến hành thi công. Để giảm thiểu các tác động tiềm tàng liên quan đến khói, bụi, tiếng ồn, cản trở giao thông, an toàn giao thông, TDA đã lựa chọn nâng cấp tuyến đường có hiện trạng xuống cấp nhưng đi qua ít nhất số hộ dọc đường (10 hộ) để sử dụng trong quá trình thi công. Kinh phí dự kiến để nâng cấp đường vận chuyển/quản lý là khoảng 4,18 tỉ VNĐ hoặc tương đương 194.560 USD. Để hạn chế những ảnh hưởng liên quan đến khoảng 49.824m<sup>3</sup> đất đào, tiểu dự án dự định sẽ tái sử dụng 20.020m<sup>3</sup> để đắp. Phần còn lại sẽ được đổ tại bãi thải. Tường chắn cao 2 m sẽ được dựng lên quanh bãi thải để ngăn đất đá thải không tràn xuống ruộng lúa ở khu hạ lưu phía xa. Các tác động do thi công khác sẽ được quản lý thông qua biện pháp và lịch trình thi công phù hợp và các yêu cầu về thông số môi trường sẽ được yêu cầu như 1 phần của tài liệu mời thầu thi công. Các tác động tiềm tàng liên quan tới việc tăng lưu lượng tiêu thoát nước lũ qua tràn xả lũ xuống khu vực hạ lưu sẽ được nghiên cứu và giải quyết trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật chi tiết của TDA. Đơn vị quản lý TDA hồ Ngòi là 2 có trách nhiệm đảm bảo ESMP được thực hiện trong quá trình thiết kế chi tiết, mời thầu và giai đoạn thi công.

8. **Tham vấn cộng đồng:** Được tổ chức vào ngày 23 tháng 1 năm 2015 với khoảng 200 người tham gia tại Nhà văn hóa, thôn 23, xã Kim Phú. Người tham gia bao gồm đại diện của Ủy ban nhân dân xã, Ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội, các hộ gia đình bị ảnh hưởng và người dân địa phương trong khu vực dự án. Tư vấn đánh giá tác động môi trường và xã hội: Diện tích đất bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án chủ yếu là đất nông nghiệp và đất trồng do CPC quản lý. Các hộ bị ảnh hưởng mong muốn nhận được thông tin cập nhật về tiến độ thực

hiện tiểu dự án. Các hộ bị ảnh hưởng muốn được bồi thường đầy đủ và rõ ràng theo giá thay thế đối với tài sản bị thiệt hại và giá thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng tạm thời. Cả nam và nữ đều tham gia vào các tổ chức địa phương và đề xuất ý tưởng liên quan đến tiểu dự án; do đó vấn đề giới đã được đảm bảo, 100% đồng ý với các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như được trình bày trong báo cáo. Đề xuất với chủ dự án áp dụng các quy định phù hợp với cam kết giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như quản lý và giám sát chất lượng môi trường. Ngoài ra, một cuộc tư vấn nhỏ đã được tổ chức trước đó.

9. **Kế hoạch hành động TĐC (RAP).** Tính đến tháng 6 năm 2018 diện tích đất bị thu hồi vĩnh viễn để thực hiện dự án là 58.664,5 m<sup>2</sup>, trong đó 26.772,7 m<sup>2</sup> sẽ được sử dụng cho thi công tuyến đường và 31.399,8 m<sup>2</sup> được thu hồi để thi công tuyến đập và tràn. 01 hộ gia đình sẽ phải di dời do xây dựng trong hành lang an toàn của tuyến đập (Đất của hộ đang sử dụng thuộc sở hữu của Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang). 01 tổ chức và 35 hộ gia đình khác bị ảnh hưởng, 7.200 cây bị chặt, chủ yếu là bạch đàn, mít, ổi, bồ đề, keo, mỡ, thanh long, bưởi, xoài, cây tạp.... Trong đó, số tiền để chi trả cho các khoản đền bù và hỗ trợ về đất, tài sản và vật kiến trúc trên đất và cây cối/hoa màu là 1,258,600.413 VNĐ, các khoản hỗ trợ khác là 2.081.980.100 VNĐ. Tổng số 3.340.580.513 VNĐ (tương đương 159.072,7 USD) sẽ được chi trả cho các hộ BAH.

10. **Đánh giá rủi ro vỡ đập:** Hạ lưu đập là khu dân cư các xóm 2, 3, 4, 5 và 6 với khoảng hơn 500 hộ dân và tương đương 2.000 người. Chạy song song với tuyến đập phía hạ lưu là tuyến quốc lộ 2 và một phần cơ sở hạ tầng của thành phố Tuyên Quang. Hiện tại, đập Ngòi Là 2 đang bảo vệ cho các công trình cơ sở hạ tầng sau: 10km đường giao thông, 6,8 km kênh, 1 trường học, 2 cơ quan hành chính và 2 tuyến đường điện 35kV. Nếu xảy ra hiện tượng vỡ đập chính, mất mát về người và tài sản của người dân là không thể lường trước được.

11. **Phân bổ kinh phí:** Kinh phí dự tính thực hiện TDA là **47.978.088.000 VNĐ**. Kinh phí dự kiến cho việc thực hiện ESMP là 609.158.000 VNĐ (tương đương \$ 27.943), trong đó: 501.158.000 VNĐ được sử dụng cho việc quan trắc; nâng cao năng lực: 28.000.000 VNĐ; đào tạo IPM: 80.000.000 VNĐ.

## PHẦN 1 – GIỚI THIỆU

“*Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2*” là một trong 12 tiểu dự án được xác định thực hiện trong năm đầu của dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập Việt Nam (DRSIP). Dự án DRSIP được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới để hỗ trợ Chương trình An toàn Đập đề xuất bởi Chính phủ Việt Nam để nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo an toàn cho một số các đập và hồ chứa được ưu tiên. Mục tiêu chính của việc sửa chữa đập là bảo vệ các CSHT hạ lưu của đập cũng như tăng cường sự ổn định và hiệu quả vận hành của các hồ chứa. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) này được chuẩn bị tuân thủ theo Chính sách an toàn của Wb và Luật bảo vệ Môi trường (LEP) Việt Nam.

### 1.1 Cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động xã hội

Mục đích của việc đánh giá xã hội (SA), được thực hiện đồng thời với đánh giá môi trường của TDA, với hai mục tiêu: Thứ nhất, xem xét các tác động tiềm năng của các tiểu dự án tích cực và tiêu cực trên cơ sở kế hoạch triển khai các hoạt động của dự án. Thứ hai, tìm kiếm từ việc thiết kế các biện pháp giải quyết các tác động tiêu cực tiềm tàng và đề xuất các hoạt động phát triển cộng đồng có liên quan đến các mục tiêu phát triển của dự án. Việc xác định các tác động tiêu cực là không thể tránh được, tham vấn với người dân địa phương, các cơ quan chính phủ, các bên liên quan dự án, v.v, sẽ được thực hiện để đảm bảo người dân bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường và hỗ trợ một cách thỏa đáng và kịp thời để ít nhất các hoạt động kinh tế-xã hội của họ phục hồi về mức trước khi có dự án, và về lâu dài đảm bảo cuộc sống của họ sẽ không bị xấu đi, được coi như một kết quả của các tiểu dự án.

Một phần của đánh giá xã hội, là các dân tộc thiểu số (DTTS) đang sống trong khu vực TDA - được đánh giá và khẳng định sự có mặt của họ trong khu vực TDA thông qua sàng lọc về người DTTS (theo chính sách OP 4.10 của Ngân hàng), tham vấn với họ một cách cởi mở, họ được thông báo trước, thông tin theo cách thức phù hợp, để xác định rằng có cần hỗ trợ cho cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng tại địa phương khi thực hiện tiểu dự án hay không. Sàng lọc DTTS được tiến hành theo hướng dẫn OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới, và đã được thực hiện trong phạm vi và khu vực các đánh giá xã hội tương ứng với phạm vi đánh giá môi trường (theo OP 4.01). Một phân tích về giới cũng được thực hiện như một phần của SA để mô tả các đặc điểm về Giới trong khu vực tiểu dự án (từ góc độ tác động của dự án) để cho phép lồng ghép vấn đề giới vào thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao hơn nữa hiệu quả phát triển của các tiểu dự án, và toàn bộ dự án. Tùy thuộc vào quy mô của các tác động tiềm năng của dự án đã được nhận diện, và mục tiêu phát triển dự án, kế hoạch hành động về giới và giám sát kế hoạch hành động giới đã được chuẩn bị (kế hoạch trong Phụ lục B4 của ESIA).

Để đảm bảo tất cả các tác động tiềm năng có thể được xác định trong quá trình chuẩn bị dự án, các SA đã được tiến hành thông qua hàng loạt các cuộc tham vấn với các bên khác nhau liên quan tới dự án. Một phần quan trọng được quan tâm là cấp hộ gia đình, những người BAH tiềm năng bởi dự án (cả tích cực và tiêu cực). Các kỹ thuật đánh giá được thực hiện để lập SA này bao gồm 1) xem xét các dữ liệu thứ cấp, 2) quan sát thực địa; 3) các cuộc thảo luận nhóm tập trung/họp cộng đồng (29 hộ), 4) phỏng vấn sâu, và 5) khảo sát các hộ gia đình (311 hộ).

Tổng cộng 340 người đã tham gia trả lời để đánh giá tác động xã hội cho tiểu dự án này, trong đó có 311 người tham gia cuộc khảo sát hộ gia đình (định lượng), và 29 người tham gia vào

các nhóm thảo luận nhóm tập trung, các cuộc họp cộng đồng, phỏng vấn sâu (chất lượng).

Trong Phần 5, chúng tôi sẽ trình bày những phát hiện của SA (tác động tích cực và tiêu cực), bao gồm cả các kết quả của các phân tích giới. Trong phần 4, chúng tôi sẽ trình bày vắn tắt về những kết quả SA, cùng với các khuyến nghị trên cơ sở những kết quả SA. Xin lưu ý rằng một kế hoạch hành động về giới và kế hoạch giám sát kế hoạch hành động giới được trình bày tại Phụ lục B4 của ESIA này. Các kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng và Chiến lược tham vấn cộng đồng và truyền thông cũng đã được trình bày tại Phụ lục B2 và B3, tương ứng.

## 1.2 Cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tác động môi trường

*Phương pháp điều tra khảo sát thực địa:* Thu thập, tổng hợp kết quả các nghiên cứu hiện có liên quan đến dự án; Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện địa hình, địa chất; Điều kiện khí tượng, thủy văn; Điều kiện kinh tế - xã hội tại khu vực xây dựng dự án. Phương pháp này được sử dụng để thiết lập điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực dự án.

*Phương pháp điều tra xã hội học:* Điều tra phỏng vấn người dân bị ảnh hưởng, lãnh đạo các địa phương vùng bị ảnh hưởng và vùng hưởng lợi.

*Phương pháp đánh giá nhanh:* Sử dụng các hệ số ô nhiễm của tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập để: Đánh giá tải lượng ô nhiễm trong khí thải và nước thải; Xây dựng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm; Ước tính tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn xây dựng và hoạt động của dự án, từ đó đánh giá định lượng và định tính về các tác động ảnh hưởng đến môi trường.

*Phương pháp so sánh:* Đánh giá các tác động bằng cách so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng đất, nước, tiếng ồn, không khí và các tiêu chuẩn môi trường có liên quan khác.

## 1.3 Đội tư vấn

Đội tư vấn thực hiện báo cáo ESIA gồm các chuyên gia của Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam.

Địa chỉ văn phòng: Số 2/165 – Chùa Bộc – quận Đống Đa – Hà Nội.

Người đại diện: PGS. TS. Đoàn Doãn Tuấn, Viện trưởng.

Tel.: 04.38537952

Fax: 043.5634809.

Các chuyên gia tham gia trong quá trình nghiên cứu và xây dựng báo cáo ESIA bao gồm:

**Bảng 1 – Danh sách cán bộ thực hiện báo cáo ESIA**

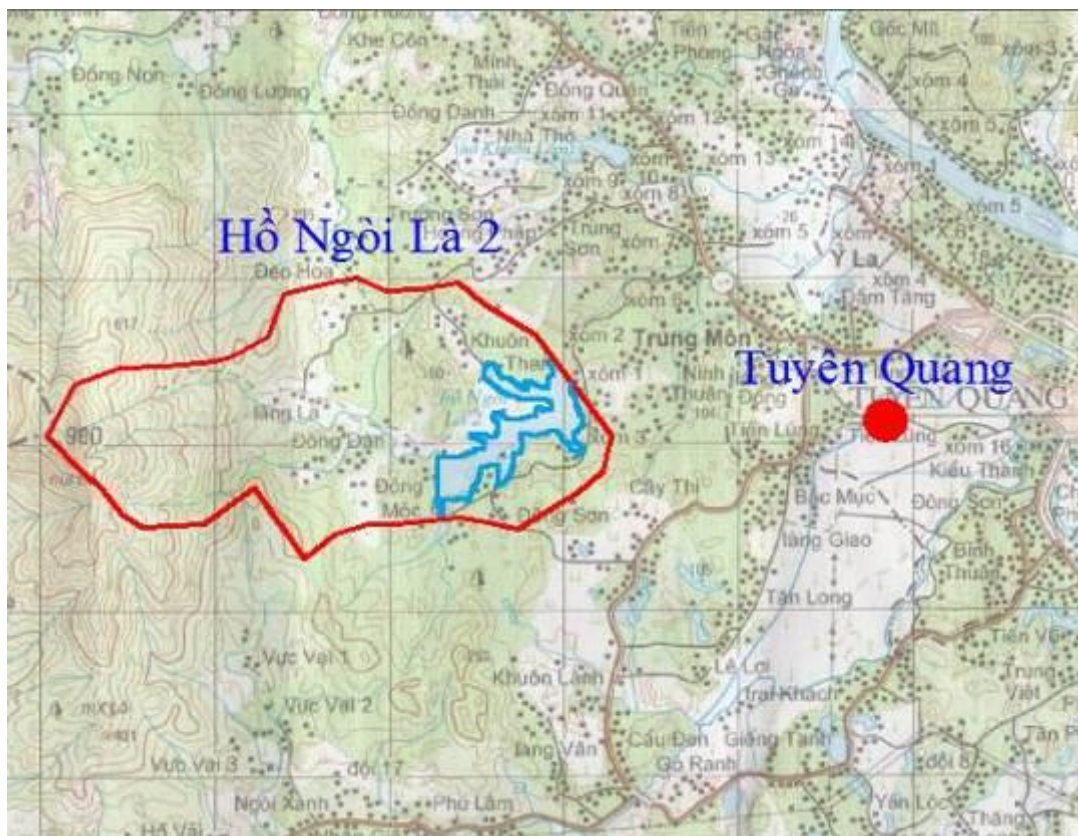
TT	Họ và tên	Chuyên ngành	Vị trí
1	ThS. Dương Thị Kim Thu	Quản lý tài nguyên nước	Đội trưởng
2	PGS.TS Đoàn Doãn Tuấn	Quản lý tưới tiêu	Chuyên gia Thủy lợi
3	TS. Vũ Thế Hải	Công trình thủy lợi	Chuyên gia công trình Thủy lợi

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Vị trí</b>
4	ThS. Phí Thị Hằng	Thủy văn - Môi trường	Chuyên gia thủy văn – môi trường
5	ThS. Bùi Ban Mai	Quản lý Môi trường	Chuyên gia chất lượng nước
6	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Quản lý Môi trường	Chuyên gia môi trường
7	ThS. Đào Kim Lư	Môi trường	Chuyên gia môi trường
8	CN Hoàng Thị Hoài Thu	Xã hội học	Chuyên gia xã hội và giới
9	ThS. Đặng Thị Hà Giang	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường	Chuyên gia kinh tế

## PHẦN 2 MÔ TẢ TIỂU DỰ ÁN

### 2.1 Tổng quan về tiểu dự án

Tiểu dự án “*Nâng cấp đảm bảo an toàn Hồ chứa nước Ngòi Là 2*” sẽ được thực hiện tại xã Trung Môn cách thành phố Tuyên Quang 8km.



Hình 11 – Vị trí TDA

Hồ chứa được xây dựng từ năm 1973. Hồ có dung tích 3,31 triệu m<sup>3</sup> cao trình mực nước dâng bình thường là 41,5 m, trong đó dung tích hữu ích là 3,24 triệu m<sup>3</sup>, dung tích chết của hồ là 0,07 triệu m<sup>3</sup> (70.000 m<sup>3</sup>). Cao trình mực nước chết là +34m. Hồ có diện tích lưu vực 16,7 km<sup>2</sup>. Nước được cấp tới hồ Ngòi Là 2 từ hồ Ngòi Là 1 và suối Là. Hệ thống hồ Ngòi Là 2 gồm các hạng mục sau:

*Tuyến đập:* Đập đất đồng chất với chiều cao lớn nhất 15 m. Đỉnh đập ở cao độ 44,8m, chiều dài 556 m, chiều rộng 4m. Đỉnh đập đã bị xuống cấp và thiếu các thiết bị đảm bảo an toàn như tường chắn, thiết bị cột tiêu, chiếu sáng. Thượng lưu và hạ lưu mặt đập chưa được gia cố và bị ảnh hưởng nghiêm trọng do xói lở, thậm chí chỗ bị xói sâu tới 70-80cm, hình thành các hố sâu. Mặt đập hạ lưu bị lấn chiếm do việc trồng cây với mật độ dày, có thể dễ dàng quan sát hiện tượng rò rỉ.



**Hình 22: Đỉnh đập bong tróc và sạt lở bên vai trái**

*Tràn xả lũ* có cao trình + 41,5m, nằm bên vai trái của đập, có chiều rộng 5 m, kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm; Lưu lượng xả lũ (1,5%) tương ứng 26,52 m<sup>3</sup>/s; hình thức nối tiếp là dốc nước và bể tiêu năng. Bề mặt tràn và đáy dốc nước được bọc BTCT còn tốt, độ dốc của đoạn cuối dốc khá lớn. Phần tường bên tràn được xây bằng đá, thời gian đã lâu, các thiết bị thoát nước bị hư hỏng tạo thành các dòng thấm dọc theo chân tường cả mặt trong lẫn mặt ngoài. Một số vị trí bị bong tróc. Chiều cao tường cơ bản là thấp dẫn đến đất đá hai bên tràn vào dốc nước và cây mọc ken lẫn với kết cấu tường. Đất đắp sau tường dốc nước bên phải xuất hiện nhiều hố xói, sụt do dòng chảy mặt và dòng thấm tạo nên.



**Hình 3: Tràn xả lũ**

*Cống lấy nước* là cống tròn D800mm, dài 55m. Cống được lắp đặt có cao trình 33m; lưu lượng thiết kế 0,64 m<sup>3</sup>/s; Cửa lấy nước không kín gây thất thoát nhiều.

*Có 2 đường tới tuyến đập*: Một tuyến dài 1,885m, bề rộng mặt đường 3m. Tuyến đường đất có hiện trạng xuống cấp, nhiều đoạn cua gấp và dốc, trơn trượt và khó di chuyển trong mùa mưa.

Mục đích chính của việc cải tạo nâng cao an toàn đập và hồ chứa là: (i) Đảm bảo an toàn hồ chứa trong quá trình khai thác thích ứng với biến đổi khí hậu; (ii) Đảm bảo mục tiêu thiết kế ban đầu tưới ổn định cho 354,13 ha diện tích sản xuất lúa và 6,11ha rau màu cả năm thuộc khu tưới hiện tại thuộc các xã Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn; các phường Ý La, Tân Hà, Hưng Thành thuộc Thành phố Tuyên Quang; và (iii) Đảm bảo cung cấp nước cho 15ha nuôi trồng thủy sản.

Đơn vị chủ dự án là Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Số. 150, Xuân Hòa, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang. SĐT (027) 3.818.950. Tổng vốn đầu tư thực hiện TDA là 47.978.088.000 VNĐ (*Bốn mươi bảy tỉ chín trăm bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).



**Hình 43 – Mặt bằng TDA**

## **2.2 Các hạng mục chủ yếu của tiểu dự án**

### **2.2.1 Các hạng mục chính**

*Tuyến đập:*

Đối với thân đập: Trong phạm vi vùng thấm, khoan các hố từ đỉnh đập đến nền, bơm vữa xi măng sét và các phụ gia khác vào các hố khoan với áp lực đủ lớn để dung dịch thâm nhập vào các kẽ rỗng của đất đắp, tạo màng kín ngăn nước thấm.

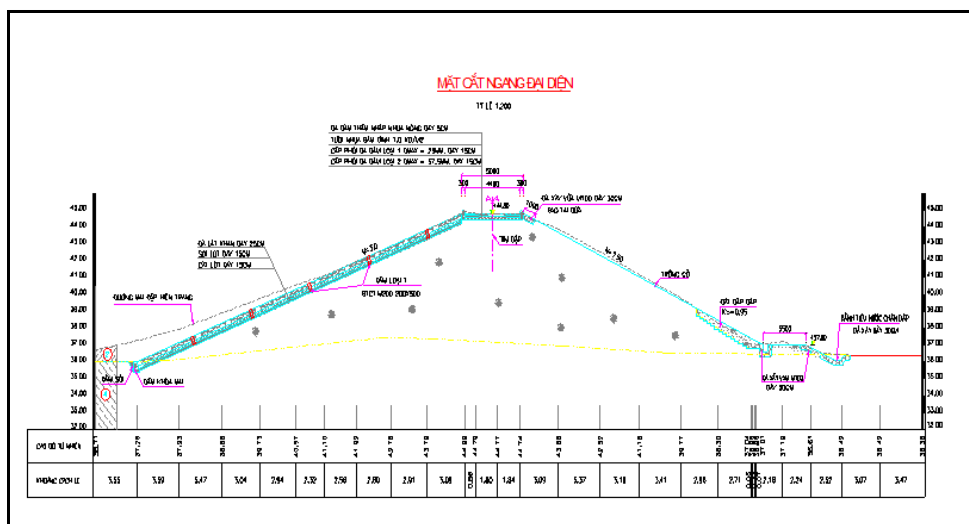
Đối với nền đập: Sử dụng vữa xi măng và các phụ gia phụt vào đá nền.

Đối với mái thượng lưu: Xử lý xói lở và đắp áp trúc mái; Bóc lớp đất thực vật, xử lý mặt tiếp xúc với khối đắp mới; Dùng đất đắp lại theo hệ số mái cũ. Gia cố bằng đá lát trong khung bê tông.

Đối với mái hạ lưu: Bóc lớp đất thực vật, xử lý mặt tiếp xúc với khối đắp mới; Dùng đất đắp lại theo hệ số mái cũ. Gia cố trồng cỏ và đóng đá mái hạ lưu.

Đối với mặt đất: Bổ sung nguồn điện thấp nhất 22kV để phục vụ chiếu sáng





Hình 54 – Mặt cắt ngang điển hình của đập

**Cống lấy nước:** sửa chữa van để khắc phục rò rỉ, bổ sung nguồn điện thấp nhất 22kV để vận hành công lấy nước.

**Trần xả lũ:** Mở rộng trần từ B = 5m thành B = 17m về phía đôi vai trái đập; Kết cấu toàn bộ phần làm mới bằng BTCT M200 dày 20cm, dưới là BT lót M100 dày 10cm. Làm lại cầu qua trần bằng BTCT rộng 5,0m dài 17m. Nạo vét kênh sau tràn đoạn từ bể tiêu năng tới trạm bơm Đồng Khoán, gia cố 2 đoạn với tổng chiều dài khoảng 300m để tránh sạt lở do lưu lượng nước chảy trên kênh lên vì mở rộng trần.

**Tuyến đường:** Nâng cấp tuyến đường dài 1,885 m phía bên vai phải tuyến đập.

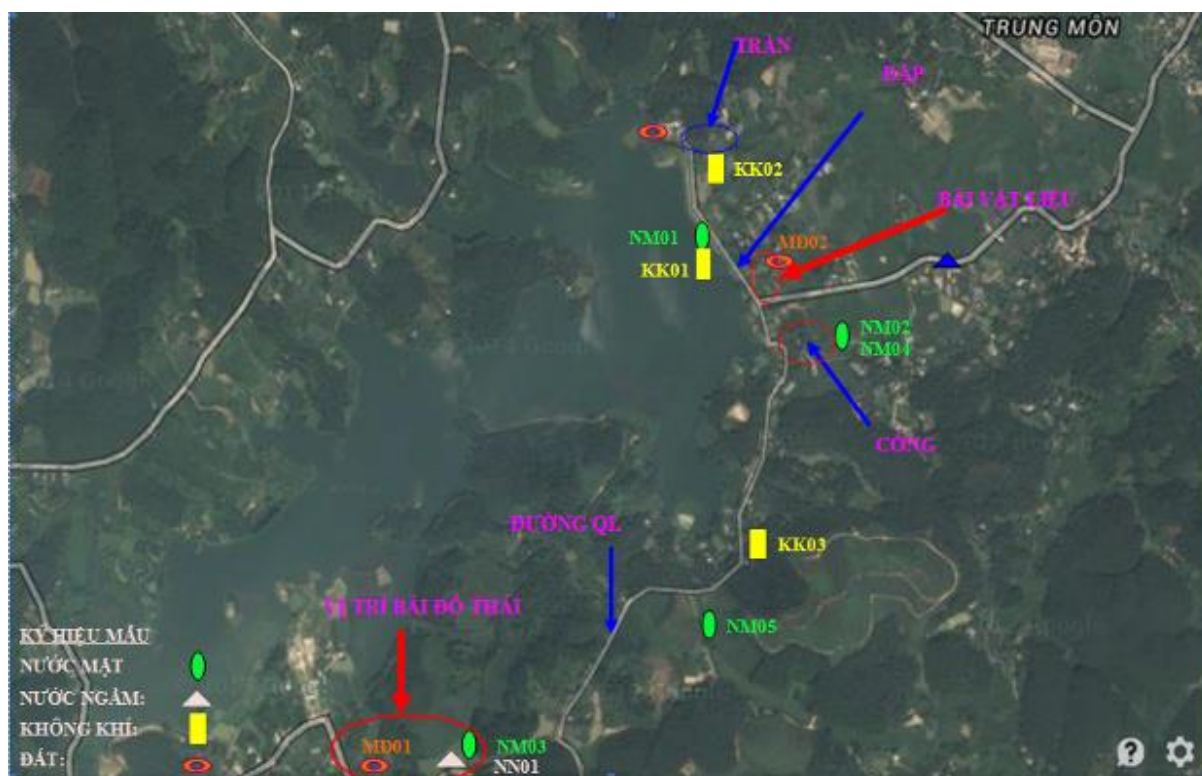
Tổng khối lượng vật liệu đắp là 20.020m<sup>3</sup>, khối lượng đất đào là 49.824 m<sup>3</sup>, trong đó, 20.020m<sup>3</sup> đất đào sẽ được tận dụng làm đất đắp và 35.588 m<sup>3</sup> đất sẽ được đổ tại bãi thải.

1.000 m<sup>2</sup> đất công cộng quản lý bởi UBND xã nằm dọc đường vận chuyển dự kiến được sử dụng để dựng các công trình phục vụ thi công như nhà điều hành, tuy nhiên do người dân đã sử dụng để trồng cây lâu năm nên Ban chỉ huy công trường được đặt tại Xóm 1, xã Trung Môn... Diện tích của khu đất mượn tạm làm khu tập kết vật liệu xây dựng là 1.300 m<sup>2</sup> và một diện tích rộng 2,05 ha sẽ được sử dụng làm bãi đổ thải.

Bảng 2 – Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình trước và sau dự án

	Hạng mục	Đơn vị	Trước	Sau
1.	Hồ chứa			
	Diện tích lưu vực	Km <sup>2</sup>	16,7	16,7
	Ngòi Là 1	Km <sup>2</sup>	3	3
	Ngòi Là 2	Km <sup>2</sup>	13,7	13,7
	Dung tích tổng	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	3310	3310
	Dung tích hữu ích	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	3240	3240
	Dung tích chết	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	70	70

	Mức nước dâng bình thường	m	41,5	41,5
	Mức nước dâng gia cường	m	43,5	43,37
	Mức nước lũ (0.5%)	m		43,65
	Mức nước chết	m	34	34
2.	Đập			
	Cao trình đỉnh đập	m	44,8	44,8
	Chiều rộng	m	3,5	3,5
	Chiều dài	m	556	556
	Chiều cao lớn nhất		15	15.3
3.	Cống lấy nước			
	Cao trình	m	33	33
4.	Tràn xả lũ			
	B	5	17	
	Cao trình	41.5	41,5	
	Q (1.5%)	26,52	66,9	



**Hình 65 – Bình đồ khu vực dự án**

### 2.2.2 Danh mục nhân lực, máy móc, thiết bị phục vụ thi công

Giai đoạn chuẩn bị giải phóng mặt bằng cần huy động khoảng 20-30 công nhân trong thời gian ngắn (1 tháng). Số lượng công nhân tập trung tại công trường vào thời kì cao điểm thi

công là khoảng 50 người.

**1Bảng 3 - Danh mục dự kiến máy móc, thiết bị phục vụ thi công**

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy ủi 110 CV	2
2	Máy đào 1,6m <sup>3</sup>	3
3	Xe tải tự đổ 7 ÷ 10 T	5
4	Máy trộn 250 lít	3
5	Máy đầm bê tông	10
6	Máy phát điện 100 KVA	2
7	Máy bơm nước 120 m <sup>3</sup> /h	2

### **2.3 Phương pháp và tiến độ thực hiện**

Tổng thời gian thực hiện TDA dự kiến là 2 năm, thi công đập, tràn xả lũ và sửa chữa cống lấy nước sẽ được ưu tiên thực hiện trong mùa khô năm đầu tiên. Việc thi công đường giao thông và các hạng mục khác sẽ được tiến hành trong năm thứ 2.

Trước khi tiến hành thi công, hồ sẽ không tích nước, duy trì mực nước trong hồ dưới cao trình +37,5m vào đầu tháng thi công thứ nhất. Tiến hành đắp đê quai tại mỗi đoạn dọc chân khay trong quá trình thi công, mỗi đoạn dài 150 tới 200m ở cao trình +38m. Trong năm đầu tiên đập sẽ thi công đến cao trình mực nước dâng bình thường +41,5m. Nước sẽ được bơm ra ngoài đê quai trước khi tiến hành thi công mặt đập.

Thi công công lấy nước: dự kiến trong 2 tháng (từ tháng 3 đến hết tháng 4 năm đầu tiên)

## PHẦN 3 - CHÍNH SÁCH VÀ KHUNG LUẬT PHÁP, THỂ CHẾ

### 3.1 Các chính sách và quy định của quốc gia về an toàn môi trường và xã hội

Phần này cung cấp ngắn gọn những chính sách của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng liên quan tới môi trường và xã hội. Phụ lục 1 sẽ mô tả cụ thể hơn về các chính sách và quy định này.

#### 3.1.1 Môi trường

Luật Bảo vệ môi trường (Số 55/2014/QH13) ban hành ngày 23/6/2014 và Thông tư số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14 Tháng 2 2015 về Kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường là khung pháp lý quan trọng để quản lý môi trường ở Việt Nam. Luật Bảo vệ môi trường cung cấp các quy định pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường; biện pháp và nguồn lực được sử dụng cho mục đích bảo vệ môi trường; quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao nhiệm vụ với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường được áp dụng đối với cơ quan quản lý, các cơ quan công quyền, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Luật Bảo vệ môi trường gồm quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường. Theo Điều 10, chương II Luật Bảo vệ môi trường, trách nhiệm trong chuẩn bị các kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như sau:

- 1) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập quy hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường.
- 2) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chịu trách nhiệm xây dựng các quy trình hoặc chuẩn bị các kế hoạch về bảo vệ môi trường tại địa phương.

Thêm vào đó, luật cũng chỉ ra để tham khảo thêm, kiểm tra và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường (Điều 11, Chương II) cũng như danh sách các đối tượng cần được đánh giá môi trường chiến lược được nêu trong phụ lục I và II của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ:

- o Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham khảo ý kiến với các Bộ, cơ quan quản lý và Ủy ban nhân dân các tỉnh, ban hành văn bản và giữ trách nhiệm tư vấn chính thức cho các cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan trong việc chuẩn bị quy hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường.
- o Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham khảo ý kiến với các sở, cơ quan quản lý và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) bằng văn bản và giữ trách nhiệm tư vấn chính thức cho các cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan trong quá trình chuẩn bị quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Kiểm tra và phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường được yêu cầu như sau:

- o Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng kiểm tra liên ngành và chuẩn bị kế hoạch cấp quốc gia về bảo vệ môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ nhằm mục đích được chấp thuận cho kế hoạch đó.
- o Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các báo cáo quy hoạch cấp tỉnh về bảo vệ môi trường sau khi được tư vấn bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan Chính phủ có trách nhiệm thành lập hội

đồng hoặc tổ chức lựa chọn các tổ chức dịch vụ đánh giá để xem xét báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trong phạm vi thẩm quyền quyết định và phê duyệt, trừ dự án liên ngành, liên tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc tổ chức lựa chọn các tổ chức dịch vụ đánh giá để xem xét báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án diễn ra trong phạm vi lãnh thổ và chủ thể thẩm quyền quyết định phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Quản lý: Đơn vị là các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao theo quy định tại Nghị định 29/2008 / NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

Mục 3 Chương II của Luật BVMT mô tả các yêu cầu đánh giá tác động môi trường. Chủ của các dự án quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này cần tự thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn để thực hiện việc đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm theo luật định cho kết quả kết luận sau khi tiến hành đánh giá. Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị của dự án. Kết quả kết luận sau khi tiến hành đánh giá tác động môi trường phải được thể hiện trong các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chi phí phát sinh từ việc xây dựng và kiểm tra các báo cáo đánh giá tác động môi trường được bao gồm trong tổng ngân sách đầu tư chi trả bởi chủ dự án.

Theo Điều 21 của Luật BVMT, tham vấn được yêu cầu trong quá trình đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tham vấn cần được tập trung giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường và con người và đảm bảo sự phát triển bền vững của dự án. Chủ dự án có nghĩa vụ phải tham khảo ý kiến với các cơ quan quản lý, tổ chức và cộng đồng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Điều 22 của Luật BVMT mô tả phạm vi của báo cáo ĐTM. Báo cáo sẽ bao gồm: (i) nguồn gốc của dự án, chủ dự án, và các cấp có thẩm quyền của dự án, phương pháp đánh giá tác động môi trường; (ii) đánh giá các lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và mọi hoạt động liên quan đến dự án có thể gây ra những tác động xấu đến môi trường; (iii) đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội tại khu vực mà dự án được thực hiện, khu vực lân cận và tính phù hợp của các trang khu công trường được lựa chọn cho dự án; (iv) đánh giá và dự báo các nguồn phát thải, và các tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (v) đánh giá, dự báo và xác định các biện pháp quản lý rủi ro của dự án gây ra cho môi trường và sức khỏe cộng đồng; (vi) các biện pháp xử lý chất thải; (vii) các biện pháp để giảm thiểu các tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (viii) Kết quả tham vấn; (ix) chương trình quản lý và giám sát môi trường; (x) dự toán ngân sách cho việc xây dựng công trình bảo vệ môi trường và các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu các tác động môi trường; và (xi) các phương án áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 23 của Luật BVMT xác định thẩm quyền để xác minh báo cáo ĐTM. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sắp xếp để xác minh các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau đây: (a) Các dự án thuộc quyền quyết định đầu tư của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; (b) Các dự án liên ngành, liên tỉnh quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 18 của Luật này, bao gồm các thông tin thuộc các dự án bí mật trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh quốc gia; và (c) Dự án do Chính phủ giao thẩm định. Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình nhưng không thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối

tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 26 của Luật BVMT mô tả trách nhiệm của các chủ dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các trách nhiệm bao gồm - Khoản 1: Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khoản 2: Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật này, chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 27 của Luật BVMT giải thích trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành. Bao gồm – Khoản 1: Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; và Khoản 2: Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Điều 28 của Luật BVMT đề cập đến trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bao gồm Khoản 1: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khoản 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của chủ đầu tư dự án được quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án. Trường hợp phải phân tích các chỉ tiêu môi trường phức tạp thì thời gian cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

Điều 13 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP explains điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường. Khoản 1: Chủ dự án, tổ chức tư vấn khi thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có đủ các điều kiện dưới đây – (a) Có cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này; (b) Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ đại học trở lên và (c) Có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn được xác nhận đủ điều kiện thực hiện đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích mẫu về môi trường phục vụ việc đánh giá tác động môi trường của dự án; trường hợp không có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn đáp ứng yêu cầu, phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực. Khoản 2: Cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có trình độ đại học trở lên và phải có chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường đúng chuyên ngành và Khoản 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường.

Thêm vào đó, các điều quan trọng khác có liên quan được mô tả chi tiết hơn trong Phụ lục:

Điều 14: các cấp thẩm quyền cho quy mô khác nhau phê duyệt báo cáo EIA và thời hạn;

Điều 15: tái lập báo cáo ĐTM;

Điều 16: Trách nhiệm của chủ dự án liên quan đến các báo cáo ĐTM đã được phê duyệt;

Điều 17: Kiểm tra và xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án;

Điều 21: Báo cáo.

### 3.1.2 Các quy định về an toàn đập

Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ Việt Nam về quản lý an toàn đập. Theo Nghị định này, một con đập lớn là đập với chiều cao tính từ chân đập tới đỉnh đập bằng hoặc lớn hơn 15 mét hoặc đập của hồ chứa nước với quy mô dung tích bằng hoặc lớn hơn 3.000.000 m<sup>3</sup> (ba triệu mét khối). Đập nhỏ là đập với chiều cao tính từ chân đập tới đỉnh đập nhỏ hơn 15 mét. Chủ sở hữu đập là tổ chức, cá nhân sở hữu đập để khai thác các lợi ích của hồ chứa nước hoặc được giao quản lý, vận hành và khai thác hồ chứa nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập trong các lĩnh vực.

Trong chương 4 của Nghị định số 18/2015/ NĐ-CP ngày 14/02/2015, từ Điều 12 đến Điều 17 đã quy định trong việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc thực hiện các dự án và các các biện pháp giảm nhẹ được thiết kế để bảo vệ môi trường trước và sau khi dự án chính thức hoạt động. Trong Điều 12 của Nghị định này cũng liên quan đến quy trình đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án, chủ dự án phải tổ chức cuộc họp để tham vấn cộng đồng, chẳng hạn như Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã) bị ảnh hưởng (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc Ủy ban nhân dân trong địa phương thực hiện dự án; phân tích các ý kiến phản hồi, ý kiến thu được từ các nhóm bị ảnh hưởng, và xem xét các tác động có lợi cũng như bất lợi của dự án đến cộng đồng để thiết kế các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học, cộng đồng. Theo phụ lục số 2 của Nghị định, dự án phải thực hiện EIA nếu dung tích hồ chứa bằng hoặc lớn hơn 100.000m<sup>3</sup>. Theo quy định của Chính phủ Việt Nam, tất cả các tiêu dự án được đề xuất trong dự án DRSIP phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA).

### 3.1.3 Việc thu hồi đất

Khuôn khổ pháp lý của Chính phủ Việt Nam: Các khuôn khổ pháp lý liên quan đến thu hồi đất, bồi thường và tái định cư được dựa trên Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi), và các nghị định / hướng dẫn có liên quan khác. Các văn bản pháp luật chủ yếu áp dụng cho RPF này bao gồm các nội dung sau:

- Hiến pháp Việt Nam 2013;
- Luật Đất đai 45/2013 / QH13 đã được áp dụng từ 1 tháng 7 năm 2014;
- Nghị định số 43/2014 / NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 44/2014 / NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 cung cấp về phương pháp xác định giá đất khung giá đất được điều chỉnh, bảng giá đất; định giá đất cụ thể và các hoạt động tư vấn về giá đất;
- Nghị định số 47/2014 / NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 cung cấp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất của Nhà nước;
- Nghị định số 38/2013 / NĐ-CP ngày 23 tháng tư năm 2013, về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới;
- Nghị định số 72/2007 / NĐ-CP ngày 07 tháng 5 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
- Nghị định số 201/2013 / NĐ-CP ngày vào ngày, 27 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Thông tư số 36/2014 / TT-BTNMT ngày 30 tháng sáu năm 2014, quy định phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể và định giá đất tư vấn;

- Thông tư số 37/2014 / TT-BTNMT ngày 30 tháng sáu năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 1956/2009 / QĐ-TTg, ngày 17 tháng 11 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg, ngày 16 Tháng Mười Một 2012, về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho nông dân bị thu hồi đất nông nghiệp đã được Nhà nước thu hồi;
- Các văn bản khác.

Các luật, nghị định và các quy định liên quan đến quản lý đất đai, thu hồi đất và tái định cư gồm Luật Xây dựng 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014, các hoạt động xây dựng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân đầu tư vào các công trình xây dựng dân dụng và các hoạt động xây dựng; Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thay thế bằng Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 12 Tháng 2 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng và thay thế Nghị định 16/2005/NĐ-CP, Nghị định 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng chính thức Quỹ Hỗ trợ phát triển (ODA), và Nghị định 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, quy định rằng tất cả các văn bản đăng ký tài sản gia đình và quyền sử dụng đất phải ghi tên của cả vợ và chồng; Quyết định của các tỉnh dự án liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh cũng sẽ được áp dụng cho mỗi tỉnh dự án có liên quan.

### 3.1.4 Người dân tộc bản địa/dân tộc thiểu số

Việt Nam có một khá nhiều các chính sách và các chương trình được thiết kế đặc biệt để hỗ trợ phát triển dân tộc thiểu số. Chính phủ Việt Nam (GOV) đã rất quan tâm đến phúc lợi của các nhóm dân tộc thiểu số này. Ủy ban Dân tộc và Miền núi là cơ quan chính phủ ngang Bộ, được giao các chức năng phụ trách quản lý người dân tộc thiểu số và miền núi. Một hồ sơ quốc gia của Việt Nam được xuất bản bởi Nhóm quốc tế làm việc về các vấn đề bản địa (IWGIA) báo cáo rằng:

“Người bản địa là công dân của nhà nước Việt Nam và hưởng các quyền hiến pháp bảo đảm với các ngôn ngữ và truyền thống văn hóa .... Ở cấp độ lập pháp, "Hội đồng Dân tộc" có nhiệm vụ tham mưu cho Quốc hội về vấn đề dân tộc thiểu số và giám sát, kiểm soát việc thực hiện các chính sách dân tộc thiểu số của chính phủ và các chương trình phát triển ở các vùng dân tộc thiểu số.”

Tài liệu này cũng báo cáo rằng từ những năm 1960, một số chính sách và các chương trình đã được thiết kế đặc biệt cho các dân tộc thiểu số, nhưng chủ yếu là nhằm mục đích gắn kết họ vào với xã hội chứ không phải cho phép tăng cường các thể chế của họ. Về vấn đề đất đai, báo cáo cũng nêu rằng "điểm nổi bật là hiện nay pháp luật tại Việt Nam cho phép cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rừng, trong năm 2004, Quốc hội đã thông qua một luật đất đai mới, phù hợp nhất cho người dân bản địa, hiện nay bao gồm các chủng loại "đất xã". Bằng việc giới thiệu các khái niệm về đất xã, luật mới quy định về khả năng của cộng đồng để xin giấy chứng nhận đối với đất đai.

### 3.2 Những ảnh hưởng của chính sách quốc gia và quy định về các dự án được đề xuất

Dựa trên phân tích của các khuôn khổ pháp lý quốc gia, dự án sẽ phải thực hiện các yêu cầu và quy trình tối thiểu sau đây:

- PPMU hoặc các công ty tư vấn tiến hành ĐTM phải có cán bộ có ít nhất bằng đại học trở lên phụ trách ĐTM và Giấy chứng nhận thực hiện tư vấn ĐTM. Các đơn vị này cần có đủ năng lực để thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu, xử lý và phân tích các mẫu môi trường phục vụ các EIA (Điều 13 của Nghị định).



- Xem xét bản chất của các tiểu dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) phải đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM (Điều 14 của Nghị định). UBND tỉnh sẽ thu xếp để xác minh các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (Điều 23 của Luật BVMT).
- Việc kiểm tra báo cáo ĐTM được thực hiện bởi các Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM được thành lập bởi những người đứng đầu cơ quan thẩm định báo cáo với ít nhất 07 thành viên. Thành viên của Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM sẽ bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 thành viên thư ký, 02 thành viên phản biện và các thành viên khác, trong đó ít nhất 30% các thành viên hội đồng đánh giá có ít nhất 06 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực EIA (Điều 14 của Nghị định).
- Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM là trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin thẩm định hợp lệ (Điều 14 của Nghị định).
- PPMU sẽ phải tuân thủ các yêu cầu và quy định trong việc phê duyệt báo cáo EIA. Đối với bất kỳ sự thay đổi, chủ dự án phải văn bản giải thích tới PPC (Điều 26 của Luật BVMT).
- PPMU sẽ phải thông báo cho UBND tỉnh và các đập được sửa chữa sẽ được bắt đầu sau khi các cơ quan phụ trách việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được kiểm tra và chứng nhận hoàn thành công tác bảo vệ môi trường (Điều 27 của Luật BVMT).
- PPMU sẽ chuẩn bị một báo cáo hoàn thành cho công tác bảo vệ môi trường và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh phải kiểm tra và cấp giấy chứng nhận hoàn thành công tác môi trường (Điều 28 của Luật BVMT).
- Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các tiểu dự án được thực hiện bởi một đoàn thanh tra được thành lập bởi các lãnh đạo của PPC (Điều 17 của Nghị định).
- UBND tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM, đăng ký và kiểm tra kế hoạch bảo vệ môi trường cụ thể, kiểm tra và phê duyệt cho các công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong những năm trước đó đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 1 hàng năm (Điều 21 của Nghị định).
- Bộ NN & PTNT có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM, kiểm tra và phê duyệt cho các công trình bảo vệ môi trường của các năm trước liên quan đến dự án do mình quản lý đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước 15 tháng 1 hàng năm (Điều 21 của Nghị định).

### 3.3 Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới

Mục tiêu của chính sách an toàn là để ngăn chặn và giảm thiểu tác động không đáng có cho người dân và môi trường trong quá trình phát triển. Chính sách an toàn cung cấp một nền tảng cho sự tham gia của các bên liên quan trong thiết kế dự án, và thực thi như một công cụ quan trọng để xây dựng sở hữu giữa người dân địa phương.

Hiệu quả và việc hình thành tác động của các dự án và các chương trình hỗ trợ của Ngân hàng đã tăng lên đáng kể như là kết quả của việc xem xét đến các chính sách này. Các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được cung cấp ở các trang web của Ngân hàng: <http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,menuPK:584441~pagePK:64168427~piPK:64168435~theSitePK:584435,00.html>.

### 3.4 Ý nghĩa của chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới đối với các dự án được đề xuất

Tám chính sách của Ngân hàng Thế giới đã được kích hoạt cho các dự án bao gồm: Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01), Môi trường sinh sống tự nhiên (OP/BP 4.04), Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09), Tài nguyên vật lý văn hóa (OP/BP 4.11), người bản địa (OP/BP 4.10),

Tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12), An toàn Đập (OP/BP 4.37) và Dự án Đường thủy Quốc tế (OP/BP 7.50).

Theo WB Chính sách hoạt động (OP 4.01), bản chất của việc đánh giá môi trường phải được thực hiện trong một tiêu dự án cụ thể phần lớn sẽ phụ thuộc vào danh mục của các tiêu dự án. Như đã đề cập trước đó, Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới (OP) 4.01 phân loại các dự án thành ba loại chính (nhóm A, B và C), tùy thuộc vào loại, vị trí, độ nhạy, quy mô của dự án, tính chất và mức độ của tác động tiềm tàng. Xem xét các rủi ro môi trường và sự phức tạp liên quan đến một số lượng lớn các tiêu dự án được thực hiện trong một khu vực rộng rãi, dự án đã được xếp vào hạng "A". Tuy nhiên, các tiêu dự án được tài trợ trong dự án có thể được phân loại là 'A' hoặc 'B' hoặc 'C' tùy theo mức độ, phạm vi và tác động của các tiêu dự án cụ thể.

Các hoạt động thể chất của dự án sẽ được thực hiện trên các con đập hiện có và có thể sẽ không dẫn đến chuyển đổi hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên quan trọng hoặc bán quan trọng. Tuy nhiên, cần thiết phải xem xét phạm vi, sàng lọc và đánh giá tác động tiềm năng như là một phần của đánh giá tác động MT-XH tiêu dự án. Dự án sẽ không tài trợ cho bất kỳ việc mua sắm các loại phân bón và thuốc trừ sâu nào.

Tuy nhiên, do đập được nâng cấp, sửa chữa diện tích nông nghiệp có thể được tăng lên, sử dụng các loại phân bón và thuốc trừ sâu trong các khu ruộng được phục vụ của dự án nhiều có thể tăng lên. Dự án sẽ thúc đẩy việc áp dụng Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và hướng dẫn đã được bao gồm trong ESMF.

Do vị trí chính xác của tiêu dự án chưa được biết ở giai đoạn này, có khả năng một số tuyến đường đi lại được nâng cấp sửa chữa có thể đi qua các khu vực có tài nguyên văn hóa vật thể. Các tác động này sẽ được xem xét như là một phần của việc sàng lọc môi trường / đánh giá của các tiêu dự án khác nhau. Ngoài ra, thủ tục “Phát hiện” cần phù hợp với pháp luật địa phương về di sản sẽ được đánh giá để không làm ảnh hưởng đến bất kỳ nguồn lực vật chất, văn hóa nào.

Dự án có thể can thiệp vào khu vực nơi người dân bản địa sống (địa điểm cụ thể của tiêu dự án sẽ được xác định trong quá trình thực hiện). Ngoài ra, dự án có thể yêu cầu thu hồi đất và tái định cư. Như vậy, một khung chính sách dân tộc (EMPF) và Khung chính sách tái định cư (RPF) là bắt buộc đối với dự án và sẽ được chuẩn bị riêng.

Dự án sẽ không tài trợ xây dựng bất kỳ con đập mới nào hoặc thay đổi đáng kể trong cơ cấu đập. Chính sách này được kích hoạt như các dự án sẽ tài trợ phục hồi và cải tạo các đập hiện có bao gồm cả các đập lớn (chiều cao 15 mét hoặc hơn). Vì vậy, nó đòi hỏi phải sắp xếp một hoặc nhiều hơn các chuyên gia đập độc lập để (a) Kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn của các đập hiện có, các công trình phụ trợ của nó, và lịch sử hoạt động của đập; (b) xem xét và đánh giá các thủ tục của chủ sở hữu đối với các hoạt động và bảo dưỡng; và (c) cung cấp cho báo cáo bằng văn bản về các phát hiện và khuyến nghị cho bất kỳ công việc sửa chữa hoặc nâng cao an toàn nào cần thiết liên quan để nâng cấp các đập hiện có để một hiệu quả theo đúng yêu cầu về an toàn. Chính sách và thực tiễn liên quan đến an toàn đập cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như khung quy định Ngân hàng Thế giới cho an toàn đập. Những biện pháp này được thiết kế thành các dự án, trong đó bao gồm việc thành lập một ban đánh giá an toàn đập (DSRP). Ngoài ra dự án sẽ thành lập Hội đồng độc lập các chuyên gia về an toàn đập (PoE), người sẽ thực hiện đánh giá độc lập các báo cáo an toàn đập và các biện pháp giảm thiểu đề xuất. PoE này sẽ làm việc chặt chẽ với các DSRP đã được lập để đảm bảo tính toàn vẹn của các can thiệp đầu tư kỹ thuật. Mỗi tiêu dự án sẽ có Kế hoạch An toàn đập riêng biệt (DSP) ngoài các ESIA

Có sáu lưu vực sông xuyên biên giới trong nước; Tuy nhiên Việt Nam là thượng nguồn duy nhất trong lưu vực sông Sê-san-Srepok - một nhánh của sông Cửu Long, thượng nguồn của Campuchia, và lưu vực Bằng Giang-Kỳ Cùng, thượng nguồn của Trung Quốc. Vì

vậy, dự kiến rằng một số các đập sẽ được đặt trên các lưu vực sông quốc tế, và do đó chính sách Dự án đường thủy quốc tế được kích hoạt.

Các hướng dẫn của WB cung cấp hướng dẫn về các vấn đề EHS nhất định, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn cho các thông số môi trường (chất lượng không khí xung quanh, nước và chất lượng nước thải, độ ồn, quản lý chất thải), nguy cơ và phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp, sức khỏe cộng đồng và an toàn (trong thời gian vận hành và công trình ngừng hoạt động), v.v. Những nguyên tắc này sẽ được áp dụng trực tiếp cho các dự án được đề xuất. Như một quy luật chung, các hướng dẫn của WB cần phải bổ sung các hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp các hướng dẫn hay tiêu chuẩn Việt Nam khác với hướng dẫn WB, dự án sẽ theo dõi nghiêm ngặt hơn.

Việc tiếp cận các chính sách thông tin của WB để sẽ được thực hiện trực tiếp. Dự án sẽ thực hiện đánh giá môi trường/xã hội và các văn bản ESMF sẽ được phổ biến cho cộng đồng thông qua việc công khai trên trang web của WB. Ngoài ra, bản sao cứng của các tài liệu bằng tiếng Anh (bao gồm cả ngôn ngữ tiếng Việt) sẽ được cung cấp tới Bộ NN & PTNT và tất cả các Sở NN & PTNT.

## PHẦN 4 CÁC ĐẶC ĐIỂM VỀ MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG DỰ ÁN

### 4.1 Điều kiện vật lý

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Phía Tây Bắc và Đông Bắc giáp với Hà Giang. Phía Tây Bắc giáp các tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng và Thái Nguyên. Phía Nam giáp với tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc. Tuyên Quang cách Hà Nội khoảng 160km.

Tỉnh Tuyên Quang bao 7 huyện lỵ là thành phố Tuyên Quang và 6 huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên, Na Hang, Sơn Dương, Lâm Sơn và Yên Sơn. Huyện Yên Sơn có diện tích và dân số lớn nhất tỉnh Tuyên Quang, với diện tích là 1.210 km<sup>2</sup> và dân số 167.000 người. Xã Trung Môn cách trung tâm Thành phố Tuyên Quang khoảng 7km về phía Tây Bắc, giáp với Thành phố Tuyên Quang và các xã Chân Sơn, Kim Phú, Lăng Quán, Thắng Quân của huyện Yên Sơn.

#### 4.1.1 Khí hậu, khí tượng

Khí hậu tỉnh Tuyên Quang có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm với hai mùa tương đối rõ rệt: Mùa hạ nóng ẩm và mưa nhiều, ít có gió Tây khô nóng, mùa đông lạnh, nắng ít, nhiều mưa phùn. Nhiệt độ không khí cao nhất trong các tháng VI, VII, VIII, thấp nhất các tháng XII, I, II. Độ ẩm tương đối không khí trong vùng dự án tương đối cao, độ ẩm tương đối trung bình tháng đều đạt trên 80%. Số giờ nắng hàng năm trung bình đạt khoảng 1.350 đến 1.500 giờ. Các tháng mùa hè từ tháng V đến tháng VII là các tháng nắng nhất trong năm. Tháng II, tháng XII là tháng có số giờ nắng thấp nhất.

Tổng lượng mưa hàng năm trong vùng nghiên cứu dao động từ 1400-1800mm. Lượng mưa mùa lũ lớn, tổng lượng mưa mùa lũ chiếm khoảng 70-80% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa bình quân của các trạm đo mưa tương đối đồng đều. Mùa mưa thường kéo dài 5 tháng, từ tháng V ÷ IX, trong đó các tháng VI, VII, VIII là những tháng có lượng mưa lớn. Chỉ riêng lượng mưa của 3 tháng này đã chiếm 50 ÷ 55% tổng lượng mưa toàn năm. Mùa khô thường kéo dài 5 tháng từ tháng XI ÷ III năm sau, trùng với thời kỳ hoạt động của gió mùa Đông Bắc khô hanh. Lượng mưa toàn mùa khô chỉ chiếm khoảng 8 - 12 % lượng mưa cả năm, chủ yếu là lượng mưa phùn vào tháng II, III.

Chọn trạm mưa Tuyên Quang và Ghềnh Gà để tính toán các đặc trưng mưa năm, mưa lũ cho lưu vực hồ Ngòi Là. Lượng mưa tháng, năm các trạm trong vùng nghiên cứu như sau:

**Bảng 41- Lượng mưa tháng, năm các trạm vùng nghiên cứu**

Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Năm
Chiêm Hóa	26,6	31,4	53,3	123,9	231,1	285,0	289,4	290,6	158,7	97,7	43,7	22,1	1653,4
Ghềnh Gà	24,8	35,1	58,5	105,2	219,9	252,2	311,1	263,0	146,3	87,4	34,6	16,8	1554,8
Tuyên Quang	23,9	28,9	52,9	113,7	226,8	251,8	292,4	294,8	178,6	115,5	46,0	17,3	1642,5

Lượng mưa bình quân nhiều năm của hồ Ngòi Là là 1.599 mm. Lượng mưa lũ của các hồ chứa được tính toán dựa vào tài liệu mưa của các trạm gần với vị trí công trình và thể hiện

được đặc điểm mưa lũ của khu vực nghiên cứu. Kết quả tính toán như sau:

**Bảng 52- Mưa gây lũ theo tần suất**

Tên hồ chứa	Xo	Cv	Cs	0,01%	0,1%	0,2%	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%
Ngòi Là 2	128,5	0,42	1,68	533,0	424,1	391,1	347,2	313,7	294,0	280,0

#### 4.1.2 Đặc điểm địa hình

Vùng nghiên cứu có đặc trưng địa hình chung của tỉnh Tuyên Quang là đồi núi trung du xen lẫn đồng bằng.

Lưu vực của hồ chứa thuộc sườn phía Đông núi Là (cao độ +860m) cao độ thấp dần từ +200m đến +50,0m. Hướng dốc chính từ Tây sang Đông, các hướng dốc phụ là Tây Nam – Đông Bắc hướng ra hạ lưu suối Là; Tây Bắc – Đông Nam hướng ra Ngòi Chả là trục tiêu chính của lưu vực.

Địa hình khu tưới nhìn chung không có chênh lệch lớn về cao độ (khoảng từ +20,0m đến +28,0m) nhưng bề mặt xen kẽ những gò cao và đang bị ảnh hưởng rất nhanh của quá trình đô thị hóa.

Thảm phủ thực vật ở lưu vực của hồ chủ yếu là rừng trồng. Hệ sinh thái nông nghiệp (chủ yếu là lúa nước) và hệ sinh thái dân cư nông thôn (vườn của các hộ dân, trẻ nứa và cây đại học bờ suối) được ghi nhận ở lưu vực của hồ. Người dân thường trồng các cây ăn quả như xoài, ổi trong vườn nhà.

Ở suối Là cũng như những dòng suối nhỏ tự nhiên của huyện Yên Sơn, các động vật thủy sinh phổ biến người dân địa phương thường đánh bắt bao gồm ốc, cua, cá bóng, các chép.

Nước từ các lạch nhỏ ở sườn Đông núi Là tập trung vào suối Là. Hồ Ngòi Là 2 nhận toàn bộ nước từ suối Là vào hồ. Lưu lượng bình quân nhiều năm đến hồ Ngòi Là 2 là 0,311m<sup>3</sup>/s, tương ứng với tổng lượng dòng chảy năm là 9,797 triệu m<sup>3</sup>

Xung quanh khu vực thi công, nước thoát theo các rãnh tự nhiên theo độ dốc của địa hình.

#### 4.1.3 Đặc điểm địa chất

Địa chất của công trình bao gồm những lớp cơ bản sau đây:

Lớp 1: Đá dăm đồ đường. Lớp phân bố ngay trên bề mặt tuyến đập là đất rải cấp phối có chiều dày trung bình từ 0,1 đến 0,3m.

Lớp 2: Sét pha lẫn sạn màu xám nâu, xám vàng, trạng thái nửa cứng. Lớp phân bố bên dưới lớp 1 tại vị trí mặt đập và trên cùng tại các vị trí cơ thượng hạ lưu của tuyến đập. Đây là lớp vật liệu có tính xây dựng tốt với khả năng chịu tải và tính nén lún trung bình; tính thấm của lớp ở mức độ yếu nên không ảnh hưởng lớn đến khả năng trữ nước của hồ.

Lớp 3: Cát hạt thô màu xám trắng, trạng thái rời. Lớp phân bố bên dưới lớp 2.

Lớp 4: Sét pha lẫn sạn màu xám trắng, xám vàng, nâu vàng, trạng thái dẻo mềm đến dẻo cứng đôi chỗ xen kẹp cát màu xám vàng. Lớp sét phân bố bên dưới lớp 2 tại vị trí tim đập và cơ đập và bên dưới lớp 3 tại vị trí chân đập phía hạ lưu. Đây là lớp có tính xây dựng khá với khả năng chịu tải và tính nén lún trung bình; tính thấm của lớp ở mức độ yếu nên không ảnh hưởng lớn đến khả năng trữ nước của hồ.

#### 4.1.4 Tài nguyên nước, chế độ thủy văn và chất lượng nước

Nước từ các lạch nhỏ ở sườn Đông núi Là tập trung vào suối Là. Hồ Ngòi Là 2 nhận toàn bộ

nước từ suối Là vào hồ. Lưu lượng bình quân nhiều năm đến hồ Ngòi Là 2 là  $0,311\text{m}^3/\text{s}$ , tương ứng với tổng lượng dòng chảy năm là 9,797 triệu  $\text{m}^3$ . Hồ Ngòi Là 2 còn nhận nước từ hồ 1 với lưu lượng mỗi năm ước tính khoảng 1 triệu  $\text{m}^3$ . Nước được tiếp tới từ hồ Ngòi Là 1 chủ yếu từ tháng 2 tới tháng 4 để phục vụ cho vụ đông xuân có nhu cầu nước lớn cho trồng cây lúa. Nước được chuyển qua cống tròn  $D = 300$ , dài 38m. Cống vận hành bình thường.

Việc xây dựng hồ Ngòi Là 2 đã chặn suối Là lại, hạ lưu tràn xả lũ là một đoạn suối cũ của suối Là. Do đó, hiện tại, đoạn suối cũ này thường cạn nước vào những tháng có lượng mưa thấp (tháng 11 đến tháng 3 năm sau). Kênh hạ lưu từ sau tràn xả lũ tới đoạn nhập vào sông Lô có chiều dài khoảng 9km. Đập dâng Trung Lý lấy nước trên lòng suối cũ cách tràn xả lũ khoảng 700m. Đập có kết cấu bê tông trụ đỡ gạch xây, chiều cao 1,5 m, dài 14 m. Nước từ đập dâng được sử dụng để tưới cho 1 diện tích đất canh tác của xã Trung Môn, không nằm trong diện tích hưởng lợi từ hồ Ngòi Là 2. Nước tới đập dâng từ 2 nguồn: (i) Lượng nước thừa từ hồ Ngòi Là chảy tràn qua tràn xả lũ và (ii) nguồn nước từ suối Cầu Giang ở thôn 15 xã Trung Môn, ở hạ lưu hồ.

Đoạn suối Là từ sau bề tiêu năng của tràn xả lũ tới sông Lô dài khoảng 9km được chia ra thành các đoạn như sau:

+ Đoạn 1: K0+000 đến K2+000 từ sau bề tiêu năng của tràn xả lũ tới K2+000

+ Đoạn 2: (K2+000 đến K5+900) Tại K2+000 có 1 nhánh suối nhỏ từ xã Kim Phú, xã Ý La nhập lưu vào suối Là với  $F_{lv} = 1\text{km}^2$

Tại vị trí trạm bơm Đồng Khoán (K5+900) có 1 nhánh nhỏ nhập lưu vào suối Là với  $F_{lv} = 0,5\text{km}^2$

+ Đoạn 3: (K5+900 đến K7+600) Tại vị trí trạm bơm Trùng Lý (K7+600) có 1 nhánh suối chảy từ xã Hoàng Phát nhập lưu với  $F_{lv} = 8\text{km}^2$

+ Đoạn 4: (K7+600 đến K9+000) từ trạm bơm Trùng Lý ra sông Lô.

Lòng suối Là đoạn từ sau tràn tới trạm bơm Đồng Khoán có  $B_{đáy} = 5 \div 7\text{m}$ ;  $i = 0,001$ . Đáy suối Là đoạn từ trạm bơm Đồng Khoán tới trạm bơm Trùng Lý có  $B_{đáy} = 8 \div 10$  (m);  $i = 0,001$ . Đoạn từ trạm bơm Trùng Lý đến Sông Lô bề rộng đáy suối khoảng  $B_{đáy} = 8 \div 10$  (m). Thực vật phổ biến ở dọc bờ suối và các mô đất bồi là các cây bụi, tre nứa. Cây cối thường sinh trưởng trong mùa khô và bị nước cuốn đi hoặc gãy đổ trong mùa lũ.

3 mẫu nước mặt đã được thu thập tại thượng lưu, hạ lưu và vai đập. Kết quả phân tích mẫu được thể hiện tại bảng 5 – Chất lượng nước mặt cho thấy nước khá tốt so sánh với QCVN 08:2008, cột B1 nước dành cho tưới tiêu. Giá trị DO thay đổi từ 7 tới 7,4 mg/L. Hàm lượng TSS giao động từ 23 đến 34 mg/l, BOD5 thay đổi từ 6 đến 9. pH,  $\text{SO}_4^{2-}$ , As và Cd đều nằm dưới ngưỡng cho phép. Kết quả này tương ứng với môi trường nền của khu vực dự án vốn là khu vực nông thôn, không có các hoạt động công nghiệp diễn ra.

**Bảng 6 –3 Chất lượng nước mặt**

TT.	Chi tiêu	Đơn vị	Mẫu NM1	Mẫu NM2	Mẫu NM3	QCVN 08:2008(B1)
1	pH	-	6,8	7,2	6,9	5.5-9
2	Turbidity	NTU	45	57	63	-
3	TSS	mg/l	23	34	28	50
4	DO	mg/l	7,4	6,9	7,0	$\geq 4$

TT.	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mẫu NM1	Mẫu NM2	Mẫu NM3	QCVN 08:2008(B1)
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	9	6	8	15
6	COD	mg/l	15	12	18	30
7	Pb	mg/l	0,0042	0,0067	0,0054	0,05
8	Hg	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,001
9	As	mg/l	0,0008	0,0005	KPH	0,05
10	Fe	mg/l	0,68	0,26	0,78	1,5
11	Coliform	MPN/100ml	3400	490	2800	7.500
12	E.coli	MPN/100ml	34	45	18	100

Kết quả phân tích mẫu nước ngầm lấy tại xã Trung Môn cũng cho thấy nước ngầm trong khu vực có chất lượng tốt. Trong đó hàm lượng các kim loại nặng đều dưới mức cho phép của QCVN 09: 2008 và không có dấu hiệu của coliform. Tuy nhiên, chỉ tiêu COD cao hơn 2.5 - 4.5 so với tiêu chuẩn và Fe có hàm lượng 2.5-4.6 lần so với quy định cho phép.

**Bảng 7 -4 Chất lượng nước ngầm**

TT.	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mẫu NN1	Mẫu NN2	Mẫu NN3	QCVN 09:2008
1	pH	-	7,2	7,1	6,9	5.5-8.5
2	Hardness	mg/l	225	235	325	500
3	Chất rắn tổng	mg/l	89	50	46	1500
4	DO	mg/l	6,5	6,7	7,1	-
5	COD	mg/l	10	14	18	4
6	Cd	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,005
7	Pb	mg/l	0,001	0,003	0,002	0,01
8	Hg	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,001
9	As	mg/l	0,0014	0,0031	KPH	0,05
10	Fe	mg/l	23	17	12	5
11	Ecoli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Coliform	MPN/100ml	0	0	0	3

#### 4.1.5 Chất lượng không khí

Đối với khu vực dự án, các hoạt động gây bụi chủ yếu do các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phương tiện giao thông mà phương tiện giao thông chủ yếu là xe thô sơ và xe máy nên có thể đánh giá là môi trường không khí tại khu vực dự án còn tốt.

#### 4.1.6 Chất lượng môi trường đất

Kết quả phân tích các mẫu đất cho thấy hàm lượng các kim loại nặng rất thấp Cu: 6-10 mg/kg đất khô; Pb: 12-18 mg/kg đất khô; Cd: 0,11 – 0,52 mg/kg đất khô) và thấp hơn nhiều so với giới hạn cho phép (Cu: 50 mg/kg đất khô; Pb: 70 mg/kg đất khô; Cd: 2 mg/kg of đất khô).

**Bảng 8 –5 Chất lượng đất**

TT.	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mẫu Đ1	Mẫu Đ2	Mẫu Đ3	QCVN 03:2008 (Đất nông nghiệp)
1	Cu	mg/kg đất khô	6	10	8	50
2	Pb	mg/kg đất khô	12	17	18	70
3	Zn	mg/kg đất khô	65	45	68	300
4	As	mg/kg đất khô	1,01	1,9	1,12	12
5	Cd	mg/kg đất khô	0,11	0,52	0,35	2

#### 4.1.7 Các hiện tượng thiên nhiên

Địa bàn tỉnh Tuyên Quang vẫn thường xuyên xảy ra lũ cục bộ gây ảnh hưởng tới tài sản và con người. Ví dụ bão số 6 (Mangkhut) đã gây mưa vừa, mưa to trên địa bàn toàn tỉnh với lượng mưa phổ biến từ 50-100mm kèm theo mưa lớn, gây ra lũ trên sông Lô và sông Gâm.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước vụ Đông Xuân trong các năm gần đây tuy vẫn xảy ra trên diện rộng và kéo dài trong nhiều tháng nhưng không gay gắt như cùng kỳ những năm trước. Mực nước trung bình mùa cạn trên các sông đều phổ biến ở mức dưới trung bình nhiều năm. Mực nước thấp nhất trên sông Lô tại Tuyên Quang là 15,32 m, là trị số thấp nhất thứ ba trong chuỗi số liệu quan trắc cùng kỳ theo số liệu thống kê của 30 năm trở lại đây. Theo thống kê, năng suất trung bình giảm khoảng 20% do hạn hán.

Mùa Đông Xuân 2013-2014 xuất hiện 4 đợt rét đậm, rét hại trên địa bàn toàn tỉnh với tổng số 38 ngày rét đậm, rét hại. Đợt rét đậm, rét hại đầu tiên xuất hiện sớm hơn so với trung bình nhiều năm kéo dài 19 ngày (từ ngày 15/12/2013 đến 02/01/2014). Nền nhiệt độ trung bình mùa Đông Xuân 2013-2014 trên địa bàn toàn tỉnh ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm. Gió lốc xảy ra kèm mưa đá xảy ra ở một số xã trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Đây là loại thiên tai thường xuyên gây mất ổn định sản xuất nông nghiệp. Sạt lở đất là loại hình thiên tai cũng thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Sạt lở đất, sạt lở taluy đường giao thông đã gây ách tắc giao thông vùi lấp nhà cửa và các công trình thủy lợi.

#### 4.2 Môi trường sinh học

**Quần thể thực vật.** Lưu vực hồ Ngòi Là được che phủ chủ yếu bởi các diện tích rừng trồng. Diện tích đất rừng của xã Trung Môn là 275 ha, trong đó: Đất có rừng tự nhiên sản xuất: 0,6ha, đất có rừng trồng sản xuất: 267ha và đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất: 7,53ha. Các loài thực vật tương đối đa dạng, rừng sinh trưởng và phát triển bình thường với một số loài cây chính: muông, xoan đào. Tuy nhiên, xung quanh hồ Ngòi Là là các thảm rừng trồng, thành phần loài chủ yếu là những loại cây do người dân trồng như bạch đàn, keo, đôi khi xen lẫn các loại cây bụi, trảng cỏ và một số loại cây ăn quả như xoài, mít, chanh, ổi.... hầu hết được trồng mới nên thân nhỏ, thấp, đường kính nhỏ hơn 10cm và thấp hơn 5,0m, giá trị không lớn. Lớp phủ thực vật tự nhiên chỉ có các loài thảm cỏ thấp hoặc các cây có nguồn gốc thân thảo ven đường và các nhóm cây bụi. Lớp phủ thực vật nghèo không có giá trị kinh tế. Trong vùng không có các loại động thực vật quý hiếm cần được bảo tồn.

**Quần thể động vật.** Qua điều tra, phỏng vấn người dân địa phương cho thấy không xuất hiện các loài động vật quý hiếm tại vùng dự án. Đôi khi bắt gặp các loài bò sát (rắn), các loài lưỡng cư (ếch, nhái), các loài gặm nhấm (chuột, nhím).



**Hệ sinh thái dưới nước:** Ở suối Là cũng như những dòng suối nhỏ tự nhiên của huyện Yên Sơn, các động vật thủy sinh phổ biến người dân địa phương thường đánh bắt bao gồm ốc, cua, cá bống, các chép. Các loài này có giá trị về mặt kinh tế hơn là về mặt sinh thái. Không có các loài được liệt kê trong Sách Đỏ Việt Nam. Chi cục thủy sản có nuôi thử nghiệm cá lồng ở trong hồ. Quá trình nuôi trồng thử nghiệm sẽ hoàn thành và kết thúc vào tháng 11-2015.

Không có mối liên hệ về mặt thủy văn giữa hồ và lòng suối cũ ở hạ lưu do hình thức của tràn là tràn tự do, không có nước từ hồ chảy ra suối cũ nếu không có nước chảy qua tràn. Do đó, hệ sinh thái đoạn hạ lưu suối Là không có đặc trưng về cả mặt kinh tế lẫn sinh học và gần như tách biệt với hồ, chỉ trừ trong thời gian mùa lũ. Lưu vực suối Là ở hạ lưu hồ Ngòi Là có lớp thực vật dày che phủ. Người dân địa phương khẳng định hiện tượng ngập úng do nước từ hồ chảy tràn qua suối chưa bao giờ xảy ra.

### **4.3 Môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa**

#### **4.3.1 Dân số**

Tính đến năm 2014 dân số toàn tỉnh là 746.669 người, phân theo giới tính có 373.741 nam (50,05%) và 372.928 nữ (49,95%). Dân số phân bố ở nông thôn là 647.976 người chiếm 86,78%, ở thành thị 98.693 người chiếm 13,22 %. Mật độ dân số bình quân 127 người/km<sup>2</sup>. Số dân trong độ tuổi lao động đến hết năm 2013 có 479.076 người, chiếm 64,16% tổng số dân. Lao động làm nghề nông là chủ yếu, chiếm 88,04%, chỉ có 11,96% lao động cho công nghiệp và các ngành khác.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 22 dân tộc anh em sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 50%, kinh tế chủ yếu là làm nông nghiệp. Đây là một điểm đặc thù cần được quan tâm trong thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, nhất là chính sách đối với vùng sâu, vùng xa, chính sách dân tộc. Tại các xã trong dự án được điều tra, số nhân khẩu trung bình của một hộ trong mẫu khảo sát vùng dự án là 3,7 người, thấp hơn so với số nhân khẩu bình quân hộ cả nước là 3,89 (Niên giám thống kê, 2013). Số nhân khẩu bình quân của một hộ không có sự khác biệt giữa các xã, nhóm dân tộc, nhóm thu nhập, nhóm hộ do phụ nữ làm chủ hộ và nam giới làm chủ hộ.

#### **4.3.2 Kinh tế- xã hội**

Tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang trong nhiều năm trở lại đây đạt giá trị khá và tương đối vững chắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP bình quân hàng năm trên 12%, năm 2014 đạt 15,52%. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 25 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp. Năm 2005, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng: 30,7% tỷ trọng dịch vụ: 33,6% tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 35,7%. Tới năm 2015, kế hoạch của tỉnh là tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp – xây dựng lên mức đạt 38% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng; nông lâm nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, một số cây trồng đạt hiệu quả kinh tế cao; các ngành dịch vụ phát triển ổn định.

Tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh năm 2014 còn 13,09% (giảm 4,84% so với năm 2013). Hộ nghèo dựa vào một vụ một năm chỉ là lúa hoặc ngô. Họ không có vốn để chăn nuôi. Thường là những hộ cô đơn có người già hay người tàn tật. Đất trồng của họ không đủ điều kiện để có thể canh tác những loại cây có giá trị cao.

Huyện Yên Sơn có diện tích và dân số lớn nhất tỉnh Tuyên Quang, với diện tích là 1.210 km<sup>2</sup> và dân số 167.000 người. Diện tích đất canh tác toàn tỉnh là 5.870 km<sup>2</sup>, chiếm 1,8% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất lâm nghiệp chiếm 70% và diện tích đất canh tác chiếm khoảng 8%. Đây là điều kiện tốt cho tỉnh phát triển ngành nông nghiệp và lâm nghiệp.

#### **4.3.3 Tình hình kinh tế - xã hội của người dân trong vùng dự án: xã Trung Môn**

Trung Môn là 1 xã gần thành phố, nguồn thu nhập chính của người dân là từ nông nghiệp, rừng và thủ công nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, các sản phẩm nông nghiệp khác và chăn nuôi. Thu nhập trung bình khoảng 4,2 triệu đồng/ người/ năm (khoảng 350.000 đồng/người/tháng).

Số nhân khẩu trung bình của một hộ trong mẫu khảo sát vùng dự án là 3,7 người, thấp hơn so với số nhân khẩu bình quân hộ cả nước là 3,89 (Niên giám thống kê, 2013). Số nhân khẩu bình quân của một hộ có sự khác biệt giữa các xã, nhóm dân tộc, nhóm thu nhập, nhóm hộ do phụ nữ làm chủ hộ và nam giới làm chủ hộ.

Theo nhóm thu nhập, thì điều đáng lưu ý là ở các nhóm nghèo và cận nghèo (nhóm 1 và 2) đều có tỷ lệ thấp hơn về quy mô nhân khẩu gia đình từ 5 người trở lên, nhóm 1 (26,3%) và nhóm 2 (34,6%). Điều này đã chỉ ra rằng: nếu cách đây chừng một thập niên trở về trước, gia đình quy mô lớn, đông con là một trong những nguyên nhân chủ yếu của nghèo đói thì hiện nay nếu có, nó chỉ còn là nguyên nhân thứ yếu, khi thực tế tỷ lệ gia đình sinh con thứ 3 trở lên càng ngày càng ít đi. Phân tích cơ cấu hộ theo quy mô nhân khẩu vùng dự án được khảo sát cho thấy đa số các hộ có 3-4 người (47,0%) và 1-2 người (38,2%); có ít hộ có 5-8 người (14,8%) và hộ từ 9 người trở lên không có. Nếu nhìn nhận rằng hiện nay ở Việt Nam, quy mô gia đình nhỏ, ít con là có tính phổ biến, như vậy ở khảo sát này cho thấy mô hình gia đình hạt nhân chiếm khoảng 85,2%. Như vậy số liệu khảo sát đã cho thấy so với tình hình chung tại vùng dự án, mô hình gia đình ít nhân khẩu và gia đình hạt nhân vẫn cao hơn, cho thấy mức độ phát triển vùng dự án cao hơn các xã khác trong tỉnh.

Trong cơ cấu nghề nghiệp chính của các thành viên gia đình có tham gia lao động và có thu nhập trong mẫu khảo sát vùng dự án, ngành nông-lâm-ngư nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất là 46,1%; thứ hai là học sinh, sinh viên chiếm tỉ lệ 19,8%; còn lại là cán bộ-viên chức, làm thuê, công nhân có tỉ lệ thấp dưới 10% đối với mỗi loại; tỉ lệ người làm buôn bán/dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và nội trợ đặc biệt rất thấp, đều nhỏ hơn 1,4%. Như vậy nông-lâm-ngư nghiệp là lĩnh vực chủ đạo trong nền kinh tế - xã hội của vùng dự án, nơi tập trung phần lớn lực lượng lao động.

Xét về tình trạng nghề nghiệp đang làm có đóng góp vào thu nhập gia đình hiện nay, khảo sát cho thấy tỷ lệ người ăn theo khá cao chiếm tới 35,1%, trong đó có tỷ lệ đáng kể là lao động thất nghiệp và bán thất nghiệp. Các đối tượng ăn theo bao gồm nhiều nhất là học sinh, sinh viên, còn lại là những người còn nhỏ/già yếu, mất sức lao động và kể cả đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng hiện không có việc làm. Việc triển khai dự án sẽ gia tăng diện tích đất được tưới, thêm mùa vụ sản xuất trong một năm, đa dạng hóa các ngành nghề ngoài trồng trọt (như chăn nuôi, dịch vụ và các nghề có sử dụng nước khác); từ đó gia tăng công ăn việc làm và xóa bỏ được tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm hiện nay ở các vùng dự án. Mặt khác, sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đối với sinh kế của các hộ dân đang tương đối ổn định bị thu hồi đất nếu không thực hiện những biện pháp giảm thiểu có hiệu quả về

thiết kế, thi công và đền bù hợp lý để người BAH có thể mua được đất thay thế hay chuyển đổi nghề mới.

#### 4.3.4 Sử dụng đất ở xã Trung Môn

Bảng 9 dưới đây thể hiện cấu trúc sử dụng đất ở xã Trung Môn

**Bảng 9 – 6 Hiện trạng sử dụng đất tại xã Trung Môn**

Loại đất	Đơn vị	Xã Trung Môn
Tổng diện tích đất tự nhiên	Ha	1.195,06
Đất nông nghiệp	Ha	868,95
Đất lâm nghiệp	Ha	275
Đất chưa sử dụng	Ha	32,336

Tiểu dự án có ảnh hưởng đến 12 hộ dân với 57 thành viên thuộc thôn 1, xã Trung Môn. Tất cả các hộ BAH đều là người Kinh. Số nhân khẩu của các hộ này giao động từ 3-7 người/hộ và có 01 hộ có chủ hộ là nữ. Nguồn thu nhập chính của các hộ BAH là từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Một số nguồn thu khác từ chăn nuôi gia súc, gia cầm (gà vịt, trâu bò) và buôn bán. Thu nhập tính theo đầu người trong 1 tháng thấp nhất 825.000 đồng (thấp nhất) đến 1.920.000 đồng. Cả nam giới và phụ nữ tham gia vào nông nghiệp; phụ nữ phụ trách công việc nhà như nấu ăn, chăm sóc con cái, dọn dẹp nhà cửa, và các công việc nhà khác. Trong khi nam giới chỉ giúp lau dọn nhà cửa. Cả nam giới và phụ nữ đều có quyền ra quyết định và tham gia vào các cuộc họp gia đình và cộng đồng.

#### 4.3.5 Tiếp cận các dịch vụ cơ bản

Đa số các hộ vùng dự án được khảo sát nguồn nước cho ăn, uống, tắm giặt sinh hoạt đều sử dụng nước máy (trên 95%), việc giữ nước từ hồ chứa có ý nghĩa lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Chỉ có khoảng 4% người dân sử dụng nước từ giếng để ăn uống. Nước máy được cấp từ công ty nước sạch thành phố lấy nguồn từ nước sông Lô. Tại các vùng được khảo sát có tới 98,2% hộ gia đình dùng hố xí hợp vệ sinh, trong đó có 66,1% hộ có Nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại, 28,5% hộ dùng Nhà vệ sinh 2 ngăn. Ngoài ra có khoảng 3,7% còn dùng loại nhà vệ sinh đơn giản và có 1,2% hộ gia đình chưa có nhà vệ sinh. Theo nhóm thu nhập, tỷ lệ hộ dân hà vệ sinh đạt tiêu chuẩn rất cao, chiếm tới 90%. Nhóm nghèo nhất cũng có tới 77,3% số hộ có nhà vệ sinh đạt chuẩn. Nhóm có thu nhập giàu nhất có tới 99,8% nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

#### 4.3.6 Sức khỏe và chăm sóc y tế

Điều kiện chăm sóc sức khỏe và y tế của tỉnh Tuyên Quang vẫn đang từng bước được cải thiện. Trung bình, có khoảng 9,9 bác sỹ trên 10.000 người và 2 y tá cho 1 trạm xá xã. Toàn tỉnh có 12 bệnh viện và 14 trung tâm y tế thôn bản. Số giường bệnh là 2000. Tổng số bác sỹ và nhân viên y tế lần lượt là 400 và 1.500 người. Tại xã Trung Môn có 1 trạm y tế xã được xây dựng kiên cố, với 2 giường bệnh, 1 bác sỹ, 2 y sỹ, 1 dược sỹ. Khu dân cư xa nhất đến trạm y tế xã là 5 km. Theo kết quả điều tra, năm 2014 trạm y tế đã thăm khám cho khoảng 1700 người, trong đó chuyển tuyến là 53 người, điều trị ngoại trú 511 người. Trạm đã thực hiện tốt các chương trình Y tế cộng đồng, tổ chức tiêm và uống đủ 7 loại vắc xin đạt 100%.

Với những trường hợp phức tạp, yêu cầu phương tiện và chuyên môn cao, bệnh nhân được

chuyển lên tuyến trên là bệnh viện đa khoa huyện Yên Sơn, cách 9 km hoặc bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, cách 7km.

Tại khu vực dự án: Có khoảng 28,7% được khảo sát trong tháng qua có đau ốm. Các bệnh thường gặp trong khu vực là cảm cúm, ho, sốt, cao huyết áp. Không có dịch bệnh bùng phát trong khu vực trong vòng 1 năm qua. Tỷ lệ có Bảo hiểm y tế các loại trong các hộ gia đình được khảo sát là khá cao, chiếm 80,3%. Trong đó, có tỷ lệ các loại BHYT cao nhất là xã Trung Môn với 93%. Tỷ lệ có các loại BHYT trong các hộ có thu nhập cao nhất (93,5%) cũng cao hơn nhiều so với nhóm hộ có mức thu nhập thấp nhất (68,4%).

#### **4.3.7 Giáo dục**

Tỉnh Tuyên Quang có 1 trường cao đẳng, 3 trường dạy nghề; 10 trường nội trú khu vực và 11 huyện có trung tâm giáo dục. Năm 2014 tỉnh đã có 400 trường học và các trung tâm giáo dục thu hút 98,2% trẻ trong độ tuổi tiểu học đến trường; 85,3% trẻ tốt nghiệp cấp 1 và cấp 2; và 84% tốt nghiệp cấp 2 và cấp 3.

Tại khu vực dự án: Khoảng 90,0% dân số vùng dự án có trình độ học vấn từ bậc tiểu học đến cao đẳng/đại học trở lên, trong đó số người tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông chiếm đến hơn 60%. Tỷ lệ học cao đẳng/đại học trở lên chỉ có 6,5%. Tỷ lệ mù chữ là 1,7% và chưa đi học là 6,8%. Tỷ lệ chưa đi học của các xã vùng dự án được khảo sát là cao hơn so với mức chung của cả nước trong Niên giám thống kê 2013 (6,0%). Tỷ lệ này không có sự khác biệt lớn giữa các xã được khảo sát.

#### **4.3.8 Các cơ sở hạ tầng hiện có**

Nguồn và mạng lưới cấp điện chính tại khu vực bao gồm: 02 tuyến đường dây 35kV từ trạm phân phối 35kV Thành phố. Nguồn và lưới cung cấp điện tại khu vực đang hoạt động bình thường.

Trong vùng dự án có các trục đường liên xã, liên thôn tương đối phát triển, hiện nay trong vùng đã có 100% các xã đường ô tô đi tới được trung tâm xã; hầu hết các công trình hạ tầng kỹ thuật khác đều có tuyến đường ô tô đến tận nơi. Tuy nhiên chất lượng còn thấp, mặt khác do thời tiết khắc nghiệt, nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp nên các công trình giao thông bị xuống cấp nhanh gây khó khăn cho việc đi lại nhất là vào mùa mưa lũ.

#### **4.3.9 Tài sản văn hóa**

Huyện Yên Sơn có nhiều danh lam thắng cảnh như: núi Là ở Lang Quán; suối khoáng Mỹ Lâm ở Phú Lâm có thể đầu tư khai thác phục vụ cho du lịch sinh thái. Ngoài ra, tại huyện Yên Sơn còn có khu di tích lịch sử tại xã Kim Quan, khu di tích lịch sử Làng Ngòi, Đá Bàn ở Mỹ Bằng, di tích lịch sử Trường Nguyễn Ái Quốc, địa điểm Khe Lau, Km 7, hội trường Đại hội Ítxala, di tích Cay Xỏn –Phôm Vi Hân, di tích Xu Pha Nu Vong.

Vào ngày 10 tháng giêng âm lịch hàng năm, tại xã Kim Phú lại diễn ra lễ hội Giếng Tanh của người Cao Lan (hội thường kéo dài 1-2 ngày). Trong lễ hội, mọi người tham gia các trò dân gian như: đánh đu, đi cà kheo, múa hát... Tại khu vực xây dựng công trình thuộc xã Trung Môn không có lễ hội truyền thống hay sinh hoạt văn hóa nào đặc sắc. Trong khu vực thực hiện dự án tại xã Trung Môn có chùa của xã trên diện tích 0,3 ha tại xóm 11, cách vị trí xây dựng công trình khoảng 4,5 km.

#### 4.3.10 Giới và vai trò của phụ nữ

Công tác giới tại địa phương được thực hiện tốt. Nhìn chung, không có sự bất bình đẳng lớn về giới trong cộng đồng. Các việc lớn trong gia đình vẫn thường được nam giới và nữ giới cùng thảo luận và ra quyết định. Ở địa phương, nữ giới thường làm các công việc nông nghiệp và việc nội trợ, dọn dẹp nhà cửa. Nam giới cũng làm các công việc đó, tuy nhiên, thời gian dành cho công việc gia đình, chăm sóc con cái của nam giới thường ít hơn nữ giới khoảng 2 giờ/ngày.

Nhìn chung, phụ nữ có vai trò và vị thế quan trọng như nam giới trong gia đình. Họ được tham gia vào các việc ra quyết định những việc lớn trong gia đình. Ngoài xã hội, phụ nữ cũng tham gia rất tích cực trong các hoạt động xã hội như tham gia các phong trào, các hoạt động truyền thông tại địa phương. Trong xã hội, phụ nữ cũng tham gia, có mặt trong cơ cấu các đoàn thể, cơ quan nhà nước như UBND xã, Trạm y tế, trường học. Những đơn vị này đều có phụ nữ tham gia. Theo ước tính của UBND xã, tỷ lệ nữ giới trong các đơn vị ban ngành đoàn thể và chính quyền chiếm khoảng trên 30%.

Phụ nữ và trẻ em gái đều có cơ hội bình đẳng tiếp cận các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, vui chơi giải trí. Trong các gia đình, trẻ em trai và trẻ em gái vẫn được đối xử như sau. Tuy nhiên, cũng có những hộ gia đình vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ nhưng điều đó không ảnh hưởng đáng kể tới việc tiếp cận các dịch vụ xã hội tại địa phương.

#### 4.3.11 Lao động, việc làm và điều kiện sống

Việc di cư mùa vụ diễn ra với cả nam và nữ, trong đó phụ nữ thường có xu hướng di cư trong phạm vi địa phương, còn nam giới lại di cư tới các tỉnh/vùng khác dẫn đến tình trạng việc lao động sản xuất nông nghiệp chủ yếu là người già, trẻ em và phụ nữ, đây cũng là một trong các vấn đề cần phải được xem xét trong mục tiêu đầu tư của dự án.

**Bảng 107 - Các nhóm thu nhập phân theo giới (%)**

Nội dung	Nhóm thu nhập					Tổng cộng
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
Tổng mẫu	3,5	2,1	42,5	33,8	18,1	100,0
Theo giới chủ hộ						
+ Nam chủ hộ	18,8	18,5	20,4	22,3	20,1	100,0
+Nữ chủ hộ	32,7	26,5	14,3	10,2	16,3	100,0

Về mức sống: Theo kết quả tự đánh giá về mức sống của gia đình, đa số các hộ, cả hộ nam làm chủ hộ và nữ làm chủ hộ, đều đánh giá có mức sống trung bình. Ở mức sống nghèo đói, tỉ lệ các hộ nữ làm chủ cũng cao hơn, chênh lệch ở mức thấp so với các hộ nam làm chủ (18,4% so với 12,3%).

**Bảng 118 9- Tự đánh giá mức sống**

Mức sống	Khá giả	Trung bình	Có túng thiếu	Nghèo đói
Tổng	29,1%	63,4%	5,0%	2,5%
Theo giới chủ hộ				
+ Nữ chủ hộ	8,2%	57,1%	16,3%	18,4%
+Nam chủ hộ	8,5%	64,2%	15,0%	12,3%

#### 4.4 Dân tộc thiểu số

Trong khu vực xã Trung Môn, người dân tộc thiểu số sinh sống chiếm tỉ lệ 5% (109 hộ). Xét theo dân tộc, quy mô trung bình của một hộ DTTS là 3,9 người và hộ người Kinh là 3,6 người. Tỷ lệ hộ có nghề nông-lâm-ngư nghiệp ở dân tộc Kinh là thấp hơn so với các dân tộc thiểu số (44,4% so với 65,9%). Ngược lại, tỷ lệ hộ có nghề phi nông nghiệp ở dân tộc Kinh là cao hơn các dân tộc thiểu số (2,1% so với 0,9%). Điều đáng lưu ý là 109 hộ DTTS này sống ở khu vực thượng lưu của hồ. Khu vực sinh sống của họ cách về phía thượng lưu hồ khoảng 4,5km

Tỷ lệ mù chữ đối với người DTTS rất thấp, chỉ 0,3% (con số này chỉ tập trung ở những người già trên 60 tuổi). Tỷ lệ có Bảo hiểm y tế các loại trong các hộ gia đình được khảo sát là khá cao. Đáng chú ý là tỷ lệ có các loại BHYT trong các hộ gia đình người Kinh (78,6%) là thấp hơn các hộ gia đình các dân tộc thiểu số (88,7%). Các hộ gia đình dân tộc thiểu số có tỷ lệ nhà vệ sinh không đảm bảo tiêu chuẩn thấp hơn nhiều so với các dân tộc Kinh: 17,4% so với 60,5%.

#### 4.5 Các điều kiện nền cơ bản của khu vực thi công

##### *Hiện trạng tuyến đập:*

Mặt đập đã bị hư hỏng nhiều đoạn, tạo thành những hố lõm sạt lở; mặt đường trên đỉnh đập đã xuống cấp. Không có các thiết bị đảm bảo an toàn trên đỉnh đập như hệ thống chiếu sáng, hệ thống cọc tiêu, báo hiệu.

Mái đập thượng lưu có kết cấu bằng đất, chưa từng được gia cố để chống tác động của sóng và nước. Phần phía trên mực nước thượng lưu cỏ mọc khá đều và tốt nên mái tương đối ổn định. Phạm vi từ mực nước thượng lưu trở xuống bị xói lở nghiêm trọng do sóng đánh tạo thành hàm ếch, nhiều vị trí xói sâu 70 – 80 cm. Mái thượng lưu cách vai phải đập 140m và 230m là những vị trí cây cối mọc tốt ăn ra lòng hồ, có nhiều cây gỗ lớn. Thậm chí có nhà ở và cư dân sinh hoạt (là nhà làm việc của HTX thủy sản được chuyển nhượng cho người dân). Cũng ở các vị trí này, còn sót lại một giêng nước được đào trong lòng hồ, cách không xa đỉnh đập, nằm trên doi đất phía trong lòng hồ bên phải cống lấy nước.

Mái hạ lưu cây mọc rậm rạp, thậm chí có nhiều cây thân gỗ cao, đặc biệt nhiều là tre. Các loại cây này thường có rễ ăn sâu cũng như quá rậm rạp sẽ gia tăng các yếu tố nguy cơ mất ổn định thềm và tạo điều kiện cho động vật đào hang và mối phát triển. Một số vị trí phát hiện tổ mối hoặc dấu vết của mối trên các thân cây gỗ. Thảm xuất hiện ở một số vị trí như vai trái đập -

bên cạnh tràn tháo lũ khi mực nước trong hồ lớn (theo báo cáo của cán bộ quản lý đập). Giữa lòng suối cũ và bên vai phải đập (cách đầu đập 300m) có nước thấm đọng, nước trong. Phạm vi thân đập chưa được cắm mốc và rào chắn nên vẫn còn dấu vết của việc chăn thả trâu bò trên mái đập. Ranh giới giữa phạm vi công trình và khu dân cư chưa được phân định nên dân cư sống và canh tác vào sát chân đập. Nhiều vị trí được dân rào chắn bằng cách trồng cây nên khó tiếp cận kiểm tra.

Trên mái hạ lưu chỉ quan sát thấy rãnh thoát nước dọc cơ đập. Các loại rãnh tạo ô trồng cỏ, rãnh ngang và rãnh tập trung nước ở chân đập không thấy. Không thấy dấu vết của thiết bị thoát nước thân đập và thiết bị thoát nước áp mái. Tổng chiều dài các đoạn dự kiến cần xử lý thấm khoảng 215m.

*Sạt lở ở mái thượng lưu*



*Cây mọc trên mái thượng lưu*



*Thấm nước ở hạ lưu*



*Mái hạ lưu*



(Nguồn: Báo cáo FS)

### Hình 7 – Hiện trạng của tuyến đập

**Tràn xả lũ.** Tràn xả lũ tự do được bố trí ở vai trái đập đất; chiều rộng Btr = 5,0m; kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm; Hình thức nối tiếp là dốc nước và tiêu năng bằng bể. Bề mặt tràn và đáy dốc nước được bọc BTCT còn tốt, độ dốc của đoạn cuối dốc khá lớn. Phần tường bên tràn được xây bằng đá, thời gian đã lâu, các thiết bị thoát nước bị hư hỏng tạo thành các dòng thấm dọc theo chân tường cả mặt trong lẫn mặt ngoài. Một số vị trí bị bong tróc. Kênh dẫn hạ lưu bị co hẹp, cây cối mọc rậm rạp làm hạn chế khả năng tháo nước. Kênh dẫn thượng lưu cong 7-10m không đủ năng lực để chuyên tải nước lũ.



*Cửa vào của tràn xả lũ, bên cạnh đập*



*Cầu qua tràn xả lũ*

**Hình 8 – Hiện trạng của tràn xả lũ**

Theo Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang (IMC), ở điều kiện làm việc bình thường, mực nước lũ bình thường ở qua tràn xả lũ chỉ khoảng 0,3-0,5 m. Tuy nhiên, kênh hạ lưu của tràn xả lũ hiện bị bồi đắp và chặn do cây mọc dày, nước không thể chảy qua.



Tường của tràn xả lũ cao 3 m và cửa vào của tràn



Mặc dù nước từ hồ chảy qua tràn, dốc nước vẫn bị ngập do hạ lưu vị bồi lấp



Kênh dẫn tràn xả lũ bị khóa lấp do cây cối và tre nứa mọc dày

(ảnh chụp vào ngày 17/6/2015 trong điều kiện thời tiết khô ráo và không có nước qua tràn)

**Hình 9: Tràn xả lũ, dốc nước và kênh hạ lưu**

**Cống lấy nước.** Cổng lấy nước nằm ở vai phải của tuyến đập được gia cố có kích thước 800mm. Đây là cống hộp có van điều tiết ở thượng lưu. Cửa lấy nước không kín nước.



**Hình 10 – Cổng lấy nước**



**Hồ chứa.** Theo Ban QLKT CTTL (IMC) một doanh nghiệp tư nhân đã đấu thầu quyền sử dụng lòng cá và mặt hồ để nuôi trồng thủy sản. Trên thực tế, doanh nghiệp trên đã ngừng các hoạt động sản xuất tại hồ từ năm 2016 do tìm được một địa điểm tốt hơn. Tuy nhiên, đến nay chưa có tổ chức, cá nhân nào khác sử dụng lòng cá và mặt nước hồ để nuôi trồng thủy sản do hợp đồng giữa doanh nghiệp trên và Ban QLKT CTTL vẫn còn hiệu lực.



**Hình 11 – Nuôi cá lồng trong hồ**

**Đường di chuyển tới tuyến đập.** Có 2 tuyến đường đi qua khu vực xây dựng công trình:

Tuyến 1 bắt đầu từ Km6 của Quốc lộ 2 chạy dọc tuyến kênh chính tới cống lấy nước và tràn xả lũ của hồ Ngòi Là 2 ở thôn Kim Sơn, xã Chân Sơn, chiều dài 2340m, rộng 4.5m. Tuyến đường sẽ được sử dụng làm đường quản lý vận hành. Tuyến chạy qua các thôn số 3, 4, 15, 1 của xã Trung Môn. Dọc đường có mật độ dân cư sinh sống thưa thớt.



**Hình 12 – Tuyến số 1**

Tuyến 2 chạy từ hồ Ngòi Là 1, thuộc thôn 1, xã Trung Môn đến vai đập Ngòi Là 2 tại thôn Đông Sơn, xã Chân Sơn. Tuyến đường có hiện trạng là đường đất, rộng 3 m, dốc và chỉ có 10 hộ sống dọc đường. Dọc đường chủ yếu là các loại cây đại mộc, thỉnh thoảng có trồng các cây lấy gỗ như xoan, keo. Không có hệ thống thoát nước dọc đường hoặc ngang đường. Xe cộ đi lại rất ít trên tuyến, chỉ có một vài xe máy đi qua trong thời gian tiến hành quan sát tại tuyến đường này. Tuyến sẽ được sử dụng trong thời gian xây dựng tuyến đập. Việc vận chuyển vật liệu cũng sẽ được sử dụng trên tuyến này để giảm tải cho tuyến đường chính. Tuyến đường cũng được đề xuất nâng cấp trong TDA để làm tuyến đường đi lại trong cả giai đoạn xây dựng và vận hành.



**Hình 13 – Điểm bắt đầu và kết thúc của tuyến đường quản lý**

**Bãi thải** nằm tại thôn 3 xã Trung Môn, cách khu vực công trường 2,5km. Bãi thải có diện tích 2,06 ha, dài 400 m, rộng 25 m, sâu 5 m. Đây là 1 khu đất trống chạy dọc giữa 1 bên là đồi thấp và 1 bên là tuyến đường nhựa. Hiện tại, thực vật che phủ khu đất là các cây bụi, cây dại. ở hạ lưu phía xa là cánh đồng trồng lúa. Khu vực bãi thải được lựa chọn dựa trên quy hoạch sử dụng đất của xã.



**Hình 14 – Bãi đổ thải**

**Mỏ đất đắp.** Đồi thấp nằm dọc tuyến đường số 2 được lựa chọn làm mỏ đất đắp trong trường hợp đất đào không đủ tiêu chuẩn để tái sử dụng làm đất đắp. Tương tự như khu vực bãi thải, khu đồi thấp này cũng có chủ yếu là các cây bụi, cây dại sinh sống.



**Hình 15 – Mỏ đất đắp**

**Khu vực lán trại công nhân** 1.000 m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn của công trình. Một phần diện tích này đã bị người dân lấn chiếm trồng các cây ngắn ngày như dưa chuột, đậu, một phần để cây cỏ mọc dại.

**Khu vực tập kết vật liệu** bố trí tại hạ lưu của đập tại xã Trung Môn, diện tích khoảng 1.300 m<sup>2</sup>, hiện tại là khu vực có nhiều cây dại mọc.

## PHẦN 5

### CÁC TÁC ĐỘNG XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TIỀM TÀNG

#### 5.1 Lịch sử của tuyến đập và hồ chứa

Công trình hồ chứa nước Ngòi Là 2 được xây dựng vào năm 1973, được nâng cấp, sửa chữa lần đầu vào năm 1999. Trong lần sửa chữa này, đáy tràn và dốc nước được bọc lại bằng bê tông cốt thép. Cầu qua tràn được nâng cao, mở rộng để đảm bảo giao thông. Hệ thống kênh được kiên cố hóa một phần.

Năm 2012, đỉnh đập và đường quản lý được trải thảm.

Theo kết quả điều tra hiện trạng tháng 3 năm 2015, vùng thềm dài khoảng 215m trên thân đập chính tồn tại từ năm 1973 đến nay, tập trung ở cao độ 31,0m ÷ 35,0m ở lòng sông và cao độ 34,0m ÷ 37,0m ở phạm vi cống. Cho tới nay, công trình chưa xảy ra sự cố nào nghiêm trọng, chưa gây ảnh hưởng tới môi trường, xã hội. Đập bị thấm chủ yếu qua thân.

Dự án được đề xuất sẽ giúp giải quyết các vấn đề trên và nâng cao an toàn hồ đập.

#### 5.2 Sàng lọc DTTS

Theo hệ thống, một phần của đánh giá xã hội, là các DTTS đang sống trong khu vực tiêu dự án được đánh giá và sự có mặt của họ trong khu vực tiêu dự án được khẳng định thông qua sàng lọc về người DTTS (theo Ngân hàng, chính sách OP 4.10), bao gồm tham vấn với họ một cách tự do, thông báo trước và thông tin tới người DTTS theo cách thức phù hợp, để xác định rằng có cần hỗ trợ cho cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng tại địa phương khi thực hiện tiêu dự án hay không. Sàng lọc DTTS được tiến hành theo hướng dẫn OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới, và đã được thực hiện trong phạm vi và khu vực các đánh giá xã hội tương ứng với phạm vi đánh giá môi trường (theo OP 4.01).

Kết quả sàng lọc DTTS đã chỉ ra rằng không có người DTTS có mặt trong khu vực TDA, bao gồm quanh hồ chứa và cả diện tích 354ha được tưới và các công trình khác liên quan trong dự án được xác định bởi việc đánh giá môi trường. Do không có người DTTS trong khu vực dự án, không cần phải chuẩn bị một kế hoạch phát triển DTTS cho TDA này.

#### 5.3 Phân tích về giới

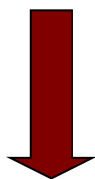
Có một vài vấn đề về giới trong khu vực TDA.

- (i) **Lao động và phân chia lao động:** Hầu hết các phụ nữ tham gia vào các hoạt động nông nghiệp. Phụ nữ có thể làm việc 9 -10 giờ/ngày trong khi đàn ông chỉ làm việc 8 giờ/ngày). Kiến thức hạn chế và việc sử dụng các phương pháp sản xuất nông nghiệp truyền thống khiến người dân địa phương thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cao của mất mùa, dịch bệnh cho gia súc và suy dinh dưỡng.
- (ii) **Tiếp cận giáo dục:** Tất cả nam và nữ có quyền bình đẳng để đi học tuy nhiên tỷ lệ đi học của các em gái luôn thấp hơn so với em trai.
- (iii) **Sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động nhóm:** Trong khu vực tiêu dự án, hầu hết phụ nữ là dân tộc Kinh. Phụ nữ chưa biết cách cũng như chưa được tập huấn và trao quyền để thể hiện quyền lợi của mình trước cộng đồng. Do đó trong các cuộc họp cộng đồng, họ rất ít phát biểu.
- (iv) **Sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính quyền địa phương:** Thông qua các

cuộc phỏng vấn với Chủ tịch UBND xã, báo cáo ghi nhận rằng phụ nữ chiếm 20% trong hệ thống UBND xã Trung Môn. Không có người phụ nữ đóng vai trò như chủ tịch ủy ban. Hầu hết phụ nữ không đảm nhận vị trí lãnh đạo có ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định.

- (v) **Sức khỏe:** Tình trạng sức khỏe của phụ nữ ở xã Trung Môn không có gì là nghiêm trọng. Tuy nhiên, nguy cơ cao mắc các bệnh như tiêu chảy, dị ứng da và các hình thức nhiễm trùng khác không chỉ ở riêng phụ nữ mà còn ở cả cộng đồng.
- (vi) **Phân tích giới:** Sơ đồ dưới đây cho thấy việc xác định vai trò và trách nhiệm liên quan đến quản lý nước, sử dụng nước và lấy nước trong vùng dự án.

Nam giới	Phụ nữ
Ít mối quan tâm hơn tới an ninh nước, sức khỏe gia đình và nước không đảm bảo cũng như ảnh hưởng của nó tới sức khỏe gia đình.	NHIỀU MỐI QUAN TÂM tới nguồn nước đảm bảo cho sức khỏe gia đình và tác hại của nó
Ít tham gia hơn và việc giáo dục vệ sinh.	THAM GIA chính vào giáo dục vệ sinh
ĐẢM NHẬN VAI TRÒ NHỎ trong việc giáo dục trẻ em và các thành viên khác trong gia đình về sinh cá nhân như tắm giặt thường xuyên, uống nước đun sôi v.v...	ĐẢM NHẬN VAI TRÒ CHÍNH trong giáo dục trẻ em và các thành viên khác trong gia đình về vệ sinh cá nhân như tắm giặt thường xuyên, uống nước đun sôi



HOÀN TOÀN ra quyết định trong việc sử dụng nước, phân phối nguồn nước và dự trữ nước	KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG ra quyết định trong việc sử dụng nước, phân phối nguồn nước và dự trữ nước
THƯỜNG XUYÊN quyết định việc xây dựng, thiết kế và vị trí của nó.	HẦU NHƯ KHÔNG ra quyết định trong việc sử dụng nước, phân phối nguồn nước và dự trữ nước
THƯỜNG XUYÊN đảm nhận trách nhiệm quản lý và bảo vệ hồ chứa nước	HẦU NHƯ KHÔNG đảm nhận trách nhiệm quản lý và bảo vệ hồ chứa nước

#### 5.4 Các tác động tích cực tới môi trường và xã hội

Những tác động xã hội và môi trường của các tiểu dự án được đề xuất nói chung là tích cực. Cải tạo đập sẽ giúp giảm thiểu rủi ro về an toàn đập, cộng đồng địa phương và cơ sở hạ tầng hiện có ở hạ nguồn sẽ được bảo vệ tốt hơn.

Xử lý rò rỉ nước trên thân đập và cống lấy nước sẽ cải thiện khả năng trữ nước của hồ, đặc biệt là trong mùa khô. Điều này sẽ giúp nâng cao tính ổn định, tin cậy của các dịch vụ tưới tiêu từ hồ. 354,13 ha lúa và 6,11 ha cây rau màu của xã Trung Môn, Kim Phú của huyện Yên Sơn, các phường Ý La, Tân Hà, Hưng Thành thuộc Thành phố Tuyên Quang sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ tưới được cải thiện; đảm bảo cấp nước cho diện tích 15ha nuôi trồng thủy sản.

Nâng cấp tràn xả lũ sẽ giúp làm tăng khả năng thoát lũ, giảm nguy cơ vỡ đập, đặc biệt là trong trường hợp PMF. Việc mở rộng tràn sẽ tăng khả năng thoát lũ, mực nước trong hồ sẽ giảm nhanh hơn so với hiện trạng, áp lực cột nước trong hồ lên tới mặt thượng lưu của đập sẽ giảm đi, do đó sẽ giúp tăng an toàn của hồ trong trường hợp có lũ. Do mực nước lũ trong hồ giảm nhanh, thời gian nước lũ lắng đọng lại trong hồ sẽ giảm dẫn đến lượng bồi lắng lòng hồ giảm.

Phục hồi và cải tạo đập, mở rộng tràn và nâng cấp đường sẽ giúp cải thiện cảnh quan khu vực. Khu vực TDA sẽ có diện mạo sạch và đẹp hơn.

Tuy nhiên, việc phục hồi đập và các công trình phụ trợ cũng gây ra những tác động tiêu cực tiềm tàng với môi trường và xã hội như được đề cập dưới đây.

## 5.5 Các tác động tiêu cực tiềm tàng tới môi trường và xã hội

### 5.5.1 Giai đoạn trước khi thi công

**Thu hồi đất.** Tác động tiềm tàng chủ yếu trong giai đoạn trước khi thi công là tác động thu hồi đất. Diện tích đất đã bị thu hồi vĩnh viễn là 58.664,5 m<sup>2</sup>, trong đó 26.772,7 m<sup>2</sup> sẽ được sử dụng cho thi công tuyến đường và 31.399,8 m<sup>2</sup> được thu hồi để thi công tuyến đập và tràn. 01 hộ gia đình sẽ phải di dời do xây dựng trong hành lang an toàn của tuyến đập (Đất của hộ đang sử dụng thuộc sở hữu của Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang).. Tuy nhiên, hộ đã được xem xét bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên đất với tổng số tiền 501.215.817 VNĐ.

01 tổ chức và 35 hộ gia đình khác cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất. 7.200 cây chủ yếu là bạch đàn, mít, ổi, bồ đề, keo, mỡ, thanh long, bưởi, xoài, cây tạp... của 01 tổ chức và 35 hộ gia đình sẽ bị chặt bỏ. Kết quả từ khảo sát cho thấy đối với người Kinh, việc thu hồi đất sẽ không làm ảnh hưởng nhiều tới việc sản xuất canh tác cũng như ảnh hưởng tới thu nhập của họ. Tổng diện tích đất bị thu hồi tạm thời bao gồm 1.000 m<sup>2</sup> đất rải rác dọc tuyến đường chính chủ yếu là đất trồng để bố trí nhà điều hành công trường và diện tích 1.300 m<sup>2</sup> để làm bãi tập kết vật liệu.



**Hình 161- Hình ảnh về nhà và đất bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất**

**Nguy cơ từ vật liệu nổ (UXO)** Giải phóng mặt bằng trước khi xây dựng có thể gây ra những nguy cơ về an toàn cho công nhân nếu có những vật liệu nổ sau thời gian chiến còn sót lại tại công trường tranh. Nguy cơ an toàn này cần được giải quyết trước khi việc thi công bắt đầu.

**Tác động tới tài nguyên sinh học** Trên mái đập, kể cả mái thượng lưu và mái hạ lưu có khá nhiều cây cối mọc xanh tốt. Các cây này chủ yếu là cây tre, cây mít, chuối và một số loài cây bụi. Các cây đại cũng là thực vật chủ yếu dọc tuyến đường thứ 2, tại khu vực bãi thải và mỏ đất đắp. Đây là nơi làm tổ, cư trú của một số loài như chim, dế, chuột, ... Trong giai đoạn GPMB, các thực vật và cây cối mọc trong hành lang an toàn của đập sẽ bị chặt bỏ, các động vật sẽ mất nơi cư trú. Tuy nhiên, tác động tiềm tàng trên là rất nhỏ do các động vật nhỏ có thể di chuyển về khu vực khác, trong các vườn tạp của hộ dân hoặc các bãi đất trống với hệ thực vật cũng có các đặc điểm tương tự để sinh sống.

Mái thượng lưu cách vai phải đập 140m và 230m là những vị trí cây cối mọc tốt ăn ra lòng hồ, có nhiều cây thân gỗ, như Xoan, Xoài, Ổi... và một số loài cây bụi làm bồi lắng lòng hồ. Đây là nơi sinh sống của một số loài côn trùng như ve, dế, bọ dừa, bọ xoan... Khi triển khai dự án sửa chữa nâng cấp đập đặc biệt là hạng mục nâng cấp mái đập thì hệ thực vật mọc trên hai mái đập sẽ bị dọn dẹp, các động vật sinh sống trong phạm vi mái đập sẽ bị ảnh hưởng mất nơi cư trú.

**An toàn** cho công nhân và cộng đồng trong quá trình trước khi thi công sẽ được chú ý. Bên cạnh đó, các rủi ro về an toàn trong giai đoạn GPMB còn bao gồm giạt điện, vật liệu nặng rơi vãi trong quá trình tháo dỡ các kiến trúc sẵn có hoặc chặt những cây lớn (247 m<sup>3</sup>). Rủi ro an toàn sẽ liên quan tới xếp, dỡ và vận chuyển những vật liệu công kênh ra khỏi công trường, đặc biệt là những đoạn đường đi qua nhà trẻ ở thôn 15 xã Trung Môn nằm cách mặt đường khoảng 10m. Tuy nhiên, lượng chất thải rắn sinh ra trong giai đoạn trước khi thi công chỉ khoảng 3,000m<sup>3</sup> và các hoạt động trong giai đoạn này sẽ diễn ra trong thời gian ngắn. Dự kiến rằng có nhiều vật liệu thải công kênh sinh ra trong quá trình GPMB sẽ được người dân địa phương tái sử dụng, do đó khối lượng chất thải rắn sinh ra sẽ được giới hạn. Rủi ro về an toàn khá nghiêm trọng nhưng có thể quản lý được.

**Xáo trộn giao thông** Các tác động tiềm tàng về giao thông địa phương được hạn chế do mật độ giao thông rất thấp dọc theo 2,5 km đường vào từ vị trí đập đến khu vực bãi thải.

**Tiếng ồn** từ việc chặt cây, phá dỡ công trình, vận chuyển chất thải đến bãi thải vv.. là tạm thời, ngắn hạn và ở mức thấp, do đó các tác động tiềm tàng về tiếng ồn trong giai đoạn tiền xây dựng là không đáng kể. Tương tự như vậy, bụi phát sinh trong giai đoạn này cũng sẽ được giảm thiểu trong phạm vi thực hiện phá dỡ (đập tràn, 01 ngôi nhà, vv). Thực vật bên đường chỉ bị ảnh hưởng trên diện tích nhỏ.

### 5.5.2 Các tác động tiềm tàng trong giai đoạn xây dựng

Các tác động môi trường tiềm tàng trong quá trình nâng cấp đập đã được nhận biết từ kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự trong quá khứ. Các tác động tiềm năng quan trọng có thể bao gồm

- Bụi, tiếng ồn, hỗn loạn giao thông và tăng rủi ro về an toàn giao thông dọc các tuyến đường giao thông bao gồm những con đường vận chuyển; đặc biệt là các đoạn đi qua khu dân cư, công trình công cộng hay các khu vực kiến trúc nhạy cảm;
- Nguy cơ ô nhiễm môi trường liên quan đến khối lượng đất từ các công việc đào đắp thi công tuyến đập; Giảm chất lượng nước trong hồ do việc đào đắp, xếp dỡ vaattj liệu trên thượng lưu đập, các tác động tới môi trường sinh học và lũ lụt ở hạ lưu liên quan đến những biến đổi về mực nước trong hồ nếu nước trong hồ tràn xả xuống hạ lưu;
- Mất lớp phủ thực vật và cây cối, gây xáo trộn đến hiện trạng thoát nước hiện có, tăng khả năng xói mòn và bồi lắng rủi ro tại khu mỏ và bãi thải;

- Trì hoãn dịch vụ cấp nước;
- Các rủi ro ô nhiễm đất và nguồn nước liên quan đến việc nước thải phát sinh từ khu vực thi công và các lán trại lao động;
- Rủi ro an toàn cho người lao động và cộng đồng địa phương liên quan đến việc bốc dỡ vật liệu xây dựng, chất thải, và các hoạt động của các máy móc và phương tiện xây dựng;
- Xung đột xã hội giữa người lao động và cộng đồng địa phương;
- Thiệt hại cho cơ sở hạ tầng địa phương hiện có, đặc biệt là giao thông nông thôn hiện có do sự di chuyển của xe tải nặng

Trong phạm vi tiểu dự án Ngòi Là 2, một số các tác động tiềm tàng nêu trên đã được dự kiến trong thời gian chuẩn bị của các nghiên cứu khả thi (FS), do đó các phương án xây dựng và tiến độ xây dựng được đề xuất sẽ giúp làm tránh một số các tác động tiềm tàng. Các tác động tiêu cực tiềm tàng khác sẽ được giải quyết trong giai đoạn thiết kế chi tiết hoặc trong giai đoạn xây dựng. Các tác động tiềm năng và các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu các tác động và rủi ro tiềm năng sẽ được thảo luận chi tiết dưới đây.

***Bụi, tiếng ồn, hỗn loạn giao thông và rủi ro an toàn giao thông gia tăng dọc các tuyến đường giao thông bao gồm những tuyến đường vận chuyển***

Như đã mô tả trong phần 4.5, có hai tuyến đường dẫn tới tuyến đập. Tuyến 1 là 2,4 km đường bê tông chạy dọc theo bốn thôn của xã Trung Môn, và Tuyến 2 là 1,9 km đường đất chạy chủ yếu dọc theo khu đất có các cây bụi mọc chủ yếu. Trong giai đoạn xây dựng, tuyến 1 sẽ chỉ được sử dụng cho các xe ô tô nhỏ chở vật liệu vào các công trường xây dựng. Vì vậy, các tác động tiềm tàng liên quan đến bụi, tiếng ồn, hỗn loạn giao thông và nguy cơ an toàn giao thông xảy ra đối với bốn thôn của xã Trung Môn là rất hạn chế.



**Hình 17 – Cảnh quan đặc trưng của tuyến vận chuyển thứ 2**

Tuyến đường được sử dụng chính trong giai đoạn xây dựng là tuyến đường số 2, kết nối tuyến đập với khu vực bãi thải và mỏ đất đắp, nếu cần thiết. Thường xuyên diễn ra tình trạng là bụi trong mùa khô và lầy lội vào mùa mưa của tuyến đường. Nhiều đoạn cua gấp và độ dốc lớn tại một số đoạn gây khó khăn và mất an toàn cho việc đi lại của các phương tiện. Không có hệ thống thoát nước dọc theo con đường này, để nước mưa có thể rửa nền đường tại một số phần.

Các tác động tiềm tàng trong quá trình nâng cấp và sử dụng con đường trong giai đoạn thi công được giới hạn do chỉ có 10 hộ dân sống dọc theo con đường này. Dọc bên đường chủ yếu là các cây bụi, mật độ giao thông rất thấp hoặc hầu như không có xe cộ qua lại hầu hết thời gian trong ngày. 10 hộ dân trên và 08 hộ khác có đất canh tác dọc tuyến đường sẽ bị ảnh hưởng bởi bụi, tiếng ồn và rủi ro an toàn giao thông. Biện pháp giảm thiểu chung sẽ được thực hiện trong giai đoạn xây dựng để giảm thiểu những tác động tiềm tàng. Chăm sóc sức khỏe và an toàn cho người lao động trong giai đoạn xây dựng sẽ là mối quan tâm chính trong giai đoạn này.

**Các rủi ro về ô nhiễm liên quan đến khối lượng lớn các công việc đào đắp trên tuyến đập**

*Phát sinh chất thải.* Theo báo cáo nghiên cứu khả thi, tổng khối lượng vật liệu đào từ tuyến đập, tràn và đường giao thông là 49.824 m<sup>3</sup>. Khối lượng vật liệu đắp cần cho 3 hạng mục này là 20.020m<sup>3</sup>. Một diện tích đất sẽ cần thu hồi để làm bãi thải và mỏ đất đắp. Các xe tải phục vụ vận chuyển các vật liệu tới bãi thải và từ các công trường thi công và từ các mỏ đất đắp có thể tạo ra bụi, tiếng ồn và khí thải, giao thông bị quấy rầy và làm tăng rủi ro về an toàn giao thông.

**Bảng 1210 – Vật liệu đào và đắp**

	Đào (m <sup>3</sup> )		Đắp (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
	Đất thải	Tái sử dụng		
<b>Đập</b>	4.987	8.918	16.916	Tái sử dụng 16.916 m <sup>3</sup> : 8.918 m <sup>3</sup> đắp lại Đập và vận chuyển thêm 7.998 m <sup>3</sup> đất đào từ Tràn và Đường về để đắp đập.
<b>Tràn</b>	1.586	6.225	918	Tái sử dụng 6.225m <sup>3</sup> : 918m <sup>3</sup> để đắp lại Tràn, còn 5.307m <sup>3</sup> vận chuyển để đắp cho Đập
<b>Đường vận chuyển</b>	23.231	4.876	2.185	Tái sử dụng 4.876m <sup>3</sup> : 2.185 m <sup>3</sup> để đắp lại Đường, còn 2.691 m <sup>3</sup> vận chuyển để đắp cho Đập
<b>Tổng</b>	29.804	20.020	20.020	
	49.824			

Với 13.905 m<sup>3</sup> vật liệu đất đào từ mặt đập và 7.998 m<sup>3</sup> đất vận chuyển về đắp đập, lượng đất này nếu bị rơi xuống hồ chứa sẽ gây ra bồi lắng và tăng độ đục của nước. Với các phương pháp xây dựng đề xuất trong đó đã ưu tiên xem xét theo chế độ thủy văn tự nhiên theo mùa của hồ, tiêu dự án sẽ không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực tiềm tàng đáng kể vào đời sống thủy sinh trong hồ và hạ du.

**Tác động tiềm tàng tại khu đổ thải và biện pháp giảm thiểu**

Như đã thảo luận, các mỏ đất đắp có thể không cần phải khai thác tới do lượng đất đào đã đủ để phục vụ tái sử dụng làm đất đắp. Bãi thải với diện tích 2,06 ha đã được xác định là một bãi đất hẹp, thấp (sâu 5m) có kích thước 400 m x 25 m nằm giữa 1 bên là đồi 1 bên là tuyến đường với trữ lượng khoảng 50.000 m<sup>3</sup>. Khối lượng đất sẽ mang đi đổ thải khoảng 35.588 m<sup>3</sup>. Hiện tại, khu đất được bao phủ bởi lớp thực vật dày chủ yếu là các cây bụi, cây dại, không có các thực vật hoặc các loài động vật đang bị đe dọa ở khu vực. Do đó, các tác động đến tài



nguyên sinh vật ở khu vực bãi thải là không nghiêm trọng và có thể bỏ qua.

Đồ thải tại khu vực bãi thải sẽ không làm gián đoạn bất kỳ một hình thức thoát nước hiện hữu nào do khu bãi thải được đề xuất là ranh giới với đỉnh của một dòng chảy tự nhiên. Tuy nhiên, việc nằm gần khu phân nước cũng gây ra nguy cơ nước mưa cuốn trôi các vật liệu xuống khu đất thấp là ruộng lúa ở hạ lưu nếu không có các biện pháp giảm thiểu được áp dụng. Với khoảng 35.588 m<sup>3</sup> đất đá, chiều cao trung bình của bãi chứa là khoảng 1,8 m. Cần có các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiềm năng như tăng khả năng xói mòn, sạt lở đất ở các bãi thải

#### ***Tác động đối với dịch vụ thủy lợi***

Nâng cấp mặt đập thượng lưu sẽ không ảnh hưởng đến dịch vụ thủy lợi do việc thi công sẽ được bắt đầu ở cao trình 37,5 m trong hồ, trong khi mực nước chết của hồ là + 34 m, cống lấy nước được đặt tại cao trình 33 m.

Các tác động tiềm năng về cấp nước cho nông nghiệp trong quá trình sửa chữa các công trình đầu mối như việc sửa chữa van cống lấy nước, các thiết bị kiểm soát sẽ được giới hạn do chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Đề quai sẽ được đắp xung quanh các cống lấy nước khi mực nước trong hồ chứa xuống thấp nhất, hơn nữa thời điểm này là vào cuối vụ đông xuân, yêu cầu về nước tưới không cao, ảnh hưởng tới gián đoạn cấp nước không xảy ra.

#### ***Rủi ro ô nhiễm đất và nước liên quan đến việc nước và nước thải sinh ra từ các công trường xây dựng khác và các lán trại công nhân;***

*Nước thải từ các hoạt động thi công xây dựng.* Chất thải lỏng và nước thải từ các công trường xây dựng có thể là dầu bị rò rỉ từ các thiết bị, máy móc và việc xúc rửa, nước thải rò rỉ từ trộn bê tông vv. Các chất gây ô nhiễm trong chất thải, nước thải lỏng như vậy có thể chứa chất độc hại hoặc có chứa hàm lượng chất rắn cao. Nếu bị nước mưa rửa trôi cùng với các chất lỏng khác và chất thải tại các công trường xây dựng vào hồ chứa, chất lượng nước hồ sẽ bị ảnh hưởng và do đó ảnh hưởng đến sự sống của các loài thủy sản. Tuy nhiên, nguy cơ rủi ro này được đánh giá là thấp do lượng nước thải từ công trường xây dựng là rất nhỏ, lượng chất thải này đã được giữ lại bởi thảm thực vật tự nhiên xung quanh và lắng lại trước khi chảy vào nước hồ. Các tác động tiềm tàng sẽ được giảm thiểu thông qua kế hoạch quản lý công trường, trong đó việc ngăn và xử lý nước thải công trường được yêu cầu đối với các nhà thầu thi công..

*Nước thải sinh hoạt.* Trong giai đoạn xây dựng cao điểm, sẽ có 50 công nhân làm việc rải rác tại bốn địa điểm xây dựng chính: đập, đập tràn, cống lấy nước và đường giao thông. Nước thải sinh hoạt sẽ phát sinh từ các nguồn nấu ăn, tắm rửa, cọ rửa chủ yếu diễn ra trong các lán trại công nhân. Theo TCXDVN 33: 2006, lượng nước trung bình để sử dụng cho sinh hoạt ở khu vực miền núi là 80 lít/ngày/người. Lượng nước thải được tạo ra bằng 80% lượng nước sinh hoạt được sử dụng. Với số lượng 50 công nhân, lượng nước thải tạo ra mỗi ngày là  $80 \times 0.8 \times 50 = 3200$  lít/ngày hoặc 3,2 m<sup>3</sup>/ngày. Trong 18 tháng của giai đoạn xây dựng, 1.728 m<sup>3</sup> nước thải sinh hoạt sẽ được sinh ra từ khu vực lán trại. Nếu lượng nước thải này không được quản lý đúng cách, nước thải có thể lắng đọng ở xung quanh khu vực lán trại dẫn đến tình trạng mất vệ sinh, gây ảnh hưởng và gây ra nguy cơ sức khỏe cho người lao động cũng như cộng đồng. Tuy nhiên, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày là khá nhỏ và có thể dễ dàng quản lý thông qua lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống thoát nước xung quanh lán trại công nhân.

### 5.5.3 Tác động tiềm tàng trong giai đoạn vận hành

Các công trình được đề xuất nâng cấp sẽ không làm thay đổi chế độ thủy văn của hồ chứa và các kênh hạ lưu tiếp nhận trong mùa khô hoặc khi mực nước dưới cao độ của đập tràn là 41.5m.

Theo báo cáo nghiên cứu khả thi, các đập tràn hiện tại có cao độ 41,5 m và chiều rộng  $B = 5$  m là đủ để đảm bảo an toàn của đập với lưu lượng lũ thiết kế (1,5%)  $Q = 26,5$  m<sup>3</sup>/s và (0,5%)  $Q = 31,11$  m<sup>3</sup>/s. Theo các cán bộ của Công ty QLKT CTTL, hiện mực nước qua đập tràn chỉ giao động khoảng 0,3-0,5 m. Tuy nhiên, hiện nay tuyến kênh sau tràn đã bị chặn bởi bồi lắng và thảm thực vật lấn chiếm với những cây tương đối lớn như tre. Đã xuất hiện hiện tượng đọng nước trong tuyến kênh sau tràn.

Cần lưu ý rằng đây là loại tràn, hình thức tràn tự do (không có cửa điều tiết). Điều này có nghĩa là khi nước trong hồ đầy và cửa cống lấy nước bị đóng kín thì nước từ hồ chảy qua tràn tới kênh tiếp nhận ở hạ lưu suối Là sẽ bằng với lưu lượng nước tự nhiên tới hồ. Nếu công lấy nước được mở, nước trong hồ đầy, chỉ có lượng nước thừa mới qua tràn và chảy vào đoạn suối Là cũ hay hiện tại là kênh tiếp nhận. Nếu nước trong hồ chưa đầy sẽ không có nước chảy qua tràn vào kênh nữa. Những tác động này có thể ảnh hưởng tới chế độ thủy văn của đoạn hạ lưu suối Là. Tình trạng này đã diễn ra 42 năm qua kể từ khi công trình hồ Ngòi Là được xây dựng. Các thay đổi bất kỳ trong môi trường nước của vùng hạ lưu theo xu hướng thông thường đã xảy ra trong những năm trước đó. Không có ghi nhận về việc sinh sống của các động vật thủy sinh trên đoạn hạ lưu này. Theo phỏng vấn, người dân địa phương không thể nhớ lại sự hiện diện của bất kỳ loài cá di cư trên suối Là trước khi đập được xây dựng

Theo kết quả khảo sát, trong điều kiện hoạt động bình thường, mực nước lũ thường xuyên trong các hồ chứa cao hơn khoảng 0,3-0,5 m so với mực nước dâng bình thường. Đỉnh lũ hàng năm (kết quả khảo sát) của suối (bằng với lưu lượng nước chảy qua tràn xả lũ khi nước trong hồ đầy và cống lấy nước được đóng) là  $Q = 2-3$  m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng xả qua tràn tương ứng với mức lũ thường xuyên là khá nhỏ so với khả năng chuyển tải nước của hệ thống suối phía sau tràn. Ngoài ra, lượng nước bị giảm do 2 trạm bơm lấy nước tưới từ suối Là trước khi chảy vào sông Lô. Với chế độ thủy văn như vậy, không tạo điều kiện cho môi trường sống của các loài thủy sinh nhạy cảm. Vì vậy, các hệ sinh thái hiện tại của đoạn hạ lưu suối Là có thể được mô tả là không quan trọng cả về mặt sinh học và kinh tế. Các lưu vực suối Là ở phía hạ lưu của hồ có thảm thực vật chủ yếu gồm các cây mọc dại, thường được thấy dọc bờ suối và ruộng lúa. Kết quả từ các cuộc phỏng vấn người dân địa phương cho thấy, tình trạng ngập úng do nước từ hồ chảy qua tràn vào lòng suối chưa từng xảy ra.

Mở rộng tràn xả lũ sẽ tăng cường khả năng xả lũ, đảm bảo an toàn hồ chứa trong trường hợp của trận lũ lớn hơn hoặc tương đương với lũ thiết kế. Đối với lũ thường xuyên, sự khác biệt của lưu lượng xả qua tràn là không đáng kể do dòng chảy lũ thường xuyên là không lớn, lượng nước chảy qua tràn đổ vào lòng suối cũ chỉ tương đương với điều kiện vận hành hiện tại của tràn. Giảm lưu lượng xả qua đập tràn do sự mở rộng của đập tràn làm giảm nguy cơ xói mòn đối với hệ thống suối nhận nước phía sau đập tràn.

Đối với những tác động lâu dài, khi diện tích tưới được mở rộng nhờ kết quả của việc cải thiện vận hành của các cống lấy nước, việc lạm dụng hóa chất nông nghiệp có thể gây ô nhiễm nước và đất trong các khu vực này. Để giảm thiểu tác động tiềm tàng này, cần phải tổ chức chương trình tập huấn IPM cho nông dân ở khu vực.

## PHẦN 6 – PHÂN TÍCH CÁC PHƯƠNG ÁN THAY THẾ

### 6.1 Không có phương án thay thế

#### a) *Tuyến đập*

Với kết cấu hiện tại, khi có sóng tác động thì mái đập sẽ tiếp tục bị xói, gây nguy hiểm cho đập. Cần khẩn cấp gia cố bằng các kết cấu như bê tông hoặc đá. Trước khi gia cố, mái đập cần được xử lý phân bị xói lở. Việc để cây cỏ mọc nhiều trên mái, đặc biệt là cây thân gỗ lớn sẽ tạo điều kiện cho động vật đào hang, cư trú, rễ cây mục để lại lỗ rỗng, ảnh hưởng đến an toàn thấm của đập, làm tăng nguy cơ mất ổn định đập và hạn chế tầm nhìn khi kiểm tra. Mái đập cần được chỉnh trang cho phù hợp, gia cố chống sóng. Giếng nước trong lòng hồ cần được hoành triệt.



**Hình 182 - Hình ảnh hiện trạng mái thượng lưu**

Hiện tượng thấm đã ổn định ở một vài vị trí nhưng cần phải bổ sung các loại thiết bị bảo vệ mái hạ lưu phù hợp để đảm bảo an toàn. Vị trí xuất hiện thấm bên vai tràn khi mực nước trong hồ lớn cần khảo sát chi tiết, đánh giá cận thận để đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Trên đỉnh đập không có các hạng mục, chi tiết đảm bảo an toàn công trình như: đèn chiếu sáng, không có gờ chắn bánh, không có cọc tiêu, không có cọc đánh dấu lý trình.

Phạm vi thân đập chưa được cắm mốc và rào chắn nên vẫn còn dấu vết của việc chăn thả trâu bò trên mái đập. Ranh giới giữa phạm vi công trình và khu dân cư chưa được phân định nên dân cư sống và canh tác vào sát chân đập. Nhiều vị trí được dân rào chắn bằng cách trồng cây nên khó tiếp cận kiểm tra.

Các thiết bị thoát nước thân đập và thiết bị thoát nước áp mái không còn, điều kiện thoát nước không đảm bảo làm tăng nguy cơ thấm đập.

#### b) *Tràn xả lũ*

Tràn xả lũ tự do được bố trí ở vai trái đập đất; chiều rộng  $B_{tr} = 5,0m$ ; kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm; Hình thức nối tiếp là dốc nước và tiêu năng bằng bể có kích thước  $B \times H = 10 m \times 10 m$  Cao trình ngưỡng tràn là +41,50m.

Bề mặt tràn và đáy dốc nước được bọc BTCT còn tốt, độ dốc của đoạn cuối dốc khá lớn.

Phần tường bên tràn được xây bằng đá, thời gian đã lâu, các thiết bị thoát nước bị hư hỏng tạo thành các dòng thấm dọc theo chân tường cả mặt trong lẫn mặt ngoài. Một số vị trí

bị bong tróc (hình 19-4). Chiều cao tường cơ bản là thấp dẫn đến đất đá hai bên tràn vào dốc nước và cây mọc ken lẩn với kết cấu tường (hình 19-5). Đất đắp sau tường dốc nước bên phải xuất hiện nhiều hố xói, sụt do dòng chảy mặt và dòng thấm tạo nên, chiều rộng hố khoảng 80cm, chiều dài khoảng 2m (hình 19-3). Kênh dẫn hạ lưu bị co hẹp, cây cối mọc rậm rạp làm hạn chế khả năng tháo nước.



**Hình 19 - 23: Hố xói trên dốc nước**



**Hình 19 - 34: Dốc nước**



**Hình 19 - 45: Tường bên bị hư hỏng**



**Hình 19 - 56: Tường bên thấp**

**Hình 197 – Kênh sau tràn xả lũ**

Toàn bộ tuyến kênh của hệ thống thủy lợi Ngòi Là dài 12,417 km có tỉ lệ kiên cố hóa tới 97 % (12,127km). Tuy nhiên do thời gian kiên cố đã lâu, phần lớn kênh đều đang gặp các vấn đề xuống cấp, nứt vỡ, bồi lắng nghiêm trọng, làm giảm năng lực chuyển nước, đặc biệt tới các khu ruộng xa. Hiện tượng thiếu nước vào những tháng cuối vụ đông xuân (tháng 4- tháng 6) như phản ánh của người dân không phải do thiếu nước ở hồ Ngòi Là, mà chủ yếu là do tình trạng thất thoát nước trên kênh dẫn khiến nước không kịp chuyển tới ruộng của người dân.

Tràn xả lũ sau khi được nâng cấp sẽ mở rộng về phía vai trái đập thêm 12 m (B=17m). Tăng lưu lượng xả lũ từ 19,67 m<sup>3</sup>/s lên 47,21 m<sup>3</sup>/s; Thiết kế lưu lượng xả lũ kiểm tra đạt 83,02 m<sup>3</sup>/s. Bề tiêu năng có kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm được giữ nguyên, kích thước BxH = 10m x 10m.

## 6.2 Phương án thực hiện dự án

*a. Thi công nâng cấp mái thượng lưu, mái hạ lưu đập*

Thông số sửa chữa: Đập đất đồng chất; chiều cao đập lớn nhất 15m, chiều dài 556 m. Đỉnh đập ở cao độ 44,8m; chiều rộng đỉnh đập 5,0m; hệ số mái thượng lưu: 3; hệ số mái hạ lưu: 2,5.

Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, thi công:

- Đối với mái thượng lưu: Xử lý xói lở và đắp áp trúc mái; Bóc lớp đất thực vật, xử lý mặt tiếp xúc với khối đắp mới; Dùng đất đắp lại theo hệ số mái cũ. Gia cố bằng đá lát trong khung bê tông.
- Đối với mái hạ lưu: Bóc lớp đất thực vật, xử lý mặt tiếp xúc với khối đắp mới; Dùng đất đắp lại theo hệ số mái cũ. Gia cố trồng cỏ và đóng đá mái hạ lưu.

*b. Thi công sửa chữa cống*

Thông số sau sửa chữa: kết cấu bằng BTCT D800mm; cao trình ngưỡng 33m; lưu lượng thiết kế 0,64 m<sup>3</sup>/s; chiều dài 55m.

Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, thi công: Cống lấy nước sẽ thay thế gioăng cao su tại 2 cửa van và lắp đặt máy đóng mở VDD thay thế máy V5 cũ

*c. Mở rộng và thi công tràn*

Thông số sau sửa chữa: Chiều rộng tràn 17m; Cao độ ngưỡng tràn +41,5m; Lưu lượng xả lũ (1,5%) 66,9 m<sup>3</sup>/s; Kết cấu đá xây bọc BTCT dày 10cm;

Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, thi công:

- Mở rộng tràn về phía đôi vai trái đập 12m
- Chiều dài dốc nước đoạn 1 giữ nguyên; dốc nước đoạn 2 bố lại về bề tiêu năng BxH=(10x10)m.
- Kết cấu toàn bộ phần làm mới bằng BTCT M200 dày 20cm, dưới là BT lót M100 dày 10cm
- Nạo vét mở rộng nắn thẳng kênh thượng lưu, gia cố bằng đá xây vữa XM M75 để tạo kênh dẫn vào thuận lợi, đảm bảo thoát lũ.

*d. Sửa chữa, thi công đường quản lý*

Thông số sau sửa chữa: Đường bê tông xi măng, chiều dài L =1.885m, chiều rộng nền đường 6m, chiều rộng mặt đường 3,5m

Hoạt động nâng cấp, sửa chữa, thi công: Đường quản lý được sửa chữa và nâng cấp bằng bê tông xi măng, hạ dốc

## PHẦN 7

### KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMP)

#### 7.1 Các biện pháp giảm thiểu

Để giảm thiểu các tác động liên quan tới thu hồi đất và các tác động xã hội, một kế hoạch hành động tái định cư đã được chuẩn bị để quản lý các tác động tiềm tàng tới các hộ BAH và đất đai bị thu hồi. Kinh phí dự tính cho việc thu hồi đất là 3.340.580.513 VNĐ (tương đương 159.072,7 USD).

#### Tóm tắt biện pháp giảm thiểu cho các hộ bị ảnh hưởng

Tác động/rủi ro	Biện pháp giảm thiểu	Giai đoạn	Thực hiện
Mất đất sản xuất	Bồi thường đất bị thu hồi cho các hộ bị ảnh hưởng. Các hộ bị ảnh hưởng là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp sẽ nhận được một khoản hỗ trợ bằng 5 lần giá trị của đất bị thu hồi để chuyển đổi nghề nghiệp	Trước khi thi công	Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn
Chặt cây cối, di chuyển hàng rào	Hỗ trợ miễn phí việc chặt cây và di chuyển hàng rào khi các hộ gia đình bị ảnh hưởng yêu cầu	Thi công	Đơn vị thi công

Đối với kênh dẫn sau tràn xả lũ, từ kết quả tính toán thủy văn, đoạn suối ra tới sông Lô có thể đảm bảo tiêu thoát lũ từ hồ Ngòi Là tương ứng với mực nước lũ thiết kế. Tuy nhiên, để đảm bảo thời gian tiêu thoát lũ hợp lý tránh nguy cơ gây xói lở và hư hại tới lòng suối và các công trình dọc bờ suối, tư vấn thiết kế đề xuất những giải pháp dưới đây để xử lý cho khu vực hạ du:

- + Gia cố bằng đá xây 100 m cầu qua quốc lộ 2;
- + Gia cố bằng đá xây đoạn đường 200 m đi qua 1 trường học;
- + Gia cố bằng đá xây đoạn đường 200m đi qua một số khu dân cư;
- + Nạo vét lòng kênh đoạn từ bể tiêu năng của tràn xả lũ tới trạm bơm Đồng Khoán.

Khối lượng gia cố, nạo vét và ước tính chi phí được thể hiện ở bảng sau:

Đề xuất sửa chữa	Khối lượng	Dự toán (VNĐ)	Ghi chú
Gia cố bằng đá xây 300 m, dày 30cm	4500 (m <sup>3</sup> )	2.066.897.000	
Nạo vét lòng suối Là đoạn từ bể tiêu năng của tràn xả lũ tới trạm bơm Đồng Khoán	29,237 (m <sup>3</sup> )	7.198.566.000	23.453 m <sup>3</sup> đất đào được tái sử dụng để làm đắp lại; 5.784 m <sup>3</sup> đổ tại bãi thải
<b>Total</b>		9.265.463.000	

Để giảm thiểu các tác động tiềm tàng liên quan đến bụi, tiếng ồn, hỗn loạn giao thông, an toàn giao thông, thiệt hại cho đường xá địa hiện có của phương, tuyến đường số 2 đã được chọn là đường vận chuyển trong giai đoạn xây dựng để tránh những tác động đến cộng đồng địa

phương. Do tuyến đường này không ở trong tình trạng tốt do đó có thể gây mất an toàn cho các xe tải đi qua, dự án sẽ mở rộng đường hiện có với chiều rộng mặt đường 6 m, xây dựng hệ thống thoát nước tại những đoạn cần thiết, hạ dốc và giảm độ cua để đảm bảo an toàn giao thông. Chi phí ước tính cho việc nâng cấp đường quản lý/đi lại là khoảng 4,18 tỷ đồng hoặc 194.560 USD.

Về quản lý chất thải, tiểu dự án dự kiến sẽ tái sử dụng 20.020 m<sup>3</sup> đất đào để đắp với điều kiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Với việc tận dụng hiệu quả này, diện tích đất cần để xử lý đất thải từ công trường sẽ được giảm xuống, đồng thời yêu cầu khai thác đất từ mỏ mới cũng có thể được hạn chế. Số lượng các chuyến xe vận chuyển đất đá và vật liệu đắp cũng sẽ được giảm xuống, do đó làm giảm lượng phát thải bụi, khí và tiếng ồn cũng như giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng và rủi ro về an toàn giao thông đường bộ.

Để giảm thiểu các tác động tiềm tàng tới chất lượng nước hồ và đời sống thủy sinh gây ra bởi chất thải xây dựng, nước thải, phương án thi công đề xuất đắp đê quai để tránh hoặc giảm thiểu các tác động tiềm tàng này. Với phương án thi công này, các hoạt động nâng cấp mặt đập thượng lưu sẽ không ảnh hưởng đến dịch vụ cấp nước thủy lợi, giai đoạn xây dựng sẽ được bắt đầu khi mực nước trong hồ hạ thấp.

*“Duy trì mực nước trong hồ dưới cao trình +37,5m vào đầu tháng thi công thứ nhất. Đắp đê quai ở cao trình +38m dọc chân đập đoàn từ 150 đến 200m. Hút nước trong đê quai để phơi khô trước khi tiến hành đào/đắp mặt đập. Lặp lại quá trình này dọc theo chiều dài chân đập. Trong tháng tiếp theo, có thể hạ thấp cao trình của đê quai phụ thuộc vào mực nước trong hồ” (Báo cáo FS)*

Các tác động tiềm tàng từ các vật liệu thải tràn xuống ruộng lúa ở vùng đất thấp hơn sẽ được quản lý bằng cách xây dựng tường chắn có chiều cao 2 m ở rìa của bãi thải. Khả năng xói mòn tại các bãi thải sẽ được quản lý nhờ việc đầm nén các vật liệu này thường xuyên. Mặt khác, khả năng xói mòn tại khu vực này cũng sẽ được hạn chế bằng cách thức tự nhiên nhờ thảm thực vật dễ dàng mọc trên nền đất.

Biện pháp giảm thiểu chi tiết để giảm thiểu tác động xã hội và môi trường tiềm tàng khác do các hoạt động xây dựng được thể hiện trong Phụ lục A4, các yêu cầu thông số môi trường để đưa vào hồ sơ mời thầu xây dựng. Các biện pháp giảm thiểu được tóm lược như bảng dưới đây

**Bảng 13 – Tóm tắt các biện pháp giảm thiểu**

Tác động/ rủi ro	Biện pháp giảm thiểu	Giai đoạn	Trách nhiệm thực hiện
Tháo dỡ các công trình hiện có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch khu vực dành riêng cho việc đổ thải, nghiêm cấm người dân đi vào;</li> <li>- Tiến hành cưa, cắt, phá, dỡ với các hình thức an toàn thích hợp và đảm bảo khi áp dụng.</li> <li>- Duy trì đường giao thông gọn gàng để tránh xảy ra các sự cố rơi vãi vật liệu hoặc tai nạn giao thông khi vận chuyển trên tuyến</li> </ul>	Trước khi thi công	Nhà thầu

Bụi, ồn, rung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn tuyến đường giao thông đi qua các khu dân cư và công cộng ít nhất;</li> <li>- Che phủ thùng xe, phun nước công trường;</li> <li>- Hạn chế phá bỏ các thảm thực vật để tránh việc tiếp xúc với gió của các khu vực rộng lớn.</li> <li>- Phun nước mặt đường khi cần thiết,</li> <li>- Đảm bảo duy trì tình trạng hoạt động tốt của các loại xe.</li> <li>- Thùng xe vận chuyển hóa chất hay các vật liệu như xi măng, cát, vôi được che phủ hoàn toàn</li> <li>- Duy trì điều kiện giao thông liên quan đến xây dựng trên các tuyến đường quanh khu vực dự án với giới hạn tốc độ được thiết lập.</li> <li>- Duy trì tốc độ các xe di chuyển trên công trường bằng hoặc dưới 30 km/giờ.</li> <li>- Duy trì các thiết bị xây dựng trong điều kiện hoạt động tốt nhất và mức độ tiếng ồn thấp nhất có thể.</li> </ul>	<p>Nghiên cứu khả thi</p> <p>Thi công</p>	<p>Tư vấn FS, PMU</p> <p>Nhà thầu</p>
Ô nhiễm nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đắp đê quai</li> <li>- Thu gom và đổ thải hợp lý</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Quản lý chất thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tái sử dụng đất đào làm đất đắp</li> <li>- Thu gom và đổ chất thải tới vị trí được quy định</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Kiểm soát xói lở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế tối đa các khu vực bị tác động</li> <li>- San lấp các bãi thải</li> <li>- Dụng tường chắn để ngăn chặn vật liệu rời bị nước mưa rửa trôi xuống các khu đất thấp</li> <li>- Bảo vệ lớp phủ thực vật để tăng cường sự phát triển của thực vật bản địa.</li> <li>- Phun nước mặt đường khi cần thiết, đắp nền để giảm nguy cơ xói mòn và gió gây ra và bụi.</li> </ul>		
Xử lý chất thải và nước thải từ lán trại công nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các thiết bị đầy đủ và thích hợp để giặt giũ quần áo và tắm rửa;</li> <li>- Lán trại phải có nhà vệ sinh và khu tắm rửa đầy đủ. Cơ sở vật chất cần được bố trí để tiếp cận và duy trì trong điều kiện sạch sẽ, vệ sinh.</li> <li>- Bố trí thiết bị y tế, hộp cứu thương tại mỗi khu vực lán trại;</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Xung đột xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển dụng lao động địa phương và tổ chức đào tạo khi cần thiết.</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Quản lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí khu vực lưu trữ nhiên liệu, dầu mỡ cách khu vực kênh rạch ít nhất 100 mét;</li> <li>- Xây dựng mương thu dầu/lãng cạn xung quanh các khu vực lưu trữ.</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Sức khỏe của công nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp chỗ ở phù hợp, an toàn và thoải mái cho công nhân.</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu



Tác động tới tài nguyên sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế khu vực bị xáo trộn, không chặt cây hoặc loại bỏ thảm thực vật bên ngoài khu vực quy định</li> <li>- Nghiêm cấm công nhân săn bắt, đánh cá hoặc buôn bán động vật hoang dã.</li> <li>- Không tiêu thụ thịt rừng trong khu lán trại.</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
An toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt biển chỉ dẫn xung quanh các khu vực xây dựng để đảm bảo cho hoạt động giao thông,</li> <li>- Ước tính lưu lượng giao thông tối đa (số xe/giờ).</li> <li>- Duy trì đầy đủ các biện pháp kiểm soát giao thông;</li> <li>- Đảm bảo lắp đặt đầy đủ các biển báo giao thông (bao gồm sơn, vạch kẻ, biển báo, ký hiệu, vv), đánh dấu đường, và hàng rào bảo vệ để bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông trong quá trình xây dựng.</li> <li>- Tiến hành đào tạo an toàn cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu thi công. Cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân và quần áo cho công nhân xây dựng và thực thi việc sử dụng.</li> <li>- Trong trường hợp mưa lớn hoặc bất cứ trường hợp khẩn cấp nào khác, đình chỉ tất cả hoạt động trên công trường;</li> </ul>	Thi công	Nhà thầu
Lũ lụt	Nâng cấp kênh sau tràn (đề xuất chi tiết được chuẩn bị trong giai đoạn thiết kế chi tiết)	Thiết kế	Tư vấn thiết kế

## 7.2 Kế hoạch giám sát môi trường và xã hội (ESMoP)

### 7.2.1 Kế hoạch giám sát môi trường

Kế hoạch giám sát môi trường của TDA được trình bày trong bảng dưới đây:

**Bảng 14 –1 Kế hoạch giám sát môi trường**

TT.	Mô tả	Thông số	Phương pháp	Tần suất	Tiêu chuẩn, trách nhiệm
<b>I</b>	<b>Giai đoạn thi công</b>				
<i>1</i>	<i>Không khí</i>				
	Giám sát xu thế của các tác động gây ra bởi các hoạt động sinh hoạt thường ngày và hoạt động thi công	Bụi PM10, PM 2.5	Đo tại tuyến đường vận chuyển, đặc biệt ở những đoạn đi qua khu vực dân cư	Trong giai đoạn cao điểm trong quá trình thi công	QCVN 05:2009/ BTNMT QCVN 06:2009/ BTNMT Trách nhiệm: PMU, EMC
<b>2</b>	<i>Nước mặt</i>				

	Giám sát sự thay đổi chất lượng nước trong hồ và trong kênh nhận nước.	pH, DO, BOD <sub>5</sub> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , TSS, độ đục (NTU)	Khảo sát thực địa và đo đạc Phân tích trong phòng thí nghiệm	2 lần/năm đến khi kết thúc năm đầu tiên	QCVN 08:2008/ BTNMT Trách nhiệm: PPMU, EMC
<b>II</b>	<b>Giai đoạn vận hành</b>				
<b>I</b>	<b>Nước mặt</b>				
	Giám sát chất lượng nước trong hồ	pH, DO, BOD <sub>5</sub> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , TSS, độ đục (NTU)	Khảo sát thực địa và đo đạc Phân tích trong phòng thí nghiệm	2 lần/năm trong năm đầu tiên	QCVN 08:2008/ BTNMT, Column B1 Trách nhiệm: Đơn vị quản lý vận hành
	Các thông số về sinh thái	Các loài thủy sinh (nếu có) sẽ được xác định quá trình đánh giá	Giám sát tại thực địa	2 lần/năm trong năm đầu tiên	

## 7.2.2 Kế hoạch giám sát xã hội

### i) Kế hoạch giám sát xã hội trong giai đoạn xây dựng

**Bảng 15 -2 Giám sát xã hội trong giai đoạn xây dựng**

TT	Hình thức	Địa điểm	Tần suất	Căn cứ
I	Giám sát các tác động xã hội			
	Tác động xã hội	Các xã ở hạ du	6 tháng/lần	Thu nhập, việc làm; số vụ sản xuất, năng suất trung bình vụ, lịch cấp nước Các phản ánh, khiếu nại của người dân
II	Giám sát vệ sinh môi trường và an toàn lao động			
1	Vệ sinh môi trường	Khu vực công trường Khu lán trại công nhân Khu vực tập kết vật liệu	3 tháng/lần	Số lượng và điều kiện của các nhà vệ sinh Số lượng, tình trạng của các dụng cụ vệ sinh Hộp sơ cứu Công tác y tế Số lượng các ca truyền, nhiễm bệnh Kế hoạch truyền thông về sức khỏe cộng đồng
2	An toàn lao động	Khu vực công trường Khu lán trại công nhân Khu vực tập kết vật liệu Khu vực bãi thải	3 tháng/lần	Dụng cụ bảo hộ lao động Biển báo an toàn Số lượng các vụ tai nạn

### ii) Kế hoạch giám sát xã hội trong giai đoạn vận hành

**Bảng 16 -34 Giám sát xã hội trong giai đoạn vận hành**

TT	Hình thức	Địa điểm	Tần suất	Căn cứ
	Tác động xã hội	Khu vực các xã hưởng lợi	6 tháng/lần	Thu nhập, việc làm; số vụ sản xuất, năng suất trung bình vụ, lịch cấp nước Các phản ánh, khiếu nại của người dân

### 7.2.3 Ước tính đơn giá cho giám sát môi trường, xã hội

**Bảng 17 -5 Dự toán kinh phí giám sát môi trường, cho giai đoạn thi công**

No	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (1000Đ)
<b>I/</b>	<b>Lương chuyên gia</b>				<b>225,000</b>
1	Trưởng nhóm	Tháng	3	24,000	72,000
2	Chuyên gia môi trường	Tháng	3	18,000	54,000
3	Chuyên gia sinh thái	Tháng	3	18,000	54,000
4	Cán bộ hỗ trợ (3 người x 3 tháng)	Tháng	9	5,000	45,000
<b>II/</b>	<b>Giám sát và lấy mẫu hiện trường</b>				<b>43,500</b>
1	Lương ngày (2 người x 4 ngày x 3 lần)	ngày	60	350	21,000
2	Thuê xe (4 ngày x 3 lần)	ngày	15	1,500	22,500
<b>III</b>	<b>Phân tích mẫu</b>				<b>27,810</b>
1	Nước mặt	Mẫu	9	1,110	9,990
2	Mẫu khí	Mẫu	18	990	17,820
<b>IV</b>	<b>Văn phòng phẩm</b>				<b>21,000</b>
1	Vật liệu văn phòng		3	2,000	6,000
2	In ấn tài liệu		3	4,000	12,000
3	Thông tin liên lạc		3	1,000	3,000
<b>V</b>	<b>Chi phí quản lý (50%)</b>	%	<b>50</b>	<b>225,000</b>	<b>112,500</b>
	Tổng (I+II+III+IV+V)				429,810
	Trước thuế	%	6		25,789
	VAT	%	10		45,560
	<b>Tổng (làm tròn)</b>				<b>501,158</b>

### 7.2.4 Đào tạo, tăng cường năng lực về quản lý môi trường

**Bảng 18 -6 7 Chi phí thực hiện đào tạo tăng cường năng lực**

Nội dung	Đối tượng đào tạo	Số lượng	Chi phí (VNĐ)	Nguồn kinh phí
----------	-------------------	----------	---------------	----------------

Nội dung		Đối tượng đào tạo	Số lượng	Chi phí (VNĐ)	Nguồn kinh phí
Tập huấn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động và bảo vệ môi trường		Công nhân và cán bộ kỹ thuật của nhà thầu	Tất cả công nhân, cán bộ	50 người x 200,000 VNĐ /người = 10,000,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
Đào tạo về Quản lý môi trường	Kiểm soát các nguồn thải	Cán bộ PPMU	3 người	500,000 VNĐ /người x 3 người = 1,500,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
	Đánh giá tác động, kiểm soát rủi ro môi trường	Cán bộ PPMU	3 người	500,000 VNĐ /người x 3 người = 1,500,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
	Giám sát môi trường	Cán bộ PPMU Cán bộ CSC	8 người (bao gồm 3 cán bộ PPMU và 5 cán bộ CSC)	500,000 VNĐ/người x 8 người = 4,000,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
	Nâng cao nhận thức và tiếp cận hệ thống pháp luật môi trường	Cán bộ PPMU Cán bộ CSC	8 người (bao gồm 3 cán bộ PPMU và 5 cán bộ CSC)	500,000 VNĐ/người x 8 người = 4,000,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
	Đào tạo nâng cao năng lực giám sát môi trường	Cán bộ CSC	5 người	5 người x 1,000,000 VNĐ/người = 5,000,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
Tập huấn cho CBS		Cán bộ xã	2 người/ 1 xã x 1 xã = 2 người	2 người x 1,000,000 VNĐ/người = 2,000,000 VNĐ	Được tính đến trong hợp đồng của chủ đầu tư với các bên liên quan
Tổng (VNĐ)				28,000,000	

### 7.2.5 Yêu cầu các báo cáo

Các báo cáo sẽ được lập suốt thời gian thực hiện các chương trình giám sát, tiến hành thu thập các báo cáo về tác động hoặc các kiến nghị của người dân về TDA. Đánh giá hiệu quả các biện pháp giảm thiểu đã thực hiện.

**Bảng 19 -8 9 Các loại báo cáo giám sát môi trường, xã hội**

Trách nhiệm thực hiện	Loại báo cáo	Nội dung báo cáo	Tần suất nộp báo	Nộp cho
-----------------------	--------------	------------------	------------------	---------

<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Loại báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo</b>	<b>Tần suất nộp báo</b>	<b>Nộp cho</b>
Nhà thầu thi công	Báo cáo Tai nạn/sự cố	Thu thập thông tin về các tai nạn hoặc sự cố bất ngờ	Trong vòng 24 giờ từ khi có sự cố	PMU
	Báo cáo vi phạm	Cung cấp các thông tin về các hành vi vi phạm các qui định về quản lý môi trường, xã hội	Trong vòng một tuần kể từ khi xảy ra sự việc	PMU
	Báo cáo phát lộ	Ghi chép và báo cáo cơ quan chức năng các di vật , khảo cổ, lăng mộ... mới được phát hiện	Trong vòng 24 giờ từ khi phát hiện ra di chỉ khảo cổ, lăng mộ	PMU, Tư vấn giám sát và Sở VH-TT-DL
	Báo cáo về thực hiện ESMP	BC kết quả thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, xã hội	Hàng tháng	PMU
Tư vấn giám sát xây dựng	Báo cáo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến MT, XH của các nhà thầu thi công</li> <li>- Kết quả giải quyết, khắc phục các sự cố và các biện pháp khắc phục những tồn tại từ các báo cáo trước</li> </ul>	Hàng tháng	PMU

Trách nhiệm thực hiện	Loại báo cáo	Nội dung báo cáo	Tần suất nộp báo	Nộp cho
Tư vấn môi trường độc lập	Báo cáo giám sát độc lập an toàn môi trường, xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả kiểm tra hiện trường thi công</li> <li>- Kết quả giám sát dựa vào cộng đồng</li> <li>- Tổng hợp kết quả giám sát của tư vấn giám thi công</li> <li>- Kết quả giám sát môi trường</li> <li>- Đánh giá kết quả thực hiện ESMP và các kiến nghị</li> </ul>	6 tháng/lần hoặc 3 tháng/lần	PMU và WB
BQLTDA	Báo cáo về các hoạt động môi trường của TDA	Kết quả thực hiện ESMP	6 tháng/lần	CPO và WB

## 7.3 Tổ chức thực hiện

### 7.3.1 Các cơ quan và trách nhiệm

#### a) Trách nhiệm của chủ TDA/BQLTDA

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách an toàn của Tiểu Dự án, giám sát các hoạt động hàng ngày của tiểu dự án, giám sát và quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tuân thủ an toàn môi trường trong các hoạt động xây dựng của các Tiểu Dự án

#### b) Trách nhiệm của Nhà thầu xây dựng

Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm tuân thủ các quy định trong quá trình thực hiện trách nhiệm theo hợp đồng đã ký với PPMU.

#### c) Trách nhiệm của Tư vấn giám sát thi công

Do PPMU thuê, sẽ thay mặt PPMU, thực hiện giám sát và ghi chép hàng ngày về việc tuân thủ chính sách an toàn môi trường, xã hội của nhà thầu xây dựng.

#### d) Trách nhiệm của Tư vấn giám sát độc lập an toàn môi trường, xã hội

Hỗ trợ PPMU trong việc đánh giá hiệu quả các biện pháp giảm thiểu và đề xuất điều chỉnh việc thực hiện chính sách an toàn môi trường, xã hội trong trường hợp cần thiết;

Lập báo cáo tháng về việc tuân thủ chính sách an toàn môi trường, xã hội của nhà thầu và gửi về PPMU, báo cáo này sẽ làm căn cứ để nhà thầu thanh toán kinh phí bảo vệ môi trường và xã hội;

Báo cáo PPMU những “phát hiện” trong quá trình xây dựng.

*e) Trách nhiệm của chính quyền địa phương và cộng đồng*

Ban giám sát cộng đồng địa phương được thành lập theo “Quyết định số 80/2005/QĐ-CP ngày 18/04/2005 của Thủ tướng Chính Phủ về Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng”. Ban giám sát cộng đồng cấp xã có quyền và trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng, tác động tiêu cực đến môi trường do các hoạt động xây dựng gây ra, đảm bảo các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng được nhà thầu thực hiện hiệu quả. Trong trường hợp phát sinh vấn đề về môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng, họ sẽ báo cáo với tư vấn giám sát hiện trường (CSC) và/ hoặc PPMU bằng điền vào các phiếu phản ánh thông tin về an toàn môi trường.

*f) Trách nhiệm của cơ quan quản lý và khai thác hồ chứa*

Chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các hạng mục công trình.

*g) Trách nhiệm của Ban quản lý Dự án Trung ương (CPO)*

Hướng dẫn BQLDA tỉnh về thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, xã hội của dự án. Giám sát tiến độ trong thời gian thi công và năm vận hành đầu tiên.

*h) Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường/Phòng Tài nguyên Môi trường*

Có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến môi trường theo quy định của Chính phủ Việt Nam.

**7.3.2 Đánh giá thực hành quản lý môi trường xã hội hiện tại và năng lực quản lý đập**

Hiện tại, hồ Ngòi Là 2 do Ban quản lý hồ quản lý. Tuy nhiên, cán bộ của ban chỉ chịu trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành công trình cũng như phát hiện các sự cố. Thực hành quản lý môi trường – xã hội chưa được thực hiện phù hợp. Tuy nhiên, các cán bộ kỹ thuật có kiến thức, hiểu biết về nguyên tắc hoạt động của các công trình cũng như các đặc trưng của khu vực sẽ có lợi thế đặc biệt quan trọng trong quá trình quản lý môi trường. Các hoạt động hỗ trợ đào tạo tập huấn các dự án do CPO sắp xếp sẽ đảm bảo các cán bộ của Ban QLDA có khả năng quản lý các tác động tiềm tàng của dự án

**7.4 Kinh phí thực hiện ESMP**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
1	Biện pháp giảm thiểu	Trong kinh phí thi công
2	Giám sát	501,158,000
3	Tập huấn IPM	80,000,000
4	Tăng cường năng lực	28,000,000
	<b>Tổng</b>	<b>609,158,000</b>

## PHẦN 8 – THAM VẤN Ý KIẾN CÁC BÊN

### 8.1 Mục tiêu của tham vấn cộng đồng

Tham vấn cộng đồng của dự án được yêu cầu trong quá trình thực hiện ESMP. Sự tham gia của cộng đồng và các buổi tham vấn được thực hiện nhằm:

- Cung cấp thông tin hữu ích, sự hiểu biết tốt hơn về tiểu dự án và các tác động tiềm tàng và cải thiện có thể cho dự án;
- Cho phép các vấn đề có khả năng gây tranh cãi xuất hiện ở giai đoạn đầu;
- Tạo cơ hội để giải quyết sớm các vấn đề;
- Giúp xây dựng các thủ tục minh bạch để thực hiện dự án đề xuất, và để tạo ra tính trách nhiệm và ý thức về quyền sở hữu địa phương trong quá trình thực hiện dự án.
- Chính sách hoạt động Ngân hàng Thế giới (OP 4,01) về đánh giá tác động môi trường yêu cầu rằng các nhóm bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương được thông báo;
- Sự tham gia được kích hoạt trong quá trình chuẩn bị dự án theo những điều kiện nhất định và thường được khuyến cáo như là một phần của thực hiện.

### 8.2 Tham vấn đánh giá tác động xã hội

i) Đối tượng tham vấn:

- UBND xã
- Các hộ bị ảnh hưởng
- Các hộ bị ảnh hưởng mới

ii) Nội dung tham vấn

- Giới thiệu về nội dung, các hạng mục chính của TDA, nguồn vốn thực hiện;
- Tư vấn trình bày chính sách quyền lợi của người bị ảnh hưởng, cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại; chính sách bồi thường cho từng loại đất, công trình vật kiến trúc và cây cối, hoa màu
- Tư vấn trình bày dự báo các tác động của TDA về tái định cư, giới;
- Cộng đồng thảo luận về các chính sách quyền lợi và bồi thường cho các ảnh hưởng tới đất, công trình, vật kiến trúc và cây cối hoa màu.

iii) Phương pháp tham vấn

Ngay trong giai đoạn bắt đầu chuẩn bị Dự án, chính quyền địa phương và các lãnh đạo của các cấp chính quyền khác nhau ở xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang được thông báo về Dự án, về mục tiêu và các hoạt động đề xuất của Dự án. Người dân bị ảnh hưởng được mời tới buổi họp tham vấn tổ chức tại xã và tiến hành thảo luận các nội dung liên quan.

Kết quả tham vấn

Xã tham gia	Địa điểm	Thời gian	Số lượng người	Số lượng nữ
Trung Môn	Nhà văn hóa thôn 1, xã Trung Môn	14h ngày 23/1/2015	17	6



Trong quá trình tham vấn, nhiều ý kiến của những người tham dự cuộc họp tham vấn đưa ra đã được thảo luận rộng rãi và tự do, được tổng kết như sau:

- Diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án chủ yếu là đất vườn.
- Tiểu dự án Tuyên Quang chiếm dụng đất rất ít vì việc nâng cấp, sửa chữa đập được tiến hành trên tuyến cũ, do vậy, các tác động tiêu cực có thể được giảm thiểu được và phạm vi thu hồi dự án không đáng kể.
- Việc xây dựng và nâng cấp các công trình nhằm nâng cao hiệu quả an toàn đập, ổn định cuộc sống cho người dân địa phương.
- Các hộ bị ảnh hưởng mong muốn được cung cấp các thông tin về tiến độ thực hiện dự án.
- Các hộ bị ảnh hưởng mong muốn được bồi thường đầy đủ, minh bạch theo giá thay thế cho những tài sản bị thiệt hại, và giá thị trường cho hoa màu bị ảnh hưởng tạm thời.
- Cả nam giới và phụ nữ đều được tham gia vào các tổ chức và đoàn thể tại địa phương và đề xuất ý kiến liên quan đến Dự án, do đó vấn đề về giới được bảo đảm.
- Trong khu vực thực hiện dự án là xã Trung Môn hầu như không có người DTTS. Do đó không có tác động tới dân tộc thiểu số.
- Không xảy ra tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em trong khu vực dự án.
- Người BAH hiểu được những tác động tích cực và lợi ích dự án mang lại cho người dân địa phương, do đó họ hoàn toàn nhất trí với việc thực hiện Dự án và mong muốn Dự án sớm được triển khai.

### 8.3 Tham vấn đánh giá tác động môi trường

i) Đối tượng tham vấn:

- UBND xã
- UBMTTQ
- Các tổ chức đoàn thể (Hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên)
- Trưởng thôn/ xóm
- Các hộ bị ảnh hưởng trong vùng dự án

ii) Phương pháp tham vấn

Tổ chức cuộc họp với thành phần như được nêu ở trên gồm: chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể địa phương, người dân bị ảnh hưởng. Để tạo điều kiện cho người dân trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, tham vấn được tổ chức cởi mở và tham vấn dưới dạng bảng hỏi về tình hình, hậu quả của một số hiện tượng thiên tai đã diễn ra, trong đó có trình bày nguyện vọng và yêu cầu của đơn vị hoặc người dân được phỏng vấn về dự án.

iii) Kết quả tham vấn

Xã tham gia	Địa điểm	Thời gian	Số lượng người	Số lượng nữ	Nội dung
Trung Môn	Nhà văn hóa thôn 1, xã Trung Môn	10g ngày 23/1/2015	38	17	Giới thiệu về nội dung, các hạng mục chính của

Kim Phú	Nhà văn hóa thôn 23, xã Kim Phú	14g ngày 23/1/2015	30	6	TDA, nguồn vốn thực hiện Tư vấn trình bày dự báo các tác động của TDA đến môi trường, xã hội, Tư vấn trình bày kế hoạch quản lý môi trường xã hội bao gồm: Các biện pháp giảm thiểu và KH thực hiện Tham vấn về các sự cố môi trường và tác động đến môi trường, xã hội đã xảy ra trong lịch sử Cộng đồng thảo luận về các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, xã hội
---------	---------------------------------	--------------------	----	---	---

**Các ý kiến từ chính quyền địa phương**

Dự án đã có nhiều ý kiến từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ủy ban nhân dân xã trong vùng dự án. Nhìn chung, ý kiến của chính quyền địa phương có thể được tóm tắt như sau:

- UBND huyện Yên Sơn, UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã hoàn toàn ủng hộ việc thực hiện dự án. Đề nghị PPMU phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin liên quan đến dự án, tuyên truyền cho người dân hiểu được mục đích và lợi ích mang lại của dự án, khi dự án hoàn thành, điều kiện sản xuất, sinh hoạt của người dân địa phương sẽ được cải thiện và đảm bảo;
- Địa phương sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi với sự hỗ trợ tối đa cho dự án, đặc biệt là đối với các vấn đề của dự án thu hồi đất phục vụ trong quá trình giải phóng mặt bằng và xây dựng các hạng mục công trình;
- UBND huyện Yên Sơn, UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã cũng đồng ý với những vấn đề liên quan tới ảnh hưởng về môi trường- xã hội được trình bày trong báo cáo. Các tác động của dự án chủ yếu là tích cực. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đặc biệt là trong giai đoạn xây dựng của các hạng mục công trình, nó sẽ tạo ra tác động nhất định về hoạt động môi trường và đời sống của cư dân trong khu vực xây dựng;
- Đồng ý với các biện pháp để giảm ô nhiễm môi trường trình bày trong báo cáo;
- Đề nghị các nhà đầu tư thực hiện theo quy định phù hợp với cam kết giảm tác động tiêu cực do thực hiện dự án cũng như quản lý, giám sát chất lượng môi trường;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ủy ban nhân dân xã, sẵn sàng hợp tác để đối phó với vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

**Các ý kiến từ người dân địa phương**

Bên cạnh ý kiến ủng hộ từ các hộ gia đình, người dân cũng đã đưa ra rất nhiều ý kiến và nhu cầu để thực hiện dự án. Những ý

kiến được tổng kết như sau:

- Các cộng đồng địa phương đồng ý về những ảnh hưởng gây ra bởi dự án trong quá trình thi công, đồng thời yêu cầu Nhà thầu thực hiện thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ;
- Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nhanh chóng phê duyệt cho phép tiêu dự án được thực hiện một cách nhanh chóng;
- Đề giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công dự án tới sinh hoạt của cộng đồng, các hạng mục của dự án phải được thực hiện nhanh chóng, và hoàn thành từng phần trước khi chuyển đến phần kế tiếp;
- Yêu cầu nhà thầu và chủ đầu tư lắng nghe phản hồi từ cộng đồng để thực hiện sửa đổi phù hợp. Ý kiến từ cộng đồng phải được gửi đến các tổ chức đoàn thể, ban giám sát cộng đồng, UBND Xã, PPMU và các đơn vị liên quan;
- Yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng các cam kết để giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc thực hiện dự án được nêu trong kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, xã hội;
- Hệ thống kênh mương hiện tại xuống cấp, xảy ra các hiện tượng rò rỉ, bồi lấp nên khả năng dẫn nước kém. Hiện tượng thiếu nước xảy ra chủ yếu đối với các ruộng cao, trong khi nước trong hồ không thiếu, do nước trên kênh đã thất thoát hết trước khi được dẫn về ruộng. Người dân mong muốn dự án hỗ trợ trong việc cải tạo, nạo vét hệ thống kênh từ hồ Ngòi Là để đảm bảo nước tưới;
- Người dân lo ngại việc mở rộng hoạt động nuôi trồng thủy sản trên mặt nước hồ Ngòi Là sau khi được nâng cấp, sửa chữa sẽ làm giảm chất lượng nước trong hồ, gây các nguy cơ về ô nhiễm nước, dịch bệnh trong nước khi sử dụng cấp nước hồ cho các ao nuôi cá của người dân trong các xã hưởng lợi.
- Yêu cầu PPMU áp dụng thực hiện các biện pháp và các quy định về xử phạt hoặc thậm chí đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà thầu, đơn vị giám sát môi trường nếu không tuân thủ các biện pháp an toàn đầy đủ và kịp thời đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường

#### 8.4 Công bố ESIA

Theo chính sách của Ngân hàng Thế giới về tiếp cận thông tin, tất cả các văn bản dự thảo về TDA (ESMP; ESMoP, EIA, EMP, ECOPs,...) Phải được công bố rộng rãi tại cộng đồng địa phương, tại các website của WB, các tài liệu này được trưng bày ở các vị trí dễ quan sát, biên tập ngắn gọn, dễ hiểu. Thời hạn công bố của một số báo cáo như sau:

- Báo cáo SA: 23/06/2015
- Báo cáo EMDP: 27/06/2015

#### 8.5. Tổ chức họp thông báo thu hồi đất

Xã tham gia	Địa điểm	Thời gian	Số lượng người	Số lượng nữ	Nội dung
Chân Sơn	Nhà Văn hóa thôn Động Sơn	14 giờ 00 15/5/2017	6	0	Tổ chức họp thông báo thu hồi đất và xin ý

Báo cáo đánh giá tác động Môi trường và Xã hội (ESIA)

Trung Môn	Nhà Văn hóa xóm 3	14 giờ 00 17/5/2017	46	14	kiến của các hộ bị ảnh hưởng
Trung Môn	Nhà Văn hóa xóm 1	08 giờ 00 18/5/2017	33	8	

## CÁC PHỤ LỤC

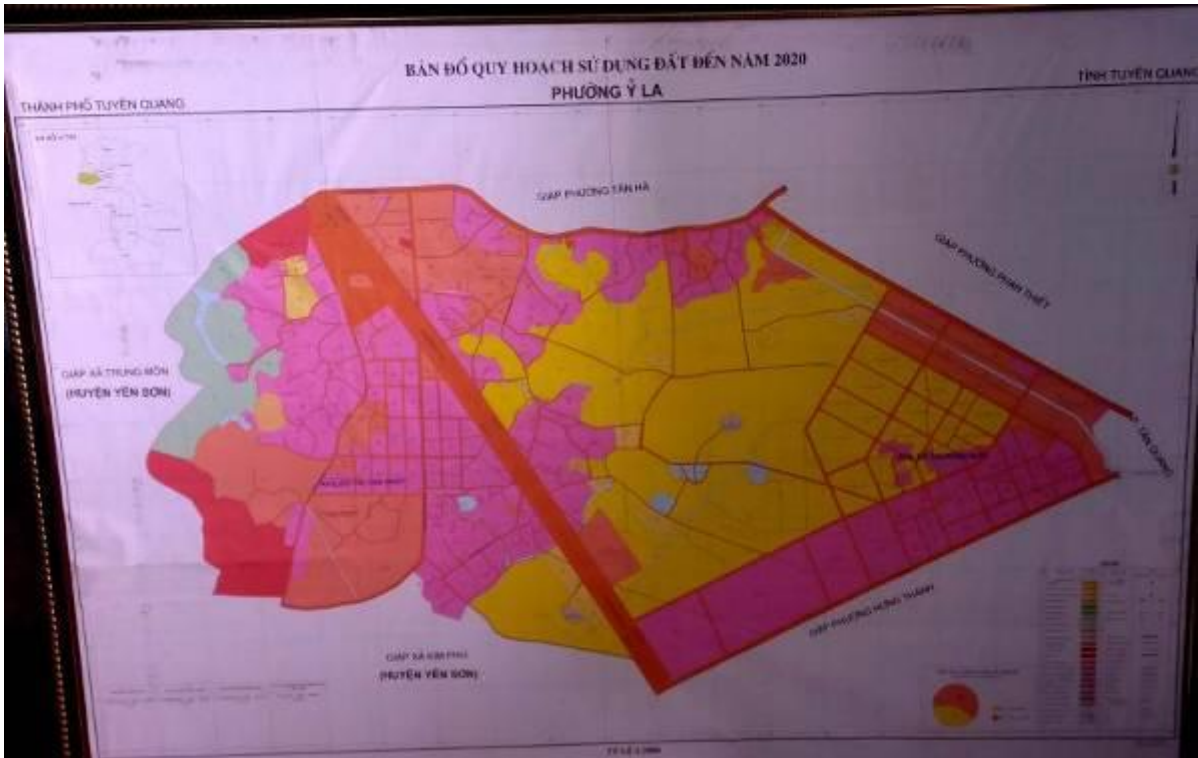
### PHỤ LỤC A – MÔI TRƯỜNG

#### Phụ lục A1 – BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA KHU VỰC DỰ ÁN

Xã Kim Phú



Báo cáo đánh giá tác động Môi trường và Xã hội (ESIA)  
Phường Ý La



## **Phụ lục A2 - KHUNG CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ VÀ QUY ĐỊNH**

### **Áp dụng khung pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường**

- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 25/8/2014 của TT Chính phủ về thực hiện Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;
- Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/04/2011 Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, chất lượng không khí và một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh;
- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 25/12/2006 của Bộ Tài Nguyên & Môi trường về việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

### **Áp dụng Khung pháp lý liên quan đến sử dụng đất và thu hồi đất trong các dự án đầu tư**

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ- CP, ngày 15/05/2014 về quy định giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, ngày 30/06/2014 quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

### **Khung pháp lý liên quan đến sử dụng quản lý xây dựng các dự án đầu tư**

- Luật Xây dựng Số 50/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 18/08/2014;
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ban hành ngày 11/12/2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Nghị định số No.12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 về quản lý các dự án xây dựng và đầu tư.

### **Khung pháp lý liên quan đến khai thác tổng hợp tài nguyên nước và bảo vệ rừng, di sản văn hóa, và đa dạng sinh học**

- Luật Tài nguyên nước được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/06/2012;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP, ngày 11/05/2012 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính Phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
- Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01/12/2008 của Chính Phủ về quản lý lưu vực sông;
- Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Luật Di sản văn hóa số No.28/2001/QH10 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 12/07/2001. Điều 13 - Nghiêm cấm các hành vi sau đây: Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hoá; Huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá; Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Luật Đa dạng sinh học số No.28/2008/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 13/01/2008. Chương III- Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, và Chương IV- Bảo tồn và phát triển các loài sinh vật.

#### **Chính sách quốc gia về an toàn đập**

- Chỉ thị của Chính phủ tại văn bản số 21/CT-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 về việc tăng cường quản lý đảm bảo an toàn hồ chứa nước;
- Thông tư 33/2008/TT-BNN ngày 04 tháng 02 năm 2008 về việc hướng dẫn một số điều thuộc Nghị Định 72/NĐ-CP;
- Thông tư số: 34/2010/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 07 tháng 10 năm 2010 qui định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện.

#### **Chính sách về TĐC**

- Hiến pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1992) khẳng định quyền của công dân về sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu nhà ở.
- Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm (2013).
- Luật đất đai số 45/2013/QH13, về các quy định hành chính đất đai nói chung. Luật đất đai năm 2013 thay thế các phiên bản trước đó vào năm 1987 và 1993
- Luật khiếu nại số 02/2011/QH11 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5, 2014 về việc thực hiện Luật đất đai.
- Nghị định số 44/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5, 2014 Quy định về thẩm định giá đất.



- Nghị định số 47/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về bồi thường và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 75/2012/ND-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 về việc hướng dẫn thực hiện Luật khiếu nại.
- Nghị định số 38/2013/ND-CP ngày 23 tháng 04 năm 2013 về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA)
- Nghị định 42/2012/ND-CP ban hành ngày 11/05/2012 về quản lý và sử dụng đất lúa
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.
- Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 03/12/2004 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 17/12/2004 của Chính phủ, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/ND-CP, ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định 188/2004/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 về quy định phương pháp định giá đất, công trình xây dựng, giá đất điều chỉnh.
- Thông tư số 114/2004/TT-BTC, ngày 16/11/2004, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP.
- Nghị định 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 27/01/2006 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ về việc chuyển đổi các công ty nhà nước thành các công ty cổ phần.
- Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 25/05/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ban hành ngày 27/7/2007 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.
- Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 13/08/2009 quy định quy hoạch bổ sung về sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, và tái định cư.
- Quyết định 52/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 16/11/2012 về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

Theo hướng dẫn của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện các bước tiếp theo và hoàn thiện Kế hoạch hành động tái định cư theo các quy định hiện hành, tạo cơ sở để thực hiện bồi thường và giải phóng mặt bằng cho dự án. Các chính sách của tỉnh Tuyên Quang cho việc lập Kế hoạch hành động tái định cư được dựa trên các tài liệu pháp lý sau đây:

- Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 29/10/2009 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
- Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 23/08/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND tỉnh ngày 29 tháng 10 năm 2009 về việc Quy định mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
- Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2013 về việc điều chỉnh một số quy định về đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2014.
- Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 về việc điều chỉnh một số quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và đơn giá bồi thường hoa màu, cây cối và những tài sản khác khi nhà nước thu hồi đất với mục đích quốc phòng, an ninh và phục vụ các công trình phúc lợi của cộng đồng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
- Và một số văn bản quy định liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của tỉnh Tuyên Quang.

### **Chính sách về giới**

- Luật số 73/2006/QH11 về bình đẳng giới được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Chỉ thị số 07/2007/CT-TTg 3/5/2007 của Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật bình đẳng giới;
- Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 4/6/2008 Của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bình đẳng giới;
- Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới;
- Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 1/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ;
- Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý;
- Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020.

### **Chính sách phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số**

- Nghị định số 82/2010/ND-CP ngày 20/7/2010 của chính phủ về dạy và học tiếng dân tộc ở các trường học.
- Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 9/6/2008 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Ủy ban dân tộc.
- Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 12/1/2007 của Ủy ban dân tộc về chiến lược truyền thông cho chương trình 135-giai đoạn 2.
- Nghị định 70/2001/ND-CP: tất cả hồ sơ đăng ký tài sản của gia đình và quyền sử dụng đất phải được điền cả tên chồng và vợ
- Quyết định số 134/2004/CP ngày 20 tháng 7 năm 2004 của TTg Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;
- Quyết định số 03/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Ban hành Quy định về khai thác gỗ để hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định 134/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số Số: 33/2007/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số;
- Quyết định số: 32/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn;
- Quyết định số: 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;
- Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Ủy ban dân tộc chấp thuận ba vùng dân tộc thiểu số và khu vực miền núi dựa trên tình trạng phát triển
- Thông tư 06 ngày 20/9/2007 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn về việc hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện sinh kế của người dân, hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao kiến thức về luật theo quyết định 112/2007/QĐ-TTg

### **Xóa đói giảm nghèo**

- Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ để nâng cao kiến thức về luật theo chương trình 135, giai đoạn 2.
- Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg, ngày 17/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo hướng nghiệp cho lao động nông thôn đến 2020
- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của chính phủ ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo nhất.
- Một số văn bản liên quan đến quá trình xây dựng TDA

- Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 5/12/2013 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu: Tư vấn kiểm định an toàn đập các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với mục tiêu rà soát an toàn các hồ chứa (trong đó có hồ Ngòi Là 2) trên địa bàn Tỉnh;

### **Các tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt nam liên quan đến bảo vệ môi trường**

#### (i) Môi trường nước:

QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

QCVN 09:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm;

QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

QCVN 39/2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước dùng cho tưới tiêu;

#### (ii) Môi trường không khí:

QCVN 05:2013/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

QCVN 06:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

#### (iii) Môi trường đất

QCVN 03 : 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất;

QCVN 04 : 2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất;

QCVN 43:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

#### (iv) Quản lý chất thải rắn:

QCVN 07: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

#### (v) Độ rung và tiếng ồn:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Phụ lục A3 – CÁC BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2015

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

(Về Điều tra khảo sát hiện trạng tài sản bị ảnh hưởng tại xã... Trùng Khánh...)

Hôm nay, ngày 25 tháng 1 năm 2015, tại trụ sở UBND xã... Trùng Khánh...  
huyện... Xiêng Sơn... Tỉnh... Quảng Ninh. Chúng tôi gồm:

A. Đại diện UBND xã... Trùng Khánh...

Ông (bà)... Nguyễn Việt Dũng... Chức vụ: Phó Chủ tịch xã...

Ông (bà)... Nguyễn Văn Ngọc... Chức vụ: CT. HT. PC xã...

Ông (bà)... Trần Văn Hải... Chức vụ: Người dân...

và

B. Đại diện... Nhà nước Tố Nga Hòa Kỳ... (gọi tắt là Tư vấn):

Ông (bà)... Phạm Thị Hằng... Chức vụ: Chủ...

Ông (bà)... Nguyễn Văn Hoàng... Chức vụ: Chủ tịch KH. PC...

Ông (bà)... Đặng Thị Kim Hoa... Chức vụ: Phó tịch KH. PC...

Cùng tiến hành họp và thống nhất một số công việc như sau:

1. Tư vấn thông báo cho UBND xã về phạm vi bị ảnh hưởng và ranh giải toả dự kiến của Dự án... Nâng cấp đường tỉnh lộ 202 trên địa bàn xã.
2. UBND xã cung cấp cho tư vấn danh sách các hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án.
3. UBND xã xác nhận tư vấn đã tiến hành khảo sát điều tra tài sản hiện trạng của... hộ bị ảnh hưởng bởi dự án trên địa bàn xã (có danh sách kèm theo)

Ghi chú:

Chợ bán di sản xã chùa nung cấp xã chùa xã Ngô  
trùng khánh xã  
chợ bán di sản xã chùa nung cấp xã chùa xã Ngô  
trùng khánh xã  
chợ bán di sản xã chùa nung cấp xã chùa xã Ngô  
trùng khánh xã  
chợ bán di sản xã chùa nung cấp xã chùa xã Ngô  
trùng khánh xã  
chợ bán di sản xã chùa nung cấp xã chùa xã Ngô  
trùng khánh xã

Xác nhận của UBND xã

Đại diện tư vấn

Nguyễn Việt Dũng

Khánh  
ĐƯỜNG THỊ KIM HOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dung Môn..., Ngày 23 tháng 1 năm 2015

BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG  
Về các vấn đề môi trường

Công trình: ...*Nâng cấp đôn bãi an toàn Hồ chứa Ngòi Ké 2, Tỉnh Tuyên Quang*  
Xã ...*Dung Môn huyện Xiêu Sơn, tỉnh Tuyên Quang*

Hôm nay, ngày 23 tháng 1 năm 2015, tại Xã Dung Môn  
chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham dự

- Ông/Bà *Nguyễn Việt Dũng* Chức vụ *Ph. Chiết xã*
- Ông/Bà *Đỗ Hải Hùng* Chức vụ *Chiều xã MT*
- Ông/Bà *Nguyễn Văn Ngọc* Chức vụ *Chiết MT xã*
- Ông/Bà *Ph. Thị Hồng* Chức vụ *Chiều xã MT*
- Ông/Bà *Đỗ Huy Hoàng* Chức vụ *Chiều xã MT*
- Đại diện những người bị ảnh hưởng: 20 người (*chi tiết xem Danh sách tham dự cuộc họp*)

II. Nội dung tham vấn

- 1- Cán bộ giới thiệu về địa điểm, quy mô, các thông số kỹ thuật cơ bản và những tác động Dự án được xây dựng tại địa phương mang lại.
- 2- Cán bộ tư vấn trình bày những chính sách môi trường của chính phủ Việt Nam, chính sách môi trường của Dự án và đánh giá tác động môi trường tiềm năng của dự án bao gồm các tác động đến môi trường tự nhiên và xã hội của khu vực dự án; biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Qua đó đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường.

III. Ý kiến thảo luận

1. Các tác động:

*Đón đầu nhà cấp 5 có kết cấu bê tông cốt thép xây dựng  
tăng các giá trị...*

giải quyết giải pháp một lần, giải quyết thì cây và giải quyết vấn đề  
hình ảnh để lại

2. Những đối tượng bị ảnh hưởng

- Các người dân sống xung quanh, cộng đồng sống định
- Các quan chức địa phương
- Kinh tế xã hội
- Dân tộc thiểu số

3. Đề xuất biện pháp giảm thiểu:

- Hạn chế chuyển chỉ vật liệu xây dựng của đơn vị, giải pháp thay thế chi phí
- Khi xây dựng cần chú ý bị bỏ quên không làm trụ
- Sử dụng máy móc của đơn vị, phục vụ công việc

IV. Kết luận

Mặc dù khi xây dựng dự án sẽ có 1 số tác động xây dựng  
xây dựng là dự án xây dựng của nhà và công nghiệp. Khi hoàn thành  
các công việc  
bên cạnh xây dựng công trình dự án cũng sẽ phải đầu tư xây dựng  
cho các công nhân, các công nhân tại khu vực, bên cạnh đó  
sẽ phải thuê mướn tay công nhân địa phương

Cuộc họp các bên thống nhất và kết thúc vào lúc: 16h...giờ.....ngày.....tháng.....năm 2015

Đại diện Chủ đầu tư	Đại diện cộng đồng	Đại diện UBND xã
  Lê Văn Hùng	 Vũ Văn Hạnh	  Nguyễn Việt Đăng
Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã	Cán bộ tham vấn	Đại diện đơn vị tư vấn
  Nguyễn Văn Ngọn	 Phí Thị Hằng	 DƯƠNG THỊ KIM THU

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Họp Thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

Hôm nay, vào hồi 14 h00 ngày 17/05/2017.

Tại Nhà văn hóa xóm 03, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**Chúng tôi gồm có:**

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Phạm Văn Chung, Phó giám đốc.
2. Ông : Hoàng Trần Anh Viên Chức;
3. Ông : Lê Quang Thiêm, Viên chức;
4. Ông : Nguyễn Duy Mạnh, Cán bộ;
5. Ông ( Bà) .....

**II. UBND xã Trung Môn:**

1. Ông : Đặng Quang Hợp – Chủ tịch UBND xã;
2. Ông : Nguyễn Văn Thế - Cán bộ địa chính xã;
3. Ông : Nông Văn Đạt, Trưởng Xóm 3
4. Ông Đinh Văn Hạ, Trưởng Xóm 15
5. Ông Phạm Văn Chiến, Trưởng Xóm 2

**III. Ủy ban MTTQ xã Trung Môn:**

1. bà Vũ Thị Minh Hòa– Chủ tịch UBMTTQ xã.
2. Ông ( Bà) .....
3. Ông ( Bà) .....

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận- Trưởng phòng QLDA
2. Ông Phạm Duy Phương, phòng QLDA;
3. Ông Vũ Ngọc Thế, phòng QLDA;
4. Bà Ma Thị Đằm, phòng QLDA;
5. Hà Kim Truyền, phòng QLDA;



Cùng các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đơn vị nằm trong ranh giới quy hoạch xây dựng Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

**Nội dung:** Hợp thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Ông Phạm Văn Chung, Phó Giám đốc Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn công bố các văn bản pháp lý liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm:

- Quyết định số 745/QĐ-SNN ngày 31/12/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/2/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 04/2/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Văn bản số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện tiểu dự án xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- Luật đất đai ngày 29/11/2013;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;
- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

**Các ý kiến thành phần tham dự cuộc họp:**

- Chi nhánh PTQT huyện Tân Sơn tiến hành triển khai họp thông báo thu hồi đất, các hộ gia đình có đất bị thu hồi đều nhất trí với đường lối, chủ trương thu hồi đất, các vấn đề pháp lý về thu hồi, trình tự, thủ tục thu hồi đất sau khi thông nhất các hộ gia đình tiến hành

kêu ra các đại diện người có đất bị thu hồi tại

các xóm:

+ Đại diện người bị thu hồi xóm 2 - Xã Trung Môn

Ông: Nguyễn Đình Phan

+ Đại diện người bị thu hồi xóm 3 - Trung Môn

Ông: Trần Văn Lê

+ Đại diện người bị thu hồi xóm 15 - Trung Môn

Ông (bà): Đồng Hương Lưu

Biên bản kết thúc hội thảo 16 giờ 30 phút cùng ngày, thông qua các thành viên nhất trí ký tên./.

**CHI NHÁNH PTQĐ HUYỆN  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ghi biên bản



Phạm Văn Chung

*[Handwritten signature]*  
Hàng Hải

**ĐD CHỦ ĐẦU TƯ**

**ỦY BAN MTTQ XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH**

*[Handwritten signature]*  
Lê Quang Thuận



*[Handwritten signature]*  
Vũ Phú Mạnh Hòa

**UBND XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH**



Đặng Quang Hợp

**CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA**

- |  |  |
|--|--|
| 1. Ông (bà): <u>Phạm Ngọc Toàn</u>     | 9. Ông (bà): <u>Phạm Văn Chiến</u>       |
| 2. Ông (bà): <u>Nguyễn Văn Thị Gặp</u> | 10. Ông (bà): <u>Hà Quốc Hưng</u>        |
| 3. Ông (bà): <u>Nguyễn Văn Đạt</u>     | 11. Ông (bà): <u>Phạm Duy Phương</u>     |
| 4. Ông (bà): <u>Đinh Văn Thị</u>       | 12. Ông (bà): <u>Hà Thị Tâm</u>          |
| 5. Ông (bà): <u>Vũ Ngọc Thi</u>        | 13. Ông (bà): <u>Lê Quang Kiên</u>       |
| 6. Ông (bà): <u>Hà Kim Tuyến</u>       | 14. Ông (bà): <u>Nguyễn Duy Mạnh Thế</u> |
| 7. Ông (bà): <u>Lê Quang Thuận</u>     | 15. Ông (bà): _____                      |
| 8. Ông (bà): _____                     | 16. Ông (bà): _____                      |

**DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN DỰ HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG  
GPMB VÀ NHẬN THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT SỐ 36/TB-UBND NGÀY 26/4/2017  
CỦA UBND HUYỆN YÊN SƠN**

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn  
huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

(Kèm theo biên bản họp ngày 17 tháng 5 năm 2017)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ký nhận	Ghi chú
1	Phạm Văn Chung	Xóm 2		
2	Nguyễn Hữu Cường	Xóm 2		
3	Đông Hương Huệ	Xóm 15		
4	Đông Văn Bình	Xóm 15		
5	Nguyễn Tất Thường	Xóm 15		
6	Trương Minh Hải	Xóm 15		
7	Lê Thị Ngụ	Xóm 15		
8	Nguyễn Kim Bình	Xóm 15		
9	Khổng Thị Bắc	Xóm 15		
10	Lai Phúc Tuyên	Xóm 15		
11	Đông Xuân Hồng	Xóm 3		
12	Trình Công Đoàn	Xóm 3		
13	Hoàn Nguyễn Thị Loan	Xóm 2		
14	Đàn Thị Phương	Xóm 2		
15	Nguyễn Thị Thanh	Xóm 2		
16	Phạm Thanh Bình	Xóm 3		
17	Lương Hải Cường	Xóm 3		
18	Nguyễn Văn Dầu	Xóm 3		
19	Đinh Thị Thuận	Xóm 3		
20	Nguyễn Minh Sơn	Xóm 2		
21	Nguyễn Thị Huệ	Xóm 2		
22	Hoàng Thị Thuê	Xóm 2		
23	Hà Thị Sơn	Xóm 2		
24	Nguyễn Đình Phan	Xóm 2		
25	Trương Văn Hoè	Xóm 2		
26	Vũ Thị Xay	Xóm 2		

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ký nhận	Ghi chú
27	Hoàng Văn Sang	Xóm 2	Milud	
28	Nguyễn Kim Kiên	Xóm 2	Triển	
29	Hoàng Văn Thắng	Xóm 2	Thắng	
30	Nguyễn Huy Hải	Xóm 2	Hải	
31	Trương Văn Hải	Xóm 2	Hải	
32	Nguyễn Thế Duy	Xóm 2	Duy	
33	Nguyễn Hữu Trinh	Xóm 2	Trinh	
34	Phạm Phú Kiên	Xóm 2	Kiên	
35	Hoàng Phú Mơ	Xóm 2	Mơ	
36	Đàm Văn Báo	Xóm 2	Báo	
37	Lê Thị Bích Nhung	Xóm 3	Nhung	
38	Nguyễn Văn Hải	Xóm 3	Hải	
39	Trần Văn Lê	Xóm 3	Lê	
40	Trần Văn Phụng	Xóm 3	Phụng	
41	Nguyễn Văn Phương	Xóm 3	Phương	
42	Nguyễn Thị Chuyên	Xóm 3	Chuyên	
43	Đinh Đức Toàn	Xóm 3	Toàn	
44	Đinh Quang Vinh	Xóm 3	Vinh	
45	Phạm Minh Thắng	Xóm 3	Thắng	
46	Phạm Ngọc Toàn	Xóm 3	Toàn	
47				
48				
49				
50				
51				

UBND XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH



Đặng Quang Hợp

Lập biểu

*(Handwritten signature)*  
Đặng Quốc Hợp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Niêm yết công khai Thông báo số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Hôm nay, vào hồi 10h00 ngày 18/05/2017. Tại Nhà văn hóa xóm 1, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**Chúng tôi gồm có:**

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Phạm Văn Chung, Phó giám đốc;
2. Ông Hoàng Trần Anh, Cán bộ;

**II. Đại diện UBND xã Trung Môn:**

1. Ông Đặng Quang Hợp, Chủ tịch;
2. Ông Nguyễn Văn Thế, Cán bộ địa chính xã;
3. Ông Hà Quốc Huy, Trưởng xóm 01;

**III. Đại diện Ủy ban MTTQ xã Trung Môn:**

1. Bà Vũ Thị Minh Hòa, Chủ tịch;

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận, Cán bộ;

**NỘI DUNG**

Thực hiện Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trung Môn, Chủ đầu tư tổ chức niêm yết Thông báo số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

+ Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/05/2017;

+ Địa điểm niêm yết: Tại 02 địa điểm (Nhà văn hóa xóm 1, xã Trung Môn và Trụ sở làm việc UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang);

+ Tài liệu niêm yết: Thông báo số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP**

Triển khai thông báo thu hồi đất chủ trương đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

Hôm nay, ngày 15/5/2017, tại Thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**Thành phần dự họp gồm có:**

**I. Đại diện Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn.**

1. Ông Phạm Văn Chung - Phó Giám đốc Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;
2. Ông Lê Quang Thiêm - Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;
3. Ông Hoàng Trần Anh - Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;
4. Bà Phạm Thị Hằng - Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;
5. Bà Nguyễn Thị Giang - Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;
6. Ông Nguyễn Duy Mạnh - Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện;

**II. Đại diện Chủ đầu tư.**

1. Ông Lê Quang Thuận - Phó Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN & PTNT;
2. Ông Phạm Duy Phương - Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN & PTNT;
3. Ông Trần Mạnh Hà - Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN & PTNT;
4. Ông Vũ Ngọc Thế - Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN & PTNT;
5. Bà Ma Thị Đàm - Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN & PTNT;

**III. Đại diện Ủy ban nhân dân xã.**

1. Ông Khổng Thị Tân - Chủ tịch, xã Chân Sơn.
2. Ông Trương Văn Thông - Cán bộ Địa chính, xã Chân Sơn.
3. Ông Trần Xuân Dậu - Chủ tịch UBNDTQ, xã Chân Sơn.
4. Ông Khổng Xuân Thanh - Trưởng thôn Động Sơn, xã Chân Sơn.

Cùng tham dự họp có tổ giúp việc cho hội đồng bồi thường huyện và.....hộ có diện tích đất thu hồi để GPMB xây dựng công trình.

**Nội dung cuộc họp:**

Họp thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Ông Phạm Văn Chung, Phó giám đốc Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn công bố các văn bản liên quan đến việc thu hồi đất về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm.

**1. Những văn bản thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình:**

Căn cứ Văn bản số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).



Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (G.đoạn 1).

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Căn cứ Văn bản số 3108/UBND-TNMT ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, về việc bổ sung danh mục dự án thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Tuyên quang, huyện Yên Sơn.

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-SNN ngày 31/12/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Căn cứ Văn bản số 41/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Công bố Quyết định số 2456/QĐ-CT ngày 09/5/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

## **2. Những văn bản áp dụng các chế độ chính sách thực hiện bồi thường:**

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và TĐC khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang Ban hành quy và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UB ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và TĐC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển Kt - XH vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

L

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UB ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang, ban hành Bảng giá đất 5 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UB ngày 20/02/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ý kiến của các hộ tham gia cuộc họp:

Cải hi qua đit nhất từ chủ trương của nhà nước để thúc đẩy xây dựng công trình và chạy có ý kiến gì.

- Giải đáp những thắc mắc của người bị thu hồi đất;
- Giao trách nhiệm cho UBND xã Chân Sơn, niêm yết công khai các Quyết định, văn bản trên tại Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn.

Sau khi thực hiện việc thông báo các văn bản có liên quan đến xây dựng công trình, những văn bản liên quan đến công tác bồi thường GPMB, chế độ chính sách thu hồi đất của Nhà nước và giải đáp những ý kiến thắc mắc của các hộ gia đình, có diện tích đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình trên.

Những hộ gia đình có đất bị thu hồi nhất trí với chủ trương của Nhà nước về những văn bản, Quyết định trên và nhất trí những nội dung trả lời của Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện về những thắc mắc của các hộ gia đình bị thu hồi đất tại buổi họp.

Trong tổng số 4 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình nhất trí bầu 02 hộ làm đại diện cho ... hộ có diện tích đất bị thu hồi để GPMB xây dựng công trình gồm:

1. Ông (bà) ...Lâm Đức Phong...Đại diện người thu hồi đất.....
2. Ông (bà) .....

Nhất trí việc kiểm kê diện tích đất, tài sản vật kiến trúc và cây cối hoa màu có trên đất theo quy định và tổ công tác bắt đầu kiểm kê từ ngày 18/5/2017.

Biên bản kết thúc hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày đã thông qua cho các thành viên có mặt tham dự cuộc họp nghe, không có ý kiến gì khác, nhất trí ký tên.

BQL- DABTXD CÔNG TRÌNH  
PHÓ TRƯỞNG BAN

CN. PT QUỸ ĐẤT HUYỆN  
PHÓ GIÁM ĐỐC

UBND XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH



Lê Quang Thuận

Phạm Văn Chung

Không Thị Tân

Những thành viên cùng tham gia.

1. Ông Trần Xuân Dậu
2. Ông Lê Quang Thiêm
3. Bà Phạm Thị Hằng .....
4. Bà Nguyễn Thị Giang.....
5. Ông Trần Mạnh Hà
6. Ông Phạm Duy Phương
7. Ông Vũ Ngọc Thế
8. Bà Ma Thị Đàm
9. Ông Trương Văn Thông
10. Ông Không Xuân Thanh .....
11. Ông Lâm Đức Phong
12. Ông Nguyễn Duy Mạnh
13. Ông Trương Văn Thông

- Giải đáp những thắc mắc của người bị thu hồi đất;
- Giao trách nhiệm cho UBND xã Chân Sơn, niêm yết công khai các Quyết định, văn bản trên tại Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn.

Sau khi thực hiện việc thông báo các văn bản có liên quan đến xây dựng công trình, những văn bản liên quan đến công tác bồi thường GPMB, chế độ chính sách thu hồi đất của Nhà nước và giải đáp những ý kiến thắc mắc của các hộ gia đình, có diện tích đất thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình trên.

Những hộ gia đình có đất bị thu hồi nhất trí với chủ trương của Nhà nước về những văn bản, Quyết định trên và nhất trí những nội dung trả lời của Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện về những thắc mắc của các hộ gia đình bị thu hồi đất tại buổi họp.

Trong tổng số 14 hộ có đất bị thu hồi để xây dựng công trình nhất trí bầu 02 hộ làm đại diện cho ... hộ có diện tích đất bị thu hồi để GPMB xây dựng công trình gồm:

1. Ông (bà) ...Lâm Đức Phong...Đại diện người thu hồi đất.....
2. Ông (bà) .....

Nhất trí việc kiểm kê diện tích đất, tài sản vật kiến trúc và cây cối hoa màu có trên đất theo quy định và tổ công tác bắt đầu kiểm kê từ ngày 18/5/2017.

Biên bản kết thúc hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày đã thông qua cho các thành viên có mặt tham dự cuộc họp nghe, không có ý kiến gì khác, nhất trí ký tên.

BQL- DABTXD CÔNG TRÌNH  
PHÓ TRƯỞNG BAN

CN. PT QUỸ ĐẤT HUYỆN  
PHÓ GIÁM ĐỐC

UBND XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH



Lê Quang Thuận

Phạm Văn Chung

Không Thị Tân

Những thành viên cùng tham gia.

1. Ông Trần Xuân Dậu
2. Ông Lê Quang Thiêm
3. Bà Phạm Thị Hằng .....
4. Bà Nguyễn Thị Giang.....
5. Ông Trần Mạnh Hà
6. Ông Phạm Duy Phương
7. Ông Vũ Ngọc Thế
8. Bà Ma Thị Đàm
9. Ông Trương Văn Thông
10. Ông Không Xuân Thanh
11. Ông Lâm Đức Phong
12. Ông Nguyễn Duy Mạnh
13. Ông Trương Văn Thông

**DANH SÁCH NHẬN TẬP VĂN BẢN TÀI LIỆU**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng	Ký
1	Lâm Đức Phong	Đài Sơn	1	
2	Khổng Xuân Hoàn	T. Xuân Đ. Sơn	1	
3	Tướng Văn Phong	Chị A. Sơn	1	
4				
5				

**DANH SÁCH  
HỢP VÀ NHẬN THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT SỐ 36/TB-UBND**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng	Ký
1	Lâm Đức Phong	Thôn Đông Sơn	1	
2	Lâm Đức Tài	nt	1	
3	Vương Minh Hải	nt	1	KT: Lâm Thị Giang
4	Lý Văn Lập	nt	1	KT: Thuận
5	Vương Văn Phương	nt	1	KT: Vương Văn Phương
6	Vương Văn Lý	nt	1	KT: Vương Văn Lý
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				

NGƯỜI LẬP

Lê Quang Thiêm

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Niêm yết công khai thông báo thu hồi đất công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn (Giai đoạn 1)

Hôm nay, vào hồi 16 h 30 giờ phút, ngày 15/5/2017. Tại thôn Động Sơn, xã Chân Sơn và Trụ sở làm việc UBND& HĐND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn.

**Chúng tôi gồm có:**

1. Ông Khổng Thị Tân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chân Sơn.
2. Ông Lê Quang Thiêm, Cán bộ Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện.
3. Ông Trương Văn Thông, Cán bộ địa chính xã Chân Sơn.
5. Ông Khổng Xuân Thanh, Trưởng xóm Động Sơn.

**NỘI DUNG**

Thực hiện Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Chi nhánh phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn tổ chức niêm yết và thông báo công khai Văn bản số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

+ Thời gian: Từ ngày 15/5/2017;

+ Địa điểm: Tại Nhà Văn hóa thôn Động Sơn, xã Chân Sơn và Trụ sở UBND & HĐND xã Chân Sơn.

Biên bản kết thúc hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, đọc lại mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên./.

**UBND XÃ CHÂN SƠN**  
**CHỦ TỊCH**



**Khổng Thị Tân**

**Những thành viên cùng tham gia**

1. Ông Lê Quang Thiêm .....
2. Ông Trương Văn Thông.....
3. Ông Khổng Xuân Thanh.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Họp Thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

Hôm nay, vào hồi 08 h00 ngày 18 /05/2017. Tại Nhà văn hóa xóm 01, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

**Chúng tôi gồm có:**

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Phạm Văn Chung, Phó giám đốc.
2. Ông : Hoàng Trần Anh Viên Chức;
3. Ông : Lê Quang Thiêm, Viên chức;
4. Ông : Nguyễn Duy Mạnh, Cán bộ;
5. Ông ( Bà).....

**II. UBND xã Trung Môn:**

1. Ông : Đặng Quang Hợp – Chủ tịch UBND xã;
2. Ông : Nguyễn Văn Thế - Cán bộ địa chính xã;
3. Ông Hà Quốc Huy – Trưởng xóm 1

**III. Ủy ban MTTQ xã Trung Môn:**

1. bà Vũ Thị Minh Hòa– Chủ tịch UBMTTQ xã:
2. Ông ( Bà).....
3. Ông ( Bà).....

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận- Trưởng phòng QLDA
2. Ông Trần Mạnh Hà, phòng QI.DA;
3. Ông Phạm Duy Phương, phòng QLDA;
4. Ông Vũ Ngọc Thế, phòng QLDA;
5. Bà Ma Thị Dằm, phòng QLDA;
6. Hà Kim Truyền, phòng QLDA;
7. Ông ( Bà).....

Cùng các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đơn vị nằm trong ranh giới quy hoạch xây dựng Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

**Nội dung:** Hợp thông báo thu hồi đất, các chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai kế hoạch thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1).

Ông Phạm Văn Chung, Phó Giám đốc Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn công bố các văn bản pháp lý liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm:

- Quyết định số 745/QĐ-SNN ngày 31/12/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/2/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 04/2/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

- Văn bản số 36/TB-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện Yên Sơn về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện tiêu dự án xây dựng công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

- Luật đất đai ngày 29/11/2013;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;



- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

**Các ý kiến thành phần tham dự cuộc họp:**

- Chi nhánh ĐTQT huyện Yên Sơn phối hợp với  
 Chi đầu tư trên lãnh thổ khai thông báo thu hồi  
 đất, triển khai các quy định về trình tự, thủ tục  
 các văn pháp liên quan các hồ sơ chế cơ đất bị  
 thu hồi đến nhất trí với thông báo thu hồi đất  
 và các văn y bản pháp quy của nhà nước về

thủ tục thu hồi đất

Sau khi nghe thông báo về các hộ gia đình  
có đất bị thu hồi trên hành lang ra đặc chế  
người có đất bị thu hồi.

+ Đại diện người có đất bị thu hồi tại xóm 1

Xã Trưng Nhì

17 Ông : Hà Hải Lanh

27 Ông : Nguyễn Văn Lue

12/06/2011

Biên bản kết thúc hội thảo 10 giờ 50 phút cùng ngày, thông qua các thành viên nhất trí ký tên./.

CHI NHÁNH PTQĐ HUYỆN  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ghi biên bản



Phạm Văn Cường

*Handwritten signature*  
Hàng Tiên Anh

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN MTTQ XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH

*Handwritten signature*  
Lê Quang Chuẩn



*Handwritten signature*  
Vũ Phú Minh Hòa

UBND XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH



Đặng Quang Hợp

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA

- |                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| 1. Ông (bà): <i>Hà Quốc Hùng</i>      | 9. Ông (bà): <i>Vũ Ngọc Thảo</i>          |
| 2. Ông (bà): <i>Nguyễn Văn Thảo</i>   | 10. Ông (bà): <i>Phạm Duy Phương</i>      |
| 3. Ông (bà): <i>Nguyễn Văn Lạc</i>    | 11. Ông (bà): <i>Trần Mạnh Hà</i>         |
| 4. Ông (bà): <i>Thị Thị Bình Minh</i> | 12. Ông (bà): <i>Mã Thị Tâm</i>           |
| 5. Ông (bà): <i>Hà Kim Truyền</i>     | 13. Ông (bà): <i>Nguyễn Duy Mạnh Thảo</i> |
| 6. Ông (bà): <i>Phạm Duy Phương</i>   | 14. Ông (bà): <i>Lê Quang Thuận</i>       |
| 7. Ông (bà): .....                    | 15. Ông (bà): .....                       |
| 8. Ông (bà): .....                    | 16. Ông (bà): .....                       |

**DANH SÁCH CÁC HỘ DÂN DỰ HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG  
GPMB VÀ NHẬN THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT SỐ 36/TB-UBND NGÀY 26/4/2017  
CỦA UBND HUYỆN YÊN SƠN**

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn  
huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)

(Kèm theo biên bản họp ngày 18 tháng 5 năm 2017)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ký nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Phong	Xóm 1	Phong	
2	Phạm Xuân Khu	"	Phạm Xuân Khu	
3	Nguyễn Duy Phương	"	Nguyễn Duy Phương	
4		nt	nguyễn duy phương	
5	Phạm Ngọc An	nt	Phạm Ngọc An	
6	Nguyễn Thái Thụy	nt	Nguyễn Thái Thụy	
7	Trần Xuân Trường	nt	Trần Xuân Trường	
8	Lưu Văn Mạnh	nt	Lưu Văn Mạnh	
9	Nguyễn Hữu Hoàn	nt	Nguyễn Hữu Hoàn	
10	Phạm Văn Chính	nt	Phạm Văn Chính	
11	Phạm Văn Tuấn	nt	Phạm Văn Tuấn	
12	Ngô Thị Bội	nt	Ngô Thị Bội	
13	Nguyễn Văn Cảnh	nt	Nguyễn Văn Cảnh	
14	Phạm Thị Xuân	nt	Phạm Thị Xuân	
15	Nguyễn Văn Đức	nt	Nguyễn Văn Đức	
16	Nguyễn Văn Đức	nt	Nguyễn Văn Đức	
17	Phạm Văn Thuật	nt	Phạm Văn Thuật	
18	Phạm Thị Yên	nt	Phạm Thị Yên	
19	Nguyễn Văn Thành	nt	Nguyễn Văn Thành	
20	Hà Văn Hương	nt	Hà Văn Hương	
21	Phạm Văn Hương	nt	Phạm Văn Hương	
22	Phạm Thị Lệ	nt	Phạm Thị Lệ	(hội gia)
23	Phạm Văn Sỹ	nt	Phạm Văn Sỹ	
24	Phạm Văn Hưng	nt	Phạm Văn Hưng	(Anh trai)
25	Phạm Xuân Bình	nt	Phạm Xuân Bình	
26	Nguyễn Quang Thắng	nt	Nguyễn Quang Thắng	

UBND XÃ 2

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ký nhận	Ghi chú
27	Hà Văn Hiến	Xóm 1	Hiến	
28	Bùi Khắc Hiến	nt	Hiến	
29	Phan Thị Chiến	nt	Chiến	
30	Nguyễn Văn Lục	nt	Lục	
31	Hà Hải Lam h	nt	Hải	
32	Phan Thị Trường	nt	Trường	
33	Nguyễn Thị Thoa	nt	Thoa	(không)
34				
35				
36				
37				
38				
39				
40				
41				
42				
43				
44				
45				
46				
47				
48				
49				
50				
51				

UBND XÃ TRUNG MÔN  
CHỦ TỊCH



**Dặng Quang Hợp**

Lập biểu

*(Handwritten signature)*  
Hương Phố

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Họp thông báo công khai và niêm yết quyết định phê duyệt phương án bồi thường công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Đợt 1, Giai đoạn 1);

Hôm nay, vào hồi 09h15 ngày 02/11/2017. Tại Nhà văn hóa Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi gồm có:

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Phạm Văn Chung, Phó giám đốc;
2. Ông Lê Quang Thiêm, Viên chức;

**II. Ủy ban nhân dân xã Chân Sơn:**

1. Bà Khổng Thị Tân, Chủ tịch;
2. Ông Tướng Văn Thông, Cán bộ địa chính.

**III. Ủy ban MTTQ xã Chân Sơn:**

1. Ông Trần Xuân Dậu, Chủ tịch;

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận, Trưởng phòng QLDA;
2. Ông Phạm Duy Phương, phòng QLDA.

**V. Đại diện xóm Động Sơn, xã Chân Sơn:**

1. Ông Khổng Xuân Thanh, Trưởng xóm;
2. Ông Lâm Đức Phong, Đại diện nhân dân;

Cùng đại diện các hộ gia đình, cá nhân và đơn vị thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

**NỘI DUNG**

Căn cứ Quyết định Số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Thủ tục tài trợ thu hồi đất đai nhà nước thu hồi đất

Căn cứ Quyết định Số 1631/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của UBND huyện Yên Sơn về việc thu hồi đất xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là ở Xã Trưng Mãn, huyện Yên Sơn.

Căn cứ Quyết định Số 164/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND Huyện Yên Sơn về việc phê duyệt phương án bố trí hàng hóa tiêu và tái chế các cây trồng: Sản phẩm nông cấp sản phẩm an toàn là chuối tiêu Ngoại Loại 2 Xã Trưng Mãn, huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang.

Chi nhánh phân phối quốc tế huyện phân phối các loại sản phẩm BQL sản phẩm và UBND Xã Trưng Mãn đồng ý công khai Quyết định trên lại. Số và Quyết định phê duyệt phương án bố trí hàng hóa tiêu: Sản phẩm nông cấp sản phẩm an toàn là chuối tiêu Ngoại Loại 2 Xã Trưng Mãn huyện Yên Sơn (Quyết định Số 163/QĐ-UBND và Quyết định Số 164/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện Yên Sơn) là việc quyết định tại nhà hàng và UBND Xã Trưng Mãn. Xét theo quan sát.

Sau khi hàng hóa quyết định phê duyệt phân phối, phương án bố trí hàng hóa tiêu các loại quả tiêu theo nhà hàng.

- Về địa điểm: Người bán chuối (Ông Nguyễn)
- Về nhà hàng: Xem xét việc bố trí hàng hóa tiêu khi chưa được phân phối.
- Về cây trồng: Nhà hàng phân phối các loại chuối tiêu phân phối có thể quyết định phân phối PA bố trí hàng.

Để duy trì Trung tâm: Là người như nước xem xét bố trí hàng hóa tiêu và phân phối và phân phối quả tiêu là mua lại các cây trồng phân phối.

Chi nhánh PTĐT tiếp tục tái bố trí các loại hàng phân phối các loại nước, các loại vật chất khác.

Biên bản kết thúc hội thảo ngày, đọc lại mọi người cùng thống nhất và ký tên /.

**UBND XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

*Nguyễn Thị Liên*

**ỦY BAN MTTQ XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

*Trần Xuân Diệu*

**ĐD CHỦ ĐẦU TƯ**

*[Handwritten signature]*

*Lê Quang Thuận*

**CHI NHÁNH PTOD HUYỆN YÊN SƠN  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*

*Phạm Văn Chung*

**CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CÙNG THAM DỰ**

1. Ông (bà): *Lê Quang Thuận*
2. Ông (bà): *Nguyễn Văn Thông*
3. Ông (bà): *Nguyễn Xuân Thảo*
4. Ông (bà): .....
5. Ông (bà): *Hà Kim Tuyến*
6. Ông (bà): *Nguyễn Văn Dũng*
7. Ông (bà): *Nguyễn Đức Phong*
8. Ông (bà): .....

**DANH SÁCH DỰ HỌP VÀ NHẬN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN**

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ký	Ghi chú
1.	<i>Nguyễn Minh Hải</i>	<i>Xã Chân Sơn</i>	<i>[Signature]</i>	
2.	<i>Lâm Đức Phương</i>	<i>Xã Chân Sơn</i>	<i>[Signature]</i>	
3.	<i>Bùi Khắc Hiền</i>	<i>Xóm 1. Tân Hải</i>		
4.	<i>Lê Trung Dũng</i>	<i>Phù Bình - Đồi Bùn</i>	<i>[Signature]</i>	
5.	<i>Nguyễn Văn Hải</i>	<i>Khuang Ngập - Chân Sơn</i>	<i>[Signature]</i>	<i>Đang nghỉ học</i>
6.				
7.				



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Thông báo và niêm yết công khai quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1)

Hôm nay, vào hồi 14 h00 ngày 19/12//2017. Tại Nhà văn hóa xóm Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi gồm có:

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Hoàng Trần Anh, Phó giám đốc;
2. Ông Nguyễn Duy Mạnh, cán bộ hợp đồng;

**II. UBND xã Chân Sơn:**

1. Ông Khổng Thị Tân, Chủ tịch;
2. Ông Tướng Văn Thông, Cán bộ địa chính.

**III. Ủy ban MTTQ xã Chân Sơn:**

1. Ông Trần Xuân Dậu, Chủ tịch;

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận, Trưởng phòng QLDA;
2. Ông Phạm Duy Phương, phòng QLDA;

**V. Đại diện xóm Động Sơn, xã Chân Sơn:**

1. Ông Khổng Xuân Thanh, Trưởng xóm;
2. Ông Lâm Đức Phong, Đại diện nhân dân;

Cùng đại diện các hộ gia đình, cá nhân và đơn vị thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

**NỘI DUNG**

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Chi nhánh PTQĐ huyện tổ chức thông báo và niêm yết công khai quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Đợt 2, Giai đoạn 1);

+ Thời gian niêm yết: Từ 19/12/2017

+ Địa điểm niêm yết: Nhà văn hóa xóm Động Sơn, xã Chân Sơn và Trụ sở làm việc UBND xã Chân Sơn.

+ Tài liệu niêm yết: Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Đợt 2, Giai đoạn 1);

Biên bản kết thúc hội 15h30 cùng ngày, đọc lại mọi người cùng thống nhất và ký tên ./.

**UBND XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH**



**Không Thị Tân  
ỦY BAN MTTQ XÃ CHÂN SƠN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Dật**

**ĐI CHỦ ĐẦU TƯ**



**Lê Quang Thuận  
CHI NHÁNH PTQĐ HUYỆN YÊN SƠN  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Trần Anh**

**CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CÙNG THAM DỰ**

- |  |  |
|--|--|
| 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh.....     | 4. Ông Lâm Đức Phong.....     |
| 2. Ông Trương Văn Thông.....   | 5. Ông Phạm Duy Phương.....  |
| 3. Ông Không Xuân Thanh.....  | 6. Ông (bà):.....  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

Họp thông báo công khai và niêm yết quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Hôm nay, vào hồi 14 h00 ngày 01/11/2017. Tại Nhà văn hóa 01, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi gồm có:

**I. Chi nhánh Phát triển quỹ đất huyện Yên Sơn:**

1. Ông Hoàng Trần Anh, Phó giám đốc;
2. Ông Bùi Minh Quân;

**II. UBND xã Trung Môn:**

1. Ông Đặng Quang Hợp, Chủ tịch;
2. Ông Nguyễn Văn Thế, Cán bộ địa chính.

**III. Ủy ban MTTQ xã Trung Môn:**

1. Bà Vũ Thị Minh Hòa, Chủ tịch;

**IV. Đại diện Chủ đầu tư:**

1. Ông Lê Quang Thuận, Trưởng phòng QLDA;
2. Ông Phạm Duy Phương, phòng QLDA.

**V. Đại diện xóm 01, xã Trung Môn:**

1. Ông Hà Quốc Huy, Trưởng xóm;
2. Ông Nguyễn Văn Lục, Đại diện nhân dân;
3. Ông Hà Hải Lanh, Đại diện nhân dân;

Cùng đại diện các hộ gia đình, cá nhân và đơn vị thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

**NỘI DUNG**

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Chi nhánh PTQĐ huyện tổ chức thông báo công khai và niêm yết quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường công trình Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Đợt 1, Giai đoạn 1);

Toàn bộ 02 Quyết định được Chi nhánh PTQĐ huyện thông báo công khai đến các hộ gia đình, cá nhân, đơn vị và tổ chức nằm trong phạm vi thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng. Đồng thời được niêm yết công khai tại Nhà văn hóa xóm 01 và Trụ sở làm việc UBND xã Trung Môn kể từ ngày 01/11/2017.

Biên bản kết thúc hội 15.11.2018 cùng ngày, đọc lại mọi người cùng nhất trí và ký tên /.

ĐP BAN QLDA đầu tư các công trình NN&PTNN tỉnh

Người lập biên bản

Quần  
Bùi Minh Quần

Lê Quang Thuấn

UBMT TỎ QUỐC XÃ TRUNG MÔN CHỦ TỊCH

CHI NHÁNH PTQĐ HUYỆN YÊN SƠN PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Minh Hoa

Hoàng Trần Anh

UBND XÃ TRUNG MÔN CHỦ TỊCH



Đặng Quang Hợp

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CÙNG THAM DỰ

- 1. Ông (bà): Hà Quốc Huy
- 2. Ông (bà): Nguyễn Văn Lục
- 3. Ông (bà): Hà Hải Anh
- 4. Ông (bà): Hà Kim Tuyên
- 5. Ông (bà): Nguyễn Văn Thi
- 6. Ông (bà): Phạm Duy Phương
- 7. Ông (bà): \_\_\_\_\_
- 8. Ông (bà): \_\_\_\_\_
- 9. Ông (bà): \_\_\_\_\_
- 10. Ông (bà): \_\_\_\_\_

**DANH SÁCH NHẬN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT SỐ 163/QĐ-UBND  
NGÀY 25/10/2017 CỦA UBND HUYỆN YÊN SƠN**

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước ngòi là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1)





STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	QĐ THU HỒI ĐẤT SỐ 163/QĐ-UBND	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	Phan Văn Thương	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Thương</i>	
2	Nguyễn Tiến Được	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Được và</i>	
4	Phạm Văn Bảy	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>và Mai</i>	
5	Phan Thị Chiên	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Chiên</i>	
6	Ngô Thị Bay (chồng Đỗ Văn Kim đã chết)	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Bay</i>	
7	Phạm Văn Hùng	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Hùng</i>	
8	Phạm Thị Thơm chồng Hà Văn Hưởng	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Thơm</i>	
9	Nguyễn Thị Nhám (con trai Nguyễn Duy Thường)	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Nhám</i>	
10	Nguyễn Hữu Tuấn	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Tuấn</i>	
11	Vũ Văn Miên	xóm 01 - Trung Môn			
12	Nguyễn Hữu Thủy	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Thủy</i>	
13	Nguyễn Hữu Thành	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Thành</i>	
14	Phạm Thị Trường (con trai Nguyễn Như Thụ)	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Trường</i>	
16	Nguyễn Văn Đắc vợ Nguyễn Thị Năm	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Đắc</i>	
17	Nguyễn Đức Khâm	xóm 15 - Trung Môn	X		
18	Phạm Xuân Bình	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Bình</i>	
19	Hà Quốc Huy	xóm 01 - Trung Môn	X		
20	Đỗ Thị Nghiên	tổ 7 phường Ý La, TP Tuyên Quang	X	<i>Nghiên</i>	
21	Nguyễn Thị Hương	Khu vực 5, phường An Bình Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	X	<i>Hương</i>	
22	Vũ Văn Hạnh	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>Hạnh</i>	
25	Đỗ Thị Khoa	xóm 17 - Trung Môn	X	<i>Khoa</i>	
26	Phạm Ngọc An	xóm 01 - Trung Môn	X	<i>An</i>	
27	Vương Minh Hải	Xóm Động Sơn - Chân Sơn	X		
28	Lâm Đức Phong	Xóm Động Sơn - Chân Sơn	X		
35	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi	Đội Bình - Yên Sơn	X	<i>Trỗi</i>	

**DANH SÁCH NHẬN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG SỐ 164/QĐ-UBND NGÀY 25/10/2017 CỦA UBND HUYỆN YÊN SƠN VÀ THÔNG BÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG**

Công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước ngòi là 2 xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Giải đoạn 1)

SIT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	QB PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG SỐ 164/QĐ-UBND	BIỂU CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	Phan Văn Thương	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phan Văn Thương</i>	
2	Nguyễn Tiến Được	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Tiến Được</i>	
4	Phạm Văn Bảy	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phạm Văn Bảy</i>	
5	Phan Thị Chiên	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phan Thị Chiên</i>	
6	Ngô Thị Bảy (chồng Đỗ Văn Kim đã chết)	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Ngô Thị Bảy</i>	
7	Phạm Văn Hùng	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phạm Văn Hùng</i>	
8	Phạm Thị Thơm chồng Hà Văn Hương	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phạm Thị Thơm</i>	
9	Nguyễn Thị Nhâm (con trai Nguyễn Duy Thường)	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Thị Nhâm</i>	<i>Con</i>
10	Nguyễn Hữu Tuấn	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Hữu Tuấn</i>	
11	Vũ Văn Miên	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Vũ Văn Miên</i>	
12	Nguyễn Hữu Thủy	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Hữu Thủy</i>	
13	Nguyễn Hữu Thành	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Hữu Thành</i>	
14	Phạm Thị Trường (con trai Nguyễn Như Thụ)	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Phạm Thị Trường</i>	
15	Nguyễn Xuân Hiền	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Nguyễn Xuân Hiền</i>	

SIT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	QĐ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG SỐ 164/QĐ-UBND	BIỂU CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
16	Nguyễn Văn Đắc vợ Nguyễn Thị Năm	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Đắc</i>	
17	Nguyễn Đức Khâm	xóm 15 - Trung Môn	X	X		
18	Phạm Xuân Bình	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>Bình</i>	
19	Hà Quốc Huy	xóm 01 - Trung Môn	X	X		
20	Đỗ Thị Nghiến	tổ 7 phường Ý La, TP Tuyên Quang	X	X	<i>nguyễn 13/02</i>	
21	Nguyễn Thị Hương	Khu vực 5, phường An Bình Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	X	X	<i>ng. Bô</i>	
22	Vũ Văn Hạnh	xóm 01 - Trung Môn	X	X		
23	Nguyễn Văn Hiến	xóm 03 - Trung Môn	X	X	<i>Vũ Văn Hiến</i>	
24	Nguyễn Thị Vân (con trai Hà Văn Hiến)	xóm 01 - Trung Môn	X	X	<i>con hiện</i>	
25	Đỗ Thị Khoa	xóm 17 - Trung Môn	X	X	<i>Phạm Ngọc An</i>	
26	Phạm Ngọc An	xóm 01 - Trung Môn	X	X		
27	Vương Minh Hải	Xóm Động Sơn - Chấn Sơn	X	X		
28	Lâm Đức Phong	Xóm Động Sơn - Chấn Sơn	X	X		
29	Luyện Văn Út	Tổ 15, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	X	X	<i>Phạm Ngọc An</i>	
30	Bùi Khắc Hiếu	Tổ 11 Phường Nông Tiến, TP. Tuyên Quang	X	X	<i>Tấn Dũng</i>	
31	Bản Xuân Triều	Thôn Nà Lạ- xã Sơn Phú - Na Hang	X	X		

SIT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	QP PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG SỐ 164/QĐ-UBND	BIỂU CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
32	Vũ Đức Tân	tổ 7 phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	X	X		
33	Nguyễn Văn Hiến	thôn Hoàng Pháp - Chấn Sơn	X	X		
34	Hoàng Đông Bắc	Tổ 31 phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	X	X		
35	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi	Đội Bình - Yên Sơn	X	X		
36	Nguyễn Duy Thành	xóm 01 - Trung Môn	X	X		



**DANH SÁCH KÝ NHẬN BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT THU HỒI**  
 Công trình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước ngòi là 2 xã Trung Môn, huyện Yên  
 Địa điểm xây dựng: xã Trung Môn, xã Chân Sơn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Số TT	Họ tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Ký nhận	Ghi chú
1	Phan Văn Thương	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phan Văn Thương</i>	
2	Nguyễn Tiến Được	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Tiến Được</i>	
3	Phạm Văn Bảy	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Văn Bảy</i>	
4	Phan Thị Chiên	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phan Thị Chiên</i>	
5	Ngô Thị Bảy	xóm 01 - Trung Môn	<i>Ngô Thị Bảy</i>	
6	Phạm Văn Hùng	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Văn Hùng</i>	
7	Phạm Thị Thơm	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Thị Thơm</i>	
8	Nguyễn Thị Nhâm	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Thị Nhâm</i>	
9	Nguyễn Hữu Tuấn	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Hữu Tuấn</i>	Com
10	Vũ Văn Miên	xóm 01 - Trung Môn	<i>Vũ Văn Miên</i>	
11	Nguyễn Hữu Thúy	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Hữu Thúy</i>	
12	Nguyễn Hữu Thành	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Hữu Thành</i>	
13	Phạm Thị Trường	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Thị Trường</i>	
14	Nguyễn Xuân Hiến	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Xuân Hiến</i>	
15	Nguyễn Văn Đắc	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Văn Đắc</i>	
16	Nguyễn Đức Khâm	xóm 15 - Trung Môn	<i>Nguyễn Đức Khâm</i>	
17	Phạm Xuân Bình	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Xuân Bình</i>	
18	Hà Quốc Huy	xóm 01 - Trung Môn	<i>Hà Quốc Huy</i>	
19	Đỗ Thị Nghiên	tổ 7 phường Ý La, TP Tuyên	<i>nguyên 13/3</i>	
20	Nguyễn Thị Hương	Khu vực 5, phường An Bình Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	<i>Hương me 13/3</i>	
21	Vũ Văn Hạnh	xóm 01 - Trung Môn	<i>Vũ Văn Hạnh</i>	
22	Nguyễn Văn Hiến	xóm 03 - Trung Môn	<i>Nguyễn Văn Hiến</i>	
23	Nguyễn Thị Vân	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Thị Vân</i>	
24	Đỗ Thị Khoa	xóm 17 - Trung Môn	<i>Đỗ Thị Khoa</i>	
25	Phạm Ngọc An	xóm 01 - Trung Môn	<i>Phạm Ngọc An</i>	
26	Luyện Văn Út	Tổ 15, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang	<i>Luyện Văn Út</i>	
27	Vũ Đức Tân	tổ 7 phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	<i>Vũ Đức Tân</i>	
28	Hoàng Đông Bắc	Tổ 31 phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	<i>Hoàng Đông Bắc</i>	
29	Công ty TNHH MTV LN Nguyễn Văn Trỗi	Đội Bình - Yên Sơn	<i>Nguyễn Văn Trỗi</i>	
30	Nguyễn Duy Thành	xóm 01 - Trung Môn	<i>Nguyễn Duy Thành</i>	

## **Phụ lục A4- THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (ĐƯỢC ĐÍNH KÈM TRONG HỒ SƠ ĐẦU THẦU VÀ HỢP ĐỒNG THI CÔNG)**

### *Quản lý lán trại xây dựng*

Ở bất cứ nơi nào có thể Nhà thầu phải ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động hiện có ở địa phương và đào tạo phù hợp khi cần thiết. Nhà thầu phải xem xét tất cả các khía cạnh trong quản lý lực lượng lao động và giải quyết các xung đột có thể xảy ra giữa người lao động và cộng đồng địa phương, nguy cơ gia tăng tệ nạn mại dâm và các bệnh truyền nhiễm, trộm cắp, lạm dụng rượu, tác động thị trường do yếu tố đầu vào tạm thời cho nền kinh tế địa phương và những vấn đề khác tại địa phương như tỷ lệ thất nghiệp, dân tộc và các giá trị văn hóa khác nhau.

Các biện pháp chung sau đây thì được xem xét trong quá trình bố trí lán trại:

1. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các cơ sở hạ tầng thích hợp để giặt giũ, tắm rửa cho những người lao động hợp đồng làm việc tại đó. Khu vực lán trại sẽ được bố trí để tận dụng việc thoát nước tự nhiên hiệu quả, đảm bảo cảnh quan và tránh xói mòn.
2. Nhà thầu phải bố trí chỗ ở phù hợp, an toàn và thoải mái cho công nhân lao động.
3. Nhà thầu phải cung cấp nhà vệ sinh đầy đủ và khu tắm rửa cho số lượng lao động dự kiến tại công trường. Nhà vệ sinh cũng cần được đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch hoặc nước uống, xà phòng, giấy vệ sinh. Các cơ sở vật chất này cần đảm bảo dễ tiếp cận và giữ trong điều kiện sạch sẽ và vệ sinh. Nhà vệ sinh không được gây ô nhiễm tới nguồn nước gần đó. Không được xả nước thải chưa qua xử lý vào bất kỳ nguồn nước nào.
4. Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp làm lắng và kiểm soát xói mòn hiệu quả trong quá trình xây dựng và hoạt động của các công trình xây dựng
5. Nhà thầu phải cung cấp nước uống an toàn để công nhân tắm rửa, ăn uống.
6. Nhà thầu phải thiết lập một hệ thống lưu trữ tạm thời và xử lý hoặc tái chế tất cả các chất thải rắn phát sinh từ các lán trại công nhân.
7. Nhà thầu không được phép sử dụng củi để nấu ăn hoặc sưởi ấm trong bất kỳ lán trại nào, thay thế thiết bị bằng cách sử dụng các loại nhiên liệu khác.
8. Nhà thầu phải đảm bảo rằng khu vực văn phòng, kho, nhà xưởng đều nằm trong khu vực thích hợp được các cán bộ chuyên trách về môi trường của Dự án an toàn đập hoặc Kỹ sư Giám sát đồng ý.
9. Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khu vực lưu trữ nhiên liệu, dầu mỡ không nằm trong phạm vi 100 mét từ các nguồn nước và hoạt động của các khu vực này sẽ không gây ô nhiễm tới nguồn nước do chảy tràn trên mặt hay thấm qua nước ngầm, đặc biệt là trong mùa mưa. Cần bố trí xây dựng mương để lắng chặn hoặc thu dầu xung quanh khu vực này.
10. Các khu vực lưu trữ nhiên liệu hoặc dầu mỡ phải có rào chắn và có một tầng không thấm nước để ngăn chặn việc dầu mỡ thấm trong trường hợp có sự cố đổ, tràn từ khu vực. Hồ thu dầu được thiết kế và xây dựng sẽ ngăn thoát nước bề mặt từ các khu vực có rào chắn. Thùng chứa nhiên liệu hoặc dầu hết sẽ không được lưu trữ tại khu vực. Các chất dầu mỡ, bôi trơn sẽ được tái chế và không được đổ tại các khu vực hoặc các vùng nước gần đó.
11. Trạm trộn bê tông không được nằm trong bán kính 500 m kể từ bất kỳ khu vực dân cư hoặc hoặc nơi làm việc nào.
12. Nhà thầu phải chuẩn bị cho các cơ sở y tế và hộp cứu thương tại mỗi khu vực lán trại.

### *Quy tắc ứng xử*

Một mối quan tâm lớn trong quá trình xây dựng của dự án là các tác động tiêu cực tiềm tàng từ các công nhân đối tượng tác với các cộng đồng địa phương. Vì lý do đó, một quy tắc ứng xử sẽ được thiết lập để xác định tầm quan trọng của các hành vi thích hợp:

1. Cấm các chất bất hợp pháp, vũ khí và vũ khí.
2. Cấm các công cụ khiêu dâm và cờ bạc.
3. Cấm các vụ xung đột (đánh nhau hoặc cãi vã).
4. Người lao động không được phép săn bắt, đánh cá hoặc buôn bán động vật hoang dã.
5. Không tiêu thụ thịt thú rừng trong khu lán trại.
6. Không được phép nuôi động vật trong khu lán trại.
7. Cấm các hoạt động gây phiền hà và rối loạn trong hoặc gần các khu vực của cộng đồng.
8. Cấm các hoạt động gây không tôn trọng phong tục và truyền thống địa phương
9. Cấm hút thuốc tại nơi làm việc.
10. Yêu cầu duy trì các điều kiện vệ sinh tiêu chuẩn phù hợp tại nơi ở.
11. Yêu cầu duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh phù hợp tại các khu ăn nghỉ.
12. Các công nhân từ nơi khác đến cư trú tại địa phương trong quá trình tiếp xúc với cộng đồng địa phương phải hành xử cách phù hợp với các quy tắc ứng xử; và
13. Việc không tuân thủ các quy tắc ứng xử, hoặc các quy tắc, quy định và thủ tục thực hiện tại lán trại công nhân sẽ bị kỷ luật.

#### *Kế hoạch quản lý tác động xây dựng*

Để giảm thiểu tác động của các hoạt động xây dựng tới các cộng đồng địa phương và môi trường, nhà thầu xây dựng phải thực hiện các tiêu kế hoạch sau đây phù hợp với các quy định:

#### **Xói mòn và bồi lắng**

Hoạt động trên công trường được quản lý một cách nghiêm ngặt để tránh xói mòn và bồi lắng tới nguồn nước phía hạ lưu. Để giảm thiểu các tác động xói mòn tiêu cực trong khu vực dự án, các hoạt động sau đây được thực hiện bởi các nhà thầu:

1. Xói mòn và bồi lắng phải được kiểm soát trong quá trình xây dựng. Khu vực không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động xây dựng phải được duy trì ở trạng thái hiện tại.
2. Hạn chế tối đa ảnh hưởng tới các khu đất lân cận, ổn định các khu vực này càng sớm càng tốt, kiểm soát hệ thống thoát nước qua khu vực này, và thu, lắng cặn tại chỗ. Thiết lập các hàng rào kiểm soát xói mòn xung quanh khu vực đào đắp, hố xử lý và lòng đường.
3. Các công trình xử lý dốc và công tác vận chuyển, đào đắp đất được tiến hành để giảm thiểu tác động từ các hoạt động này cả về diện tích và thời gian. Kiểm soát tạm thời việc xói mòn đất và bảo vệ độ dốc công trình được thực hiện theo thứ tự xây dựng.
4. Bảo vệ lớp phủ thực vật để tăng cường sự phát triển của thực vật bản địa.
5. Áp dụng trồng các loại cây sẵn có của địa phương tại các vùng đất cần cố ăn mòn hoặc các khu đất sử dụng tạm thời cho xây dựng.
6. Áp dụng các biện pháp kiểm soát xói mòn trước khi mùa mưa bắt đầu, tốt nhất là ngay sau khi xây dựng. Bố trí các biện pháp kiểm soát xói mòn khi mỗi khu công trường được hoàn thành xây dựng.
7. Tại tất cả các khu vực công trường lắp đặt các công trình kiểm soát lắng cặn để làm chậm lại hoặc chuyển hướng dòng chảy và giữ lại lượng bồi lắng cho đến khi lớp phủ thực vật được tái lập. Công trình kiểm soát lắng cặn bao gồm cơ đê đá, bể lưu trầm tích,
8. Kiểm soát nước chảy qua các công trường xây dựng hoặc các khu vực bị xáo trộn bằng mương, đê, các công trình kiểm tra, các hàng rào bằng cỏ và đá.
9. Nền của các khu phụ trợ như văn phòng công trường xây dựng phải được đổ bê tông hoặc nhựa đường để giảm thiểu xói mòn đất.
10. Biện pháp kiểm soát xói mòn sẽ được duy trì cho đến khi lớp phủ thực vật được khôi phục.
11. Phun nước mặt đường khi cần thiết để làm giảm sự xói mòn gió và gây ra bụi.

#### **Phát thải bụi và khí**

Nhà thầu phải đề xuất các phương pháp và hành động để kiểm soát bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng liên quan, bao gồm cả khu vực các mỏ đá, nhà máy nghiền và trộn bê tông, công tác đào đắp bao gồm xây dựng đường, đắp đê và nạo vét kênh, vận chuyển vật liệu và dựng các lán trại. Đặc biệt các nhà thầu phải thực hiện những điều sau đây:

1. Giảm thiểu phát sinh bụi và các vật liệu dạng hạt để tránh ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh, đặc biệt là với những đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ em, người cao tuổi).
2. Giảm thời gian bóc dỡ thảm thực vật để tránh việc các khu vực rộng lớn tiếp xúc với gió.
3. Bố trí bạt che xung quanh khu vực xây dựng để giảm thiểu sự phát sinh bụi, đặc biệt chú ý đến các khu vực gần các cộng đồng địa phương.
4. Phun nước khi cần thiết trên mặt đường đất, những khu vực tháo dỡ, mỏ đất đắp hoặc khu vực đào đất. Thực hiện phun nước trong những ngày khô và nhiều gió, ít nhất hai lần một ngày (sáng và chiều). Tần suất phun nước ở những địa điểm gần các cộng đồng địa phương được tăng khi cần.
5. Bố trí không gian thoáng gió và các biện pháp khác để kiểm soát nồng độ các chất ô nhiễm không khí.
6. Đảm bảo duy trì tình trạng hoạt động tốt của các xe, máy. Các máy móc, xe cộ thi công nếu phát sinh ra khí thải nghiêm trọng và những máy móc trong tình trạng kém thì không được phép hoạt động.
7. Che phủ kín hoàn toàn bằng vật liệu không thấm nước các thùng xe vận chuyển hóa chất hay các vật liệu như xi măng, cát, đảm bảo không bị rơi vãi vật liệu và tạt ra bụi.
8. Khí thải từ máy móc và xe công trường là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, các máy móc sẽ được kiểm tra và điều chỉnh khi cần thiết để giảm thiểu mức độ ô nhiễm.

### **Tiếng ồn**

Để giảm thiểu tiếng ồn nhà thầu phải:

1. Duy trì các hoạt động giao thông liên quan đến thi công trên tuyến đường vận chuyển với tốc độ được giới hạn.
2. Quy định vận tốc đi trên công trường bằng hoặc dưới 30 kph
3. Trong phạm vi có thể, duy trì mức độ tiếng ồn kết hợp của tất cả các máy móc thiết bị bằng hoặc thấp hơn 90dB.
4. Duy trì các thiết bị xây dựng trong điều kiện hoạt động tốt nhất và tiếng ồn ở mức độ thấp nhất có thể.
5. Sử dụng các rào cản tiếng ồn tạm thời để giảm thiểu tiếng ồn gây ra bởi thiết bị xây dựng;
6. Các khu vực lưu trữ nhiên liệu hoặc dầu mỡ phải có rào chắn và có một tầng không thấm nước để ngăn chặn việc dầu mỡ thấm trong thường hợp có sự cố đổ, tràn từ khu vực.
7. Vật liệu chuyển ra khỏi công trường không được vận chuyển trong giờ cao điểm để giảm thiểu tiếng ồn giao thông do sự gia tăng lưu lượng giao thông.
8. Thiết bị gây ra một tiếng ồn cường độ lớn về một hướng cần được hướng ra khỏi các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn khi có thể

### **Các công tác đất, hạ dốc**

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các thủ tục sau đây được thực hiện:

1. Tất cả các công tác đất phải được kiểm soát đúng, đặc biệt là trong mùa mưa.
2. Nhà thầu phải duy trì ổn định đối với các mái dốc được hạ hay nâng và đảm bảo ít gây ra xáo trộn nhất đến các khu vực bên ngoài các giới hạn quy định của công trình.
3. Nhà thầu phải hoàn thành việc hạ hay nâng mái để khoanh vùng mặt cắt cố định càng sớm càng tốt và tốt trong để tránh đào đắp nhiều vị trí 1 lúc đặc biệt là trong mùa mưa.
4. Để các mái dốc không bị xói mòn, phù hợp với bản vẽ, đường thoát nước cắt ngang và rãnh ở chân dốc sẽ được bố trí cung cấp ở trên đỉnh và phía dưới của dốc và được bố trí

trồng cỏ hoặc thảm thực vật khác. Công cắt ngang sẽ được bố trí ở phía trên hố đào để giảm thiểu lượng nước chảy tràn và xói mòn dốc.

5. Bất kỳ đất đào hoặc vật liệu đắp không phù hợp sẽ được đổ thải tại các khu vực bãi thải đã được sự đồng ý của Kỹ sư giám sát;
6. Các khu vực bãi thải không nên đặt ở nơi dễ gây ra sạt lở trong tương lai, ảnh hưởng tới đất nông nghiệp hoặc bất kỳ tài sản nào khác, hoặc gây hiện tượng nước mưa cuốn trôi từ khu vực bãi thải tới một nguồn nước bất kỳ. Có thể bố trí rãnh thoát nước trong và xung quanh các bãi chôn lấp, theo chỉ dẫn của Kỹ sư giám sát.

### **Xử lý chất thải Xây dựng**

Nhà thầu phải thực hiện các hoạt động sau:

1. Xây dựng và thực hiện các thủ tục vệ sinh khu công trường, bao gồm thu dọn các mảnh vụn xây dựng và đổ thải phù hợp.
2. Mảnh vụn xây dựng tạo ra do việc tháo dỡ các công trình hiện có sẽ được tái sử dụng nhiều nhất có thể (ví dụ như để đắp đê quai). Nhà thầu phải đảm bảo rằng sử dụng các vật liệu này sẽ không làm ảnh hưởng đến điều kiện thoát nước tự nhiên; và không ảnh hưởng đến nguy cơ tuyệt chủng các thực vật quý hiếm. Trong mọi trường hợp Nhà thầu không được đổ thải bất kỳ vật liệu nào tại các khu vực nhạy cảm với môi trường.
3. Trong trường hợp bất kỳ vật liệu thải nào từ các công trường bị rơi vãi trên những khu đất liền kề, Nhà thầu phải ngay lập tức thu hồi và khôi phục lại các khu vực bị ảnh hưởng trở về trạng thái ban đầu của chơ tới khi được sự đồng ý của Kỹ sư giám sát.
4. Việc sắp xếp vận chuyển trong quá trình xây dựng bao gồm cung cấp, bảo trì, tháo dỡ và dọn rác, khi cần thiết, đều liên quan đến công việc và cần được lên kế hoạch và thực hiện bởi các nhà thầu phù hợp với ý kiến của các Kỹ sư giám sát.
5. Tham khảo ý kiến với các cộng đồng địa phương sống gần các bãi đổ thải bị ảnh hưởng, nếu có. Việc tham vấn các bên liên quan sẽ cung cấp các thông tin chi tiết về các bãi thải đất đá thải có thể được sử dụng và tạo cơ hội cho các bên bày tỏ ý kiến và những đóng góp của họ với kế hoạch đề ra. Thông tin và phản hồi từ quá trình tham vấn sẽ được đưa vào thiết kế cuối cùng cho mỗi bãi thải.
6. Tính đến các quy định đối với việc kết hợp các kỹ thuật ổn định phù hợp nhất cho mỗi khu vực bãi thải.
7. Đánh giá rủi ro của các tác động tiềm tàng liên quan đến rửa trôi vật liệu đất đá vào nguồn nước mặt.
8. Thực hiện phân tích hợp lý để xác định bãi thải phù hợp tránh những rủi ro về quá trình thoát nước không mong muốn;
9. Ổn định các bãi thải đất đá để tránh xói mòn theo yêu cầu của Kế hoạch hoàn trả cảnh quan và thực vật.

### **Tháo dỡ những công trình hiện có**

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp thích hợp trong quá trình phá dỡ cơ sở hạ tầng hiện có để bảo vệ người lao động và cộng đồng từ những mảnh vụn và vật thể rơi. Trong số các biện pháp này, nhà thầu phải:

1. Bố trí khu vực dành riêng và hạn chế để lưu trữ chất thải, và/hoặc bố trí chuyển chất thải từ trên xuống dưới sử dụng những thùng an toàn
2. Tiến hành cưa, cắt, phá, dỡ với những dụng cụ an toàn và theo cách thức phù hợp.
3. Dọn dẹp đường giao thông để tránh hiện tượng vơi vãi vật liệu từ thùng xe khi xe chèn lên các chướng ngại vật trên đường.
4. Sử dụng các biện pháp bảo vệ vật liệu rơi vãi tạm thời từ giàn giáo và vật liệu rơi từ các công trình trên cao, chẳng hạn như tay vịn và kệ để chân để ngăn chặn các vật liệu

không bị bật ra.

5. Di tản tất cả các công trình trong khu vực trong quá trình thực hiện các hoạt động nổ mìn để giảm thiểu văng đất đá hoặc bay các mảnh vỡ trong trường hợp các công trình được thực hiện gần với khu dân cư hoặc các công trình.
6. Cung cấp cho tất cả các công nhân kính an toàn, có mặt nạ, mũ cứng và giày bảo hộ.

### **Kế hoạch quản lý chất thải**

Trong giai đoạn xây dựng, các nhà thầu phải chuẩn bị một kế hoạch quản lý chất thải trước khi bắt đầu các công trình dự án. Kế hoạch bao gồm:

#### *Nước và nước thải*

- Đề xuất địa điểm xả và tiêu chuẩn xử lý.
- Đề xuất chương trình thực hiện chi tiết của hệ thống thoát nước.
- Là một phần trong thiết kế của hệ thống thoát nước tại chỗ, nước mưa chảy tràn bề mặt trên công trường xây dựng sẽ được chuyển hướng để tránh việc cuốn trôi theo đất và nước bằng các thiết bị như gạn lắng bùn trước khi tiêu thoát.
- Nước thải sinh hoạt từ văn phòng công trường, nhà vệ sinh và nhà bếp hoặc được thu gom bởi một đơn vị thu gom chất thải có giấy phép hoặc được xử lý bởi các thiết bị, công trình xử lý sẵn có trên công trường. Xả nước thải đã qua xử lý phải tuân thủ các giới hạn về nước thải theo pháp luật Việt Nam.
- Tường chắn và bao cát làm rào chắn sẽ được xây dựng xung quanh các máy đóng cọc khoan nhồi để lắng cặn và nước thải tại các vị trí đóng cọc. Các chất cặn và nước thải sẽ được bơm xử lý trước khi xả.
- Trước mùa mưa, tất cả các bề mặt tiếp xúc và mặt dốc sẽ được che phủ đúng cách hoặc tạo cảnh quan để giảm thiểu việc nước mưa chảy tràn cuốn theo cặn lắng. Bảo vệ mái dốc sẽ được thực hiện theo trình tự xây dựng và trước mùa mưa.
- Các công trình kiểm soát hệ thống thoát nước như hố lắng trầm tích sẽ được lắp đặt tại mỗi cửa tiêu thoát sẽ được làm sạch thường xuyên.

#### *Chất thải rắn*

Các phương án xử lý chất thải như dưới đây được dự kiến cho các hoạt động xây dựng:

- Xử lý và đổ tại bãi thải các vật liệu thừa từ công tác đào đắp đất, cắt dốc;
- Xử lý và đổ tại bãi thải các vật liệu gỗ dùng làm giàn giáo, thép, vật liệu bao bì, thùng chứa nhiên liệu, dầu bôi trơn và sơn.
- Xử lý các chất thải qua quá trình phá dỡ các công trình hiện có hoặc phá vỡ các cấu kiện bê tông hiện có.
- Chất thải từ các cơ sở xử lý nước thải (ví dụ như xử lý nước thải từ các trạm trộn bê tông, quá trình lắng đọng cặn);
- Rác thải sinh hoạt từ hoạt động của các công nhân xây dựng, khu lán trại xây dựng và các cơ sở khác.

Các chất thải trên phải được kiểm soát hợp lý thông qua việc thực hiện các biện pháp sau đây:

- Giảm thiểu làm phát sinh các chất thải cần được xử lý hoặc loại bỏ.
- Xác định và phân loại các loại chất thải phát sinh. Nếu chất thải nguy hại hoặc chất hóa học được tạo ra, phải được thực hiện các biện pháp liên quan đến lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý đúng thủ tục
- Xác định và phân ranh giới các khu vực xử lý, nêu rõ các loại chất thải được xử lý tại mỗi khu nếu có thể, và

- Kiểm soát việc đổ thải của tất cả các chất thải xây dựng (bao gồm vật liệu từ công tác đào đắp) đến các khu bãi thải được lựa chọn (> 300 m từ sông, suối, hồ, hoặc vùng đất ngập nước). Thu gom, tái chế và xử lý tất cả các rác thải, kim loại, dầu được sử dụng, và các vật liệu dư thừa sinh ra trong quá trình xây dựng.

Nhà thầu phải thực hiện một cam kết để tái chế và tái sử dụng chất thải dựa trên việc xem xét những điều sau đây;

- Một phương pháp đã được công nhận để tái sử dụng, tái chế và giảm thiểu việc phát sinh chất thải.
- Đất đào nên được tái sử dụng cho các công tác tại khu công trường hoặc các khu vực gần tuyến đường hoặc các công trình của dự án càng nhiều các tốt để giảm thiểu khối lượng vật liệu cần đổ thải;
- Vật liệu tái chế như các thanh gỗ để dựng giàn giáo, sắt thép, vỏ bao bì cần được thu gom và phân loại tại chỗ từ nguồn thải. Các vật liệu có thể tái chế được thu gom sẽ được tái sử dụng cho các dự án khác hoặc bán cho đơn vị thu mua phế liệu để tái chế.
- Chất thải được thu gom sẽ được xử lý thông qua 1 đơn vị thu gom rác thải được cấp phép.

#### *Chất thải hóa học*

Trong quá trình xây dựng có khả năng sẽ gây ô nhiễm môi trường sống của các khu vực lân cận và các nguồn nước do các chất thải hóa học như dầu thải bỏ ra, chất bôi trơn đã qua sử dụng, vật liệu gây ô nhiễm đất do dầu bị rò rỉ, nhiên liệu từ xe hoặc máy xây dựng, vv Các biện pháp sau đây cần được thực hiện để giảm thiểu thiệt hại do chất thải hóa học:

- Tất cả các hoạt động tiếp nhiên liệu cho các thiết bị và máy móc hạng nặng phải được thực hiện bởi một phương tiện dịch vụ để đảm bảo không làm rơi vãi các chất hóa học như các loại dầu bảo dưỡng, chất bôi trơn, gây ra ô nhiễm.
- Tất cả các kho chứa nhiên liệu và vật liệu nguy hại phải được đóng kín để tránh các sự cố đổ tràn.
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt của khu công trường mở, khu vực sửa chữa và các khu vực lưu trữ khác phải được thu gom và xử lý trong hố/bể tách trước khi thải ra hệ thống thoát nước và nguồn nước tiếp nhận.
- Tất cả vật liệu nổ phải được vận chuyển, lưu trữ và xử lý theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật thiết kế và thực hành công trình xây dựng. Nhà thầu phải cung cấp chi tiết về khu vực lưu trữ được đề xuất và các phương án đáp ứng điều kiện an ninh.

#### *Bảo dưỡng các thiết bị thi công*

Nhà thầu cần:

- Xác định và phân ranh giới các khu vực bảo trì thiết bị (> 15m từ các dòng sông, suối, hồ, vùng đất ngập nước). Nhiên liệu lưu trữ được bố trí tại khu vực thích hợp và được PEO chấp thuận.
- Đảm bảo rằng tất cả các hoạt động bảo trì thiết bị bao gồm việc thay dầu, được tiến hành trong khu vực bảo trì đã phân ranh; không được vứt bỏ các loại dầu mỡ đã qua sử dụng trên mặt đất, vào các nguồn nước, kênh mương hoặc trong các hệ thống thoát nước.
- Tất cả các sản phẩm dầu mỡ thu gom được phải được xử lý theo các quy định/hướng dẫn tiêu chuẩn về môi trường. Việc lưu trữ nhiên liệu và các khu vực tiếp nhiên liệu phải được đặt xa ít nhất 100m từ tất cả các công trình thoát nước ngang và nguồn nước quan trọng hoặc theo chỉ dẫn của PEO.

## **Cắt bỏ và khôi phục thảm thực vật**

### *Chặt bỏ cây cối ở khu vực công trường*

- Những cây lớn hoặc quan trọng ở khu vực lán trại hoặc đường vận chuyển cần được bảo vệ.
- Việc sử dụng hóa chất để trừ diệt các thảm thực vật cần được hạn chế tối đa. Các hóa chất cần được lựa chọn sử dụng với khối lượng đảm bảo để không còn dư lại hoặc không có tác dụng phụ đáng kể đối với sức khỏe con người.
- Thuốc diệt cỏ sử dụng trong dự án phải được chứng minh là có hiệu quả chống lại các loài cỏ dại được xác định, có ít tác động nhất đến môi trường tự nhiên, và được chứng minh là an toàn cho người dân và vật nuôi ở khu vực được sử dụng, cũng như cho những người sử dụng chúng.
- Thiết kế đường giao thông, bao gồm đường vận chuyển tạm thời và lâu dài phải tránh các khu vực đã trồng cây.

### *Cảnh quan, tác động trực quan*

- Việc thi công cần được lên kế hoạch theo trình tự như vậy thì quy mô của các họa động vận chuyển đất và các diện tích phơi lộ sẽ được giảm thiểu;
- Các thiết bị và công trình cần được bố trí theo hướng địa hình và địa lí tự nhiên của khu vực dự án;
- Khôi phục các khu vực bị dọn dẹp, phát quang như khu mỏ đất đắp không còn sử dụng, khu vực bãi thải, xây dựng đường giao thông, khu vực lán trại xây dựng, các kho dự trữ, khu vực văn phòng điều hành và khu vực bị thu hồi tạm thời trong thời gian xây dựng bằng cách thiết lập cảnh quan, hệ thống thoát nước đầy đủ, tái trồng thảm thực vật.
- Các cây và thực vật hiện có trong hành lang xây dựng được đánh dấu để xác định các cây phải được giữ lại hoặc các cây bị chặt bỏ. Chặt bỏ cây hiện có bị ảnh hưởng bởi các công trình dự án được thực hiện trước khi khởi công xây dựng.
- Việc đào đất có thể làm hư hại bộ rễ cây. Các biện pháp giảm thiểu cần được thực hiện để tránh những tổn tại tới thân và cành cây.
- Đánh dấu bằng cả màu sắc và hình ảnh sẽ dễ gây ấn tượng trực quan hơn.
- Sau khi hoàn thành việc xây dựng, các khu vực bị ảnh hưởng phải ngay lập tức được khôi phục lại tình trạng ban đầu, bao gồm cả tái thiết các lối mòn và tái lập thảm thực vật bị xáo trộn.
- Tại khu vực cảnh quan nhạy cảm, việc thi công có thể được sắp xếp để thực hiện vào thời gian thấp điểm của mùa du lịch.
- Các xe tải công trường có thể hoạt động vào ban đêm và cần được giữ sạch và che phủ khi vận chuyển vật liệu rời.
- Nếu các công trường thi công nằm gần những khu vực thăm quan, du lịch, cần lập hàng rào bao quanh.
- Không dựng các lán trại công nhân ở khu vực có địa điểm thăm quan, du lịch.
- Nghiêm cấm việc đổ thải tùy tiện ở những khu vực có địa điểm thăm quan, du lịch;
- Tất cả các trạm trộn bê tông không được đặt gần các công sông, các địa điểm thăm quan du lịch. Bãi thải cần được bố trí ở những khu vực kín, bên ngoài các địa điểm thăm quan du lịch.
- Sử dụng các tuyến đường hiện hữu làm đường tiếp cận để giảm thiểu yêu cầu chuẩn bị những tuyến đường tạm mới dẫn đến việc ảnh hưởng xấu tới địa hình và thực vật hiện có.
- Cần khôi phục lại trạng thái sử dụng đất cho hoạt động nông nghiệp trước khi thực



hiện các hoạt động xây dựng để cho phép các hoạt động nông nghiệp tương tự có thể tiếp tục.

- Mái dốc và khu vực đổ thải cần được trồng cây che phủ chống xói mòn;
- Lớp đất mặt được bóc tách từ các khu vực công trường sẽ được sử dụng cho các công trình cảnh quan, và
- Các kênh thoát nước trước đó được tạm thời chuyển hướng bởi các hoạt động xây dựng, sẽ được khôi phục.

#### *Khôi phục khu công trường*

- Sau khi hoàn tất công việc xây dựng, tất cả các lán trại xây dựng phải được tháo dỡ và di chuyển khỏi khu vực và toàn bộ khu công trường sẽ được phục hồi như tình trạng tương tự trước khi bắt đầu xây dựng công trình, hoặc tình trạng như được thỏa thuận với chính quyền địa phương và cộng đồng.
- Các hoạt động khắc phục không thể thực hiện hiệu quả trong quá trình xây dựng sẽ được thực hiện khi hoàn thành việc nâng cấp các công trình (và trước khi nghiệm thu các công trình hoàn thành).
- Các hoạt động khác nhau sau đây được thực hiện để phục hồi công trường:
- Khu vực lán trại xây dựng sẽ được trồng cỏ và cây để thay thế các cây và thảm thực vật bị chặt bỏ trước đó.
- Tất cả các khu vực bị ảnh hưởng phải được tái tạo lại cảnh quan và cần phải tiến hành không chậm trễ bất kỳ các công tác khắc phục hậu quả nào, trong đó có trồng cỏ và trồng rừng.
- Phải dọn dẹp hết các mảnh vụn từ vật liệu xây dựng và khơi thông các dòng nước, các cống.
- Cần dọn dẹp sạch các mảnh vụn và tất cả các vật liệu thừa rơi vãi trên công trường.
- Cần khôi phục lại cảnh quan mở đất đắp.
- Đất bị ô nhiễm do dầu, mỡ cần được dọn, chuyển đi và chôn lấp ở các bãi đổ thải.
- Cây được trồng để tái tạo cảnh quan sẽ được bàn giao lại cho cộng đồng hoặc cho chủ sở hữu mảnh đất để chăm sóc và tưới bón;
- Các hố và bể tự hoại được lấp kín.

#### *An toàn trong khi thi công*

Trách nhiệm của nhà thầu bao gồm bảo vệ các cá nhân và tài sản gần đó tránh các tai nạn xây dựng. Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ tất cả các yêu cầu an toàn của quốc gia và địa phương và các biện pháp cần thiết khác để tránh tai nạn, bao gồm những nội dung sau đây:

- Các vấn đề chi tiết liên quan với tốc độ tối đa cho phép trên các tuyến đường.
- Thiết lập khoảng cách tầm nhìn an toàn trong cả khu vực xây dựng và lán trại xây dựng;
- Đặt các biển báo xung quanh các khu vực xây dựng để tạo điều kiện giao thông diễn ra thuận lợi, cung cấp chỉ dẫn tới các hạng mục công trình khác nhau, và cung cấp các cảnh báo an toàn.
- Ước tính lưu lượng giao thông lớn nhất (số lượng xe/giờ).
- Sử dụng lựa chọn các tuyến đường đến khu công trường dự án, có sự đồng thuận với các PEO, các xe được phép đi lại trên tuyến phải có kích thước phù hợp với cấp đường giao thông trong khu vực, và hạn chế tải trọng để tránh các hư hỏng gây ra cho các con đường và cây cầu của địa phương được sử dụng cho mục đích vận chuyển.
- Chịu trách nhiệm cho tất cả các thiệt hại gây ra đối với tuyến đường của địa phương do việc vận chuyển các vật liệu siêu trọng. Các nhà thầu sẽ được yêu cầu sửa chữa các hư hại được đồng ý bởi PEO.
- Không sử dụng các phương tiện phát sinh nhiều khí thải hoặc tiếng ồn. Các thiết bị cơ

giới nếu có thể đều cần được lắp bộ phận giảm thanh và bảo dưỡng thường xuyên, dưới sự kiểm soát của nhà thầu.

- Duy trì các biện pháp kiểm soát giao thông trong suốt thời gian của hợp đồng và các biện pháp đó phải được sự chấp thuận của PEO.
- Đánh dấu tuyến đường an toàn cho người đi bộ cẩn thận và rõ ràng.
- Nếu trường học ở vùng lân cận, cần chú ý đến an toàn giao thông cho cá nhân trong những giờ cao điểm tan học;
- Thiết lập hệ thống biển báo bao gồm vạch sơn, chỉ dẫn, kí hiệu, hàng rào bảo vệ để đảm bảo an toàn cho người đi bộ trong quá trình xây dựng.
- Tiến hành tập huấn an toàn cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu công việc.
- Cung cấp các thiết bị cá nhân và quần áo bảo hộ (kính bảo hộ, găng tay, mặt nạ, mặt nạ bụi, mũ, giày đế thép, vv) cho các công nhân xây dựng và yêu cầu sử dụng chúng.
- Cung cấp các biển báo ghi chú thông tin an toàn tại những nơi có sử dụng hoá chất.
- Yêu cầu tất cả cán bộ đọc, hoặc được phổ biến các thông tin dữ liệu an toàn khi sử dụng hóa chất. Giải thích rõ ràng những rủi ro cho họ và các đối tác của họ, đặc biệt là khi mang thai hoặc có kế hoạch để xây dựng gia đình. Khuyến khích công nhân chia sẻ thông tin với bác sĩ của họ, khi có liên quan.
- Đảm bảo rằng việc loại bỏ các vật liệu có chứa các chất độc hại khác được thực hiện và được xử lý bởi các công nhân được đào tạo đặc biệt.
- Trong điều kiện mưa lớn hoặc trường hợp khẩn cấp phải đình chỉ tất cả các công việc;
- Cất giữ các thiết bị điện và cơ khí để chịu được các sự kiện địa chấn trong quá trình xây dựng.

#### *Tập huấn về môi trường cho các công nhân công trường*

Trong quá trình thi công có thể xảy ra những nguy cơ công nhân ở làm ảnh hưởng tới những khu vực được bảo vệ và nguồn nước gần với khu vực lán trại và khu vực công trường. Nhà thầu cần thực hiện kế hoạch tập huấn về môi trường cho tất cả các công nhân thi công. Kế hoạch sẽ giải quyết các vấn đề sau đây:

- Tất cả các công nhân của nhà thầu được yêu cầu phải thực hiện theo các thủ tục bảo vệ môi trường và họ sẽ được cấp chứng nhận đã tham gia buổi tập huấn chi tiết trong kế hoạch.
- Kế hoạch sẽ đào tạo cho tất cả các công nhân xây dựng về các vấn đề sau đây, nhưng không giới hạn đối với họ: ứng phó sự cố cháy nổ, quy định giao thông, khai thác gỗ bất hợp pháp và thu lâm sản ngoài gỗ, không làm xáo trộn các cộng đồng tái định cư, hạn chế săn bắn và đánh bắt cá, quản lý chất thải, chống xói mòn, các vấn đề sức khỏe và an toàn, tất cả các hoạt động bị cấm, quy tắc ứng xử được yêu cầu, thủ tục xử lý kỷ luật, và thông tin tổng hợp về môi trường nơi họ sẽ được làm việc và sinh hoạt;
- Thiết lập và thực thi các hình phạt đối với những người vi phạm các quy tắc; và
- Đề xuất thực hiện chương trình tập huấn trong đó cần bao gồm các tiết học bắt buộc, tranh ảnh, thông tin, các biển báo ở công trường và ở khu lán trại.

## Phụ lục A5 – QUẢN LÝ SÂU HẠI TỔNG HỢP (IPM)

### 1. Mục tiêu

#### *a, Mục tiêu chung*

Tăng cường bảo vệ thực vật tại địa phương, giảm sử dụng thuốc trừ sâu trên các cánh đồng, nâng cao hiệu quả công tác phòng, quản lý thuốc trừ sâu tốt và quá trình sử dụng thuốc trừ sâu để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm thuốc trừ sâu đối với môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người

#### *b, Mục tiêu cụ thể*

- Hỗ trợ Chi Cục Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trong việc tăng cường quản lý dịch hại và quản lý thuốc trừ sâu phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và các điều ước quốc tế có liên quan mà Chính phủ đã phê duyệt.
- Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm thông qua việc tăng cường vai trò của các loài thiên địch; giảm dư lượng thuốc trừ sâu để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí).
- Nâng cao kiến thức cho nông dân: phân biệt các loài gây hại lớn, vừa; xác định các loài thiên địch và vai trò của chúng trên đồng ruộng, hiểu rõ tác dụng hai mặt của thuốc trừ sâu, giá trị sử dụng, biết làm thế nào để khảo sát kiểm soát dịch hại và ngưỡng sử dụng; hiểu và áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch hại trong IPM để tăng thu nhập cho nông dân.

### 2 Các nguyên tắc cơ bản trong khung IPM

Các nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng cho tiểu dự án ở Tuyên Quang, nơi sẽ tăng việc sử dụng thuốc BVTV và phân bón lên trên diện tích 354ha đất canh tác:

- a. “Danh sách cấm”: Khi xác định trong các tiêu chí sàng lọc ở Khung Quản lý Môi trường – xã hội (ESMF), Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua thuốc trừ sâu với số lượng lớn. Tuy nhiên, nếu xảy ra dịch hại phá hoại nghiêm trọng trong khu vực, Dự án sẽ hỗ trợ để mua số lượng nhỏ thuốc trừ sâu; Việc mua bán, loại thuốc trừ sâu, lưu trữ và vận chuyển sẽ được tuân theo quy định của chính phủ. Và không có sự phản đối của Ngân hàng thì việc mua thuốc trừ sâu có thể thực hiện.
- b. Chương trình IPM và hỗ trợ dự án: Tất cả các lợi ích của tiểu dự án từ việc xây dựng trạm bơm tiêu nước, sửa chữa nâng cấp các trạm bơm tưới nội đồng, xây kênh tưới nội đồng được hỗ trợ bởi dự án và thực hiện chương trình IPM là một phần của EMP cho các tiểu dự án. Dự án hỗ trợ sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật (tư vấn), thiết bị an toàn, vật liệu cần thiết để thực hiện các lựa chọn không hóa chất, và ưu tiên hỗ trợ cho các dịch vụ khuyến nông, bao gồm cả chi phí vận hành gia tăng. Chương trình IMP sẽ là một chương trình độc lập, và yêu cầu lập kế hoạch thực hiện chi tiết bao gồm nội dung và kinh phí thực hiện. Kế hoạch chi tiết công việc sẽ được hoàn thiện thông qua tham vấn chặt chẽ với nông dân, chính quyền địa phương, cơ quan bảo vệ thực vật.
- c. Dự án sẽ áp dụng chương trình IPM như một phương pháp để giảm thiểu tác động tiêu

cực tiềm tàng trong việc gia tăng sử dụng phân bón và hoá chất. Tuy nhiên, việc nâng cao kiến thức, kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hoá chất đều thông qua các chuyên khảo sát nghiên cứu và các lớp đào tạo trong công việc về việc lựa chọn an toàn và sử dụng hoá chất cũng như lựa chọn không hoá chất, đặc biệt là việc sử dụng rơm rạ, chất thải hữu cơ, các kỹ thuật khác, đang được điều tra và/ hoặc áp dụng tại Việt Nam. Cũng có rất nhiều người đã ứng dụng chương trình IPM theo cách khác nhau, Dự án sẽ áp dụng phương pháp IPM và có hướng dẫn kỹ thuật quy định chi tiết.

- d. Chương trình IPM của tiểu dự án có thể được thiết lập để hỗ trợ thực hiện các chính sách của Chính phủ với mục tiêu cần tập trung vào việc giảm sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.
- e. Trong điều kiện bình thường, nếu sử dụng thuốc trừ sâu được xem là một lựa chọn cần thiết thì chỉ có những loại thuốc đã được đăng ký với chính phủ và được Quốc tế công nhận mới được sử dụng và các dự án cũng sẽ cung cấp thông tin kỹ thuật và kinh tế cho nhu cầu sử dụng đối với hóa chất. Cần xem xét các lựa chọn trong việc quản lý hoá chất không gây hại mà cũng có thể làm giảm sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp sẽ được đưa vào thiết kế của dự án để giảm bớt rủi ro liên quan đến việc xử lý và sử dụng thuốc trừ sâu đến mức độ có thể cho phép và được quản lý bởi người sử dụng.
- f. Việc lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu và hoạt động khác sẽ được thực hiện chặt chẽ với các cơ quan chức năng, thẩm quyền và các bên liên quan, bao gồm cả các nhà cung cấp hóa chất, để tạo điều kiện cho phối hợp và hiểu biết lẫn nhau.

### 3. Phương pháp tiếp cận

Tập trung hơn vào những rủi ro của việc lạm dụng và sử dụng các sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật. Các cây trồng sẽ được sử dụng nhiều hóa chất gồm lúa, rau màu, chè vv các loại cây này có xu hướng được phun nhiều thuốc trừ sâu.

Tập trung vào giáo dục cộng đồng, khảo sát ban đầu sẽ được đưa vào các nhiệm vụ với mục đích làm rõ các nguyên nhân ban đầu của tình trạng lạm dụng và sử dụng quá nhiều sản phẩm bảo vệ thực vật và các rủi ro liên quan. Hỗ trợ xây dựng năng lực của giảng viên IPM. Chương trình hiện tại sẽ cần phải được xem xét và bổ sung các nội dung mới liên quan đến việc giảm nguy cơ của các sản phẩm bảo vệ thực vật. Các chương trình đào tạo sẽ được đa dạng hóa với sự tích hợp của nhiều nội dung như hệ thống thâm canh lúa (SRI), làm đất tối thiểu (làm đất tối thiểu), hoạt động đào tạo cộng đồng sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học thay thế các hóa chất bảo vệ thực vật, các ứng dụng sẽ được thực hiện nhân rộng trong các mô hình.

Để thực hiện các mục tiêu cần thực hiện các bước sau:

- Bước 0: Thuê chuyên gia tư vấn: Một nhóm chuyên gia tư vấn (tư vấn IPM) sẽ được thuê để giúp ban QLDA trong việc thực hiện các chương trình IPM bao gồm cả việc đảm bảo kết quả và hợp tác giữa các cơ quan, người nông dân, và các bên liên quan. Nhiệm vụ cho các nhà tư vấn sẽ được thực hiện ở giai đoạn đầu của việc thực hiện dự

án.

- Bước 1: Thiết lập yêu cầu cơ bản và đăng ký chương trình của nông dân. Bước này nên được thực hiện càng sớm càng tốt với bảng câu hỏi phù hợp để xác lập cơ sở 2013 cho việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong các khu vực dự án. Tư vấn với các cơ quan chủ chốt về việc tiến hành đào tạo, đăng ký tham gia chương trình của nông dân.
- Bước 2: Thiết lập mục tiêu chương trình và chuẩn bị kế hoạch làm việc. Dựa trên kết quả từ các câu hỏi và tham khảo ý kiến ở Bước 1, kế hoạch công tác và lịch trình sẽ được chuẩn bị, bao gồm cả ngân sách và các đối tượng thực hiện. Kế hoạch làm việc sẽ được trình lên Ban QLDA phê duyệt và WB để xem xét và nhận xét.
- Bước 3: Thực hiện và đánh giá hàng năm. Sau khi phê duyệt kế hoạch công tác, các hoạt động sẽ được thực hiện. Tiến độ thực hiện sẽ được đưa vào báo cáo tiến độ dự án. Một báo cáo đánh giá hàng năm sẽ được thực hiện bởi Ban QLDA và Chi cục bảo vệ thực vật.
- Bước 4: Đánh giá tác động. Một chuyên gia tư vấn độc lập sẽ được thuê để thực hiện việc đánh giá tác động. Điều này là để đánh giá hoạt động của dự án và đưa ra các bài học kinh nghiệm. Ban QLDA sẽ thuê một nhà tư vấn trong nước để thực hiện đánh giá tác động của chương trình IPM

#### 4. Các nội dung thực hiện

##### *(i) Tập hợp thông tin và lựa chọn giải pháp*

Trước khi triển khai chương trình IPM, tư vấn phải có những điều tra ban đầu để có những thông tin cần thiết như:

- Điều tra thu thập số liệu về: cây trồng chủ lực có ý nghĩa kinh tế tại vùng thực hiện dự án: giống, mùa vụ, đặc điểm sinh trưởng, kỹ thuật canh tác,
- Điều tra thu thập số liệu về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, thời tiết khí hậu ở địa phương
- Điều tra tình hình sâu bệnh hại chính, quy luật phát sinh gây hại, thiệt hại kinh tế của chúng gây ra trên cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
- Điều tra thành phần, vai trò của ký sinh thiên địch của sâu hại trên loại cây trồng chính tại các vùng thực hiện dự án
- Điều tra tình hình thực tế các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, sử dụng thuốc BVTV và hiệu quả của chúng tại địa phương
- Điều tra điều kiện kinh tế xã hội: thu nhập, hiểu biết về kỹ thuật, tập quán...

Trên cơ sở các kết quả điều tra, đánh giá tiến hành đề xuất các biện pháp IPM sẽ áp dụng trên các đối tượng cây trồng cụ thể tại các vùng, địa phương thực hiện dự án trên thông qua các biện pháp:

- Biện pháp canh tác: Làm đất, vệ sinh đồng ruộng; luân canh, xen canh; thời vụ thích hợp; gieo, trồng mật độ hợp lý; sử dụng phân bón hợp lý; các biện pháp chăm sóc phù hợp
- Sử dụng giống : các giống truyền thống và các giống đề xuất sử dụng
- Các biện pháp sinh học: lợi dụng thiên địch sẵn có trên đồng ruộng, sử dụng chế phẩm sinh học...

- Xác định mức gây hại và ngưỡng phòng trừ
- Biện pháp hóa học: sử dụng thuốc an toàn với thiên địch; theo ngưỡng kinh tế; sử dụng thuốc 4 đúng.

**(ii) Xây dựng các mô hình IPM**

Phần này sẽ được thực hiện bởi Cục trồng trọt, dựa trên tính chất đất, khí hậu, trình độ canh tác, Cục trồng trọt sẽ đề xuất ở các TDA một khu mẫu để phát triển nông nghiệp hiệu quả cao với những cây trồng chính. Các hoạt động IPM ở khu mẫu sẽ được phục vụ cho thăm quan và hướng dẫn thực hành.

Một số nội dung chủ yếu khi xây dựng các khu mẫu thí điểm IPM như sau:

- Xây dựng các mô hình trình diễn áp dụng các biện pháp IPM đề xuất ở trên.
- Xây dựng mô hình tham gia của người dân với sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.
- Trong các mô hình, cần phải xây dựng nông dân hạt nhân, lãnh đạo nhóm.
- Ngoài hỗ trợ kỹ thuật cần có tài liệu hỗ trợ, cho các hộ tham gia mô hình trình diễn.
- Biên dịch tài liệu hướng dẫn IPM cho cây trồng chính: lúa, rau ...
- Quy mô của mô hình: tùy thuộc vào loại cây trồng, điều kiện kinh tế cụ thể, các mô hình đã được xây dựng với quy mô khác nhau: 5-10 ha / mô hình.

**(iii) Huấn luyện và đào tạo cho cán bộ IPM**

Đào tạo cho người đi đào tạo (TOT-Training of trainers) và Các lớp học đồng ruộng (FFS):

- Mỗi tiểu dự án sẽ tổ chức hội thảo đào tạo các cán bộ IPM. Các nội dung đào tạo bao gồm:
  - Phân biệt các loại sâu bệnh hại chủ yếu và thứ yếu;
  - Nhận biết các loài thiên địch của sâu, bệnh hại trên đồng ruộng;
  - Phương pháp điều tra phát hiện sâu, bệnh hại;
  - Hiểu rõ tác động 2 mặt của thuốc BVTV, cách sử dụng hợp lý thuốc BVTV;
  - Các kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh theo những nguyên tắc IPM;
  - Kỹ thuật canh tác tiến bộ
- Sự hiểu biết phải bao gồm cả đào tạo lý thuyết và ứng dụng thực tế trên đồng ruộng. Các nội dung đào tạo trên có thể được thực hiện theo các nhóm chuyên đề: chuyên đề nông nghiệp, chuyên đề phương pháp xác định và phát hiện sâu hại và thiên địch của chúng, các chuyên đề về kỹ thuật IPM trong sản xuất.
- Đối tượng đào tạo: Cán bộ kỹ thuật của Sở Nông nghiệp, Chi cục bảo vệ thực vật, khuyến nông của huyện, xã và hợp tác xã. Những học viên này sẽ đào tạo cho nông dân trong vùng dự án, triển khai thực hiện các mô hình.
- Quy mô của mỗi lớp là 20-30 học viên, tổ chức tại mỗi huyện. Thời gian học tập trong từng giai đoạn. Theo các buổi tập huấn chuyên đề, mỗi khóa có thể kéo dài 3-5 ngày gồm cả lý thuyết và thực hành.
- Giảng viên: thuê chuyên gia từ viện nghiên cứu/Trung tâm Khuyến nông/ trường Đại học.

***(iv) Tập huấn cho nông dân***

Tập huấn cho nông dân theo phương pháp FFS:

- Phương pháp: Huấn luyện lý thuyết và dựa vào thực tế đồng ruộng của nông dân và mô hình mẫu ruộng trình diễn;
- Nội dung như đối với cán bộ IPM;
- Đối tượng tham gia: nông dân tham gia dự án, nông dân trực tiếp thực hiện các mô hình và nông dân bên ngoài nếu có quan tâm;
- Quy mô lớp học: mỗi lớp học từ 40-45 học viên, tổ chức lớp học theo từng xã. Thời gian 2 ngày.
- Giảng viên: các cán bộ đã tham dự lớp TOT giảng dạy

***(v) Tổ chức đánh giá và tham quan đầu bờ***

Tiến hành tổ chức tham quan hội nghị đầu bờ, các nông dân thực hiện mô hình trình diễn là các báo cáo viên. Các nông dân trực tiếp thực hiện mô hình cùng với các đại biểu, nông dân tham quan sẽ tính toán, so sánh hiệu quả kinh tế, rút ra bài học kinh nghiệm, những hạn chế cần khắc phục, những việc đã làm được, chưa làm được cần khắc phục

***(vi) Hội thảo khoa học, đánh giá kết quả, trao đổi kinh nghiệm***

Mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan tham gia đánh giá, phân tích đánh giá bổ xung, hoàn thiện quy trình; các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan khuyến nông tuyên truyền, chuyển giao mở rộng các kết quả, các tiến bộ kỹ thuật tới các hộ nông dân, các vùng sản xuất có điều kiện tương tự

**5. Các kết quả dự kiến và các hoạt động của dự án**

Dự án dự kiến sẽ đạt được kết quả như sau:

- Các nguy cơ về an toàn thực phẩm và môi trường được giảm thiểu thông qua việc thực hiện các quy định hiện hành về quản lý kinh doanh và sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật và các quy định khác trong chính sách quốc gia và việc thực hiện các chính sách.
- Năng lực của cán bộ UBND huyện Yên Sơn, giảng viên nông dân được tăng cường, các cuộc họp, trao đổi, đào tạo tập huấn IPM và vận động thực hành IPM được duy trì.
- Hỗ trợ cho các nhóm nông dân sau khi học xong IPM tiếp tục thử nghiệm để xác định các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng có hiệu quả hơn trong sản xuất và phổ biến trong cộng đồng.
- Hỗ trợ cho các địa phương tăng cường quản lý thuốc trừ sâu bao gồm cả việc thực hiện và áp dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật kiểm soát pháp luật. Xây dựng và phân phối của các sản phẩm bảo vệ thực vật được hạn chế trong danh sách cụ thể được đề xuất sử dụng cho sản xuất lúa và rau an toàn.

**6- Thực hiện các chương trình IPM**

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện chương trình IPM quốc gia, vì vậy các tiểu dự án đòi hỏi kế hoạch phối hợp và lồng ghép các chương trình IPM của dự án với các chương trình quốc gia IPM để thực hiện có hiệu quả hơn trong mỗi tiểu dự án.

- Tuyên Quang PPMU:
  - Xây dựng và thực hiện chương trình IPM.

- Chịu trách nhiệm cho việc chuẩn bị các báo cáo định kỳ về việc thực hiện và trình CPO, WB. Kế hoạch cuối cùng và kinh phí sẽ được hoàn thành và thảo luận với CPO. Tất cả các tài liệu sẽ được lưu trữ trong các tập tin dự án.
- Chi cục Bảo vệ thực vật Tuyên Quang:
  - Cung cấp các chính sách và hướng dẫn kỹ thuật cho việc thực hiện các chương trình IPM.
  - Tham gia xây dựng mô hình IPM.
  - Tham gia huấn luyện và đào tạo cán bộ IPM.
- Trạm Bảo vệ thực vật Tiền Lương
  - Phối hợp với các cán bộ IPM để thực hiện huấn luyện và đào tạo những nông dân thực hiện IPM thông qua cách tiếp cận và cung cấp kiến thức, hỗ trợ cho nông dân về sử dụng an toàn thuốc trừ sâu khi cần thiết.
  - Hướng dẫn danh sách các loại thuốc trừ sâu bị cấm
  - Kiểm tra các cơ sở phân phối cung cấp các loại thuốc trừ sâu để đảm bảo việc cung cấp các loại thuốc trừ sâu an toàn cho nông dân
- Ủy ban nhân dân xã Trung Môn: Duy trì cho nông dân thói quen áp dụng IPM thông qua việc tổ chức khóa học đào tạo do câu lạc bộ hoặc nhóm nông dân IMP thực hiện với các cấp độ khác nhau về quy mô tổ chức và cơ cấu cùng với nhiều hoạt động (bao gồm lồng ghép các nội dung về chăn nuôi, tín dụng, tiếp cận thị trường, vv,..)
- Các hộ dân trong vùng dự án: Thực hiện chương trình IPM đã được đào tạo. Các thành viên của câu lạc bộ IPM hỗ trợ nhau để phát triển các hoạt động nông nghiệp. Họ cũng đóng vai trò trung tâm trong nhiệm vụ tổ chức chương trình IPM cộng đồng cũng như quy hoạch nông nghiệp chung của xã và huyện.
- Tư vấn Giám sát an toàn môi trường: Giám sát việc thực hiện các chương trình IPM của tiểu dự án; Hướng dẫn PMU địa phương trong việc thực hiện; Đề nghị các biện pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình IPM của tiểu dự án.

## 7- Kinh phí thực hiện chương trình IPM

Dự toán kinh phí thực hiện chương trình IPM của các tiểu dự án bao gồm các loại sau:

- Kinh phí tập huấn và đào tạo cán bộ IPM: Được tính cho các lớp học được tổ chức tại mỗi huyện = đơn giá x số huyện của từng tiểu dự án.
- Kinh phí tập huấn và đào tạo nông dân: Được tính cho việc tổ chức các lớp học trong mỗi xã = đơn giá x số xã trong từng tiểu dự án.
- Kinh phí tổ chức đánh giá và hội thảo đầu bờ tại các mô hình trình diễn và mô hình cánh đồng của nông dân áp dụng IPM. Mỗi quận, huyện tổ chức hội thảo đầu bờ trong 1 ngày.
- Hội thảo khoa học, kết quả đánh giá, thông tin và trao đổi kinh nghiệm, mở rộng mô hình. Mỗi huyện đã tổ chức một hội nghị khoa học.



## PHỤ LỤC B – XÃ HỘI

### Phụ lục B1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Mục đích của việc đánh giá xã hội (SA), được thực hiện đồng thời với đánh giá môi trường của TDA, với hai mục tiêu. Thứ nhất, xem xét các tác động tiềm năng của các tiểu dự án tích cực và tiêu cực trên cơ sở kế hoạch triển khai các hoạt động của dự án. Thứ hai, tìm kiếm từ việc thiết kế các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng và đề xuất các hoạt động phát triển cộng đồng có liên quan đến các mục tiêu phát triển của dự án. Việc xác định các tác động bất cực là không thể tránh được, tham vấn với người dân địa phương, các cơ quan chính phủ, các bên liên quan dự án, v.v, sẽ được thực hiện để đảm bảo người dân bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường và hỗ trợ một cách thỏa đáng và kịp thời để ít nhất các hoạt động kinh tế-xã hội của họ phục hồi về mức trước khi có dự án, và về lâu dài đảm bảo cuộc sống của họ sẽ không bị xấu đi, được coi như một kết quả của các tiểu dự án.

Một phần của đánh giá xã hội, là các dân tộc thiểu số (DTTS) dân tộc đang sống trong khu vực tiểu dự án - được đánh giá và khẳng định sự có mặt của họ trong khu vực tiểu dự án thông qua sàng lọc về người dân tộc thiểu số (EM) (theo Ngân hàng OP 4.10), tham vấn với họ một cách tự do, được thông báo trước, thông tin theo cách thức phù hợp, để xác định rằng nếu cần hỗ trợ cho cộng đồng người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng tại địa phương khi thực hiện tiểu dự án. Sàng lọc EM được tiến hành theo hướng dẫn OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới, và đã được thực hiện trong phạm vi và khu vực các đánh giá xã hội tương ứng với phạm vi đánh giá môi trường (theo OP 4.01). Một phân tích về giới cũng được thực hiện như một phần của SA để mô tả về các được điểm về Giới trong khu vực tiểu dự án (từ góc độ tác động của dự án) để cho phép lồng ghép vấn đề giới để thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao hơn nữa hiệu quả phát triển của các tiểu dự án, và toàn bộ dự án. Tùy thuộc vào độ lớn của các tác động tiềm năng của dự án đã được nhận diện, và mục tiêu phát triển dự án, kế hoạch kế hoạch hành động về giới và giám sát giám sát kế hoạch hành động giới đã được chuẩn bị (hãy xem các kế hoạch trong Phụ lục B4 của ESIA này).

Để đảm bảo tất cả các tác động tiềm năng có thể được xác định trong quá trình chuẩn bị dự án, các SA đã được tiến hành thông qua hàng loạt các cuộc tham vấn với các bên khác nhau liên quan dự án. Một phần quan trọng được quan tâm là cấp hộ gia đình, những người BAH tiềm năng bởi dự án (cả tích cực và tiêu cực). Các kỹ thuật đánh giá được thực hiện để lập SA này bao gồm 1) xem xét các dữ liệu thứ cấp, 2) quan sát thực địa; 3) các cuộc thảo luận nhóm tập trung/họp cộng đồng (29 hộ), 4) phỏng vấn sâu, và 5) khảo sát các hộ gia đình (311 hộ).

Tổng cộng 340 người đã tham gia trả lời để đánh giá tác động xã hội cho tiểu dự án này, trong đó có 311 người tham gia cuộc khảo sát hộ gia đình (định lượng), và 29 người tham gia vào các nhóm thảo luận nhóm tập trung, các cuộc họp cộng đồng, phỏng vấn sâu (chất lượng).

Trong mục 5, chúng tôi sẽ trình bày những phát hiện của SA (tác động tích cực và tiêu cực), bao gồm cả các kết quả của các phân tích giới. Trong phần 4, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề về những kết quả SA, cùng với các khuyến nghị trên cơ sở những kết quả SA. Xin lưu ý rằng một kế hoạch hành động về giới và kế hoạch giám sát kế hoạch hành động

giới được trình bày tại Phụ lục B4 của ESIA này), và các kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng và Chiến lược tham vấn cộng đồng và truyền thông cũng đã được trình bày tại Phụ lục B2 và B3, tương ứng).

## **Phụ lục B2: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG**

### **1. Sự cần thiết của kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng**

Các hoạt động của tiểu dự án sẽ tạo ra tác động đến chất lượng môi trường xung quanh: không khí, nước và môi trường đất, ngoài ra nó có thể phát sinh các loại bệnh. Tất cả những yếu tố này sẽ ảnh hưởng trực tiếp 30 công nhân, toàn bộ dân xung quanh khu vực dự án và các hộ dân dọc theo tuyến đường vận chuyển. Hậu quả của những tác động dẫn đến tăng tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các bệnh liên quan đến hệ thống hô hấp, mắt và đường ruột.

Các hộ gia đình sinh sống dọc theo các tuyến đường giao thông và 30 công nhân làm việc trên công trường sẽ trực tiếp liên hệ với các nguồn ô nhiễm và bệnh tật từ các hoạt động của tiểu dự án mặc dù đã có các biện pháp để hạn chế ô nhiễm bụi, khí thải, nước thải, dịch bệnh. Tuy nhiên có các tác động tiềm tàng mà chúng ta không nhìn thấy ngay lập tức, vì vậy cần phải có biện pháp để phát hiện sớm bệnh và nguồn bệnh. Kế hoạch này chỉ ra các biện pháp để giảm thiểu và ngăn chặn những tác động này.

### **2. Mục tiêu**

Để kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh, nâng cao nhận thức của người dân và những người lao động để bảo vệ sức khỏe bản thân; giúp người dân tiếp cận dịch vụ y tế đầy đủ. Tổ chức kiểm tra sức khỏe thường xuyên để phát hiện bệnh sớm do tác động của tiểu dự án; để xây dựng kế hoạch điều trị cho sự cố liên quan đến bệnh tật, tai nạn lao động và giao thông.

### **3. Các biện pháp và nội dung trong kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng**

- Đào tạo và nâng cao nhận thức, ngăn chặn các tác động đối với sức khỏe;
- Tổ chức kiểm tra y tế thường xuyên cho công nhân và người dân trong khu vực tiểu dự án;
- Xây dựng kế hoạch để giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cộng đồng;
- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và điều trị các bệnh.

### **4. Vai trò và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

#### **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) / Ban Quản lý dự án (PMU):**

- Sở NN & PTNT và Ban QLDA có trách nhiệm chuẩn bị trang thiết bị về tập huấn an toàn sức khỏe cộng đồng.
- Phối hợp các cấp chính quyền gồm thôn 1, xã Trung Môn (chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, đại diện thôn) tổ chức các hoạt động tuyên truyền về an toàn sức khỏe.

#### **Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng huyện Yên Sơn**

- Đào tạo và nâng cao nhận thức cho các cấp, các nhà thầu và người dân về các biện pháp phòng ngừa và điều trị các bệnh;
- Theo dõi quá trình kiểm tra y tế;

- Chỉ đạo kịp thời khi dịch bệnh xuất hiện, giải quyết các sự cố liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

**Ủy ban nhân dân, các tổ chức xã hội**

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác an toàn sức khỏe; phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu, Sở Y tế và Trung tâm Y tế dự phòng khi dịch bệnh xuất hiện.

**Trạm y tế:** Để chuẩn bị cho kế hoạch kiểm tra y tế và hướng dẫn xử lý ô nhiễm nước, phòng chống dịch bệnh và điều trị.

**5. Lịch trình thực hiện**

Kế hoạch quản lý y tế công cộng thực hiện ở 3 giai đoạn của dự án và mở rộng thêm 6 tháng ở giai đoạn hoạt động.

**Bảng B2-1 Lịch trình thực hiện "Kế hoạch quản lý y tế công cộng"**

TT	Biện pháp	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm	Kinh phí	Thời gian
1	Đào tạo và nâng cao nhận thức, ngăn chặn các tác động đối với sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định ảnh hưởng của môi trường không khí, nước, an toàn thực phẩm.</li> <li>- Các biện pháp ngăn ngừa (sử dụng đồ bảo hộ khi bước vào khu vực bị ảnh hưởng, xử lý ô nhiễm bằng phèn và chloramine B)</li> <li>- Làm sạch khu vực hộ gia đình, nông trại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- BQL dự án (PMU)</li> <li>- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang</li> <li>- Trạm y tế xã / phường</li> <li>- Nhà thầu</li> </ul>	15.000.000 triệu	2 giai đoạn, vào đầu kỳ và giữa kỳ dự án

TT	Biện pháp	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm	Kinh phí	Thời gian
2	<p>- Tổ chức kiểm tra y tế thường xuyên cho công nhân và người dân trong khu vực tiểu dự án</p>	<p>- Kiểm tra sức khỏe của công nhân 3 tháng/lần, người dân trong các khu vực bị ảnh hưởng 6 tháng/lần</p> <p>- Các bệnh liên quan đến hệ thống hô hấp, đường ruột, mắt</p> <p>- Tham khảo ý kiến những người bị ảnh hưởng trong quá trình kiểm tra</p> <p>- Tư vấn hoặc xử lý khi phát hiện các hiện tượng bất thường liên quan đến các tác động của tiểu dự án (kịp thời thông báo cho các nhà chức trách và các đơn vị chức năng)</p>	<p>- Sở NN&amp;PTNT</p> <p>- BQL dự án (PMU)</p> <p>- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang</p> <p>- Trạm y tế xã / phường</p> <p>- Nhà thầu</p>	<p>Ngân sách huyện Yên Sơn</p>	<p>3 tháng / lần từ khi bắt đầu xây dựng</p>
3	<p>Xây dựng kế hoạch để giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cộng đồng</p>	<p>- Cán bộ y tế xã / phường theo dõi thường xuyên việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu của đơn vị thi công.</p> <p>- Điều trị tai nạn lao động và giao thông kịp thời</p> <p>- Hoàn toàn tiêm chủng trẻ em, phụ nữ mang thai</p>	<p>- Sở NN&amp;PTNT</p> <p>- BQL dự án (PMU)</p> <p>- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang</p> <p>- Trạm y tế xã / phường</p> <p>- Nhà thầu</p>	<p>Ngân sách huyện Yên Sơn</p>	<p>Liên tục trong thời gian xây dựng</p>

TT	Biện pháp	Nội dung	Cơ quan chịu trách nhiệm	Kinh phí	Thời gian
4	<p>Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và điều trị dịch bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phun thuốc diệt ruồi, muỗi trong khu vực dự án với tần suất 3 tháng / lần.</li> <li>- Khơi thông hệ thống thoát nước; sử dụng chloramine B để xử lý sơ bộ nước thải tại công trình và các hộ gia đình.</li> <li>- Khi xuất hiện dịch bệnh, cần khoanh vùng dịch bệnh, cách ly đối tượng nhiễm trùng và phun chloramine B để khử trùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- BQL dự án (PMU)</li> <li>- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang</li> <li>- Trạm y tế xã / phường</li> <li>- Nhà thầu</li> <li>- Hội Liên hiệp Phụ nữ</li> <li>- Mặt trận Tổ quốc</li> </ul>	<p>Ngân sách của tỉnh Tuyên Quang (Sở Y tế) và nhà thầu</p>	<p>Liên tục trong thời gian xây dựng (18 tháng)</p>

## **Phụ lục B3: CHIẾN LƯỢC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG, THAM GIA VÀ TRUYỀN THÔNG**

### **1) Sự cần thiết của việc xây dựng kế hoạch cộng đồng**

Tiểu Dự án Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, tỉnh Tuyên Quang gây ra các tác động: (i) tác động tích cực: đảm bảo an toàn cho các hộ dân ở hạ lưu đập, đảm bảo sự ổn định về cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 354,13 ha lúa và 6,11ha hoa màu ở những khu tưới hiện tại của ác xã Trung Môn, Kim Phú của huyện Yên Sơn và các phường Ý La, Tân Hà, Hưng Thành của thành phố Tuyên Quang; (ii) tác động tiêu cực: chiếm dụng đất của 11 hộ dân, ảnh hưởng tới kinh tế, sức khỏe cộng đồng, chất lượng giới....

Kế hoạch tham vấn cộng đồng và truyền thông được thực hiện thông qua việc thiết lập trong dự án đầu tư cho việc vận hành dự án. Việc này giúp cho cộng đồng địa phương và những người quản lý hiểu và thấy được toàn bộ tác động (tích cực, tiêu cực) nhằm cung cấp biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường tự nhiên và xã hội, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người già, phụ nữ và hệ sinh thái nhạy cảm.

Thông tin từ kế hoạch tham vấn cộng đồng và truyền thông giúp cho các nhà quản lý, lãnh đạo địa phương kiểm soát các đơn vị nhằm đưa ra các quyết định nhanh chóng hoặc thay đổi quyết định hoặc kế hoạch kịp thời trong suốt quá trình thực hiện dự án.

### **2) Đối tượng**

Công bố thông tin về dự án và cung cấp tất cả các tài liệu về kế hoạch hành động cho chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, hiệp hội và dân cư trong vùng dự án. Tham vấn cộng đồng và các tổ chức tại địa phương cho kế hoạch sẽ được thực hiện ở mỗi giai đoạn của dự án. Các phản hồi giúp cho nhà đầu tư và các cấp quản lý có thể cải tiến kế hoạch theo nhu cầu thực tế để thực hiện kế hoạch hành động.

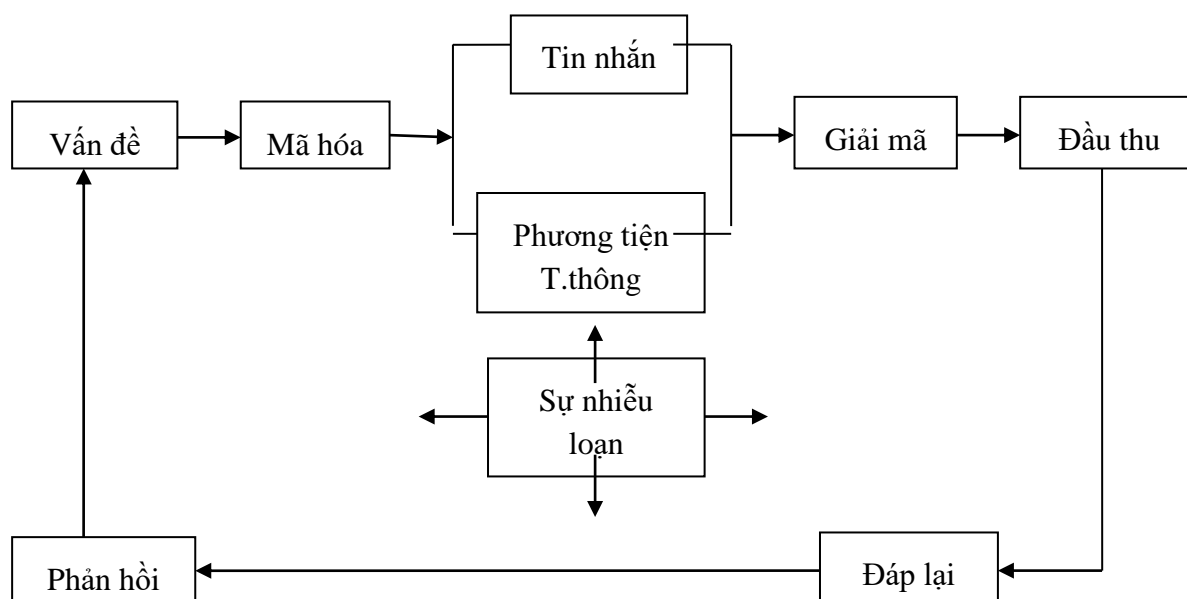
### **3) Nội dung**

- Thông tin về dự án và các chính sách về quyền lợi sẽ được phổ biến cho mọi người bởi Ban quản lý dự án (PMU)
- Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội: (i) PMU và đơn vị tư vấn cung cấp thông tin về các tác động và biện pháp giảm thiểu; (ii) tham vấn lãnh đạo và các tổ chức xã hội, hiệp hội, người dân xung quanh khu vực dự án.
- Kế hoạch hành động tái định cư: cung cấp thông tin về thu hồi đất, tái định cư, chi phí đền bù, khung thể chế và các chính sách của dự án và các điều khoản của tỉnh Tuyên Quang và chính quyền các cấp, người dân bị ảnh hưởng.
- Kế hoạch hành động giới: Cung cấp thông tin về cần bằng giới cho chính quyền địa phương, cơ quan đoàn thể xã hội, người dân xung quanh khu vực dự án.
- Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng: cung cấp thông tin về giải pháp, kế hoạch ngăn ngừa dịch bệnh, kiểm tra y tế định kỳ.

- An toàn xã hội, an toàn giao thông, tệ nạn xã hội: cung cấp thông tin về luật, giáo dục luật cho công nhân, người dân xung quanh khu vực dự án
- An toàn đập: phổ biến kế hoạch khi xảy ra sự cố an toàn đập trong quá trình xây dựng và trong mùa mưa
- Vận hành mỏ và xả lũ: cung cấp thông tin và kế hoạch chi tiết cho việc xả lũ đối với người dân xung quanh khu vực dự án và hạ lưu; xây dựng kế hoạch bảo vệ người dân, công trình ở hạ lưu đập

#### 4) Hình thức tham vấn cộng đồng, truyền thông

Để thực hiện tổ chức có hiệu quả hoạt động truyền thông cần hiểu các yếu tố cơ bản của quá trình truyền thông và quan hệ công chúng.



Sơ đồ B3-1: Các yếu tố trong quá trình truyền thông

- Tổ chức họp để công bố thông tin cho lãnh đạo địa phương, cơ quan đoàn thể, người dân trong khu vực dự án;
- Thông qua phương tiện thông tin, loa đài, bảng tin của làng và của xã;
- Phát sách mỏng, bảng hỏi tham vấn cho lãnh đạo địa phương, các cơ quan đoàn thể và người dân khu vực dự án;
- Thông qua các hoạt động của các tổ chức và câu lạc bộ;
- Đào tạo;
- Các hình thức thông tin và truyền thông khác.

#### 5) Vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang là chủ đầu tư, ban quản lý dự án tỉnh Tuyên Quang là đơn vị thực hiện dự án

##### Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn (DARD)/ ban quản lý dự án (PMU)

- DARD và PMU chịu trách nhiệm về xây dựng tài liệu về kế hoạch truyền thông và



tham vấn cộng đồng

- Chỉ đạo chính quyền các cấp ở xã Trung Môn (chính quyền địa phương, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên, đại diện thôn, xóm) tổ chức hoạt động tuyên truyền cho dự án.

**UBND, các tổ chức xã hội**

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức các hoạt động tuyên truyền và nội dung phổ biến của truyền thông, tham vấn cộng đồng.

- Chỉ đạo các cơ quan mới, các tổ chức tuyên truyền địa phương để sử dụng thời gian thích hợp cho kế hoạch phổ biến các tác động của dự án

**Ban giải phóng mặt bằng:**

- Cung cấp thông tin về thu hồi đất, tái định cư, khung thể chế và chính sách áp dụng cho chi phí bồi thường và các điều khoản của tỉnh Tuyên Quang và chính quyền các cấp, người dân bị ảnh hưởng.

**Trạm y tế:** công bố thông tin về ngăn ngừa dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ, giải pháp khi có dịch bệnh.

**6) Kế hoạch thực hiện**

Kế hoạch truyền thông và tham vấn cộng đồng tiến hành trong các giai đoạn của dự án nhằm cung cấp thông tin đầy đủ cho người dân địa phương và chính quyền các cấp.

Giám sát đánh giá: Ban QLDA thực hiện báo cáo giám sát của kế hoạch truyền thông và tham vấn cộng đồng có sự tham gia để kiểm soát nội dung thông tin, tổng hợp thông tin phản hồi từ các đơn vị tư vấn giám sát, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, đoàn thể và công dân bổ sung, sửa đổi các chính sách và các biện pháp kế hoạch quản lý cho phù hợp với mỗi giai đoạn của dự án.

**Kinh phí thực hiện**

Chi phí thực hiện kế hoạch này được tích hợp với các kế hoạch khác (nội dung truyền thông và phương pháp sẽ được mua lại và xây dựng các kế hoạch khác. Kế hoạch Quản lý Xã hội chủ trì các kế hoạch khác có liên quan đến vấn đề xã hội. Chi phí của giai đoạn này tập trung chủ yếu cho việc phát sóng và các tổ chức, chi phí dự kiến là 50.000 triệu đồng (năm mươi triệu đồng) trong 18 tháng.

## Phụ lục B4-1 KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI

Từ những phân tích trên của giới tính, một kế hoạch hành động giới là cần thiết để tạo điều kiện cho sự tham gia tối đa của phụ nữ trong giai đoạn xây dựng của dự án, cung cấp các cơ hội mới cho phụ nữ để tăng thu nhập, nhưng không làm tăng gánh nặng cuộc sống của họ, và góp phần tăng vai trò và địa vị người phụ nữ trong vùng dự án. Mục tiêu của kế hoạch này là:

- i. Các nhà thầu địa phương sẽ sử dụng ít nhất 30% lao động nữ trong việc duy trì, xây dựng và sửa chữa;
- ii. Đối với một loại tương tự của công việc, lao động nữ phải được thanh toán như lao động nam;
- iii. Các điều kiện an toàn phải bình đẳng cho cả nam giới và phụ nữ;
- iv. Các nhà thầu địa phương sẽ không sử dụng lao động trẻ em;
- v. Khuyến khích việc sử dụng lao động địa phương và tránh xây dựng các lán trại lao động;
- vi. Nhóm phụ nữ và Hội Liên hiệp phụ nữ sẽ được tư vấn trong việc thiết kế của tiểu dự án;
- vii. Đào tạo về lồng ghép giới cho các cơ quan quốc gia, tỉnh và địa phương (tức là các PMU, và các bên liên quan khác).
- viii. Đào tạo và xây dựng năng lực cho phụ nữ tham gia trong quyết định của cộng đồng và các tiểu dự án thực hiện theo một cách có ý nghĩa nhất (tức là đào tạo về sự tham gia và các kỹ năng đàm phán, kỹ năng tiếp thị và đào tạo về toán học và biết chữ;
- ix. Đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong các tour du lịch nghiên cứu dự án
- x. Các dịch vụ khuyến nông nhằm vào phụ nữ được thiết kế và chuyển giao cho phụ nữ.
- xi. Chiến dịch nâng cao nhận thức về HIV / AIDS sẽ được đưa ra trước khi bắt đầu công trình dân dụng. PMU chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo các chỉ số thực hiện kế hoạch hành động về giới, bao gồm cả sự tham gia của phụ nữ, công việc mục tiêu và đào tạo, và các chiến dịch để ngăn chặn đại dịch HIV.
- xii. Ít nhất một người phụ nữ sẽ là đại diện của xã trong Ban giám sát xã (chiếm khoảng 1/3 của các thành viên).

### Kế hoạch hành động giới của dự án

Kết quả của dự án	Công việc và chỉ số	Trách nhiệm	Thời gian
-------------------	---------------------	-------------	-----------

Kết quả của dự án	Công việc và chỉ số	Trách nhiệm	Thời gian
<p>Kết quả 1: Nâng cao an toàn đập, cải thiện điều kiện thủy lợi</p>	<p>Các nhà thầu sẽ phải ưu tiên sử dụng lao động phổ thông (Thông qua hợp đồng phụ); tối thiểu phải có 30% tổng số lao động là lao động phổ thông tại địa phương; Trong số 30% lao động địa phương, ưu tiên cho các lao động nữ chưa có tay nghề; Lao động nam và nữ sẽ nhận được tiền công lao động như nhau cho cùng một loại công việc; Các nhà thầu không được thuê lao động trẻ em; Những người dân mong muốn làm việc cho dự án sẽ ghi tên của họ vào danh sách của thôn/bản. Trưởng thôn và cán bộ xã sẽ cung cấp danh sách này cho nhà thầu, nhà thầu sẽ lựa chọn trên cơ sở ưu tiên hộ nghèo, hộ dễ bị tổn thương</p>	<p>PMU/Tư vấn điều phối dự án sẽ có trách nhiệm đảm bảo những điều khoản này sẽ được ghi trong hợp đồng; cán bộ xã sẽ trình nhà thầu danh sách những người muốn làm việc cho dự án; Các cán bộ xã có trách nhiệm đảm bảo việc đạt được mục tiêu đề ra. Hội phụ nữ xã cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng phụ nữ của xã được thuê làm dự án.</p>	<p>Trong thời gian xây dựng</p>
<p>Kết quả 2: Tăng cường năng lực cho người dân để khai thác lợi thế của tiểu dự án</p>	<p>Tối thiểu 30% phụ nữ tham gia vào các buổi học khuyến nông</p>	<p>Cán bộ Ban quản lý dự án tỉnh, Cán bộ huyện, Cán bộ xã</p>	<p>Trong thời gian xây dựng</p>
<p>Kết quả 3: Nâng cao nhận thức về các tệ nạn xã hội tiềm năng cho các đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật</p>	<p>Chương trình phòng chống HIV/AIDS và buôn bán người. Chương trình giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng Thông tin về giảm thiểu rủi ro sẽ được chuyển tới các xã, thôn BAH bởi dự án sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia với trọng tâm là các hộ nghèo và các hộ dễ bị tổn thương (ví dụ hộ gia đình có chủ hộ là nữ, hộ có người già, người tàn tật) Các tài liệu, thông tin phải phù hợp về ngôn ngữ, văn hóa và giới, đặc biệt cần phải dịch ra nhiều thứ tiếng dân tộc tùy thuộc vào từng vùng; Hội phụ nữ, đại diện trung tâm phòng chống HIV/AIDS và xã sẽ đào tạo các tuyên truyền viên cho mỗi xã/thôn trong vùng dự án. Các chương trình sẽ được thực hiện ở xã và thôn bởi hai tuyên truyền viên (trưởng thôn và 1 thành viên của hội phụ nữ). Chương trình sẽ được thực hiện tại các thôn và trong phiên chợ thông qua phân phát tài liệu dự án, tài liệu về chương trình và sử dụng loa phóng thanh</p>	<p>Hội phụ nữ tỉnh và xã có trách nhiệm tổ chức và thực hiện chương trình (đào tạo và chuẩn bị tài liệu) phối hợp với trung tâm y tế xã huyện. Hội phụ nữ thôn bản có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến thông tin. Trung tâm y tế xã, huyện sẽ có hỗ trợ hội phụ nữ xã. Tư vấn điều phối dự án sẽ cung cấp chuyên gia giới trong nước và quốc tế. Chuyên gia giới và DTTS sẽ rà soát các tài liệu hiện có, bổ sung nếu cần thiết cho chương trình</p>	<p>Hàng tháng, trước và trong khi xây dựng dự án</p>

Kết quả của dự án	Công việc và chỉ số	Trách nhiệm	Thời gian
	<p><b>Chương trình giảm thiểu nguy cơ trong quá trình xây dựng:</b></p> <p>PMU và nhà thầu sẽ phối hợp chặt chẽ với các dịch vụ y tế ở xã, huyện để triển khai các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo, phòng, chuẩn đoán và điều trị bệnh cho người lao động.</p> <p>Tất cả các chương trình và tài liệu được xây dựng có lồng ghép các vấn đề giới, bao gồm tính dễ bị tổn thương và nhu cầu của nam và nữ.</p> <p>Nhà thầu sẽ:</p> <p>Triển khai các chương trình tăng cường nhận thức cho người lao động và cộng đồng bao gồm thông tin, giáo dục, tuyên truyền đề cập đến vấn đề lây nhiễm HIV và hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa.</p> <p>Tư vấn miễn phí và khuyến khích người lao động xét nghiệm HIV để đảm bảo rằng tất cả họ biết về tình trạng sức khỏe của mình.</p> <p>Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế và động viên những người nhiễm HIV thừa nhận họ đã nhiễm HIV;</p> <p>Cung cấp các thiết bị y tế (phát bao cao su miễn phí) cho công nhân tại lán trại;</p>	<p>PMU Nhà thầu Trung tâm y tế địa phương Cán bộ xã Hội phụ nữ sẽ thực hiện điều phối chung để tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn hơn về công tác phòng chống HIV</p>	<p>Trong thời gian xây dựng</p>
Quản lý dự án	<p>- Các chỉ dẫn về Giới và phát triển và đào tạo sẽ được cung cấp cho nhân viên Ban QLDA, các tổ chức địa phương và các nhà thầu.</p> <p>Tất cả các hoạt động phát triển năng lực sẽ bao gồm các mục tiêu cho phụ nữ tham gia và người khuyết tật.</p> <p>Tư vấn thực hiện dự án PPMU Trong thiết kế và thực hiện ban đầu</p>	<p>Tư vấn thực hiện dự án PPMU</p>	<p>Trong quá trình thiết kế và thực hiện ban đầu</p>

**Bảng B4-2: Kinh phí dự kiến cho GAP**

No.	Hoạt động	Đề xuất thực hiện	Kinh phí (tr. Đồng)	Chỉ số theo dõi đánh giá	
				Số người hưởng lợi	Số hoạt động
<b>I</b>	<b>Các hoạt động liên quan đến Giới</b>		<b>95,000,000</b>		
1	Tập huấn nâng cao nhận thức về giới và lồng ghép giới	1 lớp/ 2 ngày	16,000,000	80	
2	Tập huấn về phòng chống HIV/AIDS	2 lớp	12,000,000	90	
3	Tập huấn nâng cao năng lực cho ban giám sát cộng đồng	2 lớp	17,000,000	60	
4	Truyền thông về lồng ghép giới, phòng chống HIV/AIDS; vệ sinh và bảo vệ môi trường; an toàn giao thông	6 lớp	30,000,000	900	
5	Pano, áp phích, tờ rơi, tin bài truyền		20,000,000	2000 tờ rơi	
<b>II</b>	<b>Các hoạt động phát triển khác của TDA</b>		<b>68,500,000</b>		
1	Hỗ trợ trang thiết bị cho hoạt động của hội phụ nữ		45,000,000	Hội phụ nữ	
2	Đào tạo, nâng cao nhận thức về các tác hại của dự án đối với sức khỏe con người		15,000,000	90	
3	Phát bản tin trên loa truyền thanh về các hoạt động thi công	1 tuần/ 1 lần	2,500,000	900	
4	Tổ chức họp tham vấn quy mô lớn với đại diện chính quyền xã, huyện và các hộ dân liên quan đến việc xây dựng công trình	3 tháng/ lần	4,000,000	50	
5	Dán bảng tin công bố thông tin tới UBND xã và người dân	2 tuần/ 1 lần	2,000,000	900	
	<b>Tổng</b>		<b>163,500,000</b>		

## **Phụ lục B5- MÔ TẢ HỆ THỐNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

Khiếu nại liên quan tới bất kỳ khía cạnh nào của TDA sẽ được giải quyết thông qua thương lượng nhằm đạt được sự đồng thuận. Quy trình khiếu nại sẽ qua 3 giai đoạn trước khi trình lên tòa án luật pháp như một phương án cuối cùng. Các ban quản lý dự án sẽ chịu mọi chi phí hành chính và pháp lý phát sinh trong việc giải quyết khiếu nại và khiếu kiện.

Khiếu nại liên quan đến dự án sẽ được giải quyết theo Điều 138 Luật đất đai 2003; Điều 28 Luật Khiếu nại; Điều 63 và 64 Nghị định 84/2007/ND-CP; Khoản 2 Điều 40 Nghị Định 69/2009 và các qui định về khiếu nại của Nghị định 75/2012/ND-CP ngày 20/11/2012. Theo khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2003 và 2013:

- (i) Trường hợp các khiếu nại đối với các quyết định hành chính và các thủ tục hành chính về quản lý đất đai của xã trước tiên cần gửi đơn lên UBND huyện, thành phố, thị xã của tỉnh, nếu không thỏa mãn, người khiếu nại có thể gửi đến tòa án nhân dân tỉnh hoặc UBND tỉnh hoặc trung ương. Trường hợp kháng cáo đến UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Quyết định của chủ tịch UBND thành phố trực thuộc trung ương là quyết định cuối cùng.
- (ii) Trường hợp khiếu nại đối với các quyết định hành chính và các thủ tục hành chính về quản lý đất đai của xã trước tiên gửi lên UBND huyện, thành phố, thị xã của tỉnh, nếu không thỏa mãn, người khiếu nại có thể gửi đến tòa án nhân dân.
- (iii)
- (iv) Giới hạn thời gian cho khiếu nại đối với các quyết định hành chính và quản lý đất đai là ba mươi (30) ngày sau ngày nhận được quyết định hành chính hoặc được thông báo về các quyết định hành chính. Trong vòng 45 ngày từ khi nhận được quyết định giải quyết, nếu không đồng ý, người khiếu nại có thể gửi đơn lên chính quyền cấp trên hoặc tòa án nhân dân.

Trường hợp giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại, Điều 14: Quyền hạn và nghĩa vụ của người thẩm quyền giải quyết khiếu nại đầu tiên:

- (i) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đầu tiên cần:
  - a) Yêu cầu người khiếu nại, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng trong vòng 07 ngày làm cơ sở để giải quyết khiếu nại;
  - b) Xác định áp dụng hoặc hủy các biện pháp khẩn cấp theo Điều 35 Luật này;
- (ii) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đầu tiên cần thực hiện các nhiệm vụ sau:
  - a) Nhận khiếu nại và ra thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về khiếu nại và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp về việc chấp nhận giải quyết khiếu nại về các quyết định và thực thi quyết định hành chính;
  - b) Giải quyết vướng mắc của người khiếu nại đối với các quyết định và thực thi quyết định hành chính nếu người khiếu nại yêu cầu;

- c) Tổ chức đối thoại mở đối với người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan;
  - d) Quyết định giải quyết khiếu nại và chịu trách nhiệm trước luật pháp về kết quả giải quyết. Trường hợp các khiếu nại từ các cơ quan công quyền, tổ chức, cá nhân thì kết quả khiếu nại phải được thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân theo luật;
  - e) Cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng cho người khiếu nại trường hợp người khiếu nại có yêu cầu và có mặt tại Tòa án nhân trong lần giải quyết khiếu nại lần 2.
- (iii) Đền bù cho lần giải quyết khiếu nại đầu tiên và những thiệt hại đối với các quyết định hành chính theo qui định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước.
  - (iv) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đầu tiên cần thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định của Luật.

Về thông báo quyết định giải quyết khiếu nại: Theo Điều 12 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ qui định chi tiết về thực hiện một số điều của Luật Khiếu nại.

- (i) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết sẽ ra thông báo về khiếu nại lần hai theo một mẫu cụ thể tại Khoản 2 Điều 41 Luật Khiếu nại.
- (ii) 10. Trường hợp thông báo tại buổi họp, người tham dự họp phải bao gồm: Người ra quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại hoặc đại diện, người bị khiếu nại và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Trước khi tổ chức buổi họp công bố, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải gửi thông báo tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trước 3 ngày.
- (iii) 11. Trường hợp thông báo về quyết định giải quyết khiếu nại trên phương tiện thông tin đại chúng (tivi, đài, báo giấy và báo điện tử). Nếu cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có website hoặc cổng thông tin điện tử thì quyết định giải quyết khiếu nại cần được thông báo rộng rãi lên website hoặc cổng thông tin điện tử này. Số lượng thông báo tối thiểu là 02 lần trên đài, tivi và các tạp chí in ấn. Thời hạn công bố trên các xuất bản điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc website cần tối thiểu là 15 ngày từ ngày ra thông báo.
- (iv) 12. Trường hợp thông báo tại văn phòng hoặc văn thư của cơ quan và tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, thời hạn thông báo quyết định giải quyết khiếu nại cần được dán trong thời gian ít nhất 15 ngày.

Quy trình giải quyết khiếu nại gồm 4 giai đoạn sau:

- i. **Giai đoạn đầu tại UBND xã:** Các hộ bị ảnh hưởng không hài lòng sẽ nêu khiếu nại của họ tới bất kỳ một thành viên nào trong UBND xã, thông qua trưởng thôn hoặc trực tiếp tới UBND xã, bằng văn bản. Thành viên của UBND hay trưởng thôn nói trên sẽ phải thông báo với UBND xã về việc khiếu nại đó. Sau đó, UBND xã sẽ tổ chức họp riêng

với các hộ bị ảnh hưởng và ra quyết định giải quyết trong vòng 10 ngày. Thư ký ủy ban sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị tất cả các tài liệu về khiếu nại do UBND xã giải quyết. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không vượt quá 30 ngày từ ngày ký quyết định khiếu nại; trường hợp phức tạp, giai đoạn này có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày từ ngày chấp nhận khiếu nại. Tại những vùng miền núi khó khăn trong việc đi lại, thời gian tối thiểu để giải quyết khiếu nại không sớm hơn 45 ngày từ ngày chấp nhận khiếu nại; trường hợp phức tạp, giai đoạn này có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày từ ngày chấp nhận khiếu nại (theo Điều 28, Luật 02/2011/QH12 ngày 11/11/2011). Nếu khiếu nại không được giải quyết trong thời gian đầu hoặc người khiếu nại không thỏa mãn với kết quả giải quyết từ ngày nhận được quyết định giải quyết lần đầu, họ có quyền gửi khiếu nại lần 2 lên tòa án hoặc UBND huyện.

ii. **Giai đoạn hai, tại UBND huyện.** Theo Điều 63 của Nghị định 84.2007/NĐ-CP, thủ tục giải quyết khiếu nại các quyết định và thi hành các quyết định hành chính là: (i) trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBND huyện ra các quyết định hành chính và thi hành các quyết định hành chính liên quan đến quản lý đất đai quy định tại Điều 162 Nghị định 181/2004/NĐ-CP về quyền và nghĩa vụ liên quan của người dân không đồng tình với quyết định giải quyết khiếu nại có thể gửi lên UBND huyện; (ii) Chủ tịch UBND huyện sẽ giải quyết khiếu nại trong vòng 30 ngày từ ngày ký quyết định khiếu nại. Đối với vùng núi điều kiện đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày từ ngày nhận khiếu nại; đối với trường hợp phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày nhận khiếu nại; (iii) Quyết định giải quyết khiếu nại của chủ tịch UBND huyện sẽ được công bố rộng rãi và được gửi tới người khiếu nại và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan khác; (iv) Trong vòng 45 ngày từ ngày nhận quyết định khiếu nại của UBND huyện mà người khiếu nại không đồng ý có thể kháng cáo lên Tòa án nhân dân hoặc UBND tỉnh. Thời hạn kháng cáo này có thể kéo dài hơn, nhưng không nhiều hơn 60 ngày kể từ ngày nhận quyết định đối với các trường hợp phức tạp. Đối với vùng núi có điều kiện đi lại khó khăn, giai đoạn này có thể hơn 60 ngày từ ngày chấp nhận khiếu nại nhưng không nhiều hơn 70 ngày đối với các trường hợp phức tạp (Theo Điều 37, Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011); (v) cơ quan chấp nhận khiếu nại sẽ ghi lại Nhật ký giải quyết khiếu nại.

iii. **Giai đoạn 3, Cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh.** Thủ tục giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính của UBND tỉnh là (i) 30 ngày (hoặc 45 ngày đối với các trường hợp phức tạp) hoặc 45 ngày đối với các vùng sâu vùng xa (60 ngày đối với các trường hợp phức tạp) từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định hành chính liên quan đến quản lý đất đai được qui định tại Điều 162 Nghị định 181/2004/NĐ-CP về quyền lợi và nghĩa vụ của người liên quan nếu không đồng ý, khiếu nại có thể gửi lên chủ tịch UBND tỉnh; (ii) Chủ tịch UBND tỉnh sẽ giải quyết khiếu nại trong thời hạn qui định tại Luật Khiếu nại; (iii) Quyết định giải quyết khiếu nại của chủ tịch UBND tỉnh sẽ được công bố rộng rãi và được gửi tới người khiếu nại và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan khác; (iv) Trong vòng 45 ngày từ ngày nhận quyết định khiếu nại của UBND tỉnh mà người khiếu nại không đồng ý có thể kháng cáo lên Tòa án nhân



dân. Thời hạn kháng cáo này có thể kéo dài hơn, nhưng không nhiều hơn 60 ngày kể từ ngày nhận quyết định đối với các trường hợp phức tạp. Đối với vùng núi có điều kiện đi lại khó khăn, giai đoạn này có thể hơn 60 ngày từ ngày chấp nhận khiếu nại nhưng không nhiều hơn 70 ngày đối với các trường hợp phức tạp; (v) cơ quan chấp nhận khiếu nại sẽ ghi lại Nhật ký giải quyết khiếu nại.

- iv. **Giai đoạn cuối cùng, Quyết định bởi tòa án.** Trong vòng 45 ngày từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh, nếu không thỏa mãn, người khiếu nại có thể gửi kháng cáo lên Tòa án nhân dân (theo Điều 64 Nghị định 84.2007/NĐ-CP). Trong thời gian giải quyết, quyết định thu hồi đất vẫn được thực hiện. Nếu cơ quan giải quyết khiếu nại cấp quốc gia kết luận rằng vấn đề thu hồi đất không tuân theo luật định thì cơ quan ra quyết định thu hồi đất sẽ phải thu hồi quyết định và đền bù những thiệt hại (nếu có) gây ra bởi quyết định thu hồi đất. Nếu việc thu hồi đất được xem xét tuân theo luật định, người khiếu nại sẽ được yêu cầu bắt buộc thi hành theo quyết định. Trong vòng 30 ngày từ ngày xét xử, Hội đồng đền bù tái định cư sẽ chi trả các hộ bị ảnh hưởng một khoản chi phí do Tòa án quyết định. Nếu việc thu hồi đất được Tòa án kết luận đúng luật, người khiếu nại được yêu cầu tuân thủ quyết định (theo Điều 54 Nghị định 84/2007/NĐ-CP).

**Phụ lục B6 - MÔ TẢ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ THỰC HIỆN BAO GỒM TỔ CHỨC, THỂ CHẾ VÀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ**

**Bảng B6.1: Tổ chức thực hiện EMP**

Đơn vị	Vai trò và trách nhiệm		
	Chuẩn bị tiểu dự án	Thực hiện tiểu dự án	Vận hành tiểu dự án
CPO	Hướng dẫn cho Cán bộ chính sách an toàn của Ban quản lý dự án (BQLDA) tỉnh trong quá trình chuẩn bị báo cáo Kiểm tra đánh giá tác động Môi trường xã hội  Xem xét và góp ý báo cáo do BQLDA tỉnh trình lên	Hướng dẫn cán bộ BQLDA tỉnh về thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường trong thời gian thi công;  Giám sát tiến độ trong thời gian thi công;  Tập hợp báo cáo 6 tháng về môi trường từ BQLDA tỉnh;	Hướng dẫn cho Cán bộ chính sách an toàn của BQLDA tỉnh về thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường trong năm đầu vận hành;  Giám sát tiến độ trong năm vận hành đầu tiên;  Tập hợp báo cáo về môi trường từ BQLDA tỉnh;
UBND tỉnh	n/a	Chủ dự án với trách nhiệm cao nhất về hoạt động môi trường của tiểu dự án trong suốt thời gian thi công;	Chủ dự án chịu trách nhiệm về hoạt động môi trường trong giai đoạn vận hành, gồm thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) trong giai đoạn vận hành;

Đơn vị	Vai trò và trách nhiệm		
	Chuẩn bị tiểu dự án	Thực hiện tiểu dự án	Vận hành tiểu dự án
BQLDA tỉnh	<p>Thuê tư vấn và chịu trách nhiệm chung đối với công tác chuẩn bị Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội và trình xin ý kiến phê duyệt;</p> <p>Đảm bảo cán bộ được đào tạo đầy đủ về các vấn đề môi trường;</p>	<p>Chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) trong thời gian trước khi thi công và trong khi thi công;</p> <p>Đảm bảo các chi tiết hợp đồng và tài liệu mời thầu bao gồm các yêu cầu về môi trường;</p> <p>Thực hiện điều tra và giám sát các vấn đề về môi trường trong thời gian thi công;</p> <p>Điều phối báo cáo giám sát môi trường cho BQLDATW;</p>	<p>Chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) trong năm vận hành đầu tiên;</p> <p>Thực hiện điều tra và giám sát các vấn đề về môi trường trong năm đầu vận hành;</p> <p>Hỗ trợ chủ dự án đưa các yêu cầu về môi trường vào thủ tục vận hành và bảo dưỡng công trình;</p>
UBND Huyện	<p>Phê duyệt Cam kết bảo vệ môi trường (CEPs) tiểu dự án phù hợp với các quy định pháp lý của Chính phủ Việt Nam;</p>	<p>Giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) thông qua hệ thống giám sát nội bộ của chính họ;</p>	<p>Giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) thông qua hệ thống giám sát nội bộ của chính họ;</p>
Ban giám sát cộng đồng và các thành viên của cộng đồng địa	<p>Tham gia vào các hoạt động tham vấn và tham gia xác định và chuẩn bị các tiểu dự án;</p> <p>Khả năng đóng góp ý kiến đối với tài liệu đánh giá môi trường sau khi tài liệu được giới thiệu đến họ;</p>	<p>Tham gia các hoạt động giám sát môi trường theo luật pháp Việt Nam và theo các buổi học tập huấn</p>	<p>Tham gia các hoạt động giám sát môi trường theo luật pháp Việt Nam và theo các buổi học tập huấn .</p>

Đơn vị	Vai trò và trách nhiệm		
	Chuẩn bị tiểu dự án	Thực hiện tiểu dự án	Vận hành tiểu dự án
phương (CSBs <sup>1</sup> )			
Tư vấn giám sát xây dựng	n/a	<p>Đảm nhận đào tạo khóa học về môi trường cho nhân viên tư vấn giám sát</p> <p>Tham gia giám sát môi trường theo EMP đã được phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội</p> <p>Chuẩn bị báo cáo giám sát và nộp cho BQLDA tỉnh</p>	n/a
Nhà thầu thi công	n/a	<p>Chuẩn bị Kế hoạch chi tiết về giám sát môi trường trên thực địa nhằm đáp ứng các yêu cầu chung về EMP tiểu dự án;</p> <p>Phân bổ đầy đủ nguồn lực nhằm đáp ứng các yêu cầu và quy định bắt buộc của EMP trên thực địa;</p>	n/a

<sup>1</sup> CSBs, thành lập theo quyết định 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Điều 8 của Nghị định 80/2006/NĐ-CP cung cấp cho cộng đồng các cơ hội kiểm tra tính tuân thủ, giám sát thực hiện và đánh giá kết quả đầu tư ở xã, gồm các tác động về môi trường.

**Bảng B6.2: Kế hoạch giám sát môi trường**

<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Thông số</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Chi phí</b>
<b>Giai đoạn trước khi thi công</b>						
1.1. Thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư	Số lượng các hộ dân bị ảnh hưởng được đền bù Phàn nàn phát sinh liên quan đến đền bù và lợi ích	Khu vực ảnh hưởng	Quan sát	Hàng tháng hoặc khi có sự phàn nàn từ các hộ bị ảnh hưởng	Ban QLDA tỉnh	Một phần của chi phí RAP
<b>Giai đoạn xây dựng</b>						
1.1. Kiểm soát chất lượng nước	Độ đục Đo lượng dầu, mùi và các loại nước thải khác. Rác tại các dòng nước	Hồ Ngòi Là 2 và các dòng chảy khác gần công trường thi công	Quan sát và phỏng vấn	Hàng tuần sau mưa lớn hoặc khi có phản ánh của người dân địa phương	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng
1.2 Giảm thiểu bụi phát sinh	Lượng bụi tập trung	Tại những điểm dân cư gần nhất (Thôn 1) Khu vực thi công	Khảo sát Phỏng vấn	Hàng tháng hoặc khi có phản ánh của người dân	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công
1.3 Giảm thiểu tiếng ồn phát sinh	Mức độ ồn	- Tại những điểm dân cư gần nhất (Thôn 1) - Khu vực thi công	Khảo sát Phỏng vấn	Hàng tháng hoặc khi có phản ánh của người dân	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công

<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Thông số</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Chi phí</b>
1.4 An toàn giao thông	Số vụ tai nạn giao thông, nguyên nhân tai nạn Thời gian lưu thông chậm ảnh hưởng bởi thi công	- Các đoạn đường gần khu vực dân cư	Khảo sát	Hàng tuần hoặc khi có phản ánh của người dân	Nhà thầu Cơ quan quản lý đường bộ địa phương	Bao gồm trong hợp đồng thi công Ngân sách địa phương
1.5. Quản lý chất thải rắn	Mức độ sạch sẽ của lán trại Khối lượng rác thải	Lán trại công nhân	Quan sát	Hàng tháng hoặc khi có phản ánh của người dân	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công
1.6 Quản lý tài sản	Phàn nàn của người dân liên quan đến các hoạt động xây dựng của công nhân	Lán trại công nhân Khu dân cư gần công trường thi công/lán trại	Khảo sát Phỏng vấn	Hàng tuần	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công
1.7. Sức khỏe và an toàn của người dân	Số lần xảy ra tai nạn lao động tại công trường Số lần trì hoãn công việc do tai nạn hoặc bệnh tật	Khu vực công trường; Khu công trường gần khu dân cư (Thôn 1 và thôn 3, nơi có xe chở nguyên vật liệu đi qua)	Quan sát và phỏng vấn	Hàng tháng	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công

<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Thông số</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Chi phí</b>
1.8. Quản lý rác thải xây dựng	<p>Khối lượng đất đào</p> <p>Khối lượng đất đào tái sử dụng</p> <p>Khối lượng đất đào được chuyển tới bãi đổ thải</p> <p>Khối lượng các vật liệu và đồ thải khác từ công trường</p> <p>Chất thải sinh hoạt từ lán trại công nhân</p>	<p>Công trường thi công</p> <p>Lán trại công nhân</p> <p>Khu vực đổ thải</p>	<p>Khảo sát</p> <p>Phỏng vấn</p>	Hàng tháng hoặc khi có phản ánh của người dân	Nhà thầu	Bao gồm trong hợp đồng thi công
<b>2. Giai đoạn vận hành</b>						
2.1 Các sự cố về đập	<p>Các điểm rò rỉ của đập</p> <p>Số lần đập bị tràn/vỡ</p>	Toàn bộ đập	<p>Quan sát</p> <p>Phỏng vấn</p>	6 tháng 1 lần	Đơn vị quản lý vận hành	Ngân sách nhà nước
2.2 Sạt lở đất trong mùa lũ	<p>Số điểm sạt lở đất</p> <p>Tần suất sạt lở đất</p>	Toàn bộ đập	<p>Quan sát</p> <p>Phỏng vấn</p>	Hàng tháng hoặc khi có phản ánh của người dân	Đơn vị quản lý vận hành	Ngân sách nhà nước

**Bảng B6.3: Hệ thống giám sát và báo cáo**

<b>Giai đoạn dự án</b>	<b>Loại báo cáo</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Cơ quan nhận báo cáo</b>
Thi công	Báo cáo về thực hiện ESMP trình bày các hoạt động môi trường trên thực địa tuân thủ theo đúng ESMP và kết quả giám sát	Hàng tháng	Nhà thầu thi công	BQLDA
	Báo cáo thực hiện ESMP của Tư vấn giám sát xây dựng trình bày rõ các hoạt động tuân thủ theo đúng ESMP tiểu dự án và kết quả giám sát. Báo cáo bao gồm (i) các tác động chính trong suốt quá trình thi công (ii) đề xuất biện pháp giảm thiểu (iii) đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến MT XH của các nhà thầu thi công (iv) Kết quả giải quyết, khắc phục các sự cố và các biện pháp khắc phục những tồn tại từ các báo cáo trước; (v) đề xuất cho hoạt động của hệ thống, giảm thiểu tác động môi trường trong giai đoạn thi công tiếp theo.	Hàng tháng	Tư vấn giám sát xây dựng	BQLDA
	Báo cáo về các hoạt động môi trường của TDA trình bày rõ các hoạt động tuân thủ theo đúng ESMP tiểu dự án và kết quả giám sát	6 tháng/lần	BQLDA tỉnh	CPO và NHTG
	Báo cáo môi trường tiểu dự án trình bày toàn bộ hoạt động môi trường tiểu dự án và hoạt động tuân thủ ESMP	Khi hoàn thành tiểu dự án	CPO	NHTG / Bộ TNMT
	Báo cáo giám sát độc lập an toàn môi trường, xã hội trình bày các nội dung gồm: (i) Kết quả kiểm tra hiện trường thi công; (ii) Kết quả giám sát dựa vào cộng đồng; (iii) Tổng hợp kết quả giám sát của tư vấn giám thi công; (iv) Kết quả giám sát môi trường và (v) Đánh giá kết quả thực hiện ESMP và các kiến nghị.	6 tháng/lần hoặc 3 tháng/lần	Tư vấn môi trường độc lập	BQLTDA và NHTG



<b>Giai đoạn dự án</b>	<b>Loại báo cáo</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Cơ quan nhận báo cáo</b>
Vận hành	Báo cáo thực hiện ESMP: trình bày rõ các hoạt động tuân thủ cam kết về ESMP tiểu dự án trong quá trình vận hành	6 tháng một lần trong 2 năm vận hành đầu tiên	UBND Huyện Yên Sơn	CPO và NHTG

## **Phụ lục B7- QUY TRÌNH PHÁT HIỆN CỔ VẬT**

Quy trình phát hiện cổ vật được cung cấp bởi Nhà thầu như một phần của hợp đồng. Một bản sao sẽ được giữ bởi quản lý hợp đồng/quản trị tiểu dự án.

Nếu Nhà thầu phát hiện ra khu vực khảo cổ, di tích lịch sử, cần bảo tồn hoặc các hiện vật, bao gồm cả nghĩa địa/phần mộ riêng lẻ trong quá trình đào đắp hoặc thi công, nhà thầu cần tuân thủ các bước sau:

1. Dừng các hoạt động thi công tại khu vực phát hiện
2. Phác họa khu vực được phát hiện
3. Bảo vệ khu vực để ngăn chặn bất cứ thiệt hại hay tổn thất di dời các hiện vật. Trong trường hợp di dời các di tích cổ hoặc các hiện vật bảo tồn để bị hỏng, bảo vệ đêm cần được bố trí cho đến khi chính quyền địa phương chịu trách nhiệm hoặc Cục Quản lý văn hóa quốc gia tiếp quản
4. Thông báo cho các Văn phòng giám sát chính sách môi trường dự án và Kỹ sư dự án, người mà sẽ lần lượt thông báo đến chính quyền địa phương chịu trách nhiệm và Sở Văn hóa của tỉnh ngay lập tức (trong vòng 24h hoặc ít hơn)
5. Chính quyền địa phương và Sở Văn hóa tỉnh sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và bảo quản khu vực trước khi quyết định về thủ tục thích hợp tiếp theo. Điều này yêu cầu việc đánh giá sơ bộ về các phát hiện được bởi các nhà khảo cổ của Tổng cục văn hóa quốc gia. Ý nghĩa và tầm quan trọng của các phát hiện nên được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm tính thẩm mỹ, tính lịch sử, khoa học hoặc nghiên cứu, giá trị xã hội và kinh tế
6. Quyết định xử lý các phát hiện được thực hiện bởi các cơ quan có trách nhiệm và Sở văn hóa tỉnh. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong việc bố trí (ví dụ như khi tìm thấy một hiện vật không thể di dời quan trọng về mặt văn hóa hoặc khảo cổ) bảo tồn, bảo quản, phục hồi và khôi phục
7. Việc triển khai các quyết định của chính quyền có liên quan đến việc quản lý các phát hiện sẽ được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan chính quyền địa phương thích hợp
8. Thi công công trình chỉ có thể tiếp tục sau khi giấy phép được thông qua các cơ quan địa phương có trách nhiệm hoặc Sở Văn hóa tỉnh liên quan đến bảo vệ di sản
9. Thực hiện các quyết định của chính quyền về việc quản lý các phát hiện sẽ được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan chính quyền địa phương thích hợp.

Đã được thông qua như là một phần của biện pháp bảo vệ tiểu dự án:

Bởi: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Giám đốc Ban quản lý dự án/Giám đốc tiểu dự án

## **Phụ lục B8- ĐỀ CƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP (EPP) CHO HỒ NGÒI LÀ 2**

### **I. KHÁI QUÁT KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP**

Sự tồn tại các đập lớn cùng với các hồ chứa ngay tại khu vực thượng lưu của các khu vực dân cư đòi hỏi phải chuẩn bị một Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp mang tính chuyên môn cho mỗi đập. Mục đích của các kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp là hỗ trợ các cơ quan chức năng có trách nhiệm đối với vấn đề an ninh công cộng thực hiện các biện pháp đúng đắn cần thiết để phòng ngừa thương vong và hạn chế các thiệt hại vật chất do các tai nạn dự đoán trong trường hợp các sự cố của đập có thể xảy ra.

Mỗi đập, hồ chứa và khu vực chịu rủi ro đều có đặc trưng riêng của nó và như thế mỗi một kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp sẽ phải được chuẩn bị có tính đến các điều kiện cụ thể của công trình đó. Tuy nhiên, có một số vấn đề chung cần phải được đề cập đến cho từng công trình cần có kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp.

Cho tới nay, tư vấn vẫn chưa thể xác định được các hướng dẫn của Việt Nam về vấn đề các yêu cầu đối với việc chuẩn bị kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp hay các chỉ thị như là các trách nhiệm liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp sẽ được giao cho ai.

Cuối cùng một dự toán mẫu để lập kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp cũng được lập ra. Vấn đề lợi ích thì khó xác định hơn. Nói chung, cần phải cho rằng với việc quản lý an toàn đập tốt hơn và các kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp được thực hiện đối với tất cả các đập hiện có thì số các tai nạn trung bình gây ra do lũ sẽ được giảm đi.

### **II. CÁC YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP**

Nhằm biến một kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp trở thành một công cụ hữu hiệu để phòng tránh tai họa và làm giảm nhẹ các tai họa thì cần phải có các công cụ pháp lý chắc chắn cho phép các cơ quan hữu quan có trách nhiệm trong việc lập và thực hiện các kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp thi hành được các quyền lực cần thiết của mình. Các quyền lực này sẽ được phân cấp và quy định cụ thể cho các điều kiện khẩn cấp mang tính pháp chế. Nếu pháp luật hiện hành tỏ ra là không đủ cho mục đích này thì phải xem xét việc điều chỉnh khung luật pháp.

Về nguyên tắc các tổ chức có trách nhiệm đối với việc quản lý và đối với công tác vận hành và bảo dưỡng của một đập cụ thể cũng cần phải có trách nhiệm chính yếu đối với việc lập kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp. Các tổ chức này cũng nên có những kiến thức liên quan hợp lý về những rủi ro đi liền với đập và hồ chứa của một công trình cụ thể. Trong trường hợp của dự án hỗ trợ tài nguyên nước Việt Nam, tổ chức có trách nhiệm trước tiên đối với việc lập và thực hiện kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp sẽ là các công ty QLKTCTTL của công trình của từng công trình cụ thể.

Các UBND Tỉnh nơi có công trình đập sẽ có thể có vai trò giám sát. Các cơ quan hữu quan khác cũng có thể được uỷ thác đặt ra các quy định và quy tắc, được uỷ thác lập, thực hiện, kiểm tra và thúc đẩy các Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp.

Việc chuẩn bị một kế hoạch Chuẩn bị khẩn cấp chi tiết cho một công trình đập và hồ chứa đòi hỏi phải có các bản đồ, số liệu phù hợp về sông, đập, địa hình, thủy văn, hạ tầng cơ sở nông thôn và thành thị, dân số và các tài sản vật chất chịu rủi ro v.v cũng như các kỹ năng đặc biệt và các chương trình máy tính để đánh giá các ảnh hưởng tiềm năng của rất nhiều các kịch bản rủi ro khác nhau. Các công cụ này chưa sẵn có tại các Công ty QLKTCTTL và trước khi các Công ty

QLKTCTTL có thể lập được các Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, cần phải có một sự đầu tư nhất định và sự chuẩn bị trên diện rộng. Có nhiều cách có thể giải quyết vấn đề này và chúng có thể hỗ trợ các Công ty QLKTCTTL thông qua Cơ quan An toàn Đập Quốc gia dự kiến hoặc các tư vấn chuyên môn có liên quan hoặc các viện.

Vì hiện tại không có kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp (mở rộng) cho hầu hết các đập và hồ chứa, các chi phí liên quan đến việc lập và thực hiện các kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp do ngân sách tài trợ vẫn chưa được phân bổ.

Nếu nguồn bổ sung cho ngân sách không thể là từ dân chúng, thì người ta dự đoán rằng các cơ quan chức năng sẽ phải tận dụng càng nhiều càng tốt các nguồn lực hiện có như nhân lực, thiết bị, các phương tiện thông tin liên lạc v.v. Điều này sẽ đòi hỏi một kế hoạch hết sức tỷ mỉ và đòi hỏi phối hợp chặt chẽ các hành động thông tin liên lạc.

Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp nên được cập nhật hàng năm và trình lên UBND Tỉnh phê duyệt.

### **III. KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP CHO ĐẬP NGÒI LÀ 2**

Hồ chứa Ngòi Là 2 có dung tích hơn 3.2 triệu m<sup>3</sup> nước với chiều cao đập 15m. Hạ lưu đập là khu dân cư các xóm 2, 3, 4, 5 và 6 với khoảng hơn 500 hộ dân và tương đương 1000 người. Chạy song song với tuyến đập phía hạ lưu là tuyến quốc lộ 2 và một phần cơ sở hạ tầng của thành phố Tuyên Quang. Hiện tượng vỡ đập chính sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến 500 hộ dân nói trên và cơ sở hạ tầng giao thông.

#### **3.1. TỔNG QUÁT**

Dự kiến công trình sau khi hoàn thành sẽ được chuyển cho Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang quản lý, Ban này có trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp cho đập và hồ chứa có liên quan. Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp phải được chuẩn bị trên cơ sở hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng thuộc tỉnh có trách nhiệm phòng chống lụt bão và sẽ được đệ trình UBND tỉnh phê duyệt. Kế hoạch này phải được cập nhật và trình duyệt mỗi năm một lần trước mùa lũ.

Một phác thảo của Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, với hình thức là bản liệt kê các mục cần kiểm tra với một chuỗi các đề mục liên quan đến Kế hoạch Chuẩn bị Khẩn cấp và các hành động được yêu cầu. Bản liệt kê các mục cần kiểm tra này có thể được sử dụng cho việc lập Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp sau này. Nói chung các hoạt động chính yếu sau là đặc biệt đáng chú ý khi lập các kế hoạch (khẩn cấp) cho các sự cố về đập tiềm năng.

#### **3.2. TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT CỦA BAN QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Kế hoạch Chuẩn bị Khẩn cấp cần được bắt đầu với các hướng dẫn chi tiết về quan trắc đập và các công trình phụ trợ của chính nhân viên của Công ty QLKTCTTL, đặc biệt là công tác giám sát trong các giai đoạn mưa cực hạn trong lưu vực hoặc trong các trường hợp mức nước hồ dâng cao. Các hướng dẫn cần cụ thể hoá các điểm cần quan sát đặc biệt, đặc biệt trong trường hợp mức nước hồ bắt đầu tăng nhanh. Công tác quan trắc bao gồm sự quan sát đều đặn nước thấm dọc theo chân đập và trên bất kỳ vị trí nào dọc theo mặt đập tại chỗ mà ta biết rằng nước thấm sẽ chỉ xuất hiện khi mức nước hồ cao. Tùy thuộc vào số lượng các thông số, ví dụ:

- Lượng mưa dày và trên diện rộng trong lưu vực trong một giai đoạn kéo dài;
- Lượng mưa trong lưu vực gom nước trong một giai đoạn ngắn;
- Mức nước hồ và khoảng tăng của mức nước trong hồ;
- Lượng nước thấm tăng; hoặc
- Nước thấm trở nên đục ở mái dốc hạ lưu hoặc ở chân đập;
- Chuyển dịch của đỉnh đập hay mặt hạ lưu của đập.

Công ty QLKTCTTL cần tính toán các Cấp báo động hợp lý một cách chi tiết hơn, điều chỉnh theo tình hình thực tế.

### **3.3. ĐỊNH NGHĨA VÀ THÔNG BÁO CÁC CẤP BÁO ĐỘNG**

Với mỗi một Cấp báo động hoặc một tình huống cụ thể cần khởi động các biện pháp mà sau này sẽ được triển khai rộng khi các điều kiện trở nên xấu đi và tình huống trở nên nghiêm trọng hơn. Các biện pháp sẽ bắt đầu với những thông tin nội bộ Ban QLKTCTTL và tăng lên về mặt cường độ cùng với sự tăng lên về tính trầm trọng của tình huống, ví dụ:

- Bộ phận quản lý của Ban QLKTCTTL phải được thông tin liên tục;
- Đình chỉ việc nghỉ phép của một số cán bộ nhất định của Ban QLKTCTTL;
- Cảnh sát và lực lượng cứu hộ địa phương phải ở trong tình trạng báo động;
- Một số chuyên viên và điều hành viên nhất định với các thiết bị được điều động đến đập hoặc đến các địa điểm khác;
- Thông báo qua đài địa phương và các trạm vô tuyến;
- Các quan chức UBND Tỉnh, quân đội, phòng công chính và các sở ban ngành khác phải được đặt trong tình trạng báo động và phải được chỉ thị;
- Huy động các đơn vị hỗ trợ (lực lượng cứu hoả, quân đội, chữ thập đỏ) và thiết bị;
- Thông tin công cộng và đảm bảo rằng mọi người đều được thông tin;
- Chặn một số tuyến đường nhất định, ngừng hoặc tăng cường xe bus và tàu hoả;
- Huy động trực thăng, tàu thuyền và các thiết bị vận tải;
- Chuẩn bị nơi lánh nạn;
- Yêu cầu di dời đối với các khu vực bị nguy hiểm nhất;
- Yêu cầu di dời toàn bộ;
- Thông báo tình trạng khẩn cấp.

Các cấp báo động cần được xác định rõ ràng và các định nghĩa cần được phân phát đến tất cả các cán bộ và cơ quan có liên quan ngay sau khi Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp được duyệt. Dân chúng cần phải nhận thức đầy đủ về các cấp báo động sẽ được thông tin tới họ một cách rõ ràng bằng còi báo động hoặc cái gì đó tương tự. Sau khi tham vấn các cơ quan hữu trách địa phương Ban QLKTCTTL sẽ có hướng dẫn để việc báo động trong dân chúng đạt kết quả tốt nhất.

### **3.4. THU THẬP SỐ LIỆU**

Để lập một kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, thì Công ty QLKTCTTL trước tiên phải yêu Đề lập một kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, thì Ban QLKTCTTL trước tiên phải yêu cầu có các bản đồ chi tiết toàn bộ khu vực có thể chịu tác động. Nhà cửa, đường xá, cầu cống, các vùng cao, các vùng thấp, bờ đập, tuyến kênh, v.v. đều phải được biểu diễn trên bản đồ. Đặc biệt đối với việc lập phân tích vỡ đập, cần có các thông tin chi tiết, bao gồm mặt cắt lưu vực sông, các trở ngại chính đối với diễn tiến của một sóng lũ trong lòng chảy của sông hoặc các vùng bãi bồi, vùng trũng có thể tạm thời đóng vai trò là hồ chứa, các con đê, các đường chia nước, các con đê bồi, rãnh, lạch và các yếu tố địa hình khác có thể ảnh hưởng đến sóng lũ. Các bản đồ địa hình phải mở rộng vượt ra khỏi khu vực dự án, để có thể xác định được tuyến đường tiếp cận và các khu vực và các công trình (như trường học và các hội trường của cộng đồng) có thể được sử dụng làm nơi trú ẩn và nơi để cho các nạn nhân của lũ di dời đến. Các bệnh viện gần khu vực có thể ngập lụt cần được xác định và được thông báo về nhiệm vụ họ có thể có trong trường hợp có thương vong do sự cố vỡ đập.

### **3.5. PHÂN TÍCH VỢ ĐẬP**

Cần thực hiện một phân tích vỡ đập để vạch ranh giới các khu vực có thể bị tác động do lũ. Khuyến nghị thực hiện phân tích đối với nhiều điều kiện khác nhau ví dụ: cho mực nước dâng bình thường, cho mực nước đầy hồ với phụ tải lũ tối đa, cho một lỗ hồng mở nhanh trên thân đập, cho rất nhiều các trường hợp sơ khởi ví dụ cho một bãi bồi đã bị ngập và cho các điều kiện tương đối khô hạn, dòng nước mặt cao đồng thời từ các nhánh sông hạ lưu.

Hơn nữa các chương trình máy tính khi phân tích vỡ đập có thể được chạy đối với nhiều hệ số nhám và đối với các biện pháp có thể nhằm giảm thiểu hoặc nếu không thì tác động đến các điều kiện lũ tại một số vị trí nhất định ví dụ giảm tốc độ lũ gần các khu dân cư, hoặc nâng lên đường đê có thể tiếp cận hoặc thoát khỏi một số khu vực nhất định.

Tác động của các chướng ngại vật trong lòng chảy của sông hay bãi bồi cũng cần được đánh giá trên quan điểm điều tiết nhằm hạn chế mức lũ trên sông, không chỉ trong các trường hợp thảm khốc mà còn đối với các cơn lũ cực trị "bình thường". Việc thực hiện hầu hết các biện pháp có thể để giảm thiểu tác động của xả lũ cực trị sẽ không thể thực hiện được trong ngắn hạn mà phải được sử dụng như các công cụ quy hoạch và chính sách lưu vực sông cho tương lai hay là được thực hiện từ từ.

### **BẢN ĐỒ NGẬP LỤT**

Phân tích vỡ đập phải giúp nhận định rõ các khu vực nguy hiểm nhất trong trường hợp thảm họa xảy ra. Kết quả phân tích sẽ được trình bày trên bản đồ ngập lụt, mô tả độ ngập sâu có thể, vận tốc lũ (như một dấu hiệu của các điều kiện nguy hiểm tiềm tàng) diễn tiến của sóng gián đoạn trên lưu vực, nêu thời gian có thể cho hoạt động cứu hộ.

Khi nào một phân tích vỡ đập sơ bộ có thể biểu thị sơ lược các thông số lũ trên, sớm muộn phân tích vỡ đập cũng sẽ được nâng cấp theo các điều kiện liên quan tương tự tốt hơn. Đặc biệt là ảnh hưởng của nền đắp được nâng cao (hơn một chút) sử dụng cho đường bộ, đường sắt, kênh tưới, phòng chống lũ, các đống bùn đất dọc kênh tiêu cũng rất đáng lưu tâm. Tại các vị trí đó, vận tốc tối đa của lũ cũng có thể tăng lên khiến cho người ta không thể tiếp cận được các nền đắp hay các con đường này và gây ra sạt lở huỷ hoại một phần hoặc toàn bộ các nền đắp này. Một mạng lưới các chướng ngại cao này trong khu vực bãi bồi có thể làm đổi hướng dòng lũ và gây ra các điều

kiện nghiêm trọng hơn tại các địa điểm mà các điều kiện đó là không mong muốn.

Các bản đồ ngập lụt cho các điều kiện chọn lọc phải có sẵn để trao cho các cơ quan quan trọng có liên quan đến công tác quy hoạch vật lý của khu vực và cho các cơ quan hữu quan liên quan đến các hoạt động cứu hộ có thể (Tỉnh, thành phố, cảnh sát, cứu hỏa, bệnh viện, quân đội, v.v.). Các bản đồ như thế cần phải được cập nhật và phân phối lại trong trường hợp xác định được các điều kiện có những thay đổi quan trọng. Số các cơ quan tổ chức cần nhận được các bản đồ đó (và các thông tin khác) tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của các điều kiện và nói chung là chức năng tích nước của hồ chứa nước, chiều cao đập và khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp.

### **3.6. CÁC VẤN ĐỀ TỔ CHỨC**

Mặc dù Ban QLKTCTTL có thể sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và duy trì một Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, phần lớn các hoạt động sau sự kiện thảm khốc lại được thực hiện bởi các cơ quan tổ chức khác. Nhiệm vụ của Ban QLKTCTTL đối với đập và hồ chứa là phòng ngừa các tình huống nguy kịch. Giả sử có trường hợp nguy cấp xảy ra, Ban QLKTCTTL phải tiến hành tất cả các biện pháp ban đầu có thể để nhằm tránh một tai họa. Chừng nào các điều kiện trở nên nghiêm trọng hơn thì Ban QLKTCTTL không nên đợi cấp trên cảnh báo và giao trách nhiệm. Trong trường hợp các điều kiện đó xảy ra, thì nên xác định rõ người nào có trách nhiệm với việc gì. Một kế hoạch chi tiết cùng với hệ thống thông tin mở rộng phải được duy trì liên tục không ngưng trệ cho tới khi tai họa xảy ra.

Ban QLKTCTTL trước tiên phải chuẩn bị một Kế hoạch Chuẩn bị khẩn cấp cho các mục đích nội bộ trong điều kiện có lũ và khi các biểu hiện của đập đòi hỏi phải được chú ý hơn. Tổ chức nội bộ của Ban QLKTCTTL phải đối phó ngay tại Cấp báo động đầu tiên và thông báo cho cấp thẩm quyền cao hơn về các quan ngại và các hậu quả có thể xảy ra.

Trong Cấp báo động cao hơn tiếp theo, rất có thể cần đến sự hỗ trợ của các tổ chức khác và một phần trách nhiệm có thể được chuyển giao lại cho các tổ chức này. Đối với các trường hợp này, cần có một quy hoạch tỷ mỉ và thông tin phải sẵn sàng cho các động thái cần thiết. Cần nhận thức rõ rằng trong điều kiện thời tiết xấu, có thể sẽ không có điện, đường xá có thể bị ngập lụt, đường điện thoại có thể bị hỏng và việc ấn hành các bản in, photocopy bản đồ và các tài liệu quy hoạch hay chỉ thị khác là không thể thực hiện được.

Khi nào tình hình trở nên nghiêm trọng, các cơ quan có chức năng của tỉnh sẽ phải thực hiện tất cả các trách nhiệm của mình và sẽ cần được cung cấp bản kế hoạch cho các hành động sẽ được thực hiện, đã được lập trong giai đoạn trước đó. Các kế hoạch này phải bao gồm cả vấn đề tổ chức cho các hoạt động khẩn cấp dự kiến và nên nêu rõ ràng các đường trách nhiệm và thông tin liên lạc cho toàn bộ các hoạt động và cho các hành động đã được phân cấp (nhưng được phối hợp tốt), tùy theo tình hình cụ thể.

Cơ quan chức năng mà theo Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp là có trách nhiệm đối với một số hoạt động và đầu vào nhất định trong bất kỳ một pha cảnh báo nào cần được thông tin đầy đủ về bất kỳ một thay đổi nào đối với Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp. Cũng tương tự như vậy đối với các tổ chức được chỉ định hỗ trợ cho các hoạt động, ví dụ các phương tiện giao thông vận tải, thiết bị, các

nguồn vật liệu và các đầu vào khác đòi hỏi phải có trong trường hợp có tai họa xảy ra.

### **3.7. QUY TRÌNH**

Trong Cấp báo động thấp nhất, quy trình áp dụng nội bộ tương đối đơn giản của Ban QLKTCTTL sẽ vẫn còn hiệu lực là quy trình hành động cho công tác giám sát và quản lý đập và các công trình phụ trợ. Khi nào tình hình trở nên xấu hơn, và Cấp báo động tiếp theo bắt đầu thì quy trình hoạt động bình thường của Ban QLKTCTTL sẽ được bổ sung và thay thế bởi quy trình mới tập trung vào việc thực hiện kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp.

Các hướng dẫn quản lý chính con đập sẽ còn hiệu lực và công tác quản lý đập sẽ được các chuyên gia của Ban QLKTCTTL thực hiện như đã được quy định trong quy trình của Ban QLKTCTTL cho năm đó. Các cơ quan khác không có quyền ra quyết định tạm thời là cửa đập tràn hay các cửa lấy nước hay cửa xả khác có được mở hay không.

Quy trình cho các Cấp báo động cao hơn sẽ chuyển toàn bộ các trách nhiệm thực hiện Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp lên các cấp thẩm quyền cao hơn (tốt nhất là UBND tỉnh). Các quy trình này phải phân bổ rõ ràng trách nhiệm và uỷ quyền đối với các cơ quan nhất định có sự hợp tác hay hỗ trợ các hoạt động khẩn cấp.

Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp nên bao gồm các kế hoạch tổ chức rõ ràng để có thể dễ dàng theo được các cấp độ các hoạt động khẩn cấp. Các kế hoạch này cũng nên bao gồm các tuyến thông tin liên lạc chính và các quy trình phải theo đối với một số hoạt động nhất định, ví dụ yêu cầu chính quyền trung ương giúp đỡ và yêu cầu các lực lượng quân đội hỗ trợ thêm.

Trong trường hợp tình hình trở nên xấu đi và việc di dời trở thành sự lựa chọn duy nhất, khu vực được di dời phải được cảnh sát hoặc các lực lượng vũ trang khác bảo vệ. Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp cũng đề xuất một số dự phòng cho các điều kiện này và chúng sẽ được trao đổi với các cơ quan hành pháp có trách nhiệm giữ gìn trật tự và luật lệ. Các dự phòng cuối cùng nên bao gồm cả những sắp xếp đưa các lực lượng thiết yếu (như chữ thập đỏ và các lực lượng tương tự) đến khu dân cư cao hơn trong lòng vùng ngập lũ.

### **3.8. THÔNG TIN LIÊN LẠC**

Thông tin liên lạc là một bộ phận tối quan trọng của bất kỳ một kế hoạch khẩn cấp nào. Trong các điều kiện hết sức đặc biệt, hầu hết các phương tiện thông tin liên lạc đều có thể bị hỏng. Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp cần tính đến thực tế này và xác định các phương tiện thông tin liên lạc có thể được sử dụng trong điều kiện khẩn cấp.

Đường dây điện thoại thông thường và điện thoại di động có thể không thể sử dụng được trong các điều kiện cực cấp. Thông tin liên lạc qua radio có thể giải quyết phần nào vấn đề. Về mặt này, việc kéo cảnh sát và các lực lượng vũ trang tham gia vào công tác lập kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp là hết sức quan trọng.

Trước hết là thông tin liên lạc giữa hiện trường đập và trụ sở Ban QLKTCTTL phải được bảo đảm an toàn. Các đường thông tin liên lạc này phải hoạt động được trong mọi thời điểm và các thông tin về mực nước hồ đều có thể đọc được tại trụ sở của Ban QLKTCTTL trong bất cứ thời điểm nào. Trong các cuộc thanh tra đập thường xuyên, thanh tra viên an toàn đập phải hết sức chú ý đến các phương tiện thông tin liên lạc và quy trình thông tin liên lạc thiết lập cho mỗi đập (hoặc đập



phụ).

Thứ hai, thông tin liên lạc với các cấp cao hơn cũng phải được cơ cấu tốt. Khi nào tình hình đập trở nên xấu đi, và khi các trách nhiệm vượt quá tầm của Ban QLKTCTTL, một cơ quan cấp cao hơn phải có khả năng tiếp quản một cách trôi chảy (có thể là một phần) các trách nhiệm và tiếp tục hợp tác trong việc thực hiện Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp. Trong tình hình như vậy, các phương tiện thông tin liên lạc rất cần có năng lực tiếp nhận cùng lúc nhiều cuộc gọi đến.

Các địa chỉ liên lạc và các quy trình liên lạc phải rõ ràng và ghi chép đầy đủ. Tất cả các cơ quan có trách nhiệm chính yếu trong việc lên kế hoạch khẩn cấp phải nhận được một bản sao các quy trình này cũng như các chỉ thị và các hướng dẫn hỗ trợ.

### **3.9. TẬP HUẤN VÀ TẬP DUYỆT KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP**

Một kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp sẽ phải gồm cả các chương trình tập huấn và tập duyệt một số hợp phần được chọn trong Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp. Tốt nhất là phải có một phân tích nhu cầu làm cơ sở cho chương trình. Các chương trình tập duyệt phải được chuẩn bị cùng với các cơ quan có liên quan khác. Tập huấn và tập duyệt phải tập trung vào các hợp phần mà các bên tham gia không quen thuộc.

### **3.10. SỰ THAM GIA VÀ THÔNG TIN CỦA CỘNG ĐỒNG**

Những người hưởng lợi chính của kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp là dân chúng nói chung có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về một sự cố có thể xảy ra về đập. Nhằm đạt được sự hợp tác đầy đủ của họ, thì việc nâng cao nhận thức công chúng và nhận được sự hỗ trợ từ phía công chúng là hết sức cần thiết.

Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp phải đề cập vấn đề nhận thức của công chúng như là một nội dung quan trọng, bởi vì nếu thiếu nhận thức của công chúng và sự hỗ trợ và sự tham gia của công chúng thì mọi kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp trở thành vô ích.

Sau khi lập và được UBND tỉnh duyệt bản dự thảo kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp, công chúng phải được thông báo về các đặc trưng của đập, về những rủi ro có thể xảy ra, các biện pháp được thực hiện và các kế hoạch được chuẩn bị để tránh mọi tác động xấu hoặc giảm nhẹ các hậu quả. Vì mục đích này, các dạng thông tin được chuyển tải đến công chúng thông qua các phương tiện như áp phích, thông tin đến các em học sinh, thông tin trên Ti Vi, thông báo trên báo địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

### **3.11. PHÁP LUẬT**

Sau khi tất cả các kế hoạch được lập, cần phải phân tích xem các biện pháp dự kiến có được hậu thuẫn bằng một hành lang pháp lý đầy đủ hay không. Trong trường hợp hệ thống luật pháp bị khuyết điểm nào đó, đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi đầu ngay việc điều chỉnh pháp luật hiện hành để có thể cho phép thực hiện các biện pháp tối cần thiết. Luật pháp phải tạo cho các cơ quan thẩm quyền có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết để đối phó với các điều kiện khẩn cấp.

### **3.12. BÁO CÁO**

Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp cũng phải bao gồm cả các yêu cầu đối với công tác báo cáo hàng năm về các mục tiêu đã định, quá trình thực hiện và các vấn đề gặp phải. Ủy ban nhân dân các tỉnh và Bộ Nông nghiệp & PTNT cần có các thông tin này để có thể xác định được đâu là vấn đề chung cần được giải quyết và rút kinh nghiệm từ các Ban QLKTCTTL. Kinh nghiệm rút ra là để đúc rút

lại trong một cách tiếp cận có điều chỉnh về vấn đề lập và thực hiện các Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp.

Các báo cáo hàng năm cần ngắn gọn và phải bao gồm:

- Các kế hoạch của năm trước;
- Các đợt tập huấn và thực hành đã được thực hiện, kết quả và khuyến nghị nâng cấp cải tiến;
- Các điều chỉnh cần có đối với Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp của năm sau;
- Chương trình tập huấn (đào tạo) cho năm sau;
- Các thông tin và dữ liệu đã thay đổi;
- Quyết toán năm trước và ngân sách năm sau.

#### **IV. DỰ TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ KHẨN CẤP**

Một loạt các hành động và các yêu cầu được xác định ở trên cần một khoản ngân sách được ước tính và phân bổ khoảng một năm trước khi các hoạt động theo kế hoạch được thực hiện trong thực tế.

Mức độ chi phí phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện. Một phần chi phí có thể được trang trải từ nguồn chi phí hoạt động của các Ban QLKTCTTL nhưng các hoạt động khác lại cần phải được trang trải bằng ngân sách cũng như các nguồn tài trợ thêm và phải được phân bổ cụ thể cho công tác lập và thực hiện các kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp. Chi phí cụ thể liên quan đến một Kế hoạch chuẩn bị khẩn cấp bao gồm các mục sau:

- Tài liệu thông tin công cộng;
- Máy tính (Computers), phần mềm chuẩn bị các phân tích vỡ đập;
- Các tài liệu in ấn, các chỉ thị, các báo cáo, các bản đồ ngập lụt, các tài liệu khác;
- Phương tiện thông tin liên lạc tăng cường (điện thoại, đài);
- Chi phí vận tải phụ thêm;
- Các chi phí liên quan đến việc thực hiện các khoá tập huấn và tập dượt.
- Chi phí được tóm tắt như trong bảng dưới đây:

Bảng 8-1. Dự toán KHCBKC đập Ngòi Là 2 cho thời hạn 5 năm

Năm	Chi phí cơ bản (triệu VNĐ)	Chi phí nhân lực (triệu VNĐ)	Chi hoạt động văn phòng. (triệu VNĐ)	Tổng chi phí (triệu VNĐ)
1	50	120	30	200
2	20	120	30	170
3	5	120	30	155
4	5	120	30	155
5	5	120	30	155
Tổng	85	500	150	635

Các chi phí trên không bao gồm chi phí cho tư vấn trong nước vì vẫn chưa được rõ ràng rằng các tư vấn trong nước sẽ cung cấp dịch vụ đến mức độ nào thông qua hợp phần dự án này.

**Phụ lục B9: QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

\*\*\*\*\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

Số: 146/2007/TT-BQP

*Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2007*

**THÔNG TƯ**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 96/2006/QĐ -TTg NGÀY 04 THÁNG 5 NĂM 2006 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

Thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, ngành có liên quan, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh.**

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ trong phạm vi cả nước, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước, (vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư khác của Nhà nước) và các nguồn vốn khác; các dự án (hoặc phi dự án) có yếu tố nước ngoài. Phục vụ công tác điều tra khảo sát, nghiên cứu có liên quan đến bom, mìn, vật nổ tồn lưu sau chiến tranh.

**2. Đối tượng áp dụng.**

Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân ở trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện.**

3.1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định tại điều 1 và điều 2; nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điều 4 Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Bộ Quốc phòng lập và tổ chức thực hiện đề án điều tra, khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, chi tiết tới cấp xã. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, thị xã, quận, huyện, xã phối hợp với lực lượng điều tra khảo sát để thực hiện, cung cấp các thông tin liên quan một cách chính xác, khách quan để hoàn thành đề án. Kết quả của đề án phải lập được bản đồ các khu vực còn ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tới cấp xã, đánh giá được mức độ tồn lưu bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, từng khu vực, phục vụ cho việc quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Trung ương và các địa phương; làm cơ sở cho việc tư vấn và tổ chức triển khai công tác rà phá bom, mìn, vật nổ cho các dự án, công trình xây dựng.

3.3. Do tính chất đặc biệt nguy hiểm nên công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được thực hiện

theo phương thức giao nhiệm vụ cho các đơn vị công binh chuyên trách và các doanh nghiệp quân đội có đủ năng lực thực hiện theo Quyết định số 49/2007/QĐ -TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt chỉ định thầu quy định tại điểm đ khoản 1 điều 101 của Luật xây dựng.

3.4. Người chỉ huy đơn vị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm chính về kết quả và sự an toàn cho dự án, công trình trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng có liên quan đến vấn đề bom, mìn, vật nổ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

4. Phạm vi của công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

4.1. Là một hạng mục trong nội dung giải phóng mặt bằng của một dự án đầu tư.

4.2. Là một dự án độc lập chỉ thực hiện một nội dung rà phá bom, mìn, vật nổ để giải phóng mặt bằng phục vụ cho mục đích chung.

4.3. Diện tích, độ sâu và hành lang an toàn rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án thực hiện theo quyết định số 95/2003/QĐ -BQP ngày 7 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy trình kỹ thuật dò tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ” (gọi tắt là diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ).

4.4. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ dưới nước trong Thông tư này chỉ áp dụng cho trường hợp có độ sâu đến 15m; trường hợp có độ sâu hơn 15m thì thực hiện theo quy trình và định mức riêng do Bộ Quốc phòng ban hành.

5. Chế độ, chính sách đãi ngộ, định mức bồi dưỡng, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **II. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

1. Các giai đoạn triển khai

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được tiến hành tuân tự theo đúng trình tự triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Chính phủ quy định gồm hai giai đoạn:

- Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

2. Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị vật tư.

Chủ đầu tư căn cứ vào diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (quy định tại điểm 4.3, mục 4, phần I) và định mức, đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho một ha diện tích (quy định tại Phụ lục số 1) của Thông tư này để thực hiện các công việc sau:

- Tính mức vốn đầu tư (khái toán) cho hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ của dự án hoặc cho một dự án độc lập chỉ có rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tổng hợp mức vốn khái toán vào tổng mức đầu tư của dự án hoặc là tổng mức đầu tư đối với một dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập.

- Trình phê duyệt dự án.

3. Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án được tiến hành theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ.

Sau khi dự án đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án bằng văn bản gồm:

- Tên dự án;
- Địa điểm;
- Chủ đầu tư;
- Diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ;
- Nguồn vốn;
- Yêu cầu tiến độ.

3.2. Bước 2: Gửi văn bản đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ theo địa chỉ sau:

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha thì gửi văn bản về Bộ Tư lệnh Quân khu nơi triển khai dự án đầu tư để giải quyết.

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha thì gửi văn bản về Cục Tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu để giải quyết.

3.3. Bước 3: Giao nhiệm vụ cho các đơn vị rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tư lệnh Quân khu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công- dự toán và tổ chức thi công rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Cục trưởng Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, giải quyết thủ tục và soạn thảo quyết định báo cáo Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán; giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công. Đối với các dự án, công trình xây dựng có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn, yêu cầu tiến độ gấp thì giao cho hai hoặc nhiều đơn vị tham gia thi công để bảo đảm tiến độ.

3.4. Bước 4. Thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công – dự toán.

Sau khi lập xong phương án kỹ thuật thi công – dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ; đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ về:

- Tư lệnh Quân khu để tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án kỹ thuật thi công – dự toán các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30 ha do đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền thực hiện.

- Tư lệnh Công binh để tổ chức thẩm định phương án kỹ thuật thi công – dự toán đối với các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30 ha và những dự án dưới 30 ha do các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện; báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Ký hợp đồng thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

Căn cứ vào quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng hoặc các Quân khu, Chủ đầu tư tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ để thực hiện và thanh, quyết toán.

#### 5. Tổ chức thi công.

5.1. Sau khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được ký kết, đơn vị trực tiếp thi công phải lập kế hoạch thi công báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp phê duyệt.

5.2. Đơn vị thi công thông báo bằng văn bản việc triển khai thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho cơ quan quân sự địa phương trên địa bàn có dự án để thống nhất triển khai, quản lý địa bàn.

5.3. Khi nhận được thông báo, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ triển khai thực hiện và tổ chức hủy bom, mìn, vật nổ thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm an toàn và tiến độ xây dựng của dự án.

#### 6. Nghiệm thu, bàn giao.

Sau khi đã hoàn thành công tác thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (hoặc từng giai đoạn), đơn vị thực hiện báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công – dự toán được duyệt để Chủ đầu tư nhận và bảo vệ mặt bằng đưa vào sử dụng. Hồ sơ về kết quả rà phá bom, mìn, vật nổ được lưu trữ cùng hồ sơ dự án.

#### 7. Kiểm tra và báo cáo.

Cấp trên quản lý trực tiếp đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng thi công tại hiện trường. Đối với các công trình trọng điểm, khi cần thiết Bộ Quốc phòng giao cho Bộ Tư lệnh Công binh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra.

Hàng quý, 6 tháng, một năm, các đơn vị thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư lệnh Công binh để tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

### **III. KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**

1. Đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo khoản 2 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ -TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

1.1. Chi bổ dưỡng cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ với mức sinh hoạt phí là 60.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 122/2007/QĐ -TTg ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ.

1.2. Chi phí vật liệu, nhân công, ca máy theo định mức dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo quyết định số 177/2007/QĐ-BQP ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.3. Những thiết bị thi công không có trong trang bị của quân đội, phải thuê bên ngoài thì được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

1.4. Đơn giá ca máy theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ ban

hành kèm theo quyết định số 177/2007/QĐ-BQP ngày 04/11/2005 và số 80/2007/QĐ -BQP ngày 03/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.5. Các chi phí khác được tính theo quy định hiện hành.

1.6. Không tính các khoản thu nhập chịu thuế tính trước và các khoản thuế khác (trừ các thiết bị thuế ngoài).

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác

Thực hiện theo khoản 3 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ -TTg ngày 04/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ; đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

3. Phương thức bảo đảm kinh phí.

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được lấy từ nguồn kinh phí của dự án; là một khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư của từng dự án hoặc tổng mức đầu tư của dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập. Chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí trực tiếp cho các đơn vị theo hợp đồng.

#### **IV. CÔNG TÁC RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ CÁC DỰ ÁN (HOẶC PHI DỰ ÁN) CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

1. Nước ngoài, các Tổ chức quốc tế, Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam, đáp ứng Luật pháp và các quy định của Việt Nam đều được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện. Viện trợ của bên nước ngoài trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.

- Viện trợ, hỗ trợ phi dự án (viện trợ không thuộc chương trình, dự án; cung cấp viện trợ dưới dạng hàng hóa, vật tư, thiết bị, tài chính...).

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tiếp nhận các nguồn hỗ trợ và tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ ở Việt Nam.

2. Việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ do chiến tranh để lại thực hiện theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

3. Việc tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện theo Quyết định số 64/2001/QĐ -TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

4. Việc tham gia rà phá bom, mìn, vật nổ làm nhiệm vụ quốc tế được Chính phủ giao nhiệm vụ trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công

báo.

Các quy định về quản lý và thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ trước đây trái với Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đối với những dự án có hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ đã được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa thi công thì điều chỉnh dự toán chi phí theo Thông tư này; đối với những dự án thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ chưa hoàn thành thì phần khối lượng đã thi công xong (theo nhật ký thi công có xác nhận của giám sát thi công bên Chủ đầu tư) tính đến 25/5/2006 được hưởng chi phí theo quy định trước khi Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực; phần khối lượng thi công tính từ ngày 26/5/2006 đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo Công văn số 5972/BQP ngày 13/11/2006 của Bộ Quốc phòng; phần khối lượng thi công sau thời điểm có hiệu lực của Thông tư được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ đầu tư dự án, căn cứ quy định tại Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thông tư này, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Quốc phòng để tổng hợp và nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
THƯỢNG TƯỚNG**

**Nguyễn Khắc Nghiên**

**PHỤ LỤC SỐ 1**

**ĐỊNH MỨC ĐƠN GIÁ RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ TẠM TÍNH CHO 01 HA ĐỀ ĐƯA VÀO KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

*(kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)*

TT	Khu vực mật độ tín hiệu	Đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho 01HA (Triệu đồng/ha)	
		Trên cạn	Dưới nước (<15m)
1	Khu vực 1	19,5	32,7
2	Khu vực 2	26,3	47,7
3	Khu vực 3	33,2	62,4
4	Khu vực 4	40,0	77,6



PHÂN LOẠI CÁC KHU VỰC MẬT ĐỘ TÍN HIỆU

Phân loại	Tên địa phương (từ huyện, thị xã trở lên)
Khu vực 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng ven biên giới Việt – Trung (<math>\leq 5</math> km tính từ đường biên giới vào nội địa nước ta);</li> <li>- Tỉnh Quảng Trị: Tất cả các huyện, thị xã thuộc tỉnh;</li> <li>- Tỉnh Thừa Thiên Huế: huyện Phong Điền và Hương Thủy</li> </ul>
Khu vực 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉnh Nghệ An: Kỳ Sơn, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, TP Vinh;</li> <li>- Tỉnh Hà Tĩnh: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Thạch Hà;</li> <li>- Tỉnh Quảng Bình: tất cả các huyện trừ TP Đồng Hới;</li> <li>- Tỉnh Thừa Thiên Huế: tất cả các huyện và TP còn lại.</li> </ul>
Khu vực 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội Thành Các TP: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thanh Hóa;</li> <li>- Tỉnh Nghệ An: Tất cả các huyện, thị xã còn lại;</li> <li>- Tỉnh Hà Tĩnh: huyện Thạch Hà;</li> <li>- Tỉnh Quảng Bình: TP Đồng Hới;</li> <li>- TP Đà Nẵng: tất cả các quận, huyện trừ quận Ngũ Hành Sơn;</li> <li>- Tỉnh Quảng Nam: tất cả các huyện, thị xã trừ thị xã Hội An và huyện Trà My</li> <li>- Tỉnh Quảng Ngãi: tất cả các huyện và thị xã;</li> <li>- Tỉnh Ninh Thuận: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Ninh Hải,</li> <li>- Tỉnh Kon Tum: tất cả các huyện và thị xã;</li> <li>- Tỉnh Đắk Lắk: các huyện MaĐrăk, Đắk RLấp, Krông Bông; Buôn Đôn;</li> <li>- Tỉnh Gia Lai: TP Peiku; huyện IaGrai; Chư Prông;</li> <li>- Tỉnh Đồng Nai: huyện Nhơn Trạch;</li> <li>- TP Hồ Chí Minh: huyện Củ Chi, Cần Giờ;</li> <li>- Tỉnh Long An: tất cả các huyện trừ thị xã Tân An, huyện Cần Giuộc, và Thanh Hóa;</li> <li>- Tỉnh Bình Thuận: huyện Tuy Phong, Tánh Linh, Hàm Tân;</li> <li>- Tỉnh Bình Dương: huyện Bến Cát;</li> <li>- Tỉnh Tây Ninh: huyện Bến Cầu, Tân Biên và Tân Châu;</li> <li>- TP Cần Thơ: các quận, huyện Châu Thành, Thốt nốt;</li> <li>- Tỉnh Hậu Giang: TX Vị Thanh;</li> <li>- Tỉnh Tiền Giang: huyện Gò Công, Chợ Gạo, TP Mỹ Tho, Châu Thành, TX Gò Công.</li> <li>- Tỉnh Sóc Trăng: TP Sóc Trăng, huyện Mỹ Tú, Long Phú, Kế Sách;</li> <li>- Tỉnh Kiên Giang: huyện Châu Thành;</li> <li>- Tỉnh Cà Mau: TP Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước;</li> <li>- Tỉnh Trà Vinh: TX Trà Vinh;</li> <li>- Tỉnh Vĩnh Long: huyện Mang Thít, Long Hồ, Vũng Liêm, TX Vĩnh Long;</li> <li>- Tỉnh Đồng Tháp: TX Sa Đéc; tỉnh Bạc Liêu: TX Bạc Liêu.</li> </ul>
Khu vực 1	Tất cả các khu vực còn lại ngoài các địa phương thuộc các khu vực 2, 3, 4 trên địa bàn cả nước.

**PHỤ LỤC SỐ 2**

**DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT BOM, MÌN, VẬT NỔ**  
 (áp dụng cho các dự án, công trình có diện tích từ 30 ha trở lên)  
 (kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Kết quả
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	Tổng chi phí VL	VL
2	Chi phí bồi dưỡng nhân công (NC)	Tổng chi phí NC	NC
3	Chi phí máy thi công	Tổng chi phí máy	M
4	Trực tiếp khác	1,5% x (VL + NC + M)	TT
	Cộng chi phí trực tiếp	VL + M + NC + TT	T
II	Chi phí chung	70% x NC	C
	Cộng giá thành dự toán khảo sát	T + C	Z
III	Chi phí khác	K1 + K2 + K...	K
1	Lập phương án, báo cáo kết quả KS	5% x Z	K1
2	Chi phí chỗ ở tạm thời	5% x Z	K2
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt	Tỷ lệ quy định x Z	K3
...	Chi phí khác (nếu có)...	...	K...
	Cộng giá trị dự toán:	Z + K	G

Ghi chú: Chi phí chung, chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát, chi phí chỗ ở tạm thời theo Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10/8/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

**PHỤ LỤC SỐ 3**

**DỰ TOÁN CHI PHÍ RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ**  
 (kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Kết quả
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	Tổng chi phí VL	VL
2	Chi phí bồi dưỡng nhân công (NC)	Tổng chi phí nhân công	NC
3	Chi phí máy thi công	Tổng chi phí máy	M
4	Trực tiếp khác	1,5% x (VL + NC + M)	TT
	Cộng chi phí trực tiếp	VL + NC + M + TT	T
II	Chi phí chung	40% * NC	C
	Cộng giá thành dự toán XD	T + C	Z
III	Chi phí khác	K1 + K2 + K3 + ...	K
1	Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công – dự toán	Tỷ lệ quy định x Z	K1
2	Chi phí thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công – dự toán	Tỷ lệ quy định x Z	K2
3	Chi phí lán trại	Tỷ lệ quy định x Z	K3

4	Chi phí kiểm tra chất lượng thi công	Tỷ lệ quy định x Z	K4
5	Chi phí hủy bom mìn vật nổ tìm được	Tỷ lệ quy định x Z	K5
6	Chi phí nghiệm thu thanh quyết toán	Tỷ lệ quy định x Z	K6
7	Chi phí BQLDA, công trình (nếu có)	Tỷ lệ quy định x Z	K7
8	Chi phí thanh tra, kiểm tra (nếu có)	Tỷ lệ quy định x Z	K8
...	Chi phí...	...	k...
	Cộng giá trị dự toán:	Z + K	G

Ghi chú: Chi phí chung bằng 40%